ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Minh Nhật

ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Minh Nhật

ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

Ngành: Triết học

Mã số: 9229001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân
2. TS. Nguyễn Hữu Thụ

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân và TS. Nguyễn Hữu Thụ. Các kết quả, số liệu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo đúng quy định hiện hành.

Tác giả

Trần Minh Nhật

LỜI CẢM ƠN

"Không thầy đố mày làm nên", câu tục ngữ ngắn gọn nhưng hàm chứa ý nghĩa giáo dục sâu sắc, nhắc nhở chúng ta rằng, để có được thành công hôm nay thì không thể nào quên công ơn dạy dỗ và dẫn bước của những thế hệ đi trước. Đó là những người thầy đã luôn tận tâm hỗ trợ, động viên, để tôi có thể hoàn thành một cách tốt nhất quá trình nghiên cứu luận án này.

Với tấm lòng biết ơn, tôi xin tri ân PGS.TS. Nguyễn Thanh Xuân và TS. Nguyễn Hữu Thụ, là hai người thầy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo tôi từ buổi đầu thực hiện nghiên cứu này. Tiếp theo, xin gửi lời cảm ơn đến Quý Thầy/Cô Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội. Những sự thay đổi lớn lao về tri thức khoa học, mà hơn cả trên đó chính là sự tận tâm, tận tình gúp đỡ của các Thầy/Cô Khoa Triết học đã hết lòng gúp tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu, mà tôi không thể nào kể ra hết.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến quý lãnh đạo, cán bộ công chức và người lao động tại Ban Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh/thành: Tp. Cần Thơ, Tỉnh Vĩnh Long, Tỉnh Cà Mau,... đã hỗ trợ cung cấp nguồn tài liệu quý báo, cũng như là những lời động viên, khích lệ để tôi có thể tập trung hoàn thành luận án trong thời gian qua. Ngoài ra, kết quả của luận án cũng được đóng góp từ sự hỗ trợ của các chức sắc, chức việc và các tín đồ tại các Ban Cai quản, Ban Trị sự của các hội thánh Cao Đài như: Tòa Thánh Tây Ninh, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi,... đã cho tôi những ý kiến quý báu để có thể hoàn thành luận án này.

Cuối cùng, tôi bày tỏ tấm lòng tri ân đến gia đình, người thân và bạn bè, nơi là hậu phương vững chắc, đã luôn đồng hành để tôi có thể vươn lên trong quá trình học tập và hoàn thành nghiên cứu luận án.

Tác giả

Trần Minh Nhật

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN .....
LỜI CẢM ƠN .....
MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 3
DANH MỤC CÁC BẢNG 4
MỞ ĐẦU 5
1. Tính cấp thiết của đề tài 5
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu 8
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 8
4. Cở sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 10
5. Những đóng góp mới của luận án 14
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án 15
7. Kết cấu của luận án 15
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN 16
1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án 16
1.2. Giá trị nghiên cứu và vấn đề đặt ra luận án tập trung giải quyết 33
Tiểu kết chương 1 42
Chương 2: ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN 43
2.1. Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững 43
2.2. Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long 59
2.3. Một số nhân tố tác động tới đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long 78
Tiểu kết chương 2 90

Chương 3: ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA 91

3.1. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 91

3.2. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 104

3.3. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 130

3.4. Những vấn đề đặt ra của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 140

Tiểu kết chương 3 152

Chương 4: XU HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY 153

4.1. Dự báo xu hướng của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 153

4.2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy các giá trị của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 159

4.3. Giải pháp cơ bản và một số khuyến nghị phù hợp để đạo Cao Đài đóng góp trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay 166

Tiểu kết chương 4 187

KẾT LUẬN 188

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 191

TÀI LIỆU THAM KHẢO 192

DANH MỤC CÁC BẢNG 204

PHỤ LỤC 211

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCHTW	Ban Chấp hành trung ương
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CT/TW	Chỉ thị/Trung ương
ĐCSVN	Đảng Cộng Sản Việt Nam
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
MTTQVN	Mặt trận tổ quốc Việt Nam
NĐCP	Nghị định Chính phủ
NQTW	Nghị quyết trung ương
NXB	Nhà xuất bản
NTM	Nông thôn mới
PTBV	Phát triển bền vững
TCLGCĐ	Tổ chức liên giao Cao Đài
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Đánh giá về sự chỉ bảo của chức sắc, chức việc đối với tín đồ..... 204
Bảng 3.2. Mức độ về sự giúp đỡ của chức sắc, chức việc đối với tín đồ 205
Bảng 3.3. Lý do theo đạo của tín đồ..... 206
Bảng 3.4. Hoạt động kinh tế, xã hội của tín đồ ở địa phương..... 206
Bảng 3.5. Mức độ đời sống của tín đồ ở địa phương 207
Bảng 3.6. Đánh giá về phương tiện tiếp cận các chủ trương, chính sách, pháp luật trong vấn đề tôn giáo của tín đồ ở địa phương 207
Bảng 3.7. Đánh giá tín đồ tham gia các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương 208
Bảng 3.8. Tín đồ tham gia các hoạt động ở địa phương..... 208
Bảng 3.9. Đánh giá tín đồ Cao Đài tham gia hoạt động do chính quyền tổ chức .. 209
Bảng 3.10. Mức độ tham gia các sinh hoạt tôn giáo 209
Bảng 3.11. Nguyên nhân cản trở tín đồ Cao Đài phát triển kinh tế, xã hội 210

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tại Việt Nam tính đến năm 2023 có gần 26,5 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm gần 28% dân số cả nước [10, tr.1]. Trong đó có 5 tôn giáo lớn có số lượng tín đồ trên 1 triệu người: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo; tín đồ của các tôn giáo đóng góp một phần không nhỏ trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Cao Đài là một tôn giáo nội sinh, được hình thành và phát triển rộng khắp với gần 1,24 triệu tín đồ [9, tr.2]. Trong tiến trình xây dựng, bảo vệ và phát triển tổ quốc, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương phát huy tối đa các giá trị nguồn lực của tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài. Vấn đề "nguồn lực tôn giáo" cũng được khẳng định trong văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam, năm 2021 có đoạn: "*Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước"* [35, tr.68], và gần đây nhất là ở văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng Cộng Sản Việt Nam, năm 2026. Do vậy đạo Cao Đài sẽ là một nhân tố quan trọng, nguồn lực to lớn, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Vùng ĐBSCL có diện tích tự nhiên 34, 699 nghìn km^2 chiếm 10,4% diện tích cả nước, có dân số khoảng 18 triệu người, chiếm 19% dân số cả nước [30, tr.2]. Đây là vựa lúa, trung tâm sản xuất thủy sản, trái cây của cả nước; đóng góp 31,37% GDP toàn ngành nông nghiệp và hơn 50% sản lượng lúa, 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 70% lượng trái cây, 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% lượng thủy sản xuất khẩu; đóng vai trò quan trọng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu [26, tr.4].

Tuy nhiên, ĐBSCL hiện nay còn nhiều khó khăn, đây được xem là vùng trũng tri thức, khoảng cách giàu - nghèo còn chênh lệch lớn, tình hình văn hóa, xã hội còn nhiều bất ổn, là không gian văn hóa đặc thù của các dân tộc (Kinh, Chăm, Hoa, Khmer,…) cùng chung sống, là vùng đất nổi tiếng với sự đa dạng văn hóa và tôn giáo. Các tôn giáo nội sinh không chỉ phản ánh sắc thái văn hóa đặc trưng mà còn đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển xã hội nơi đây.

Từ góc độ lý luận, chủ nghĩa Mác – Lênin xem tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội có nguồn gốc và điều kiện tồn tại lịch sử – xã hội cụ thể; tôn giáo vừa phản ánh những nhu cầu tinh thần, tâm lý và quan hệ xã hội của con người, vừa có khả năng tác động trở lại đời sống xã hội thông qua hệ giá trị, niềm tin, nghi lễ, thiết chế và mạng lưới cộng đồng. Vì vậy, không thể chỉ nhìn nhận tôn giáo như hiện tượng thuần túy cá nhân hoặc chỉ đánh giá bằng niềm tin tín ngưỡng; cần xem xét các chức năng xã hội của tôn giáo trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Các chức năng đó có thể thể hiện ở việc định hướng giá trị và hành vi đạo đức, cố kết cộng đồng, hỗ trợ tương trợ xã hội, duy trì bản sắc văn hóa và tạo động lực cho hoạt động thiện nguyện. Tuy nhiên, tác động của tôn giáo không mặc nhiên tích cực trong mọi hoàn cảnh; hiệu quả xã hội còn phụ thuộc vào cách truyền tải giáo lý, năng lực tổ chức, quan hệ với cộng đồng và chính quyền, mức độ minh bạch, cũng như khả năng thích ứng với những yêu cầu phát triển mới. Cách tiếp cận này cho phép luận án đánh giá đạo Cao Đài một cách biện chứng, vừa ghi nhận nguồn lực và đóng góp, vừa nhận diện giới hạn, điều kiện và những vấn đề cần giải quyết.

Đạo Cao Đài, một tôn giáo ra đời tại Nam Bộ đầu thế kỷ XX, không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn có vai trò quan trọng trong phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Với triết lý "Tam giáo đồng nguyên" và tinh thần hòa hợp, Cao Đài góp phần tạo nên sự gắn kết cộng đồng, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong đời sống xã hội. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng một xã hội ổn định, giảm thiểu xung đột và tăng cường sự đồng thuận trong các hoạt động phát triển.

Trong lĩnh vực *kinh tế, xã hội, môi trường*: nhiều tín đồ Cao Đài tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ người nghèo, xây dựng cầu đường, trường học, góp phần cải thiện hạ tầng cơ sở ở nông thôn. Những việc làm này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy phát triển bền vững, bởi chúng hướng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng. Bên cạnh đó, giáo lý Cao Đài đề cao lối sống giản dị, tiết kiệm và hài hòa với thiên nhiên, phù hợp với định hướng bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên – những yếu tố then chốt trong phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long vốn đang chịu nhiều thách thức từ biến đổi khí hậu.

Về *văn hóa, tinh thần*: Cao Đài góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương, tạo nên sự đa dạng trong đời sống tín ngưỡng của người dân miền Tây Nam Bộ. Các lễ hội, nghi thức tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn trở thành điểm nhấn văn hóa, thu hút du lịch, qua đó tạo thêm nguồn lực kinh tế cho địa phương.

Về *an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:* Đạo Cao Đài khuyên dạy tín đồ sống hòa thuận, giữ gìn truyền thống đoàn kết dân tộc, hạn chế những phát sinh tiêu cực trong đời sống, góp phần đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong cộng đồng cư dân.

Như vậy, Đạo Cao Đài vừa là chỗ dựa tinh thần, vừa là động lực thúc đẩy phát triển toàn diện, góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hiện nay.

Trong khi đó vẫn còn những tồn tại hạn chế về quản lý xã hội, quản lý tôn giáo, khiến cho một bộ phận tín đồ, tu sĩ, chức sắc tôn giáo nói chung, đạo Cao Đài nói riêng giảm sút niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Nguồn lực từ các tôn giáo ở nơi đây, trong đó có hàng vạn tín đồ đạo Cao Đài đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực mang lại giá trị vô cùng to lớn, nhưng chưa được khơi dậy đúng mức, chưa được khai thác có hiệu quả, chưa mang lại sự phát triển bền vững của vùng.

Mặt khác đạo Cao Đài với tư cách là một tôn giáo nội sinh lớn trong khu vực, gắn bó mật thiết đến đời sống văn hóa của cư dân vùng ĐBSCL gần suốt 100 năm qua, đã và đang có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của vùng. Xét ở góc độ tiếp cận từ yêu cầu của phát triển bền vững, đòi hỏi trong khai thác nguồn lực tôn giáo cần phải được nghiên cứu và có các giải pháp giải quyết thỏa đáng, để những giá trị đóng góp tích cực của đạo Cao Đài sẽ là nguồn tài nguyên quan trọng, góp phần đưa đồng bằng sông Cửu Long phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có, tạo ra sự cân đối, từng bước thu hẹp khoảng cách về kinh tế, xã hội giữa các địa phương, đưa khu vực phát triển bền vững, vươn mình đi lên cùng cả nước trong kỷ nguyên mới.

Với những lý do trên, tác giả đã lựa chọn đề tài "***Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay"*** làm đề tài luận án Tiến sĩ Triết học, hướng nghiên cứu chuyên sâu Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tôn giáo và phát triển bền vững từ lập trường chủ nghĩa Mác – Lênin và kế thừa các kết quả nghiên cứu liên quan, luận án nhằm phân tích, đánh giá một cách có căn cứ vai trò, những đóng góp, hạn chế và điều kiện phát huy nguồn lực của đạo Cao Đài đối với phát triển bền vững vùng ĐBSCL hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất quan điểm và giải pháp khả thi nhằm phát huy các giá trị văn hóa, nguồn lực kinh tế – xã hội, ý thức bảo vệ môi trường và vai trò củng cố đồng thuận cộng đồng của đạo Cao Đài, phù hợp với đặc điểm các hệ phái và yêu cầu phát triển của từng địa phương.

2.2. Nhiệm vụ

- Thứ nhất, hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận, khái niệm, cách tiếp cận và tiêu chí phân tích mối quan hệ giữa đạo Cao Đài với phát triển bền vững; làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về nguồn gốc, bản chất, chức năng xã hội và tính lịch sử – cụ thể của tôn giáo; xác định các nhân tố tác động đến việc phát huy nguồn lực Cao Đài ở ĐBSCL.

- Thứ hai, khảo sát và phân tích thực trạng đóng góp cũng như những hạn chế, điều kiện và vấn đề đặt ra của đạo Cao Đài ở ĐBSCL trên ba phương diện nghiên cứu: (1) văn hóa; (2) kinh tế – xã hội – môi trường; (3) an ninh chính trị – trật tự an toàn xã hội. Việc đánh giá dựa trên tài liệu, số liệu có nguồn gốc rõ ràng và kết quả khảo sát thực tiễn, đồng thời phân biệt giữa giá trị/định hướng giáo lý với kết quả thực tế của hoạt động tôn giáo.

- Thứ ba, phân tích bối cảnh và dự báo xu hướng tác động của đạo Cao Đài đối với phát triển bền vững vùng ĐBSCL; đề xuất quan điểm, giải pháp và khuyến nghị nhằm tăng cường phối hợp giữa các tổ chức Cao Đài, chính quyền, cộng đồng dân cư và các chủ thể phát triển, bảo đảm việc phát huy nguồn lực tôn giáo có hiệu quả, minh bạch, phù hợp pháp luật và hướng đến kết quả dài hạn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là: Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Luận án tiếp cận vấn đề từ góc độ chủ nghĩa xã hội khoa học, vận dụng quan điểm duy vật lịch sử về tôn giáo và cách tiếp cận phát triển bền vững để xem xét vai trò xã hội của đạo Cao Đài trong điều kiện cụ thể của vùng ĐBSCL. Về chuẩn phân tích luận án thừa nhận ba trụ cột thường dùng của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên để phản ánh đặc thù lịch sử, văn hóa và tổ chức của Cao Đài ở khu vực ĐBSCL, nên luận án triển khai khảo sát theo ba phương diện liên hệ với nhau: (1) Văn hóa; (2) Kinh tế – xã hội – môi trường; (3) An ninh chính trị – trật tự an toàn xã hội. Đây là khung phân tích đặc thù của luận án, có sự khác biệt với ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.

Lý do cụ thể là phương diện văn hóa xem xét việc bảo tồn và phát huy giá trị đạo đức, di sản, nghi lễ, bản sắc và gắn kết cộng đồng của khu vực ĐBSCL; phương diện kinh tế – xã hội – môi trường đánh giá hoạt động hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo, thiện nguyện, giáo dục, y tế, phúc lợi, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu của ĐBSCL; phương diện an ninh chính trị – trật tự an toàn xã hội xem xét vai trò đối thoại, chấp hành pháp luật, củng cố đồng thuận, giải quyết khác biệt và phối hợp giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền, cộng đồng. Các nhận định về hiệu quả được đánh giá theo bằng chứng thực tiễn, phạm vi tác động, tính liên tục và khả năng duy trì kết quả, không chỉ căn cứ vào giáo lý hoặc hoạt động đơn lẻ.

Cần nói thêm đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm tín đồ thuộc các hệ phái trong Tổ chức Liên giao Cao Đài (18 Hội thánh), các tổ chức Cao Đài độc lập và hệ phái Cao Đài Tây Ninh. Sau khi khai đạo năm 1926 do nhiều yếu tố lịch sử từ những năm 1930, Cao Đài dần phân thành các hệ phái khác nhau có khác biệt về nhân sự, tổ chức và định hướng lãnh đạo, nhưng vẫn chung nguồn gốc, giáo luật, lễ nghi và đức tin. Dù các hệ phái cùng tồn tại gần 100 năm qua chưa xuất hiện mâu thuẫn xã hội lớn ảnh hưởng đến đời sống và sự phát triển của khu vực; những khác biệt chủ yếu nằm ở phương thức hành đạo. Sự hòa hợp này bắt nguồn từ nét tương đồng về văn hóa tôn giáo và văn hóa cộng đồng. Tín đồ các hệ phái sống gần gũi, chan hòa, trong nhiều gia đình các thành viên còn theo những hệ phái khác nhau. Vì vậy dù tách biệt về tổ chức, các hệ phái vẫn có sự thống nhất về nguồn gốc, giáo lý và đời sống cộng đồng tạo nên khối giá trị chung của Cao Đài tại ĐBSCL.

- *Về không gian*: Đề tài tập trung khảo sát chính ở bốn địa phương tại ĐBSCL (Thành phố Cần Thơ, tỉnh Cà Mau, tỉnh An Giang, tỉnh Vĩnh Lomg). Do vấn đề sát nhập lại các tỉnh thành từ ngày 12/6/2025, nên luận án chỉ rỏ địa bàn nghiên cứu cụ thể là: Thành phố Cần Thơ củ trước sát nhập, tỉnh Cà Mau củ trước sát nhập, tỉnh Kiên Giang củ trước sát nhập nay là tỉnh An Giang, tỉnh Bến Tre củ trước sát nhập nay là tỉnh Vĩnh Long.

Lý do chọn các địa bàn trên là vì, có lượng tín đồ theo đạo Cao Đài đông và đại diện cho các nhánh đường hướng tu tập: là thành phố Cần Thơ gần 10 vạn tín đồ, nơi đặt trụ sở trung ương của Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi; tỉnh Cà Mau hơn 17 vạn tín đồ, đặt trụ sở trung ương của Cao Đài Minh Chơn Đạo; tỉnh Vĩnh Long hơn 40 vạn tín đồ, đặt trụ sở trung ương của Cao Đài Ban Chỉnh Đạo và Cao Đài Tiên Thiên; và tỉnh An Giang hơn 6 vạn tín đồ, đặt trụ sở trung ương của Cao Đài Bạch Y.

- *Về thời gian:* Đề tài tập trung trong khoảng thời gian từ năm 2018 cho đến hiện nay; lý do chọn mốc thời gian trên là vì ngày 10/01/2018 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ban hành Chỉ thị 18-CT/TW, về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12/03/2003 về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Ngoài ra, nghiên cứu đặc biệt bám sát báo cáo năm 2022, của hội nghị tổng kết 30 năm thực hiện Thông báo 34/TB-TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới.

Từ chủ trương này, nhiều giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo nói chung, và Cao Đài nói riêng đã và đang được phát huy tốt hơn, góp phần tích cực vào chăm lo đời sống an sinh xã hội, đóng góp vào phát triển bền vững quốc gia.

4. Cở sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài lấy các nguyên lý chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo làm cơ sở phương pháp luận. Ngoài ra còn tham khảo các công trình nghiên cứu, của các học giả uy tín trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề cần nghiên cứu, xây dựng làm khung cơ sở lý luận cho luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phân tích, tổng hợp nguồn tài liệu

Tác giả sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích nguồn tài liệu, cụ thể là sử dụng các thông tin trong tài liệu để rút ra kiến thức khoa học cần thiết đáp ứng mục tiêu nghiên cứu của đề tài, tổng kết thực tiễn, logic và lịch sử để nghiên cứu cơ sở lý luận. Cách mạng khoa học và công nghệ bùng nổ như hiện nay, sẽ giúp nguồn thông tin thêm đa dạng, phong phủ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiên cứu thu thập, mặt khác cần phải có sự chọn lọc các thông tin xác thực để xử lý thông tin một cách chính xác khoa học.

Khi nghiên cứu về đạo Cao Đài, tác giả đã thu thập các tài liệu kinh điển của đạo bao gồm: Tân luật, Pháp Chánh truyền, Thánh ngôn hiệp tuyển, Kinh Thiên đạo, Kinh Thế đạo, sách lịch sử của đạo Cao Đài. Ngoài ra tác giả còn tiếp cận, nghiên cứu các quan niệm về phát triển bền vững từ văn kiện trong các hội nghị thượng đỉnh, các tuyên bố chung của Liên Hợp Quốc, các tổ chức và học giả nghiên cứu quốc tế; tiếp cận các quan điểm chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam nói chung, và ở đồng bằng sông Cửu Long nói riêng về vấn đề phát triển bền vững. Sau khi có tài liệu liên quan, tác giả chọn lọc các thông tin xác thực để phân tích, tìm hiểu, kết nối, nhận định đúng các sự kiện trên mối tương quan thống nhất. Do vậy, việc xử lý thông tin đòi hỏi phải thật khoa học và thận trọng.

4.2.2. Điều tra xã hội học

Điều tra xã hội học (bao gồm 500 phiếu, gồm có: giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, độ tuổi,...), cho 3 nhóm đối tượng cụ thể là: 100 phiếu cho các cán bộ làm công tác tôn giáo, mặt trận, dân vận, các tổ chức chính trị - xã hội; 100 phiếu cho các chức sắc, chức việc ở 4 tỉnh thành trên; 300 phiếu giành cho các tín đồ theo đạo ở các địa phương nói trên. Về nguyên tắc, đây là cách phân bổ chỉ tiêu mẫu theo nhóm đối tượng nghiên cứu (phân tầng theo nhóm đối tượng ở bước xác định cơ cấu mẫu), nhằm thu thập thông tin từ các nhóm có vai trò, vị trí và trải nghiệm khác nhau đối với chủ đề nghiên cứu. Số phiếu 100–100–300 được xác định theo yêu cầu bao quát các nhóm và mục tiêu phân tích của luận án.

Trong đó tác giả phát phiếu cho ***nhóm cán bộ*** làm công tác tôn giáo tại các địa phương: tỉnh Vĩnh Long 40 phiếu, Tp. Cần Thơ và tỉnh An Giang 30 phiếu, tỉnh Cà Mau 30 phiếu. Riêng việc phân bổ 40–30–30 phiếu cho nhóm cán bộ là vì sau khi sát nhập tỉnh/thành thì địa bàn Vĩnh Long (bao gồm 3 tỉnh củ: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh) có số lượng tín đồ Cao Đài đông đảo và cán bộ phụ trách công tác tôn giáo nhiều hơn, so với địa bàn của các địa phương còn lại, nên đây là phân bổ chỉ tiêu nhằm bảo đảm độ bao phủ các địa bàn nghiên cứu.

Còn về 2 nhóm: ***nhóm chức sắc, chức việc*** phát 100 phiếu ngẫu nhiên cho các hệ phái nằm trong *Tổ chức Liên giao Cao Đài* và hệ phái Cao Đài Tây Ninh ở các địa phương trên; ***nhóm tín đồ theo đạo*** phát 300 phiếu ở các địa phương nói trên, phát ngẫu nhiên cho tín đồ các hệ phái. Là vì tín đồ và chức sắc Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long là tập hợp của các hệ phái Cao Đài (có 8 hệ phái Cao Đài đặt trụ sở trung ương giáo hội tại ĐBSCL).

Kết quả thu về được 477/500 phiếu (trong đó có 23 phiếu không hợp lệ); nhóm cán bộ làm công tác tôn giáo đạt 98/100 phiếu; nhóm chức sắc, chức việc đạt 94/100; nhóm tín đồ theo đạo đạt 285/300. Từ kết quả thu thập luận án phân tích các vấn đề cần nghiên cứu, làm rõ ảnh hưởng của Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL và đưa ra những đánh giá, nhận định, kết luận có cơ sở khoa học.

Bảng hỏi điều tra xã hội học gồm 32 câu hỏi giành cho các nhóm đối tượng. Các vấn đề chính trong bảng hỏi là: thông tin chung về người được điều tra; mức độ niềm tin tôn giáo; tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng; đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long trên các lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh, tôn giáo,... Bằng phương pháp trên, tác giả sử dụng kết quả để làm sáng tỏ thêm những vấn đề nghiên cứu liên quan đến luận án (kết quả xử lý số liệu từ bảng 3.1 đến 3.11 phần danh mục bảng).

4.2.3. Điền dã và phỏng vấn sâu

- *Điền dã:* khi tìm hiểu sự tác động của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, tác giả quan tâm chọn phương pháp điền dã để thực hiện những chuyến đi thực tế đến các cơ sở thờ tự như: Tòa thánh, Thánh thất, Thánh

tịnh, di tích của đạo Cao Đài, hoặc chính nơi cộng đồng cư dân tín đồ Cao Đài sinh sống và thực hành nghi lễ hằng ngày, gặp trực tiếp người giáo hữu kiến thức sâu rộng về Cao Đài để phỏng vấn, tìm hiểu thông tin cần thiết liên quan phục vụ đề tài. Ngoài ra, khi nghiên cứu giá trị đạo Cao Đài bằng phương pháp điền dã, tác giả còn sử dụng phương pháp quan sát tham dự, để chứng kiến các lễ hội lớn trong đời sống văn hóa của tín đồ đạo Cao Đài, như: Đại lễ Vía Đức Chí Tôn, Đại lễ Hội Yến Diêu Trì Cung, Lễ Trung nguyên, Lễ Hạ nguyên,...; thăm quan các mô hình lao động sản xuất, phát triển kinh tế của bà con họ đạo; học hỏi và trao đổi các hình thức thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên; hoặc ghi nhận các phong trào xóm đạo tự quản, góp phần giữa gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Khi thực hiện phương pháp điền dã, tác giả đặt mình vào vị thế của người trong cuộc để cảm nhận những tác động của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long, mặt khác còn đứng dưới góc độ của một người nghiên cứu để trải nghiệm, lý giải những hiện tượng mà chính tôn giáo này đem lại.

- *Phỏng vấn sâu:* mẫu phiếu dưới 30 tiêu chí, phỏng vấn sâu 35 người, trong đó có 5 cán bộ quản lý tôn giáo địa phương; 4 nhà khoa học; 6 chức sắc, 20 tín đồ. Đặc điểm của đối tượng phỏng vấn bao gồm: giới tính, độ tuổi, thành phần, trình độ. Phạm vi phân bố ở các tỉnh/thành (Tp. Cần Thơ, tỉnh Cà Mau, Vĩnh Long, An Giang,...).

- Phỏng vấn sâu được thực hiện với 35 người bằng câu hỏi có cấu trúc gồm dưới 30 câu. Cơ cấu người tham gia gồm 5 cán bộ quản lý tôn giáo địa phương, 4 nhà khoa học, 6 chức sắc và 20 tín đồ. Về nguyên tắc chọn mẫu, đây là mẫu định tính có chủ đích: người tham gia được lựa chọn vì có vị trí, kinh nghiệm hoặc hiểu biết trực tiếp liên quan đến đạo Cao Đài và vấn đề phát triển bền vững. Việc phân bổ 5–4–6–20 nhằm bảo đảm có các góc nhìn từ quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học, chức sắc và tín đồ; số lượng từng nhóm phục vụ mục tiêu khai thác thông tin chuyên sâu, chẳng hạn như: mức độ am hiểu chủ đề; kinh nghiệm thực tiễn hoặc trách nhiệm công tác; khả năng cung cấp thông tin liên quan; sự sẵn sàng tham gia; và phù hợp với địa bàn nghiên cứu.

- Bảng giới tính, độ tuổi, thành phần và trình độ dưới đây mô tả đặc điểm thực tế của 35 người đã phỏng vấn, đó là nguyên tắc chọn mẫu có chủ đích nhằm tăng tính đa dạng của nguồn thông tin, và chiều sâu nội dung phỏng vấn.

Bảng: Một số đặc điểm của đối tượng được phỏng vấn

STT	Nhóm	Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Giới	Nam	18	51
2		Nữ	17	49
3	Độ tuổi	Trên 60 tuổi	12	34
4		Từ 18 - 59 tuổi	23	66
5	Thành phần	Chức sắc	6	17
6		Tín đồ	20	57
7		Cán bộ quản lý, nhà khoa học	9	26
8	Trình độ	PTTH	20	57
9		Trung cấp	3	9
10		Cao đẳng	2	6
11		Đại học	8	22
12		Sau đại học	2	6

- Trao đổi với các chức sắc, chức việc Cao Đài, gồm có (Đầu sư, Phối sư, Giáo sư, Giáo hữu, Lễ sanh) ở không gian các địa phương mà luận án tập trung nghiên cứu. Trao đổi với cán bộ quản lý và các nhà khoa học làm công tác tôn giáo, công tác mặt trận, dân vận ở các tỉnh/ thành nói trên, về đóng góp của Cao Đài trong phát triển ở địa phương. Phỏng vấn với các tín đồ Cao Đài trên địa bàn về tình hình thực trạng sinh hoạt tôn giáo và phát triển các mặt đời sống ở địa phương.

- Nội dung câu hỏi phỏng vấn sâu liên quan đến các vấn đề: trình độ nhận thức, hiểu biết về đạo Cao Đài; đánh giá về các lĩnh vực trong phát triển bền vững liên quan đến đạo Cao Đài; nhận định về sự tác động của các giá trị Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án làm rõ các tiêu chí đánh giá vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững trên ba phương diện: (1) văn hóa: gìn giữ bản sắc, đạo đức, lối sống và truyền thống cộng đồng; (2) kinh tế, xã hội, môi trường: đóng góp từ hoạt động từ thiện, an sinh, giáo dục, y tế, lao động sản xuất và bảo vệ môi trường; (3) an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: chấp hành pháp luật, củng cố đoàn kết và phối hợp với chính quyền, cộng đồng địa phương.

Hai là, luận án làm rõ thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc phân tích những kết quả, hạn chế và nguyên nhân trên ba phương diện nêu trên; đồng thời xem xét mức độ tham gia của tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc và tín đồ. Các nhận định được đối chiếu với tư liệu, kết quả khảo sát và phỏng vấn tại địa bàn nghiên cứu.

Ba là, luận án dự báo các xu hướng chủ yếu gồm: tiếp tục phát huy giá trị văn hóa, đạo đức; thay đổi và mở rộng hoạt động từ thiện, an sinh; tăng cường tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; và đẩy mạnh phối hợp giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền, cộng đồng. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất giải pháp: bảo tồn giá trị văn hóa tích cực; phát huy nguồn lực nhân đạo và an sinh; khuyến khích hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường đối thoại, phối hợp; nâng cao năng lực tổ chức và bảo đảm hoạt động tôn giáo thực hiện đúng quy định pháp luật. Các dự báo cần được luận chứng bằng kết quả nghiên cứu và điều kiện thực tế của vùng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho các bộ, ban ngành, cán bộ, đảng viên nhận thức khách quan về vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long. Góp phần cung cấp thêm luận cứ khoa học cho việc đề xuất chính sách, pháp luật liên quan đến Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Những kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu giảng dạy chuyên ngành tôn giáo học, chủ nghĩa xã hội khoa học, và còn là nguồn tài liệu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đạo Cao Đài, ngoài ra cũng cố thêm những chính sách có giá trị đối với đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 12 tiết.

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Xuất phát từ thực tiễn có rất nhiều nhà khoa học và công trình nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến đạo Cao Đài trên các phương diện lịch sử, chính trị, văn hóa - xã hội nói chung và trong vấn đề phát triển bền vững quốc gia, vùng - miền nói riêng.

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về lịch sử hình thành, quá trình phát triển của đạo Cao Đài ở Việt Nam và đồng bằng sông Cửu Long

Một số nghiên cứu ngoài nước:

G. Coulet, "*Cultes et Religions de l'Indochine An-namite*" (Thờ cúng và tôn giáo ở các xứ Việt Nam trong Đông Dương) [119], công trình nghiên cứu có đề cập đến đạo Cao Đài, xuất bản năm 1929. Tác giả phân tích bối cảnh văn hóa - xã hội Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX và cho thấy đây là một xã hội hỗn dung và con người Nam Bộ có tính khoan dung tôn giáo. Do đó, khi đạo Cao Đài của người Việt ra đời đã dung hòa tính hỗn dung truyền thống của dân tộc, nên trong giáo lý, tư tưởng và cách hành đạo của Cao Đài biểu hiện tính dung hòa tôn giáo, và đặc biệt là yếu tố tam giáo truyền thống của dân tộc được biểu hiện rất rõ nét trong đạo Cao Đài. G. Coulet còn phân tích tinh thần hỗn dung tôn giáo của người Việt đã dẫn đến sự pha trộn trong văn hóa tín ngưỡng của đạo Cao Đài, bằng chứng là thuật chiêu hồn của phương Tây và thuật cầu cơ của phương Đông được hội tụ trong đạo Cao Đài.

Vilmont and Lalaurette, "*Le Caodaisme"* [138] năm 1933, của Vilmont - Tham biện chủ tỉnh Tây Ninh và Lalaurette Thanh tra chính trị sự vụ và hành chính Nam Kỳ. Công trình trên của hai ông Lalaurette và Vilmont đã phân tích môi trường xã hội Nam Bộ lúc đạo Cao Đài ra đời, trong đó có nhấn mạnh yếu tố văn minh châu Âu (phong trào Âu hóa) diễn ra hàng ngày đang len lỏi đến cuộc sống của từng gia đình, nhất là các vùng đô thị và ven đô. Trong tập biên khảo này, dựa trên nguồn tư liệu của Sở Mật thám và Sở Cảnh sát Nam Kỳ, hai tác giả đã viết khá kỹ về những nhân vật chủ chốt có vai trò quan trọng trong việc thành lập đạo Cao Đài, về thái độ của chính quyền Pháp đối với đạo Cao Đài ở giai đoạn đầu.

Gabriel Gobron, "*Histoire du Caodaime*" [121], Publishing House 112 Gialong, Saigon, Vietnam; (*Lịch sử đạo Cao Đài*) Nxb 112 Gia long, Sài gòn, Việt Nam (1950). Trong công trình này Gobron cho rằng đặc điểm nổi bật của đạo Cao Đài là sự tổng hợp giữa tôn giáo và tâm linh tại Việt Nam. Đồng thời, tác giả nhận định đạo Cao Đài là một hình thức cải cách của Phật giáo. Gabriel Gobron cũng là một chức sắc người Pháp được phong hàm phẩm Tiếp đàn đạo nhơn, thuộc Hiệp Thiên Đài vào năm 1932. Công trình là sự nghiên cứu sâu sắc về lịch sử đạo Cao Đài. Nội dung tập trung giới thiệu giáo lý, giáo luật, nghi lễ, tổ chức và lịch sử đạo Cao Đài.

Sergei Blagov, "*The Caodai: A new religious movement*" [132], *(Đạo Cao Đài: Một phong trào tôn giáo mới)*. Công trình là một sự nghiên cứu mở rộng của tác giả tại Viện Dân tộc học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô năm 1991. Trong công trình này, Sergei Blagov đã bình luận về sự ra đời của Cao Đài như một sự kết hợp giữa một hệ tư tưởng truyền thống và các phong trào chính trị tôn giáo. Sergei Blagov đã luận giải về sự ra đời của Cao Đài như một giải pháp cho xung đột giữa các giá trị mới của nền văn minh phương Tây với những truyền thống phương Đông. Tác giả đánh giá phát triển của Cao Đài có ảnh hưởng đến đời sống của người dân miền Nam.

Sang Teak Lee, "*Religion and Social Formation in Korea: Minjung and Millenarianism*" [131], (Tôn giáo và sự hình thành xã hội ở Hàn Quốc: Dân tộc và chủ nghĩa), nhà xuất bản Berlin and New York: Mouton de Gruyter (1996), công trình này bản về các phong trào thiên niên kỷ, có đề cập đến Cao Đài ở Việt Nam, qua đó cung cấp các nghiên cứu so sánh thể hiện định hướng lý thuyết rõ ràng với dữ liệu thực nghiệm và lịch sử của tôn giáo từ các khía cạnh như nghi lễ, các cấu trúc truyền thống, biểu tượng lịch sử và tôn giáo, gúp đánh giá về sự ra đời của Cao Đài ở Việt Nam như là một phong trào xã hội đầu thế kỷ 20.

Sergei Blagov, *"Caodaism: Vietnamese traditionalism and its leap into modernity"*[133], năm 2001, (Đạo Cao Đài: Chủ nghĩa truyền thống Việt Nam và bước nhảy vọt vào hiện đại), Nhà xuất bản Nova, Huntington, New York. Công trình là một sự nghiên cứu chuyên sâu về nội dung nguồn gốc tư tưởng và lịch sử ra đời của đạo Cao Đài, tìm hiểu về hệ thống giáo lý và giáo luật Cao Đài, sự chuyển mình

của các hệ phái Cao Đài từ 1927 – 1975. Bên cạnh đó cuốn sách còn phân tích đánh giá tình hình đạo Cao Đài ở Việt Nam sau năm 1975 với những thay đổi có bước nhảy vọt tiến vào thế kỷ 21. Đây là nguồn tư liệu tham khảo về những vấn đề cơ bản của đạo Cao Đài trong truyền thống và hiện đại.

Nhìn từ các công trình nước ngoài, có thể nhận diện hai hướng lý giải đáng chú ý. G. Coulet nhấn mạnh môi trường giao lưu, dung hợp văn hóa – tín ngưỡng ở Nam Bộ [119], trong khi Sergei Blagov đặt sự ra đời và biến đổi của đạo Cao Đài trong quan hệ giữa truyền thống với hiện đại, giữa tôn giáo với những vận động chính trị – xã hội [132], [133]. Các hướng tiếp cận này bổ sung cho nhau: điều kiện văn hóa tạo tiền đề hình thành, còn những biến động lịch sử – xã hội góp phần quy định hình thức tổ chức và phương thức phát triển.

Một số nghiên cứu trong nước:

Đào Trinh Nhất, "*Cái án Cao Đài"* [67], năm 1929. Đào Trinh Nhất là người thông thạo chữ Hán, nên được chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh tin tưởng giao nhiệm vụ dịch kinh sách Cao Đài ra tiếng Hán. Trong quá trình làm việc tại Tòa Thánh Tây Ninh, ông đã viết Cái án Cao Đài, với nội dung trình bày về quá trình ra đời, giáo lý, cách thức hành đạo của Cao Đài. Ông Đào Trinh Nhất đã phân tích điều kiện xã hội ở Nam Bộ lúc bấy giờ và miêu tả các hoạt động cơ bút của các vị công chức để dẫn đến sự ra đời của đạo Cao Đài. Theo ông Đào Trinh Nhất, đạo Cao Đài không có những chính kiến rõ ràng, luôn biểu hiện sự hỗn tạp trong giáo lý, cách hành đạo, cũng như cơ cấu tổ chức. Do đó, ông cho rằng, đạo Cao Đài sẽ ngăn trở sự tiến hóa, có hại cho sinh hoạt dân gian và đào sâu phân cách giai cấp này với giai cấp khác.

Băng Thanh, "*Cải án Cao Đài"* [89] vào khoảng năm 1930 nhằm phản biện lại quan điểm của ông Đào Trinh Nhất. Ông Băng Thanh cho rằng sự tổng hợp giáo lý mà đạo Cao Đài thể hiện là một khía cạnh đạo đức, một ý nghĩa sâu xa của đạo Cao Đài. Ông cho rằng Đạo Phật được ví như mặt Nhật, đạo Tiên như mặt Nguyệt, đạo Nho như Ngũ Tinh, bộ Nhật - Nguyệt - Tinh, ba cái đó ở trên đời thiếu một cũng không được. Đạo Nho dùng để trị phần đời, Đạo Tiên để trị phần xác thân, còn Đạo

Phật để trị về phần cốt tủy. Đó là cái ý cao sâu của Thượng đế đã sắp đặt trong nền đạo Cao Đài.

Nguyễn Trung Hậu, "*Đại đạo căn nguyên"* [40] năm 1930, ông là chức sắc cao cấp của Đạo Cao Đài. Nội dung công trình này trình bày chi tiết về lịch sử hình thành đạo Cao Đài. Tác giả không đưa quan điểm của mình vào trong bài viết, chỉ miêu thuật chi tiết những sự kiện đã diễn ra trong đạo, từ việc thu nhận đệ tử đến việc trình Tờ Khai đạo lên Chính phủ Nam Kỳ, tường thuật về Ngày khai đạo,... Công trình cung cấp tư liệu lịch sử chi tiết của đạo Cao Đài từ khi hình thành đến khi dời cơ sở thờ tự về xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh vào năm 1927.

Lê Văn Trung, "*Phương châm hành đạo"* [107], được Tòa thánh Tây Ninh ban hành năm 1964. Tác phẩm thể hiện được ý nghĩa giá trị văn hóa của đạo Cao Đài. Sách có 8 chương thể hiện các nội dung về người trong đạo, người ngoài đạo, việc giữ đạo, các quy tắc đọc kinh và hướng dẫn thờ cúng. Ngoài ra với tư cách là người đứng đầu Hội Cao Đài Tây Ninh, Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung đã trình bày khá rõ những đặc điểm cơ bản của tín đồ Cao Đài trong việc tu hành tại gia, tại Đền Thánh và ngoài xã hội. Sách nêu rõ sứ mệnh của Cao Đài là cứu độ chúng sinh khỏi cuộc sống đau khổ của thế gian này và mang lại giá trị nhận thức cho tín đồ về mục đích tu hành.

Trần Văn Giàu, "*Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*" [39], Tập II (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, năm 1975), tác giả đã dành hơn 40 trang để lý giải hiện tượng đạo Cao Đài từ góc độ lịch sử, tư tưởng với tựa đề: Đạo Cao Đài. Trong chuyên luận này, sau khi điểm lướt những nhận định đánh giá về đạo Cao Đài của các tác giả người Việt và người Pháp trước đó, ông Trần Văn Giàu đã nhấn mạnh: "Đạo Cao Đài chủ yếu bắt nguồn từ tục đồng cốt cầu tiên. nhất là tư tưởng tín ngưỡng và tư tưởng Tam giáo phổ biến ở Việt Nam từ lâu đời". Học giả Trần Văn Giàu còn nhấn mạnh nguyên nhân sự ra đời của đạo Cao Đài là do các tôn giáo tại chỗ bị sa sút, yếu kém đã không đáp ứng nổi nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân. Về mặt tư tưởng của đạo Cao Đài, tác giả thống nhất với cách đánh giá của một số tác giả trước Cách mạng Tháng Tám, rằng đạo Cao Đài đã

tổng hợp các tôn giáo theo cách *"xà bần"*. Ông Trần Văn Giàu cho rằng: "Chẳng qua thuở mới ra đời quy nguyên phục nhất, góp hợp tất cả các đạo trên thế giới là một cách mới nhằm làm dễ dàng cho các tín đồ Phật giáo, Đạo giáo, Gia-tô và những người dân thường vào đạo Cao Đài". Tuy không kết luận đạo Cao Đài là một tổ chức chính trị, nhưng tác giả cho rằng đạo Cao Đài tuy là một tôn giáo, nhưng vẫn không nhiều thì ít, gián tiếp mang màu sắc và ý nghĩa chính trị.

Huệ Minh, "*Tìm hiểu đạo Cao Đài qua tám nhận định"* [62], được viết năm 1991, đây là tài liệu học Đạo phổ biến nội bộ. Thông qua công trình này, tác giả giải thích và làm sáng tỏ một số vấn đề nghiên cứu về các giá trị văn hóa của đạo Cao Đài, tập trung vào học thuyết, kinh sách, giáo lý, mục đích, tổ chức và biểu tượng thờ cúng của đạo Cao Đài. Sách trình bày tám ý kiến về các vấn đề sau: Lịch sử và tư tưởng tâm linh của đạo Cao Đài; Học thuyết của đạo Cao Đài; Biểu tượng thờ cúng của đạo Cao Đài, Tổng quan về Luật mới, Pháp mới và Thánh kinh; Nghiên cứu Thánh kinh; Mục đích của đạo Cao Đài; Hình thức tổ chức của đạo Cao Đài.

Đặng Nghiêm Vạn, "*Bước đầu tìm hiểu về đạo Cao Đài"* [111], (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, năm 1995), trong công trình này tác giả đã lý giải việc sở dĩ đạo Cao Đài phát triển ngày càng lớn mạnh là do chính bản thân nó từ khi ra đời đã là một tôn giáo dấng thân nhập thế vào cuộc sống xã hội đương thời, mà ở đây chính là sự thấu hiểu tâm lý của người nông dân Nam Bộ lúc bấy giờ. Ông viết: "đạo Cao Đài mang tính thực hành, một đạo chú trọng đến việc thu hút quần chúng bằng cách đưa cho người dân đương thời món ăn tinh thần; trộn cái đời thường với cái siêu hình, muốn tìm cho họ con đường giải thoát ức chế của cuộc sống thường ngày". Nói về sự phát triển của đạo Cao Đài, Đặng Nghiêm Vạn thống nhất với ý kiến của tác giả Trần Văn Giàu rằng đạo Cao Đài sẽ không trở thành *"quốc đạo"* hay "*tôn giáo thế giới*" như những người lập đạo kỳ vọng vì giáo lý của đạo là sự tập hợp lắp ghép những yếu tố tôn giáo truyền thống phương Đông một cách khiên cưỡng, ít có cái gì trội hơn, giáo lý các tôn giáo đã có, ít góp phần vào sự phát triển của ý thức tư tưởng.

Nguyễn Long Thành, *"Đời sống của người tin đồ Cao Đài"* [90], được Tòa thánh Tây Ninh ấn hành năm 1996. Tác giả phân tích các hoạt động hằng ngày của

tín đồ Cao Đài để làm rõ các hoạt động văn hóa của tín đồ Cao Đài và tín ngưỡng tôn giáo của họ trong cuộc sống. Công trình đã làm rõ các giá trị trong đời sống hằng ngày của tín đồ Cao Đài từ trong tâm linh, trong tín ngưỡng và cả trong ứng xử xã hội của tín đồ.

Phan Văn Hoàng, "*Cao Triều Phát - Nghĩa khí Nam Bộ*" [45], (Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2001). Với độ dài 240 trang, nội dung chủ yếu của công trình nghiên cứu này là giới thiệu về cuộc đời, thân thế và sự nghiệp của ông Cao Triều Phát, Chưởng quản Cao Đài Minh Chơn Đạo, Giáo tông Hội thánh Cao Đài Duy Nhất. Thông qua việc giới thiệu chân dung chí sĩ Nam Bộ Cao Triều Phát, tác giả công bố những tư liệu về ông Cao Triều Phát, về chi phái Cao Đài Minh Chơn Đạo, về những hoạt động yêu nước của đồng bào theo đạo trong kháng chiến chống Pháp qua tổ chức Cao Đài Cứu Quốc Mười hai phái Thống nhất 1947-1954.

Phạm Bích Hợp, "*Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa"*[48], nhà xuất bản Tôn Giáo, năm 2007. Xét về giáo lý, tác giả cho rằng đạo Cao Đài đã cung cấp chỗ dựa quan trọng cho đức tin của tín đồ, đồng thời phản ánh sự cởi mở của người dân miền Nam. Chính giá trị của truyền thuyết tôn giáo và tính thiêng liêng của tôn giáo tạo nên giá trị tinh thần của tín đồ Cao Đài. Tác giả viết về 3 tôn giáo bản địa ra đời ở miền Nam: Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Bửu Sơn Kỳ Hương. Tôn giáo Cao Đài được giới thiệu từ trang 178 - 314, trong đó cơ bút chính là yếu tố tiền đề cho sự hình thành tôn giáo. Tác giả xác định Cao Đài là tôn giáo có ảnh hưởng lớn ở miền Nam và đánh giá cơ bút là điều kiện quyết định đầu tiên cho sự ra đời của Cao Đài, góp phần tạo nên sức thuyết phục và hấp dẫn đối với tín đồ Cao Đài.

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, *"Lịch sử Đạo Cao Đài"* [18], gồm 2 quyển (I,II) năm 2008, đã ghi lại những diễn tiến lịch sử từ bước đầu hình thành cho đến khi thành lập và chia rẽ thành các chỉ phái. Tác phẩm đã làm sáng tỏ nguyên nhân ra đời và chia rẽ của đạo Cao Đài trong thời kỳ đầu, đồng thời làm sáng tỏ một số vấn đề liên quan đến giáo luật và giáo lý của đạo. Cuốn sách do chính những người theo đạo Cao Đài biên soạn nên nhìn nhận vấn đề lịch sử theo góc nhìn của người trong cuộc mang phong cách sử quan tôn giáo. Nội dung dung trình bày các sử liệu của đạo

từ năm 1926 đến năm 1938, theo 2 nội dung chính là thời kỳ khai đạo và truyền đạo. Quyển I giới thiệu thời kỳ đầu manh nha và quá trình ra đời đạo Cao Đài. Quyển II giới thiệu quá trình thành lập và kiện toàn tổ chức, hoạt động của đạo Cao Đài. Nội dung cụ thể của cuốn sách được giới thiệu gồm 6 phần chính: Hoàn cảnh lịch sử và xã hội thời kỳ khai đạo: Các giai đoạn hình thành mối đạo; Đại lễ khai minh Đại Đạo: Hội thánh xây dựng cơ sở ban đầu (1927 - 1932); Nền hành chính đạo tại Tòa thánh Tây Ninh (1932-1938): Bắt đầu phân chia chi phái (1930 - 1938).

Huỳnh Thị Phương Trang, "*Đạo Cao Đài hiện nay và ảnh hưởng của nó đến đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ"* [103], năm 2008. Công trình này tập trung nghiên cứu về tổ chức tôn giáo của Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh và nêu lên những biến đổi của tổ chức tôn giáo này trong giai đoạn hiện nay. Tác giả đã dùng phương pháp điều tra bảng hỏi để nghiên cứu và giải thích, minh chứng những ảnh hưởng của đạo Cao Đài đến đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ. Đây là công trình nghiên cứu có nội dung phong phú, có những nhận xét, đánh giá khoa học về đạo Cao Đài cũng như về những đóng góp của đạo Cao Đài ở khu vực Nam Bộ.

Huỳnh Ngọc Thu, "*Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hoá Nam Bộ*" [92], công trình này thực hiện tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009. Tác giả khẳng định rằng Cao Đài giáo là một tôn giáo bản địa do người Việt ở miền Nam sáng tạo trên cơ sở các tôn giáo trước đó. Đời sống tôn giáo của người Cao Đài thể hiện sự hội nhập văn hóa và cởi mở trong thực hành tôn giáo, đồng thời làm phong phú và đa dạng hóa nền văn hóa miền Nam. Nội dung đề tài góp phần tìm hiểu chức năng tôn giáo trong đời sống tín đồ Cao Đài ở miền Nam, những đóng góp về mặt văn hóa của Cao Đài đối với văn hóa miền Nam thông qua đời sống tôn giáo của tín đồ, ảnh hưởng của văn hóa miền Nam đến sự hình thành và phát triển của Cao Đài cũng như đời sống tôn giáo của tín đồ Cao Đài, một số quan điểm lý thuyết về văn hóa trong nghiên cứu nhân học như các lý thuyết liên quan đến vùng văn hóa, thuyết chức năng luận.

Nguyễn Thanh Xuân, *"Đạo Cao Đài hai khía cạnh: lịch sử và tôn giáo*" [118], nhà xuất bản Tôn Giáo, năm 2011. Về mặt lịch sử, công trình nghiên cứu này đã phân tích quá trình hình thành và tồn tại của đạo Cao Đài từ một tổ chức thống nhất đến sự phân chia thành nhiều giáo phái Cao Đài khác nhau và những nỗ lực thống nhất của đạo Cao Đài, đồng thời chỉ ra những đóng góp của đạo Cao Đài trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Về mặt tôn giáo, tác giả làm rõ cơ cấu tổ chức, đời sống tinh thần, nghi lễ và hoạt động tôn giáo của đạo Cao Đài và phân tích lý do hình thành và tồn tại của đạo Cao Đài theo góc nhìn lịch sử. Tác giả đề cập đến hoàn cảnh và điều kiện ra đời của Cao Đài, quá trình phát triển của Cao Đài từ khi chia thành các nhánh, sự thống nhất không thành công của Cao Đài, ảnh hưởng của Cao Đài đến đời sống chính trị của đất nước thông qua sự tham gia của Cao Đài trong cuộc kháng chiến cứu nước và thái độ của các thế lực đế quốc đối với Cao Đài; cuối cùng là chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước và quá trình công nhận tổ chức của Cao Đài. Tác giả đã khắc họa thành công bức tranh toàn cảnh về Cao Đài ở Việt Nam trên hai phương diện: lịch sử và tôn giáo.

Huệ Khải, "*Một góc nhìn văn hóa Cao Đài"* [56], nhà xuất bản Tôn giáo - năm 2011. Nội dung mà tác giả đề cập khám phá các khía cạnh trong đời sống văn hóa của tín đồ Cao Đài, bao gồm sinh hoạt tôn giáo, nghi lễ, âm nhạc, tư tưởng và triết lý sống của đạo Cao Đài. Ngoài ra, tác giả còn đề cập đến 18 vấn đề dưới góc nhìn văn hóa Cao Đài trong đời sống tinh thần của đạo Cao Đài. Một số nội dung rất cụ thể về tên gọi các chức sắc, ngôn ngữ, lễ nhạc,... của đạo Cao Đài được phân tích thông qua kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức khoa học trong nghiên cứu tôn giáo.

Nguyễn Mạnh Tiến, "*Đạo Cao Đài ở Nam Bộ tổ chức đời sống cộng đồng và những đặc trưng trong văn hóa*" [83], năm 2015. Qua quá trình nghiên cứu và phân tích, tác giả đã nghiên cứu đời sống cộng đồng của tín đồ Cao Đài dưới góc độ văn hóa và tìm hiểu những đặc điểm văn hóa của đạo Cao Đài. Tác giả đã đi sâu nghiên cứu đời sống cộng đồng của tín đồ Cao Đài trên các lĩnh vực văn hóa xã hội, văn hóa tinh thần và văn hóa vật chất. Đồng thời, tác giả cũng mô tả những đặc điểm văn hóa thể hiện qua đời sống cộng đồng của tín đồ Cao Đài.

Nguyễn Văn Trung, *"Hồ sơ về Lục châu học Tìm hiểu con người ở vùng đất mới (dựa vào tài liệu văn, sử bằng quốc ngữ ở miền Nam từ 1865 - 1930 sách tham khảo)"* [108], nhà xuất bản Trẻ, năm 2015, sách gồm 10 chương, trong đó có một chương viết riêng Cao Đài: Đạo ở vùng đất mới tử trang 298 đến trang 377. Công trình đã đánh giá, nhìn nhận tôn giáo Cao Đài trong lĩnh vực chính trị, xã hội và chỉ ra vai trò của tôn giáo Cao Đài trong xã hội Nam Bộ những năm đầu thế kỷ XX. Tác giả dựa vào tài liệu, văn bản đã được công bố để tìm hiểu về đạo Cao Đài ra đời ở vùng đất mới Nam Kỳ. Qua 3 tài liệu căn bản là Cái án Cao Đài của Đào Trinh Nhất, Cải án Cao Đài của Băng Thanh và tài liệu nghiên cứu đánh máy của La Laurette và Vilmont, hai viên chức cao cấp người Pháp ở Nam Kỳ. Việc tìm hiểu nguồn gốc ra đời của đạo Cao Đài được tác giả giải thích đạo Cao Đài không trực tiếp chủ trương tranh đấu chính trị hay đề ra một cái cách xã hội nào, nhưng lại tạo được chỗ đứng cho nhiều tầng lớp trong một tổ chức, cơ chế riêng của mình bên cạnh cơ chế xã hội do người Pháp áp đặt mà ít nhiều họ đều bất mãn, chống đối.

Đinh Quang Tiến, *"Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân Nam Bộ"* [82], năm 2017. Công trình là sự nghiên cứu các giá trị văn hóa của đạo Cao Đài và tác động của nó đến đời sống của cư dân miền Nam, thông qua đó góp phần khẳng định sức mạnh giá trị văn hóa đó, cần phải tiếp tục phát huy. Bên cạnh đó cũng góp phần thực hiện tốt việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12 tháng 3 năm 2003, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Tác giả tập trung nghiên cứu các giá trị văn hóa của đạo Cao Đài và những tác động của nó trong đời sống cư dân Nam Bộ góp phần khẳng định và phát huy các giá trị văn hóa đó trong đời sống cư dân Nam Bộ hiện nay. Đồng thời cũng góp phần thực hiện tốt việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước theo tỉnh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác tôn giáo.

Nguyễn Thị Quế Hương, *"Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay"*[54], năm 2024, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Đây là nghiên cứu khoa học cấp Bộ do Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức chủ trì. Công trình nhằm đánh giá lại vai trò của đạo Cao Đài cũng như công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo này. Trong xu thế hiện đại hóa và biến đổi xã hội hiện nay, đạo Cao Đài sau khi được công nhận tư cách pháp nhân đã và đang hoạt động như thế nào? Vai trò của đạo Cao Đài đối với cộng đồng và văn hóa Nam bộ nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung thể hiện ở những khía cạnh nào? Đời sống tôn giáo của đạo Cao Đài có những biến đổi gì để phù hợp với xã hội hiện đại? Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam, đạo Cao Đài đã có những chiến lược, những chuyển đổi đường hướng hành đạo như thế nào để bắt kịp với tình hình xã hội hiện nay. Do đó, việc khái quát lại bối cảnh ra đời, quá trình hình thành và phát triển; phân tích các hoạt động thuần túy tôn giáo và hoạt động hướng đến xã hội, từ đó đánh giá vai trò của đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay, để từ đó có những giải pháp, chính sách phù hợp là một việc rất quan trọng.

Tóm lại, các công trình nghiên cứu trên đã thu hút sự quan tâm của nhiều tác giả trong và ngoài nước, làm sáng tỏ bối cảnh ra đời và tồn tại của đạo Cao Đài, nhưng chưa trình bày đầy đủ tính phức tạp của các giáo phái Cao Đài hiện nay. Nhìn chung, các công trình trên chỉ đề cập sơ lược về các giá trị lịch sử, văn hóa của đạo Cao Đài hoặc nêu ra các giá trị của đạo Cao Đài trong đời sống của người dân Nam Bộ nói chung, và Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng. Một số tác giả như Huỳnh Ngọc Thu, Nguyễn Mạnh Tiến,... đã nghiên cứu đạo Cao Đài như một hiện tượng lịch sử, văn hóa, có ảnh hưởng nhất định đến đời sống của người dân Nam Bộ. Tuy nhiên, các tác giả vẫn chưa phân tích, nghiên cứu một cách có hệ thống để làm rõ những giá trị ảnh hưởng của đạo Cao Đài đối với đời sống nhân dân, cũng như những vấn đề hiện nay trong việc phát huy những giá trị tích cực của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là khoảng trống trong đề tài mà các tác giả chưa nghiên cứu một cách có hệ thống và đầy đủ, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu

sâu hơn. Do đó, những công trình trên là những gợi ý cần thiết để tham khảo, bổ sung cho đề tài đang nghiên cứu.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về đóng góp và giải pháp của tôn giáo trong đó có đạo Cao Đài đến phát triển bền vững

Một số nghiên cứu ngoài nước:

Werner Jayne Susan, "*The Caodai: The politics of a Vietnamese syncretic religious movement*" [139], (Đạo Cao Đài: Chính trị ở Việt Nam của một phong trào tôn giáo tổng hợp), tại trường Đại học Yale University, Southeast Asia studies, America, năm 1976. Công trình cho thấy ảnh hưởng và đóng góp của đạo Cao Đài trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ở miền Nam Việt Nam. Điều đó có nghĩa là đạo Cao Đài không chỉ là một tôn giáo, mà còn là một tổ chức có tác động lớn đến đời sống của người dân miền Nam thời bấy giờ. Nội dung luận án khẳng định rằng Cao Đài là phong trào nông dân lớn nhất ở Việt Nam thời Pháp thuộc và lý giải sự ra đời của Cao Đài trong mối quan hệ với các tổ chức chính trị đương thời như chính quyền thực dân Pháp, Việt Minh và Cộng sản. Qua đó tác giả nhận định rằng Cao Đài là phong trào nông dân lớn nhất ở Việt Nam trong thời kỳ thực dân Pháp, có ảnh hưởng đáng kể đến đời sống của người dân miền Nam.

Thiên Ninh Hương, "*God Needs a Passport: The Struggle of Vietnamese Caodaists in Cambodia for Religious and Ethnic Recognition Across National Borders*" [122], (Thượng đế cần một Hộ chiếu: Cuộc đấu tranh của tín đồ Cao Đài người Việt tại Campuchia cho sự công nhận tôn giáo và sắc tộc bên kia biên giới quốc gia), đăng trên Tạp chí *Encounters* năm 2011. Nghiên cứu đề cập đến sự xuất hiện đạo Cao Đài ở Campuchia và quá trình hoạt động, đóng góp của tín đồ đạo Cao Đài nhằm nỗ lực tìm kiếm chỗ đứng trong sinh hoạt tôn giáo tại một quốc gia Phật giáo. Ngoài ra, bài viết còn nói rõ mối liên hệ giữa những tín đồ Cao Đài ở Campuchia và tín đồ Cao Đài ở Tây Ninh trong sợi dây liên kết cùng là một nguồn gốc đồng đạo, có đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Jeremy Jammes, "*Caodaism and its global networks: An Ethnological Analysis of a Vietnamese Religious Movement in Vietnam and abroad"* [125], (Đạo Cao Đài

và mạng lưới toàn cầu của nó: Một nghiên cứu Dân tộc học về phong trào tôn giáo ở Việt Nam và hải ngoại), xuất bản năm 2014, đăng trên Tạp chí *Moussons 13-14*, số đặc biệt về, *Lịch sử Việt Nam trong bối cảnh đương đại (Vietnam Histoire et perspectives contemporaines)*. Bài viết phân tích về mạng lưới quan hệ giữa đạo Cao Đài ở Việt Nam và đạo Cao Đài ở các nước trên thế giới, đồng thời đề xuất ra các giải pháp, trong đó nhấn mạnh đến tính lịch sử và mạng lưới toàn cầu trong việc phát triển đạo Cao Đài ở nước ngoài, mang dấu ấn ý nghĩa dân tộc, quốc gia trong sự phát triển thời đại ngày nay.

Rita D. Sherma and Purushottama Bilimoria, "*Religion and Sustainability: Interreligious Resource: Interdisciplinary Responses" (Tôn giáo và tính bền vững: Nguồn lực liên tôn giáo, Phản ứng liên ngành)* [129], nhà xuất bản Springer Nature, Thụy Sĩ năm 2022. Nội dung nghiên cứu này đưa các nghiên cứu về tính bền vững và các giải pháp, từ thế giới quan tôn giáo ủng hộ tầm nhìn và công việc của Liên hợp quốc. Nó có hơn 30 chương từ các học giả thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm kinh tế, đạo đức, thần học, xã hội học, nghiên cứu nghi lễ và văn hóa. Nội dung trình bày những hiểu biết mới để ngăn chặn sự tàn phá sinh thái, có mối liên hệ chặt chẽ với các mối quan hệ tài chính, xã hội, chủng tộc, địa chính trị và văn hóa thông qua tích hợp nhiều quan điểm tôn giáo và thần học. Chúng bao gồm Phật giáo, Do Thái giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Cơ đốc giáo và các truyền thống khác. Để có thể khôi phục và phát triển xã hội loài người cần được hình dung lại và sắp xếp lại về mặt kinh tế, văn hóa, tôn giáo, chủng tộc và sự công bằng xã hội. Cuốn sách này còn là sự minh họa các mô hình biến đổi trong nguyên tắc lý thuyết và thực tiễn diễn ngôn. Qua đó thu hút các sinh viên, học giả và các chuyên gia đang nghiên cứu các tác động đạo đức, đạo đức, xã hội, văn hóa, tâm lý, phát triển và các khoa học xã hội khác của tôn giáo, từ đó cho thấy nguồn lực tôn giáo đối với sự phát triển bền vững xã hội hiện nay là rất lớn.

Nhóm công trình nước ngoài thứ hai mở rộng việc nghiên cứu Cao Đài từ phạm vi quốc gia sang quan hệ chính trị, cộng đồng xuyên biên giới và tính bền vững. Nếu Werner Jayne Susan [139] chú ý đến tương tác giữa phong trào tôn giáo với môi

trường chính trị, thì Thiên Ninh Hương [122] và Jeremy Jammes [125] gợi mở chiều cạnh mạng lưới và sự công nhận cộng đồng. Công trình do Rita D. Sherma và Purushottama Bilimoria biên soạn [129] tiếp cận đóng góp của truyền thống tôn giáo đối với tính bền vững từ nhiều lĩnh vực

Một số nghiên cứu trong nước:

Đinh Hồng Phúc, "*Đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế - Nhìn từ góc độ giáo lý"* [72], Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo - năm 2013. Tác giả đã đưa ra hai phạm trù tôn giáo và kinh tế là hai lĩnh vực xã hội khác nhau đến mức giữa chúng khó có điểm gập, bởi lẽ con đường tôn giáo dẫn đến thế giới tâm linh, con đường kinh tế hướng về vương quốc của sự phồn vinh vật chất. Chính từ đặc điểm ấy mà nhiều người người đã không thấy được mối quan hệ của chúng, nhất là vấn đề liệu tôn giáo có đóng góp cho sự phát triển kinh tế hay không. Mối quan hệ trên được nhà xã hội học Max Weber, và hiện nay là các nhà kinh tế học tôn giáo, khẳng định và chứng minh thuyết phục. Ngoài ra, người ta chứng minh được rằng, trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử, nhiều tôn giáo bằng cách này hay cách khác đều có tiếng nói của mình về các quá trình kinh tế, tạo ra những kích thích về tỉnh thần cho hoạt động kinh tế và những tiêu chí đạo đức cho hành vì kinh tế trong xã hội.

Từ những chỉ dẫn lí luận trên, ta có thể tìm thấy ở trường hợp dạo Cao Đài một số nhân tố tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam Bộ. Như bao tôn giáo khác, sự tác động của đạo Cao Đài đến hành vi phát triển kinh tế không diễn ra trực tiếp mà phải qua các khâu trung gian. Theo tiến trình lògic, các nhà kinh tế học tôn giáo chỉ ra: các đặc điểm văn hóa tác động đến các giả trị hay các niềm tin nào đó, và đến lượt nó, các niềm tin này lại tác động đến quá trình ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế và do đó tác động đến những kết quả kinh tế. Cơ chế này là đặc trưng cho mối quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế. Tác giả kết luận rằng, giáo lý của đạo Cao Đài có những ý niệm và tư tưởng hữu ích đối với sự phát triển về kinh tế có thể góp phần làm cho bộ mặt nến kinh tế trở nên nhân bản hơn, giúp người làm kinh tế trong guồng máy kinh doanh hạ nhiệt cơn khát lợi nhuận, mà chủ ý hơn tới việc xây dựng đời sống

ẩm no và hạnh phúc của cộng đồng. Do đó, trong nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội chúng ta cần quan tâm tới các giá trị đạo đức tôn giáo như một tác nhân tích cực.

Nguyễn Công Trí, "*Đạo Cao Đài trong xã hội Việt Nam hiện đại - Giá trị văn hóa và thách thức đặt ra*" [105], Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo - năm 2019. Tác giả đề cập đến giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong dòng cháy của xã hội Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại như là một yếu tố quan trọng để tôn giáo này khẳng định vị trí của minh trong xã hội. Đồng thời, chỉ ra những thách thức đối với sự phát triển của đạo Cao Đài trong sự tương quan với một số tôn giáo lớn ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Bài viết cũng nhấn mạnh, trong bối cảnh đa dạng hóa tôn giáo đã và đang diễn ra một cách phổ biến trên phạm vi toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, các tôn giáo đang có sự điều chỉnh, đổi mới nhằm thích nghi với điều kiện phát triển của xã hội hiện đại. Với đạo Cao Đài, những giá trị văn hóa của tôn giáo này là nền tảng cho sự phát triển, nhưng rõ ràng nó cũng đặt ra thách thức trước một xã hội mà về mặt tôn giáo, cũng đang hướng đến các yếu tố dân chủ và đồng thuận.

Đinh Quang Tiến, "*Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài*" [81], nhà xuất bản Tôn Giáo, năm 2021, nghiên cứu này nằm trong khuôn khổ của Đề án 219 của Bộ Thông tin và Truyền thông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phục vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo, các tín đồ và chức sắc trong đạo Cao Đài. Nội dung tác giả đề cập đến là, giá trị văn hóa đạo Cao đài được biểu hiện qua các đặc điểm: tính toàn cầu trong tôn giáo, tính triết lý về quan điểm vạn giáo nhất lý, tính triết học trong nhân sinh quan, tính văn minh trong nghi lễ, tính chung thủy trong gia đình, tính dân chủ trong sinh hoạt, tính dân tộc trong lễ nhạc, tính văn hóa vật thể trong kiến trúc, tính truyền thống trong việc nhập thế phụng sự nhân sinh. Có thể nói, Cao Đài là tôn giáo có vai trò nhất định trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam và có tác động tích cực đến văn hoá của cư dân bản địa, góp phần không nhỏ trong việc phát triển bền vững toàn diện vùng ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung.

Huỳnh Ngọc Thu, "*Hoạt động từ thiện - Giá trị tôn giáo trong việc gúp đỡ cộng đồng của tín đồ đạo Cao Đài ở Đồng bằng sông Cửu Long*" [97], Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo - năm 2022. Tác giả đã đề cập đến vấn đề tôn giáo với mục tiêu hướng con

người đến giá trị chân, thiện, mỹ,... đã có những tác động đàng kể đến các hành vi của con người, đặc biệt là hoạt động từ thiện nhằm chia sẽ, giúp đỡ khi cộng đồng gặp khó khăn. Qua nghiên cứu trường hợp tín đồ Cao Đài ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bài viết xác định niềm tin tôn giáo tác động mạnh mẽ đến hoạt động từ thiện của họ. Dù kinh tế gia đình của các tin đồ có thể còn nhiều khó khăn, nhưng việc làm từ thiện luôn được thực hiện. Làm từ thiện của tín đồ Cao Đài không chỉ góp phần vào việc chia sẻ sự khó khăn của cộng đồng xã hội, giúp cộng đồng xã hội cùng phát triển, mà còn là hình thức xây dựng công quả của họ để hướng đến phẩm vị tốt đẹp ở nơi thiêng liêng trong tôn giáo. Đó cũng chính là giả trị quan trọng mà tôn giáo này xây dựng nên. Giá trị đó đã đem đến lợi ích ở cả hai khía cạnh là giúp đỡ cộng đồng xã hội và năng cao vị thế trong tôn giáo của mỗi tín đồ. Chính điều này làm cho tín đồ Cao Đài chủ trọng thực hiện từ thiện của họ trong suốt nhiều năm qua ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, góp phần tiến bộ xã hội.

Nguyễn Thị Lan Hương, "*Các tôn giáo Tây Nam bộ, trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam"* [52], Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo - năm 2019. Trong nghiên cứu này, tác giả có đề cập đến vai trò và đặc biệt là giải pháp của các tôn giáo trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, trong đó có đạo Cao Đài, với tư cách là một tôn giáo lớn ở khu vực, trong giáo lý Cao Đài, có nói đến nguyên lý *Thiên địa vạn vật nhất thể*, quan niệm muôn loài đều có chung một Bản thể. Sự sống và tiến hóa là do các quy luật tự nhiên của vũ trụ điều hòa nhằm giữ cho môi trường sống luôn đạt thế quân bình, để mọi cá thể tồn tại và phát triển đúng theo chu trình tiến hóa, tiếp diễn không ngừng. Quan niệm này của đạo Cao Đài có thể được coi là nền tảng của việc ứng xử với vạn vật. Những nghiên cứu tôn giáo ở ĐBSCL (Tây Nam Bộ) trong nhưng năm qua, không chỉ giúp thấy được bức tranh chung của tôn giáo Tây Nam bộ hiện tại, mà còn thấy được vai trò của tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài đối với sự phát triển của vùng đất này cho đến hiện nay về tất cả các phương diện, trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chu Văn Tuấn, "*Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*" [88] , nhà xuất bản tạp chí Khoa học Xã hội

Việt Nam, năm 2022. Công trình này đề cập đến quan điểm và giải pháp của Đảng về phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước được nêu ra trong Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Đây là một điểm mới, có tính chất đột phá trong nhận thức, quan điểm của Đảng đối với tôn giáo, vai trò của tôn giáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy giá trị tôn giáo, tinh thần Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị là những tiền đề lý luận cho sự ra đời quan điểm này của Đảng. Bài viết gồm có các nội dung chính: quan điểm của Đảng về nguồn lực tôn giáo trong Văn kiện Đại hội XIII: quan điểm, nguyên tắc, yêu cầu, mục đích của việc phát huy nguồn lực tôn giáo, nội dung của phát huy nguồn lực tôn giáo, lĩnh vực, phương thức phát huy nguồn lực tôn giáo. Cuối cùng, hài viết có nêu ra một số những đề xuất, kiến nghị cho việc phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Trong số các kiến nghị, bài viết muốn nhấn mạnh đến là việc xây dựng các cơ chế phát huy, vì đây là một trong những nút thắt quan trọng.

Phạm Văn Nam, "*Quản lý Nhà nước đối với hoạt động của đạo Cao Đài hiện nay"* [64], năm 2022. Tác giả xác định nội dung quản lý nhà nước (QLNN) đối với hoạt động tôn giáo Cao Đài và đồng thời đề xuất các nhóm giải pháp, bao gồm: Quản lý công tác đối ngoại, quan hệ quốc tế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động của đạo Cao Đài; Thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo và đạo Cao Đài; Xây dựng chính sách, văn bản pháp luật làm cơ sở cho quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo Cao Đài; Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo Cao Đài; Tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo Cao Đài; Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và quản lý nội dung hành chính về tôn giáo Cao Đài. Qua đó, xác định rõ quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo Cao Đài là quá trình sử dụng quyền lực nhà nước, các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật để tác động, điều chỉnh hoạt động của tôn giáo Cao Đài và

hành vi của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tôn giáo Cao Đài diễn ra theo đúng pháp luật.

Trong các nghiên cứu trong nước về đóng góp xã hội, Đinh Hồng Phúc [72] làm rõ cơ chế trung gian từ giá trị và niềm tin tôn giáo đến lựa chọn kinh tế; Huỳnh Ngọc Thu [97] chỉ ra mối liên hệ giữa động cơ công quả và hành vi từ thiện; Nguyễn Thị Lan Hương [52] gợi mở cơ sở đạo đức tôn giáo trong ứng xử với tự nhiên. Chu Văn Tuấn [88] và Phạm Văn Nam [64] lần lượt nhấn mạnh nguồn lực tôn giáo và điều kiện thể chế, quản lý. Đặt trong quan hệ với nhau, các công trình gợi ra chuỗi tác động: giá trị tôn giáo – nhận thức, động cơ – tổ chức thực hành – kết quả xã hội, chịu sự quy định của bối cảnh kinh tế, văn hóa và pháp luật.

Tóm lại, về cơ bản các công trình thuộc các nhóm này đã đi sâu nghiên cứu từng khía cạnh trong các vấn đề phát triển bền vững nói chung, và giải pháp cho các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững nói riêng. Trong đó, có các công trình nghiên cứu sâu về thực trạng phát triển bền vững ở ĐBSCL. Đây là những công trình có giá trị cho tác giả trong việc kế thừa những thành tựu hiện có vào trong luận án.

Thông qua tổng quan tình hình nghiên cứu được đề cập ở trên, có thể rút ra được một số kết luận, cụ thể như sau:

Thứ nhất, các công trình bước đầu đã tiếp cận và làm sáng tỏ cơ sở lý luận của ảnh hưởng, tác động của đạo Cao Đài trên các phương diện lịch sử, chính trị, văn hóa - xã hội, tuy nhiên cụ thể đối với vấn đề phát triển bền vững thì các đề tài trên chưa phân tích.

Thứ hai, các công trình trên tập trung phân tích theo tác động, ảnh hưởng theo từng nhóm lĩnh vực nhỏ, chưa có sự hệ thống toàn diện, một cách tổng quát, toàn diện trên các mặt đời sống xã hội.

Chính vì thế đề tài: "*Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long hiện nay"* sẽ kế thừa những thành tựu của những công trình trước đó, đồng thời sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung cơ sở lý luận của Đảng và Nhà nước về công tác tôn giáo nói chung, và tăng cường bồi đắp các giá trị tích cực của đạo Cao Đài nói riêng trong thời đại ngày nay. Từ đó cung cấp cơ sở khoa học trong

việc hoạch định chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác tôn giáo, mặt trận, dân vận chất lượng cao, phục vụ cho yêu cầu phát triển bền vững ở ĐBSCL nói riêng, cả nước nói chung trong tình hình mới.

1.2. Giá trị nghiên cứu và vấn đề đặt ra luận án tập trung giải quyết

1.2.1. Giá trị các nghiên cứu đem lại

Thông qua việc tổng quan các công trình có liên quan đến luận án, có thể nhận thấy rằng những nghiên cứu trước đây đã cung cấp nhiều luận cứ quan trọng để xem xét vai trò của tôn giáo nói chung và đạo Cao Đài nói riêng đối với quá trình phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Điểm gặp gỡ cơ bản giữa các công trình là sự thừa nhận phát triển bền vững không phải kết quả của riêng một lĩnh vực hay một chủ thể, mà được hình thành từ sự phối hợp giữa nhiều yếu tố: sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, hoạt động của hệ thống chính trị các cấp, sự tham gia của người dân, cùng những điều kiện kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và an ninh chính trị. Trong tổng thể đó, tôn giáo là một thành tố của đời sống xã hội, có khả năng tạo ra những tác động nhất định đối với nhận thức, hành vi, quan hệ cộng đồng và quá trình tổ chức các hoạt động xã hội.

Giá trị đáng chú ý của các nghiên cứu là đã góp phần mở rộng cách nhìn về tôn giáo, không chỉ xem tôn giáo như một hệ thống niềm tin hay một hình thái ý thức xã hội, mà còn xem xét tôn giáo trong tư cách một hiện tượng xã hội có tổ chức, có cộng đồng tín đồ, có những chuẩn mực đạo đức và có khả năng huy động nguồn lực. Cách tiếp cận này tạo cơ sở để nhận diện mối quan hệ hai chiều giữa tôn giáo và phát triển: một mặt, tôn giáo chịu sự tác động của điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và những biến đổi trong đời sống xã hội; mặt khác, hoạt động tôn giáo cũng có thể tác động trở lại đối với các quan hệ xã hội, cách thức ứng xử của cá nhân và sự gắn kết trong cộng đồng.

Các công trình đã gợi mở vai trò của niềm tin tôn giáo trong việc định hướng hành vi và bồi đắp các giá trị đạo đức. Khi được thực hành trong khuôn khổ phù hợp, niềm tin có thể khuyến khích con người hướng đến lối sống có trách nhiệm, biết quan tâm đến người khác, thực hiện những việc làm thiện nguyện và tham gia

các hoạt động vì cộng đồng. Những chuẩn mực đạo đức được truyền tải thông qua sinh hoạt tôn giáo có thể góp phần củng cố tinh thần tương trợ, sự sẻ chia và ý thức trách nhiệm xã hội. Đây là những yếu tố có ý nghĩa đối với phát triển bền vững, bởi sự phát triển không chỉ được đo lường bằng tăng trưởng kinh tế mà còn gắn với chất lượng các mối quan hệ xã hội, mức độ gắn kết cộng đồng và khả năng duy trì những giá trị tích cực trong đời sống.

Bên cạnh niềm tin, các nghiên cứu còn cho thấy tôn giáo có thể tạo lập và duy trì nguồn vốn xã hội thông qua mạng lưới quan hệ giữa tín đồ, cơ sở tôn giáo và cộng đồng dân cư. Những mối liên hệ này có khả năng hỗ trợ việc trao đổi thông tin, huy động sự tham gia, tổ chức hoạt động tương trợ và kết nối các cá nhân có chung mục tiêu. Trong những hoàn cảnh nhất định, mạng lưới tôn giáo có thể bổ sung cho các hình thức liên kết xã hội khác, góp phần hỗ trợ người gặp khó khăn và tăng cường tinh thần cộng đồng. Từ góc độ phát triển bền vững ở ĐBSCL, việc nhận diện nguồn lực xã hội của tôn giáo giúp tránh cách nhìn đơn tuyến, chỉ tập trung vào những vấn đề quản lý hoặc những biểu hiện hạn chế, mà chưa quan tâm đầy đủ đến các đóng góp thực tế của tổ chức và tín đồ tôn giáo.

Đối với đạo Cao Đài, những nghiên cứu đã tiếp cận từ nhiều góc độ, qua đó phản ánh tương đối cơ bản lịch sử hình thành, quá trình phát triển và vị trí của tôn giáo này trong đời sống cư dân ĐBSCL. Các kết quả nghiên cứu cho thấy sự hiện diện của Cao Đài không chỉ thuộc phạm vi tín ngưỡng, nghi lễ hay tổ chức tôn giáo, mà còn có liên hệ với đời sống văn hóa, quan hệ cộng đồng và những hoạt động xã hội tại địa phương. Việc nghiên cứu đạo Cao Đài vì thế cần đặt trong bối cảnh cụ thể của vùng, chú ý đến sự tương tác giữa đặc điểm của tôn giáo với điều kiện lịch sử, văn hóa và xã hội nơi tôn giáo hình thành, tồn tại và phát triển.

Một giá trị khác là các công trình đã ghi nhận những đóng góp của đạo Cao Đài trong hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng, duy trì các giá trị văn hóa và tham gia một số hoạt động có ý nghĩa xã hội. Các hoạt động này cho thấy tổ chức tôn giáo và tín đồ có thể trở thành một nguồn lực xã hội nếu được định hướng và phát huy phù hợp. Hoạt động thiện nguyện, tinh thần tương trợ và sự tham gia vào đời sống

cộng đồng có thể góp phần hỗ trợ các nhóm dễ bị tổn thương, củng cố quan hệ giữa các thành viên trong xã hội và tạo thêm điều kiện để người dân tham gia giải quyết những vấn đề tại địa phương. Tuy nhiên, mức độ và hiệu quả của các đóng góp cần được xem xét trên cơ sở thực tiễn, tránh khái quát hóa từ một vài biểu hiện riêng lẻ thành nhận định chung cho mọi tổ chức hoặc mọi cộng đồng tín đồ.

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống xã hội không phải lúc nào cũng chỉ theo chiều hướng tích cực. Khi những khác biệt về nhận thức, văn hóa hoặc quan điểm giữa các nhóm không được nhận diện và giải quyết thỏa đáng, chúng có thể trở thành nguyên nhân gây bất đồng. Trong trường hợp các vấn đề tôn giáo bị các phần tử cực đoan lợi dụng, hoạt động tôn giáo có thể bị đẩy theo hướng gây chia rẽ, ảnh hưởng đến đồng thuận xã hội, trật tự an toàn xã hội và an ninh chính trị. Nhận định này nhấn mạnh yêu cầu phải xem xét tôn giáo một cách khách quan, toàn diện, phân biệt rõ niềm tin và nhu cầu sinh hoạt chính đáng của tín đồ với những hành vi lợi dụng tôn giáo nhằm phục vụ mục đích trái với lợi ích cộng đồng.

Từ góc độ lịch sử, các công trình đã đề cập đến mối liên hệ giữa quá trình truyền bá, tổ chức và hoạt động của đạo Cao Đài với những biến động chính trị - xã hội trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, trong đó có thời kỳ thực dân Pháp và đế quốc Mỹ trong hai cuộc kháng chiến ở Việt Nam. Những dấu ấn lịch sử này góp phần lý giải vì sao quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước với một số tổ chức tôn giáo, trong đó có một số tổ chức hội thánh ở nước ngoài, đôi khi vẫn phát sinh những vấn đề chưa đồng thuận. Việc nhìn nhận các vấn đề hiện nay cần đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể, đồng thời không đồng nhất những diễn biến của quá khứ với thực trạng hiện tại. Cách tiếp cận lịch sử giúp luận án phân tích vấn đề thận trọng hơn, tránh đánh giá phiến diện và tạo cơ sở để xem xét các điều kiện thúc đẩy quan hệ xã hội ổn định, tôn trọng pháp luật và bảo đảm quyền sinh hoạt tôn giáo chính đáng.

Một đóng góp quan trọng của nhóm nghiên cứu trước là đã đề xuất các giải pháp phát triển trên những phương diện kinh tế, chính trị và xã hội. Những đề xuất

này cung cấp cơ sở tham khảo về yêu cầu phối hợp giữa chính sách phát triển, quản lý xã hội và sự tham gia của người dân.

Nhìn chung, các công trình đã tạo dựng nền tảng tri thức cần thiết về lịch sử đạo Cao Đài, quan hệ giữa tôn giáo với đời sống xã hội và những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững ở ĐBSCL. Luận án kế thừa có chọn lọc các kết quả đó, đồng thời đặt chúng trong một câu hỏi nghiên cứu cụ thể hơn: đạo Cao Đài tham gia, tác động và có thể đóng góp như thế nào đối với phát triển bền vững của vùng trên các phương diện văn hóa; kinh tế, xã hội và môi trường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Việc kế thừa không có nghĩa là lặp lại các kết luận đã có, mà là sử dụng những kết quả phù hợp làm cơ sở để xác định vấn đề còn bỏ ngỏ, lựa chọn cách tiếp cận và xây dựng nội dung phân tích của luận án.

Một số vấn đề liên quan đến đề tài luận án mà các nghiên cứu trước chưa tiếp cận đầy đủ:

Mặc dù có giá trị tham khảo đáng kể, các công trình được tổng quan vẫn còn những khoảng trống nhất định so với yêu cầu và phạm vi của đề tài. *Trước hết*, nhiều nghiên cứu tập trung vào lịch sử hình thành, quá trình phát triển tổ chức giáo hội, giáo lý, nghi lễ hoặc quan điểm của đạo Cao Đài đối với các vấn đề xã hội. Một số công trình khác tiếp cận từ mối quan hệ dân tộc - tôn giáo, đồng thuận xã hội hay tác động chung của tôn giáo đối với địa phương. Đây đều là những hướng nghiên cứu có ý nghĩa, nhưng phạm vi rộng hoặc mục tiêu nghiên cứu riêng khiến vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL chưa được phân tích như một vấn đề trung tâm, có hệ thống và xuyên suốt.

Thứ hai, những nghiên cứu về ảnh hưởng của tôn giáo đối với phát triển bền vững hoặc về tác động của tôn giáo trong từng lĩnh vực cụ thể chưa tạo thành một bức tranh chuyên sâu về đạo Cao Đài trên các lĩnh vực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Vai trò của tôn giáo đối với văn hóa không thể tách rời các hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường; tương tự, các hoạt động xã hội cũng có thể tác động đến nhận thức cộng đồng, quan hệ giữa các nhóm và vấn đề an ninh chính trị. Nếu chỉ xem xét từng phương diện riêng biệt, nghiên cứu sẽ khó chỉ ra được sự tương tác, những

điều kiện thúc đẩy tác động tích cực cũng như các yếu tố có thể làm phát sinh hạn chế. Do đó, cần có cách tiếp cận liên ngành, đồng thời bảo đảm các nội dung được tổ chức thành một chỉnh thể phân tích thống nhất.

Thứ ba, các công trình chưa đề cập nhiều đến sự thay đổi trong phương thức tổ chức và hoạt động của đạo Cao Đài trước những biến đổi ngày càng sâu rộng của đời sống xã hội. Phát triển bền vững đặt ra yêu cầu các tổ chức xã hội phải thích ứng với bối cảnh mới, trong khi vẫn duy trì những giá trị cốt lõi và bảo đảm hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Vì vậy, cần nghiên cứu cách thức hoạt động tôn giáo được duy trì, điều chỉnh hoặc mở rộng trong thực tế; những điều kiện thuận lợi và khó khăn mà các tổ chức, tín đồ gặp phải; cũng như khả năng tham gia của họ vào các hoạt động có ý nghĩa đối với cộng đồng. Đây là cơ sở để đánh giá không chỉ vai trò đã được thể hiện mà còn cả khả năng đóng góp trong thời gian tới.

Thứ tư, đặc điểm của đạo Cao Đài tại ĐBSCL và mối liên hệ giữa những đặc điểm đó với tiến trình phát triển của vùng vẫn cần được làm rõ hơn. Không thể mặc nhiên cho rằng mọi tổ chức, cộng đồng tín đồ hoặc địa bàn đều có điều kiện hoạt động giống nhau. Việc phân tích cần quan tâm đến bối cảnh cụ thể, sự đa dạng trong đời sống tôn giáo và những khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa cũng như quan hệ cộng đồng. Trên cơ sở đó, luận án có thể nhận diện rõ hơn những yếu tố tác động đến vai trò của đạo Cao Đài, thay vì chỉ mô tả các hoạt động một cách rời rạc hoặc đưa ra nhận xét khái quát chưa gắn với điều kiện thực tế.

Thứ năm, mối quan hệ giữa việc phát huy mặt tích cực của đạo Cao Đài và hạn chế những tác động tiêu cực cần được phân tích trên cùng một nền tảng. Nếu chỉ nhấn mạnh đóng góp xã hội, nghiên cứu có thể chưa làm rõ đầy đủ những khó khăn trong quản lý, những khác biệt chưa được giải quyết hoặc nguy cơ hoạt động tôn giáo bị lợi dụng. Ngược lại, nếu chỉ tập trung vào các vấn đề an ninh, trật tự, nghiên cứu có thể bỏ qua nguồn lực đạo đức, văn hóa và xã hội mà cộng đồng tôn giáo có thể đóng góp. Cách tiếp cận phù hợp cần đánh giá dựa trên thực tiễn, phân biệt rõ các biểu hiện và điều kiện cụ thể, từ đó đề xuất giải pháp vừa phát huy nguồn lực chính đáng vừa phòng ngừa, xử lý những hành vi vi phạm.

Từ những khoảng trống nêu trên, luận án xác định hướng nghiên cứu là làm rõ vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL trên cơ sở kết hợp lý luận với thực tiễn. Luận án không thay thế các nghiên cứu lịch sử, giáo lý hay tổ chức tôn giáo đã có, mà sử dụng những kết quả đó để lý giải vai trò xã hội của đạo Cao Đài trong một khuôn khổ nghiên cứu cụ thể. Trọng tâm là xác định các phương diện thể hiện vai trò, những điều kiện tác động, kết quả và hạn chế, đồng thời phân tích các vấn đề đặt ra trong quá trình phát huy nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển bền vững.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án tập trung giải quyết

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, kế thừa các kết quả đã đạt được và xác định những vấn đề chưa được tiếp cận đầy đủ, luận án tập trung giải quyết các nội dung có quan hệ logic với nhau. Các nội dung này bắt đầu từ việc xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn, tiếp đến là nhận diện đặc điểm và yếu tố tác động, xác định các phương diện đánh giá vai trò, phân tích thực trạng, rồi dự báo xu hướng và đề xuất giải pháp, kiến nghị. Cách tổ chức này nhằm bảo đảm các đề xuất ở phần cuối luận án được xây dựng trên cơ sở phân tích có căn cứ, gắn với vấn đề thực tế và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Thứ nhất, luận án làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Ở phương diện lý luận, cần xác định cách hiểu về vai trò của tôn giáo trong phát triển bền vững, làm rõ các mối liên hệ giữa niềm tin, tổ chức tôn giáo, nguồn lực xã hội và những lĩnh vực phát triển của cộng đồng. Ở phương diện thực tiễn, cần xem xét sự hiện diện và hoạt động của đạo Cao Đài trong bối cảnh cụ thể của vùng, qua đó làm rõ điều kiện hình thành vai trò, phạm vi tác động và những yếu tố chi phối khả năng tham gia vào đời sống xã hội. Hai phương diện lý luận và thực tiễn cần được kết nối để tránh tình trạng khái niệm không phù hợp với thực tế hoặc nhận xét thực tiễn thiếu khung phân tích rõ ràng.

Thứ hai, luận án phân tích những đặc điểm của đạo Cao Đài và các yếu tố tác động đến vai trò của tôn giáo này trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Việc phân tích đặc điểm nhằm nhận diện những yếu tố có ý nghĩa đối với cách thức tổ chức,

sinh hoạt và quan hệ cộng đồng của đạo Cao Đài. Đồng thời, cần xem xét các yếu tố thuộc bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, quản lý nhà nước và quan hệ giữa các chủ thể xã hội có thể tạo thuận lợi hoặc đặt ra khó khăn cho hoạt động tôn giáo. Phân tích các yếu tố tác động không chỉ nhằm liệt kê điều kiện bên ngoài, mà còn phải làm rõ cách những điều kiện đó ảnh hưởng đến khả năng đóng góp và những giới hạn trong thực tiễn.

Thứ ba, luận án xây dựng hệ thống nội dung nghiên cứu về vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL trên cơ sở lập luận logic và phù hợp với tình hình thực tế. Hệ thống nội dung cần bảo đảm tính bao quát nhưng không dàn trải, đồng thời thể hiện được mối liên hệ giữa các phương diện. Theo định hướng của đề tài, vai trò của đạo Cao Đài được xem xét trên ba nhóm nội dung chính: văn hóa; kinh tế, xã hội và môi trường; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Việc phân nhóm này tạo khung để tổ chức tư liệu và đánh giá thực trạng, nhưng không có nghĩa các nhóm hoàn toàn tách biệt. Một hoạt động cụ thể có thể đồng thời mang ý nghĩa văn hóa, xã hội và liên quan đến sự gắn kết cộng đồng; vì vậy, khi phân tích cần xác định phương diện nổi bật và giải thích những liên hệ cần thiết.

Thứ tư, luận án đánh giá thực trạng vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL trên ba nhóm nội dung đã xác định. Với phương diện văn hóa, cần chú ý đến mối liên hệ giữa đời sống tôn giáo, các giá trị đạo đức, sinh hoạt cộng đồng và việc duy trì những yếu tố văn hóa có ý nghĩa đối với đời sống địa phương. Với phương diện kinh tế, xã hội và môi trường, cần xem xét những hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tinh thần tương trợ, hoạt động thiện nguyện và các hình thức tham gia xã hội có liên quan; đồng thời đánh giá điều kiện, phạm vi và giới hạn của các hoạt động đó. Với phương diện an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, cần phân tích những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến đồng thuận xã hội và yêu cầu phân biệt giữa sinh hoạt tôn giáo chính đáng với những hành vi lợi dụng tôn giáo.

Việc đánh giá thực trạng cần bảo đảm tính cân bằng và khách quan. Những đóng góp tích cực phải được nhận diện dựa trên biểu hiện cụ thể, tránh chỉ dừng ở

nhận định chung. Những hạn chế cũng cần được phân tích theo nguyên nhân và điều kiện phát sinh, không quy kết cho toàn bộ cộng đồng tôn giáo từ những trường hợp riêng lẻ. Cách đánh giá này giúp làm rõ cả khả năng đóng góp lẫn những vấn đề cần giải quyết, từ đó cung cấp căn cứ thực tiễn cho việc đề xuất giải pháp. Đồng thời, cần lưu ý rằng phát triển bền vững là một quá trình lâu dài, nên đánh giá vai trò của đạo Cao Đài phải đặt trong mối liên hệ giữa kết quả hiện có, những điều kiện duy trì kết quả và các thách thức có thể xuất hiện.

Thứ năm, từ kết quả phân tích lý luận và thực tiễn, luận án làm rõ những vấn đề đặt ra trong việc phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của đạo Cao Đài đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL hiện nay. Những vấn đề này có thể liên quan đến việc nhận thức đầy đủ vai trò xã hội của tôn giáo; tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể có liên quan; bảo đảm điều kiện để hoạt động tôn giáo chính đáng diễn ra ổn định; nâng cao hiệu quả trao đổi, đối thoại và xử lý các vấn đề phát sinh; cũng như tạo điều kiện để các nguồn lực tích cực của tôn giáo tham gia phù hợp vào hoạt động cộng đồng. Các nội dung cần được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát và phân tích, không áp đặt giải pháp khi chưa làm rõ nguyên nhân của vấn đề.

Thứ sáu, luận án dự báo xu hướng phát triển của đạo Cao Đài theo hướng gắn với yêu cầu phát triển bền vững ở ĐBSCL. Dự báo cần dựa trên những đặc điểm đã phân tích, thực trạng hoạt động, các yếu tố tác động và những vấn đề đang đặt ra. Mục đích của dự báo không phải khẳng định chắc chắn một kịch bản duy nhất, mà là nhận diện những xu hướng có khả năng xuất hiện và những điều kiện có thể ảnh hưởng đến xu hướng đó. Trên cơ sở này, luận án đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm phát huy vai trò tích cực của đạo Cao Đài, đồng thời hạn chế các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển bền vững, sự ổn định xã hội và an ninh chính trị.

Các giải pháp được định hướng theo nguyên tắc kết hợp giữa phát huy nguồn lực và bảo đảm yêu cầu quản lý xã hội; tôn trọng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của tín đồ đồng thời đề cao việc tuân thủ pháp luật; tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể liên quan; và gắn các đề xuất với điều kiện cụ thể của ĐBSCL. Giải pháp cần có tính khả thi, xác định rõ vấn đề hướng tới giải quyết và chủ thể có thể

tham gia thực hiện. Những kiến nghị chỉ thực sự có giá trị khi xuất phát từ các kết quả nghiên cứu, phản ánh đúng những khó khăn và nguồn lực hiện có, đồng thời tránh đưa ra các khuyến nghị quá chung chung hoặc vượt ra ngoài phạm vi mà luận án có đủ căn cứ để chứng minh.

Như vậy, các vấn đề luận án tập trung giải quyết được tổ chức thành một chuỗi nghiên cứu thống nhất: xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn; phân tích đặc điểm và yếu tố tác động; xây dựng nội dung đánh giá; xem xét thực trạng trên các phương diện văn hóa, kinh tế - xã hội - môi trường và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xác định vấn đề đặt ra; dự báo xu hướng; và đề xuất giải pháp, kiến nghị. Chuỗi nội dung này vừa kế thừa thành tựu của các nghiên cứu trước, vừa hướng đến khắc phục những khoảng trống đã nhận diện. Qua đó, luận án kỳ vọng góp phần bổ sung cách tiếp cận có hệ thống về vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL, đồng thời cung cấp luận cứ tham khảo cho việc phát huy các nguồn lực xã hội tích cực của tôn giáo và giải quyết những vấn đề phát sinh trên cơ sở khách quan, phù hợp với thực tiễn.

Tiểu kết chương 1

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, đạo Cao Đài đã được tiếp cận từ nhiều góc độ, chủ yếu tập trung vào lịch sử hình thành, quá trình phát triển, giáo lý, tổ chức giáo hội, đời sống tín đồ và những ảnh hưởng đối với đời sống chính trị, văn hóa, xã hội. Các công trình đã góp phần làm rõ đạo Cao Đài là một tôn giáo nội sinh, mang đặc trưng dung hợp tôn giáo, hình thành và phát triển trong những điều kiện lịch sử – xã hội đặc thù của Nam Bộ. Những kết quả đó cung cấp cơ sở khoa học quan trọng để luận án kế thừa, tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ giữa đạo Cao Đài và phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Các công trình nghiên cứu đã gợi mở cách tiếp cận đạo Cao Đài không chỉ như một hệ thống niềm tin, giáo lý mà còn là một hiện tượng xã hội có mối quan hệ biện chứng với những điều kiện lịch sử – xã hội. Một mặt, đạo Cao Đài chịu sự quy định của môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội; mặt khác, thông qua niềm tin, chuẩn mực đạo đức và hoạt động của tổ chức, tín đồ, tôn giáo này có thể tác động trở lại đời sống cộng đồng. Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, các công trình chủ yếu nghiên cứu từng phương diện riêng lẻ, chưa làm rõ một cách hệ thống vai trò của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, mối quan hệ giữa niềm tin tôn giáo và hành vi xã hội, giữa nguồn lực tiềm năng và đóng góp thực tế, giữa tác động tích cực và những giới hạn của đạo Cao Đài chưa được phân tích đầy đủ trong một chỉnh thể thống nhất. Đây là những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các kết quả nghiên cứu trước đó, luận án vận dụng quan điểm biện chứng, lịch sử – cụ thể và toàn diện để làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn; những nội dung và nhân tố tác động; đánh giá thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long trên các phương diện văn hóa; kinh tế, xã hội, môi trường; an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Từ đó, luận án xác định những vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp nhằm phát huy các giá trị, nguồn lực tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của đạo Cao Đài, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của vùng trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2: ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững

2.1.1. Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài, tên đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một tôn giáo nội sinh ra đời vào cuối năm 1926 tại Tây Ninh, do một bộ phận trí thức, công chức, tiểu tư sản, địa chủ và các tầng lớp xã hội khác sáng lập, phản ánh những đặc trưng về tín ngưỡng và văn hóa của cư dân Nam Bộ. Trải qua 100 năm hình thành và phát triển, đạo Cao Đài không ngừng mở rộng về số lượng tín đồ và phạm vi ảnh hưởng. Ngay từ buổi đầu khai đạo, tôn giáo này đã thu hút hàng nghìn người nhập môn. Từ chỗ hiện diện chủ yếu ở một số tỉnh, thành phía Nam, đạo Cao Đài từng bước phát triển rộng khắp khu vực Nam Bộ, đồng thời lan tỏa ra miền Trung và miền Bắc. Đến nay, "*mỗi năm có hơn 4.000 tín đồ mới gia nhập đạo Cao Đài*" [12, tr. 1]. Không chỉ phát triển trong nước, đạo Cao Đài còn mở rộng ảnh hưởng ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, " *chủ yếu trong cộng đồng người Việt Nam sinh sống tại Campuchia, Hàn Quốc, Úc, Hoa Kỳ, Pháp và một số quốc gia khác, với hơn 30.000 tín đồ ở hải ngoại*" [7,tr.2].

Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ năm 2023, đạo Cao Đài có gần "*1,24 triệu tín đồ. Từ năm 1995 đến nay Nhà nước đã công nhận tổ chức tôn giáo đối với 10 Hội thánh Cao Đài, 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo đối với 01 pháp môn Cao Đài. Ước tính hiện tại, toàn đạo các tín đồ sinh hoạt tại các tỉnh thành trong cả nước, với 13.000 chức sắc, 26.000 chức việc, 65 Ban Đại Diện họ đạo, gần 1.300 cơ sở thờ tự, tập trung chủ yếu ở Nam bộ"* [7, tr. 2]. Với quy mô tín đồ và hệ thống tổ chức như vậy, đạo Cao Đài không chỉ khẳng định vị trí trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam mà còn có tiềm năng đóng góp nguồn lực vào sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của đất nước.

Đặt trong bối cảnh lịch sử hình thành và phát triển, sự ra đời của đạo Cao Đài là kết quả của quá trình tác động và hội tụ nhiều yếu tố, bao gồm điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, phong tục, tập quán và đặc điểm văn hóa – xã hội của cư dân Nam Bộ.

Trong nửa đầu thế kỷ XX, dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến do thực dân Pháp thống trị, đời sống xã hội Nam Bộ diễn ra nhiều biến động, cùng với sự xuất hiện của các phong trào đấu tranh thuộc nhiều tầng lớp nhân dân. Những điều kiện lịch sử – xã hội đó đã góp phần tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển của các tôn giáo nội sinh, trong đó có đạo Cao Đài. Sự ra đời của đạo Cao Đài vì vậy không phải là một hiện tượng biệt lập, mà gắn liền với những biến đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa và nhu cầu tinh thần của cư dân Nam Bộ trong giai đoạn này. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, đạo Cao Đài đã có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội Nam Bộ, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, đạo Cao Đài không chỉ tồn tại với tư cách là một tổ chức tôn giáo mà còn trở thành một "phong trào văn hóa và xã hội", có những đóng góp trên nhiều phương diện đối với đời sống của cư dân địa phương.

Về giáo lý của đạo Cao Đài: Giáo lý đạo Cao Đài được hình thành chủ yếu thông qua hoạt động cơ bút, với những lời giáo huấn được gọi là Thánh giáo. Nội dung Thánh giáo tập trung lý giải sự ra đời của đạo Cao Đài, xác lập tôn chỉ, mục đích hoạt động và những nguyên tắc hành đạo làm cơ sở định hướng đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ. Về phương diện tư tưởng, giáo lý Cao Đài thể hiện sự tiếp thu và dung hợp những quan niệm của nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau. Trong đó, giáo lý Cao Đài chịu ảnh hưởng của thần học Kitô giáo thông qua quan niệm về sự sáng tạo con người của Thiên Chúa và mối quan hệ giữa thể xác với linh hồn; đồng thời tiếp nhận quan niệm của Phật giáo về nghiệp báo và luân hồi. Trên cơ sở kế thừa và dung hợp các yếu tố tư tưởng, giáo lý đó, đạo Cao Đài hình thành hệ thống tín điều hướng tới sự thống nhất các tôn giáo và thực hiện sứ mệnh phổ độ chúng sinh. Những nội dung này được thể hiện tập trung qua các quan niệm về Tam giáo, Ngũ chi, Cao Đài, Đại Đạo và Tam kỳ phổ độ, tạo nên những đặc trưng cơ bản trong hệ thống giáo lý của đạo Cao Đài.

Trên cơ sở quan niệm "Vạn giáo nhất lý", đạo Cao Đài tự xác định là tôn giáo dung hợp các truyền thống tôn giáo phương Đông và phương Tây, với hai nội dung cơ bản là "Quy nguyên Tam giáo" và "Hiệp nhất Ngũ chi". Trong đó, "Quy nguyên

Tam giáo" thể hiện quan niệm về sự thống nhất ba tôn giáo lớn ở phương Đông, gồm Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo; còn "Ngũ chi hiệp nhất" hướng đến sự thống nhất năm ngành đạo: đạo Nhân (do Khổng Tử sáng lập), đạo Thần (do Khương Thái Công sáng lập), đạo Thánh (do Chúa Giê-su Ki-tô sáng lập), đạo Tiên (do Lão Tử sáng lập) và đạo Phật (do Cồ Đàm Tất Đạt Đa sáng lập). Từ quan niệm đó, giáo lý Cao Đài xác lập sứ mệnh thống nhất các tôn giáo lớn trên thế giới và cứu rỗi chúng sinh, không chỉ trong phạm vi Việt Nam mà trên toàn thế giới. Trong quá trình phát triển, danh xưng Đại Đạo cũng được sử dụng để chỉ đạo Cao Đài trong giao tiếp giữa các tín đồ và chức sắc.

Về luật lệ và lễ nghi: Cũng như các tôn giáo khác, luật lệ, lễ nghi và phương thức hành đạo của đạo Cao Đài không chỉ thể hiện niềm tin tôn giáo mà còn quy định, hướng dẫn hoạt động thờ phụng và thực hành đức tin của tín đồ. Hệ thống luật lệ, lễ nghi của đạo Cao Đài được hình thành gắn liền với quá trình ra đời và phát triển của tôn giáo này, vừa tiếp thu những yếu tố từ Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo, vừa chịu ảnh hưởng của phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống Nam Bộ. Trong thực hành tôn giáo, đạo Cao Đài tiếp nhận "*Ngũ giới cấm (không sát sinh, không trộm cắp, không uống rượu, không tà dâm, không nói dối) và ăn chay của Phật giáo để thực hiện việc tu hành. Đạo Cao Đài cũng rất chú trọng việc giáo dục tín đồ về đạo đức theo tiêu chuẩn của Nho giáo, như: Tam cương (quân - phu phụ), Ngũ thường (nhân - lễ - nghĩa - trí - tín); đối với phụ nữ: Tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), Tứ đức (công - dung - ngôn - hạnh),... Đạo Cao Đài còn đưa ra Tứ đại điều quy (ôn hòa - cung kính - khiêm tốn - nhường nhịn) để thực hiện trong xử thế*" [94, tr.34].

Trong đạo Cao Đài, hệ thống nghi lễ được phân thành hai loại, có sự khác biệt về nội dung và địa điểm tổ chức. Trong đó, Lễ Thiên đạo là những nghi lễ dành cho Đức Chí Tôn, các vị Giáo chủ của các tôn giáo và các đấng Thiêng liêng; còn Lễ Thế đạo là những nghi lễ dành cho con người.

Lễ Thiên đạo được tổ chức hằng năm tại Tòa thánh và các Thánh thất theo những thời điểm nhất định trong năm. Các ngày lễ chính của đạo Cao Đài gồm: Lễ

Vía Thượng Đế vào ngày mùng 9 tháng Giêng; Lễ Thượng nguyên vào ngày rằm tháng Giêng; Lễ Trung nguyên vào ngày rằm tháng Bảy; Lễ Diêu Trì Kim Mẫu vào ngày rằm tháng Tám; Lễ Hạ nguyên và Lễ Khai đạo vào ngày rằm tháng Mười.

Lễ Thế đạo là hệ thống nghi lễ dành cho con người trong đời sống thế tục, nhằm hướng tín đồ đến sự hoàn thiện về đạo đức và nhân cách. Các nghi lễ này gắn liền với những giai đoạn trong vòng đời con người, từ khi sinh ra, trưởng thành, lập gia đình đến lúc ốm đau và qua đời. Trong gia đình tín đồ Cao Đài, các nghi lễ chủ yếu gồm: Lễ Sinh nhật (dành cho trẻ sơ sinh sau ba ngày tuổi); Lễ Tắm thánh (dành cho trẻ từ một tháng đến hai hoặc ba năm tuổi); Lễ Thành nhân (dành cho nam từ 18 tuổi, nữ từ 16 tuổi); Lễ Nhập môn (đánh dấu việc chính thức trở thành tín đồ); Lễ Hôn phối (dành cho nam từ 22 tuổi, nữ từ 20 tuổi trở lên); Lễ Cầu lành bệnh (dành cho người già hoặc trẻ em khi đau ốm) và Lễ Tang (dành cho người qua đời). Trong đó, đạo Cao Đài đặc biệt coi trọng Lễ Tang, với những nghi thức được quy định phù hợp với từng đối tượng tín đồ và phẩm vị chức sắc. Bên cạnh đó, đạo Cao Đài còn kế thừa và đề cao truyền thống thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam, xem đây là một bộ phận trong đời sống sinh hoạt tôn giáo của tín đồ.

Về cơ cấu tổ chức: Những người sáng lập đạo Cao Đài chủ yếu xuất thân từ tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, công chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa Pháp và những người được đào tạo theo nền giáo dục phương Tây. Do đó, họ có những hiểu biết nhất định về các mô hình thể chế chính trị trên thế giới, như chế độ quân chủ chuyên chế, quân chủ lập hiến, cộng hòa đại nghị tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong số đó, họ đánh giá chế độ quân chủ lập hiến là mô hình phù hợp hơn cả. Theo quan niệm của một số chức sắc sáng lập đạo Cao Đài, việc vận dụng mô hình quân chủ lập hiến kiểu Nhật Bản vào Việt Nam có thể vừa bảo tồn những giá trị truyền thống, vừa thích ứng với tinh thần dân chủ của thời đại mới. Bởi lẽ, mô hình này duy trì vai trò biểu tượng của nhà vua, đồng thời giới hạn quyền lực quân chủ bằng hiến pháp và mở rộng sự tham gia của người dân vào quản lý đất nước. Đây được xem là phương thức dung hòa giữa truyền thống và xu hướng dân chủ hóa, hướng đến đổi mới mà không phủ nhận hoàn toàn thể chế chính trị truyền thống.

Những người sáng lập đạo Cao Đài cũng có hiểu biết nhất định về cơ cấu tổ chức của Giáo triều Vatican và hệ thống phẩm trật của Giáo hội Công giáo. Trên cơ sở đó, khi xây dựng tổ chức giáo hội, các chức sắc sáng lập đạo Cao Đài đã tham khảo mô hình tổ chức bộ máy nhà nước Nhật Bản, đồng thời tiếp thu hệ thống phẩm trật của Công giáo nhưng sử dụng các danh xưng Hán – Việt. Về cơ cấu tổ chức, tại Tòa thánh Cao Đài có ba cơ quan, thường được gọi là ba "Đài", gồm: Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Trong đó, Bát Quái Đài là nơi thờ phụng Thượng Đế và các đấng thiêng liêng vô hình, tượng trưng cho phần quyền lực thiêng liêng của đạo. Hoạt động tổ chức và điều hành giáo hội chủ yếu được thực hiện thông qua Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, được gọi là hai Đài hữu hình.

Theo Pháp Chánh truyền, Hiệp Thiên Đài đảm nhiệm hai chức năng cơ bản: về phương diện thiêng liêng, thực hiện việc hiệp thông với Thượng Đế và các đấng thiêng liêng thông qua cơ bút để tiếp nhận những lời giáo huấn, chỉ dẫn về việc đạo và việc đời; về phương diện thế tục, thực hiện chức năng bảo pháp, tức gìn giữ và bảo vệ đạo pháp theo đúng "Chơn truyền", "Chánh pháp". Với hai chức năng này, Hiệp Thiên Đài được xem là cơ quan tư pháp trong hệ thống tổ chức của đạo Cao Đài. Về nguyên tắc, Bát Quái Đài được xác định là cơ quan lập pháp, nhưng do thuộc phần vô hình thiêng liêng nên trên thực tế, Hiệp Thiên Đài đảm nhiệm cả chức năng lập pháp và tư pháp. Tuy thực hiện hai chức năng này, Hiệp Thiên Đài lại được thành lập sau Cửu Trùng Đài, cơ quan giữ vai trò hành pháp trong tổ chức giáo hội Cao Đài.

Đứng đầu Hiệp Thiên Đài là Hộ pháp, tiếp đến là hai chức Thượng phẩm và Thượng sanh. Dưới ba chức sắc này là Thập nhị Thời quân, được chia thành ba chi: chi Pháp (phụ trách luật pháp của đạo), chi Đạo (phụ trách công tác chức sắc) và chi Thế (phụ trách các vấn đề liên quan đến tín đồ). Mỗi chi gồm bốn phẩm chức sắc, tương ứng với các chức danh: Khai (Khai pháp, Khai đạo, Khai thế), Tiếp (Tiếp pháp, Tiếp đạo, Tiếp thế), Hiến (Hiến pháp, Hiến đạo, Hiến thế) và Bảo (Bảo pháp, Bảo đạo, Bảo thế).

Cửu Trùng Đài là cơ quan điều hành các hoạt động của đạo Cao Đài, từ Tòa thánh Tổ đình đến các họ đạo ở cơ sở, hình thành hệ thống tổ chức hành chính của giáo hội. Trong mối quan hệ về chức năng, nếu Hiệp Thiên Đài đảm nhiệm vai trò lập pháp và tư pháp thì Cửu Trùng Đài thực hiện chức năng hành pháp. Hệ thống phẩm trật chức sắc của Cửu Trùng Đài được tổ chức theo thứ bậc, có sự tương đồng với hàng giáo phẩm Công giáo, như: Giáo tông - Pape (Giáo hoàng), Giáo sư - Évêque (Giám mục), Giáo hữu - Prêtre (Linh mục). Tuy nhiên, điểm khác biệt là đạo Cao Đài quy định cụ thể số lượng chức sắc ở từng phẩm vị. Cơ cấu phẩm trật của Cửu Trùng Đài được khái quát trong lời cơ bút: "*Nhất Phật - 1 vị Giáo tông, Tam Tiên - 3 vị Đầu sư, Tam thập lục thánh - 36 vị Phối sư, Thất thập nhị hiền - 72 vị Giáo sư, Tam thiên đồ đệ - 3.000 Giáo hữu"* [94, tr.71].

Hỗ trợ hoạt động của các chức sắc tại các họ đạo cơ sở là đội ngũ chức việc, gồm Chánh trị sự, Phó trị sự và Thông sự. Ở cấp Tòa thánh Trung ương, cơ cấu tổ chức của đạo Cao Đài còn có Cửu viện, Tòa Tam giáo và chế độ sinh hoạt tổ chức theo hình thức Tam hội. Đối với những vấn đề quan trọng của đạo, Hội Vạn Linh được triệu tập với sự tham gia của đại biểu Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh và Thượng Hội nhằm xem xét, giải quyết những công việc hệ trọng của giáo hội.

Nhìn chung, cơ cấu tổ chức của đạo Cao Đài có những nét tương đồng với mô hình tổ chức và vận hành của bộ máy hành chính nhà nước, đồng thời thể hiện sự kết hợp giữa các yếu tố tôn giáo và thế tục. Đây là một đặc điểm nổi bật trong tổ chức của đạo Cao Đài, phản ánh sự gắn kết giữa hoạt động tôn giáo với đời sống xã hội, phù hợp với tôn chỉ "lấy đạo độ đời" được xác lập từ buổi đầu khai đạo. Trải qua gần 100 năm hình thành và phát triển, hệ thống tổ chức này đã góp phần duy trì hoạt động, củng cố sự gắn kết trong giáo hội và tạo điều kiện để đạo Cao Đài mở rộng ảnh hưởng trong đời sống xã hội, gắn liền với biến đổi của lịch sử dân tộc.

2.1.2. Phát triển bền vững và yêu cầu về phát triển bền vững

2.1.2.1. Quan niệm của thế giới về phát triển bền vững

Từ nửa sau thế kỷ XIX, trong quá trình nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C. Mác đã đề cập đến những vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa con

người, xã hội và tự nhiên. Ông chỉ ra rằng, việc chạy theo lợi nhuận vật chất trong quá trình sản xuất có thể dẫn đến sự khai thác quá mức, hủy hoại môi trường tự nhiên, gia tăng bóc lột sức lao động và làm nảy sinh những mất cân đối trong đời sống xã hội. Từ đó, tư tưởng của C. Mác đặt ra yêu cầu cải biến những quan hệ xã hội bất hợp lý, hướng tới sự phát triển hài hòa giữa con người với tự nhiên, trong đó mục tiêu cuối cùng là bảo đảm cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người.

Trên cơ sở phát triển những quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen đã làm rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa tự nhiên, con người và xã hội, qua đó góp phần đặt nền tảng lý luận cho nhận thức về phát triển bền vững. Theo Ph. Ăngghen, "thế giới được tạo thành từ nhiều lĩnh vực, trong đó có ba lĩnh vực căn bản là: tự nhiên, con người và xã hội. Ba lĩnh vực này gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể thống nhất và tác động qua lại với nhau. Bản thân mỗi yếu tố là một thể thống nhất có mối quan hệ biện chứng trong nội tại của chúng. Do vậy, mọi hành động của con người vi phạm qui luật khách quan, phá vỡ thế cân bằng của chúng đều có thể dẫn đến những mối tai họa, không lường trước được" [60, tr.354].

Kế thừa và phát triển những tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, vào đầu thập niên 1980, thuật ngữ "phát triển bền vững" lần đầu tiên được đề cập bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên quốc tế, Quỹ Động vật hoang dã thế giới và Chương trình Môi trường Liên hợp quốc. Ban đầu, khái niệm này chủ yếu nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, sau đó từng bước được mở rộng, bao hàm cả những yếu tố xã hội và con người. Tại hội thảo với chủ đề "Những vấn đề đạo đức trong phát triển", tổ chức ở Colombo, Sri Lanka, từ ngày 15 đến ngày 19/9/1986, với sự tham gia của khoảng 60 đại diện hoạch định chính sách của các chính phủ, các bên đã thống nhất một quan niệm đầy đủ về phát triển cần bao hàm năm nội dung cơ bản:

(1) Một tổng thể kinh tế điều phối một cách công bằng việc tạo ra của cải và việc cải thiện điều kiện sống cho mọi người;

(2) Một cơ chế xã hội đo lường vai trò của mình qua các lĩnh vực y tế, giáo dục, nhà ở và việc làm;

(3) Một thể chế chính trị bao gồm những giá trị như là nhân quyền, tự do chính trị, quyền bầu cử và dân chủ;

(4) Một nền văn hóa biết nhìn nhận thực tế này là văn hóa hình thành nên bản sắc và sự tự tin của các cá nhân;

(5) Cuối cùng là hệ thống tư tưởng, các biểu tượng và những niềm tin liên quan đến ý nghĩa thâm sâu của cuộc sống và lịch sử" [123, tr.4].

Từ năm 1987, khái niệm phát triển bền vững được sử dụng ngày càng phổ biến, đặc biệt sau khi Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) công bố Báo cáo Our Common Future (Tương lai chung của chúng ta). Báo cáo xác định phát triển bền vững là "*sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai,...*" [141, tr.13]. Theo quan niệm này, phát triển bền vững đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, trong đó sự phát triển hiện tại không được làm suy giảm khả năng phát triển của các thế hệ tương lai.

Năm 1992, tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển, tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil), quan niệm về phát triển bền vững tiếp tục được khẳng định là "đáp ứng nhu cầu của hôm nay mà không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai" [135, tr.24]. Trên cơ sở đó, phát triển bền vững được xem xét trên ba phương diện cơ bản:

(1) Phát triển bền vững về môi trường: Bảo đảm sự cân bằng giữa khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên với bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế những tác động tiêu cực đến điều kiện sống của con người và các sinh vật trên Trái đất.

(2) Phát triển bền vững về xã hội: Chú trọng giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

(3) Phát triển bền vững về kinh tế: Duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định, đồng thời hạn chế sự phụ thuộc quá mức của nền kinh tế vào các yếu tố bên ngoài.

Năm 1993, tại Copenhagen (Đan Mạch), các hoạt động thảo luận quốc tế về phát triển xã hội tiếp tục hướng sự quan tâm đến ba vấn đề lớn có liên quan đến phát triển bền vững, gồm việc làm, đói nghèo và hội nhập xã hội [136, tr.1]. Năm 1997, hội nghị

quốc tế tại Tokyo (Nhật Bản) tập trung thảo luận về khí hậu và những tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển của con người [134, tr.1].

Tiếp đó, năm 2002, Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững, còn gọi là Hội nghị Rio+10 hay Hội nghị Thượng đỉnh Johannesburg, được tổ chức tại Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) [137, tr.1]. Với sự tham gia của các nhà lãnh đạo và chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường đến từ gần 200 quốc gia, hội nghị đã tổng kết quá trình thực hiện các cam kết và kế hoạch hành động về phát triển bền vững trong 10 năm kể từ Hội nghị Rio năm 1992, đồng thời đề ra những định hướng và quyết sách liên quan đến các vấn đề trọng tâm như nước, năng lượng, sức khỏe, nông nghiệp và đa dạng sinh học.

Theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2006, "*Bản chất của phát triển bền vững là liên kết các hoạt động phát triển thành hệ thống sao cho đạt được sự cân đối, hài hòa lâu dài cho các thế hệ mai sau*" [140, tr.3]. Trong khi đó, David Munro (1995) nhấn mạnh tính bền vững phải được xem là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá sự phát triển. Theo ông, " *phát triển bền vững trên thực tế phải bao gồm bền vững hệ sinh thái (sức khỏe hệ sinh thái), bền vững xã hội (truyền thống và hiện tại) và bền vững kinh tế (lợi ích và chi phí). Ông cho rằng, bền vững không phải là mục tiêu mà là một tiêu chuẩn đối với quan điểm và hành động. Đó là một quá trình có tính lặp đi lặp lại "*[127, tr.3].

Cùng cách tiếp cận đó, Rogall G. (2009) cho rằng "*phát triển bền vững là giữ được sự kết hợp cân đối, hài hòa trên cả ba trụ cột phát triển: kinh tế; xã hội và sinh thái tài nguyên, môi trường*" [130, tr 43].

Nhìn chung, mặc dù có những cách diễn đạt và nhấn mạnh khác nhau, các quan niệm trên đều thể hiện cách tiếp cận liên ngành, đa lĩnh vực và tích hợp đối với phát triển bền vững. Điểm thống nhất cơ bản là phát triển phải đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Theo đó, phát triển bền vững được xác định trên ba trụ cột có quan hệ mật thiết và tác động qua lại lẫn nhau, gồm kinh tế, xã hội và môi trường.

2.1.2.2. Quan niệm của Việt Nam về phát triển bền vững

Trên cơ sở tiếp thu những quan điểm chung của thế giới về phát triển bền vững, Việt Nam đã sớm đưa ra các cam kết và triển khai những hành động cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Theo Báo cáo "Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu" do tổ chức Germanwatch công bố ngày 8/12/2009 [120, tr.1], Việt Nam là một trong bốn quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu trong hai thập kỷ trước đó. Trước những thách thức này, phát triển bền vững trở thành một trong những định hướng ưu tiên trong chiến lược phát triển đất nước. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường trong Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2021–2030.

Ngày 10/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 622/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững [101, tr.2].

Về kinh tế: Phát triển bền vững đòi hỏi bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giữ vững an ninh lương thực, an ninh năng lượng và an ninh tài chính; chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, thúc đẩy tăng trưởng xanh, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực. Để thực hiện mục tiêu này, cần tập trung vào bốn nội dung cơ bản:

(1) Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo;

(2) Đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng bền vững;

(3) Bảo đảm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp bền vững;

(4) Thúc đẩy phát triển bền vững tại các địa phương.

Về xã hội: Phát triển bền vững hướng tới xây dựng xã hội công bằng, có nền văn hóa tiên tiến, bảo đảm sự phát triển toàn diện của con người; trong đó, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trở thành những động lực quan trọng của sự phát triển. Đồng thời, bảo đảm ổn định chính trị – xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền,

thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Để thực hiện mục tiêu này, cần tập trung vào sáu nội dung cơ bản:

(1) Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, tạo việc làm ổn định, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo đảm các chính sách an sinh xã hội;

(2) Ổn định quy mô dân số, đồng thời cải thiện và nâng cao chất lượng dân số;

(3) Phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế, chú trọng xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam;

(4) Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển dân trí và trình độ nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, từng vùng và địa phương;

(5) Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an toàn thực phẩm, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường lao động;

(6) Giữ vững ổn định chính trị – xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

Về tài nguyên và môi trường: Phát triển bền vững hướng tới giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đối với môi trường; khắc phục tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường sinh thái; hạn chế tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu; đồng thời khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Để thực hiện mục tiêu này, cần tập trung vào tám nội dung cơ bản:

(1) Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất;

(2) Bảo vệ, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên nước;

(3) Khai thác, sử dụng tiết kiệm và bền vững tài nguyên khoáng sản;

(4) Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên biển;

(5) Bảo vệ, phục hồi và phát triển tài nguyên rừng;

(6) Giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn tại các đô thị, khu công nghiệp;

(7) Tăng cường quản lý hiệu quả chất thải rắn và chất thải nguy hại;

(8) Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

Như vậy, mặc dù có những cách tiếp cận và mức độ nhấn mạnh khác nhau, quan niệm về phát triển bền vững của các tổ chức quốc tế và Việt Nam đều xác định ba trụ cột cơ bản là kinh tế, xã hội và môi trường. Ba trụ cột này không tồn tại biệt lập mà có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và quy định lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Do đó, phát triển bền vững đòi hỏi phải bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội với bảo vệ môi trường, nhằm duy trì sự ổn định và tạo điều kiện cho phát triển lâu dài.

2.1.2.3. Phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế – xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước. Trong những năm qua, trước những yêu cầu và thách thức đặt ra từ bối cảnh phát triển mới, Đảng và Nhà nước đã quan tâm xây dựng, ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tiêu biểu là Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017, của Chính phủ [25, tr.1], "*Về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu".* Trên cơ sở đó, Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó chú trọng bốn lĩnh vực chủ yếu:

(1) Năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng hiệu quả;

(2) Phát triển hạ tầng và kỹ thuật môi trường;

(3) Phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản;

(4) Chế biến thực phẩm và các dịch vụ vận tải (logistics) có liên quan.

Nghị quyết số 120/NQ-CP đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, từ cách tiếp cận chủ yếu mang tính phòng vệ, ứng phó thụ động với biến đổi khí hậu sang phương thức "chủ động thích ứng với thiên nhiên". Sự chuyển đổi này thể hiện yêu cầu kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý các điều kiện tự nhiên và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của vùng.

Trên cơ sở phát huy những lợi thế sẵn có và triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước đẩy mạnh đầu tư phát triển theo hướng có trọng tâm, trọng điểm. Trong giai đoạn "*2016 - 2025 tổng số vốn ngân sách Nhà nước đầu tư vào các địa phương trong vùng trên 220 nghìn tỷ đồng, chiếm 16% so với cả nước. Một số ngành, lĩnh vực được quan tâm, chú trọng đầu tư, như giao thông, nông nghiệp,... Đơn cử, giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn ngân sách Trung ương đầu tư phát triển hạ tầng giao thông của vùng khoảng 86 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 14% cả nước, tăng gấp 2,6 lần so với giai đoạn 2016 - 2020, trong đó, vốn bố trí đầu tư phát triển đường cao tốc khoảng 42.647 tỷ đồng, chiếm 20% cả nước. Liên kết nội vùng và vùng ĐBSCL với các địa phương khác cũng được cải thiện, trong đó, liên kết kinh tế vùng ĐBSCL - Thành phố Hồ Chí Minh đạt mức 280 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, các tỉnh, thành phố trong vùng đã hoàn thành 863 cụm, tuyến dân cư và 119 bờ bao khu dân cư có sẵn cho 191.000 hộ dân, 1 triệu người dân vùng ngập lũ. Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch trung bình trong vùng đạt khoảng 89,6%*" [16, tr. 2].

Tiếp tục định hướng phát triển vùng trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 02/4/2022 [14, tr.1], "*Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*". Nghị quyết xác định những định hướng quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội của vùng theo hướng toàn diện, hài hòa và bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và thích ứng biến đổi khí hậu.

Từ những quan điểm và định hướng trên, có thể xác định phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long là quá trình phát triển đồng bộ, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, hướng tới xây dựng vùng trở thành, vùng phát triển toàn diện, sinh thái, văn minh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước; có trình độ phát triển khá so với cả nước; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phân bổ hợp lý và thích ứng với biến đổi khí hậu; kinh tế phát triển năng động, hiệu quả với cơ cấu phù hợp với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người; nhân dân có mức sống cao; bản sắc văn hóa độc đáo, đa dạng của các dân tộc được

duy trì và tôn tạo; quốc phòng và an ninh được bảo đảm; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Đây cũng là định hướng phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, được xác lập trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhằm bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.1.3. Quan niệm đạo Cao Đài trong phát triển bền vững

Các tôn giáo lớn trên thế giới, hình thành và phát triển qua nhiều thời kỳ lịch sử, tuy không trực tiếp đề cập đến những vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội và bảo vệ môi trường theo quan niệm hiện đại, nhưng trong hệ thống giáo lý và tư tưởng đều chứa đựng những giá trị có ý nghĩa đối với sự phát triển hài hòa của con người và xã hội. Phật giáo đề cao tinh thần bình đẳng, hướng tới khắc phục sự phân biệt đẳng cấp, xây dựng đời sống xã hội ổn định, hài hòa. Kitô giáo chú trọng bảo vệ người nghèo, đề cao các giá trị đạo đức, lòng khiêm nhường, đức hy sinh vì người khác và phê phán sự tham lam của cải vật chất. Islam giáo cũng xác lập những chuẩn mực đạo đức nhằm hoàn thiện cá nhân, xây dựng cộng đồng đoàn kết và cùng phát triển. Trong dòng chảy tư tưởng đó, đạo Cao Đài, một tôn giáo nội sinh ra đời tại Việt Nam gần một thế kỷ trước, đã tiếp thu và dung hợp những giá trị đạo đức, nhân văn của các truyền thống tôn giáo, hướng tới xây dựng một thế giới hòa bình, an lạc và cứu khổ chúng sinh. Trong quá trình tồn tại và phát triển, các tôn giáo không ngừng thích ứng với những điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể, qua đó góp phần hình thành các giá trị văn hóa, đạo đức và những điều kiện tinh thần thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

Một số học giả trên thế giới đã nghiên cứu và làm rõ vai trò của tôn giáo đối với phát triển xã hội bền vững. Trong công trình Religion and Development: Conflict or Cooperation? (Tôn giáo và phát triển: Xung đột hay hợp tác), xuất bản năm 2007 tại Luân Đôn bởi Nhà xuất bản Palgrave Macmillan, Jeffrey Haynes [124, tr.25] nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa tôn giáo, phát triển xã hội bền vững và phát triển con người (human development). Theo ông, phát triển con người được xem xét trên nhiều

phương diện: về chính trị và kinh tế, gắn với sự ổn định, an ninh và mức sống tương đối khá giả của người dân; về xã hội, thể hiện ở trình độ biết chữ, giáo dục, các quan hệ xã hội và chất lượng cuộc sống; về đạo đức, gắn với sự phát triển lương tâm, nhận thức đạo đức và ý chí hành động phù hợp với những giá trị xã hội, văn hóa được thừa nhận; về tâm lý, thể hiện ở trạng thái tinh thần lành mạnh, lòng tự trọng, khả năng xây dựng các mối quan hệ có ý nghĩa và cảm nhận hạnh phúc.

Từ góc độ kinh tế, học giả Elijah Brown, thông qua nghiên cứu về sự đóng góp của tôn giáo đối với phát triển kinh tế trên phạm vi toàn cầu, nhấn mạnh vai trò của tự do tôn giáo trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Theo đó, tự do tôn giáo có thể góp phần tạo dựng nền kinh tế vững mạnh thông qua bốn phương diện: *"(1) Tự do tôn giáo thiết lập cạnh tranh kinh tế (những nền kinh tế kém cạnh tranh là những nền kinh tế yếu); (2) Tự do tôn giáo đóng góp vào tăng trưởng GDP; (3) Tự do tôn giáo giúp giảm thiểu tham nhũng, nhân rộng sự thịnh vượng theo cách bình đẳng hơn; (4) Tự do tôn giáo tạo điều kiện cho tôn giáo gia nhập thị trường và dẫn đến phát triển kinh tế"* [36, tr.95].

Tại Việt Nam đã có một số nhà khoa học nghiên cứu vấn đề phát huy nguồn lực của các tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội, trên tinh thần quán triệt quan điểm "phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước" từ Nghị quyết đại hội XIII của Đảng. Theo Chu Văn Tuấn cho rằng: "*Quan điểm nguồn lực của các tôn giáo hàm chứa các ý nghĩa: thứ nhất, tôn giáo có nhiều nguồn lực; thứ hai, với các tôn giáo khác nhau, các nguồn lực cũng biểu hiện một cách khác nhau.*

Đối với khía cạnh thứ nhất, tôn giáo có những nguồn lực nào? Theo chúng tôi, tôn giáo có nguồn lực vật chất, nguồn lực tinh thần và nguồn lực con người. Nguồn lực vật chất của các tôn giáo bao gồm: đất đai tôn giáo, tài sản tôn giáo, các cơ sở tôn giáo, các di sản tôn giáo,... Nguồn lực tinh thần của tôn giáo gồm: tư tưởng, đạo đức, trí tuệ, triết lý tôn giáo, kinh điển tôn giáo, các di sản phi vật thể của tôn giáo,... Nguồn lực con người: gồm đội ngũ chức sắc, chức việc, các nhà tu hành, tín đồ và những người có cảm tình với tôn giáo.

Đối với khía cạnh thứ hai, mỗi tôn giáo lại có thế mạnh khác nhau, hay nguồn lực tôn giáo được biểu hiện khác nhau. Chẳng hạn, tôn giáo có vai trò, đóng góp rất lớn trong lĩnh vực giáo dục, có tôn giáo lại đóng góp nhiều trong lĩnh vực y tế, có tôn giáo đóng góp nhiều trong từ thiện xã hội, có tôn giáo đóng góp nhiều trong xây dựng nông thôn mới,..." [88, tr.32].

Thêm nữa, theo Đỗ Lan Hiền cho rằng: "*Khi tiếp cận đến vấn đề khai thác nguồn lực của tôn giáo trong phát triển đất nước nói chung, cần phải lưu ý rằng cho dù là những hoạt động hướng đến xã hội của tôn giáo, thì trước hết cũng là để phục vụ cho chính sự phát triển của bản thân tôn giáo đó, kế đến sau đó mới là vì sự phát triển của cộng đồng xã hội. Do vậy, nhận thức được điều đó, khi chúng ta khai thác nguồn lực tôn giáo, không thể đòi hỏi nó phải như các tổ chức xã hội dân sự khác trong việc phục vụ xã hội, hãy luôn nhớ giữ tôn giáo ở đúng vị trí của nó"* [42, tr.20].

Ngoài ra, đặt vấn đề cần có những đổi mới về cơ chế để tạo điều kiện tốt hơn cho khai thác nguồn lực tôn giáo tham gia hoạt động vì an sinh xã hội, cũng theo Hoàng Văn Chung "*cần bình thường hóa việc tôn giáo tham gia vào các lĩnh vực dân sự: làm kinh tế, giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, xóa đói, giảm nghèo. Theo đó, các hiệp hội, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh do tôn giáo thành lập có thể tham gia các lĩnh vực này, bình đẳng với các loại hình tổ chức, doanh nghiệp dân sự khác. Ông cũng đề xuất xây dựng cơ chế thông thoáng cho việc thành lập các tổ chức phi chính phủ trên niềm tin tôn giáo để thu hút các nguồn lực và làm từ thiện*" [144, tr.3].

Bên cạnh đó, trong quá trình thu thập tài liệu thứ cấp tác giả còn tham khảo một số quan điểm cơ sở lý luận, cách xác định tiêu chí đánh giá từ nghiên cứu: "Ảnh hưởng của Công giáo trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên hiện nay", của Lê Thị Liên, có mối quan hệ liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Tác giả nghiên cứu trên cho rằng: "*Ảnh hưởng của tôn giáo trong phát triển bền vững là những quan điểm và hoạt động của các tổ chức tôn giáo tác động đến tín đồ làm thay đổi nhận thức, hành vi của họ khi tham gia vào các hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội nhằm đảm bảo hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội*" [58, tr.66].

Việc tổng hợp và phân tích các quan điểm nghiên cứu trên góp phần làm rõ cơ sở lý luận để nhận diện và phát huy nguồn lực của các tôn giáo nói chung, đạo Cao Đài nói riêng trong quá trình phát triển xã hội. Đồng thời, đây cũng là những căn cứ quan trọng để luận án xây dựng khung lý thuyết phù hợp nhằm đánh giá ảnh hưởng của đạo Cao Đài đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Trên cơ sở kế thừa và khái quát các quan điểm khoa học về nguồn lực tôn giáo, vai trò của tôn giáo trong phát triển xã hội và những nghiên cứu về tôn giáo trong phát triển bền vững, luận án xác định: "*Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững là những quan điểm và hoạt động của các tổ chức Hội thánh Cao Đài tác động đến tín đồ làm thay đổi nhận thức, hành vi của họ khi tham gia vào các hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội nhằm đảm bảo bền vững về văn hóa; về kinh tế, xã hội, môi trường; về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*".

2.2. Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.2.1. Khái niệm đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

Nghiên cứu đạo Cao Đài trong phát triển bền vững cần được tiếp cận một cách toàn diện, xem xét cả hai phương diện tích cực và tiêu cực trong mối quan hệ giữa hoạt động tôn giáo với đời sống xã hội.

- *Về mặt tích cực:* Những giá trị đạo đức, văn hóa của đạo Cao Đài được thể hiện trong giáo lý và các điều răn, trở thành những chuẩn mực định hướng nhận thức và hành vi mà các tổ chức Hội thánh khuyến khích tín đồ thực hiện trong đời sống. Giáo lý Cao Đài đề cao tinh thần tương trợ cộng đồng, thực hành phước thiện, bác ái, từ bi và giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Qua đó, các hoạt động tôn giáo góp phần củng cố những giá trị đạo đức xã hội, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và quan tâm đến người nghèo, các nhóm yếu thế trong cộng đồng.

- Những giá trị tích cực của đạo Cao Đài được hình thành và phát huy gắn liền với tiến trình lịch sử – xã hội vùng Nam Bộ, đặc biệt là đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua gần 100 năm tồn tại và phát triển, đạo Cao Đài đã có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống tinh thần, đạo đức và sinh hoạt xã hội của một bộ phận cư dân trong

vùng. Đối với tín đồ, niềm tin tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu tinh thần mà còn tạo điểm tựa giúp họ vượt qua khó khăn trong cuộc sống, hướng tới những giá trị tốt đẹp. Đồng thời, các chuẩn mực đạo đức của đạo Cao Đài góp phần định hướng tín đồ xây dựng lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng.

- *Về mặt tiêu cực:* Bên cạnh những giá trị đạo đức, văn hóa hướng thiện, trong giáo lý và đức tin của một bộ phận tín đồ Cao Đài còn tồn tại quan niệm cho rằng mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới đều do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sắp đặt. Quan niệm này, nếu được tiếp nhận một cách tuyệt đối, có thể dẫn đến tâm lý thụ động, hạn chế khả năng tiếp nhận những cách lý giải khác về hiện thực. Về phương diện tổ chức, ngay từ giai đoạn đầu hình thành và phát triển, đạo Cao Đài đã xuất hiện những mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ giáo hội, dẫn đến sự phân chia thành nhiều tổ chức Hội thánh khác nhau từ tổ chức ban đầu tại Tòa thánh Tây Ninh. Những mâu thuẫn giữa một số chức sắc trong giai đoạn này đã tác động đến nhận thức và sự gắn kết của tín đồ, ảnh hưởng đến tính thống nhất và sức mạnh đoàn kết trong toàn đạo.

Về phương diện lịch sử – chính trị, bên cạnh những đóng góp của một bộ phận chức sắc, tín đồ Cao Đài trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, cũng có những trường hợp tổ chức, chức sắc và tín đồ bị các thế lực thực dân, đế quốc lợi dụng hoặc có quan hệ hợp tác với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Điều này dẫn đến sự khác biệt về lập trường và hành động của một bộ phận người theo đạo Cao Đài trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Những diễn biến đó không chỉ ảnh hưởng đến sự thống nhất trong nội bộ tôn giáo mà còn để lại những hệ quả trong nhận thức và quan hệ xã hội giữa một bộ phận người theo đạo Cao Đài với cộng đồng ngoài tôn giáo, với những ảnh hưởng nhất định kéo dài qua nhiều thập kỷ.

Phần lớn các tổ chức Hội thánh Cao Đài tiếp cận và lý giải những vấn đề xã hội trên cơ sở niềm tin vào các đấng thiêng liêng. Vì vậy, trong một số trường hợp, quan điểm của các tổ chức Hội thánh có thể chưa thống nhất với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, từ đó ảnh hưởng đến việc vận động tín đồ tham gia các hoạt động phát triển kinh tế – xã hội. Bên cạnh đó, sự tham gia phản biện xã hội của đạo Cao Đài vừa có thể góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, vừa tiềm ẩn nguy cơ bị lợi

dụng vào những hoạt động tiêu cực, ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội, khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo.

Như vậy, phát huy vai trò tích cực của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững đòi hỏi phải nhận diện và khai thác những điểm tương đồng giữa quan điểm của Nhà nước và các tổ chức Hội thánh về những vấn đề xã hội. Đồng thời, cần phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa và nguồn lực của đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế – xã hội, góp phần xây dựng đời sống xã hội văn minh. Cùng với đó, cần nhận diện, hạn chế và khắc phục những tác động tiêu cực có thể nảy sinh từ hoạt động tôn giáo, nhằm tạo điều kiện phát huy nguồn lực của Cao Đài đối với quá trình phát triển bền vững.

Trên cơ sở kế thừa và khái quát các quan điểm nghiên cứu về đạo Cao Đài trong phát triển bền vững, luận án xác định: "*Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long là những quan điểm và hoạt động của các tổ chức Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL triển khai có tác động đến tín đồ làm thay đổi nhận thức, hành vi của họ khi tham gia vào các hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội nhằm đảm bảo bền vững về văn hóa; về kinh tế, xã hội, môi trường; về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long".*

2.2.2. Đặc trưng của đạo Cao Đài vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.2.2.1. Đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long đa dạng tổ chức, hệ phái

Cao Đài ở ĐBSCL là một bộ phận hợp thành của Cao Đài ở Việt Nam, với gần "*800.000 tín đồ trong gần 1,24 triệu tín đồ Cao Đài của cả nước"* [97, tr.17]. Tập trung nhiều ở các tỉnh/thành như: Thành phố Cần Thơ (nơi đặt trụ sở trung ương Hội Thánh Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi quản lý gần 10 vạn tín đồ), tỉnh Cà Mau (nơi đặt trụ sở của trung ương Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo quản lý hơn 17 vạn tín đồ) và tỉnh Bến Tre (nơi đặt trụ sở của trung ương Hội Thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo quản lý hơn 40 vạn tín đồ).

Tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đạo Cao Đài bao gồm các hệ phái Cao Đài trong *Tổ chức Liên giao Cao Đài* bao gồm: 18 Hội thánh, cùng với tín đồ hệ phái Cao Đài Tây Ninh (không nằm trong *Tổ chức Liên giao Cao Đài)* cùng tồn tại ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó có 8 tổ chức đặt trung ương giáo hội tại ĐBSCL,

gồm: 1) Cao Đài Tiên Thiên ở Vĩnh Long; 2) Cao Đài Minh Chơn Lý ở Đồng Tháp; 3) Cao Đài Mình Chơn Đạo ở Cà Mau; 4) Cao Đài Ban Chỉnh Đạo ở Vĩnh Long; 5) Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi ở Tp. Cần Thơ; 6) Cao Đài Chiếu Minh Long Châu ở Tp. Cần Thơ; 7) Cao Đài Bạch Y ở An Giang; 8) Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) ở Đồng Tháp.

Ngay từ khi ra đời, đạo Cao Đài được tổ chức thống nhất với trung tâm điều hành là Tòa thánh Tây Ninh. Tuy nhiên, sau một thời gian hình thành và phát triển, nội bộ giáo hội bắt đầu xuất hiện sự phân hóa. Đây là hiện tượng từng diễn ra trong lịch sử phát triển của nhiều tôn giáo, song nguyên nhân và hình thức biểu hiện có sự khác biệt. Nếu ở một số tôn giáo, sự phân hóa chủ yếu bắt nguồn từ những bất đồng về giáo lý và quan điểm thần học thì đối với đạo Cao Đài, quá trình này gắn nhiều hơn với những mâu thuẫn giữa các chức sắc trong tổ chức và điều hành giáo hội.

Chỉ sau một thời gian ngắn hình thành, đạo Cao Đài đã xuất hiện những dấu hiệu bất đồng trong nội bộ, nhưng đến năm 1934 mới diễn ra sự phân chia chính thức thành các chi phái. Tiêu biểu là việc hai chức sắc cấp cao Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang, do bất đồng với Lê Văn Trung và Phạm Công Tắc về phương thức điều hành giáo hội, đã rời Tòa thánh Tây Ninh về Bến Tre thành lập Cao Đài Ban Chỉnh Đạo. Giai đoạn từ những năm 1930 đến năm 1940 đánh dấu quá trình phân hóa mạnh mẽ của đạo Cao Đài, dẫn đến sự hình thành nhiều tổ chức, hệ phái, trong đó có những hệ phái tiếp tục tồn tại đến nay. Một số tổ chức, hệ phái Cao Đài hiện diện ở đồng bằng sông Cửu Long gồm: Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Minh Chơn Lý, Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Bạch Y, Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cao Đài Chiếu Minh Long Châu, Cao Đài Việt Nam Bến Tranh, Cao Đài Việt Nam Bình Đức,...

Như vậy, trải qua những biến động lịch sử, đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long đã hình thành cơ cấu tổ chức đa dạng về hệ phái, trong đó có những hệ phái tiếp tục tồn tại và phát triển, một số không còn hoạt động, đồng thời xuất hiện những hệ phái mới được tách ra. Về phương thức tu tập, tín đồ Cao Đài trong vùng thực hành theo ba hướng pháp môn chủ yếu: Tuyển độ (Nội giáo tâm truyền), tiêu biểu là hệ

phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi; Phổ độ (Ngoại giáo công truyền), phổ biến ở phần lớn các hệ phái; và kết hợp cả hai phương thức, tiêu biểu là hệ phái Chiếu Minh Long Châu. Sự đa dạng về tổ chức, hệ phái và phương thức tu tập đã tạo nên những đặc trưng riêng của đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời phản ánh quá trình thích ứng và hòa nhập của tôn giáo này trong không gian văn hóa đa dạng của vùng.

2.2.2.2. Đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long đồng hành cùng dân tộc

Đạo Cao Đài ra đời trong bối cảnh xã hội Nam Bộ nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng có nhiều biến động về chính trị, xã hội, dưới sự thống trị của thực dân Pháp. Phần lớn tín đồ xuất thân từ tầng lớp nông dân có đời sống khó khăn, vì vậy tinh thần yêu nước và ý thức đấu tranh chống áp bức, bóc lột cũng được thể hiện trong hoạt động của một bộ phận chức sắc, tín đồ Cao Đài. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, các hoạt động yêu nước trong đạo Cao Đài chủ yếu diễn ra ở phạm vi cá nhân hoặc những nhóm nhỏ, với sự tham gia của một số chức sắc tiêu biểu như: "*Phạm Văn Tòng, Nguyễn Bửu Tài, Cao Triều Phát, Nguyễn Ngọc Tương,... và theo học giả Nguyễn Thanh Xuân, đạo Cao Đài thời gian này có 36 người tù ở Côn Đảo, 31 người tù ở các nơi khác, đa số là các chức sắc lớn của đạo Cao Đài, trong đó đáng chú ý là Cao Đài Tiên Thiên, cùng với Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Cao Đài Minh Chơn Đạo, Cao Đài Minh Chơn Lý,... và các tầng lớp nhân dân ở các tỉnh khác như: Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Mỹ Tho, Long An"* [118, tr.278].

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, một số tổ chức, hệ phái Cao Đài tiếp tục tham gia phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp với tinh thần "cứu nước là cứu đạo", "nước vinh Đạo sáng". Tiêu biểu, "ông Cao Triều Phát - người đứng đầu phái Cao Đài Minh Chơn Đạo đã triệu tập Hội nghị khoảng đại toàn phái tại Tòa thánh Ngọc Minh ở ấp Giồng Bốm, xã Phong Thạnh Tây, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trước 300 đại biểu, ông kêu gọi hàng giáo phẩm và tín đồ hưởng ứng lời hiệu triệu của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và của Tổng bộ Việt Minh, rằng: "*... Hãy vì tổ quốc, vì Nhơn sanh, vì Đạo mà mỗi người phải ra sức chống quân xâm lược để cứu đạo, cứu quốc, phải xem kháng chiến cứu quốc là nhiệm vụ hành*

đạo hàng đầu, là công quả cao nhất của mọi người cũng như của Hội thánh chúng ta" [118, tr.279]. Trên cơ sở đó, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Giồng Bốm, lấy Tòa thánh Ngọc Minh làm căn cứ hoạt động kháng chiến chống Pháp, thu hút hàng nghìn tín đồ Cao Đài Minh Chơn Đạo ở Bạc Liêu và các tỉnh miền Tây tham gia, đồng thời bầu ông Cao Triều Phát làm Chỉ huy trưởng.

Bên cạnh việc trực tiếp tham gia kháng chiến, một bộ phận chức sắc, tín đồ Cao Đài còn tích cực đóng góp nguồn lực vật chất cho phong trào cách mạng thông qua các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Vàng và Quỹ Độc lập, như quyên góp tiền, chuông đồng để phục vụ việc mua sắm vũ khí. Đáng chú ý, *năm 1946, ông Cao Triều Phát phát động phong trào Quyển sổ vàng Cao Đài Cứu quốc. Chỉ sau bốn tháng, đông đảo tín đồ đã đóng góp 136.478 đồng, tương đương 136.478 giạ lúa. Gia đình ông Cao Triều Phát cũng tự nguyện hiến cho Nhà nước 5.000 ha ruộng và 1.540 đồng* [118, tr.280].

Một trong những biểu hiện tiêu biểu của tinh thần yêu nước và đoàn kết trong đạo Cao Đài là sự hình thành Hội Cao Đài Cứu quốc Mười Một Phái Hiệp Nhất, sau đó phát triển thành Hội Cao Đài Cứu quốc Mười Hai Phái Hiệp Nhất khi có sự tham gia của Cao Đài Tây Ninh. Trước đó, ông Trần Quang Vĩnh, một chức sắc thuộc Cao Đài Tây Ninh, đã có xu hướng hợp tác với Nhật và thành lập lực lượng Nội ứng nghĩa binh. Sự hình thành tổ chức liên hiệp mười hai phái đánh dấu bước phát triển trong quá trình tập hợp lực lượng của các hệ phái Cao Đài tham gia phong trào yêu nước. Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành "*gồm 15 ủy viên do ông Cao Triều Phát (Cao Đài Minh Chơn Đạo) làm Chủ tịch, ông Nguyễn Ngọc Nhựt (con trai Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương) và ông Nguyễn Văn Khảm (Cao Đài Tây Ninh) làm Phó Chủ tịch, ông Trần Minh Nhất (Cao Đài Bạch Y) làm Tổng Thư ký"* [118, tr.285].

Sau năm 1954, trong bối cảnh đất nước tạm thời chia cắt thành hai miền Nam – Bắc, một số hệ phái Cao Đài tiếp tục thể hiện tinh thần yêu nước thông qua những hoạt động tập hợp, liên kết lực lượng. Trong đó, các chức sắc lãnh đạo Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo đề xuất hình thức liên giao giữa các hệ phái. Tuy nhiên, do những điều kiện lịch sử và tổ chức cụ thể, các hoạt động liên giao mang tính chất xã

hội – tôn giáo được hình thành trước năm 1975, như Liên giao I (1955), Liên giao II (1972), cũng như những hình thức liên giao thuần túy tôn giáo, chưa được duy trì và phát huy đầy đủ. Bước vào thời kỳ Đổi mới, cùng với sự điều chỉnh chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, đạo Cao Đài từng bước được xem xét công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức, tạo điều kiện bình thường hóa hoạt động của chức sắc, chức việc và sinh hoạt tôn giáo của tín đồ. Đây cũng là cơ sở để các hệ phái Cao Đài khôi phục và phát triển hoạt động liên giao tôn giáo, xã hội trong điều kiện mới.

Đặc biệt, trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc, nhiều thánh thất Cao Đài đã trở thành nơi che chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng, thể hiện sự gắn bó của một bộ phận chức sắc, tín đồ với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Theo đó, "*nhiều Hội thánh là nơi nuôi chứa cán bộ lúc khó khăn, lòng yêu nước của đạo Cao Đài dâng trào hiệp thành sức mạnh của sự đoàn kết để giải phóng dân tộc. Tổng kết đóng góp của các tổ chức Cao Đài qua 02 cuộc kháng chiến cứu nước có hơn 4000 liệt sĩ, 10.000 thương binh, 400 mẹ Việt Nam anh hùng, nhiều gia đình có công, nhiều huy chương được Nhà nước trao tặng"* [82, tr.117].

Ngày nay, hầu hết các hội thánh đều có chủ trương không tham gia đến chính trị như Hội thánh Truyền giáo Cao Đài, tại "*Điều 5:... Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài không dính líu đến hành động chính trị hay quân sự của một chi phái nào trong đạo hay một đảng phái nào bên ngoài. Nếu có tín đồ nào thuộc Hội Thánh Truyền Giáo hoạt động dính líu chính trị hay quân sự thì đó là hành động có tính cách cá nhân của mỗi công dân, hoàn toàn ngoài phạm vi tôn giáo của Hội Thánh Truyền Giáo. Đó là phần tín đồ, còn nhân viên chức sắc trong Hội Thánh Truyền Giáo, nhất thiết không ai được ra ngoài phạm vi tôn giáo, vì người đứng ra truyền giáo là người hoàn toàn thuộc về Đạo. Bất cứ thời nào, người tín đồ thuộc Hội Thánh Truyền Giáo cũng là người phục tùng pháp luật, phục vụ quốc gia theo nghĩa vụ công dân, theo tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng và phẩm giá con người,...*" [143, tr.3].

Từ sau thời kỳ Đổi mới đến năm 2020, có 10 tổ chức Cao Đài được công nhận tư cách pháp nhân và hàng chục cơ sở độc lập được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo. Đặc biệt, kế thừa truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái từ các hoạt động Liên

giao I và Liên giao II, năm 2008, Ban Tôn giáo Chính phủ đã chấp thuận việc tổ chức Hội nghị Liên giao các tổ chức đạo Cao Đài (thường gọi là Liên giao III), nhằm tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ giữa các tổ chức, Hội thánh trong hoạt động tôn giáo và đời sống xã hội. Theo số liệu được ghi nhận, Hội nghị Liên giao đã được tổ chức 14 lần theo hình thức luân phiên, mỗi năm một tổ chức Cao Đài đảm nhiệm vai trò chủ trì. Thông qua cơ chế này, các tổ chức Cao Đài từng bước tăng cường sự gắn kết, phối hợp thực hiện những hoạt động chung vì cộng đồng, trên tinh thần đoàn kết và phương châm "Chấn hưng cơ đạo, cứu khổ Nhơn sanh, phụng sự Tổ quốc".

Theo đó, Hội nghị Liên giao đã có 18 tổ chức và cơ sở Cao Đài tham gia với tư cách thành viên [11, tr.6], trong đó có những tổ chức giữ vai trò quan trọng như: Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo, Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên, Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Hội thánh Truyền giáo Cao Đài, Hội thánh Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, Hội thánh Cao Đài Bạch Y,... Riêng Hội thánh Cao Đài Tây Ninh, tổ chức có nguồn gốc từ thời kỳ đầu hình thành đạo Cao Đài, với số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc đông đảo và phạm vi hoạt động rộng, đến thời điểm thống kê vẫn chưa tham gia Hội nghị Liên giao do những nguyên nhân liên quan đến đặc điểm tổ chức tôn giáo và điều kiện xã hội.

Bên cạnh những chuyển biến về tổ chức và hoạt động, quy mô tín đồ đạo Cao Đài cũng có sự thay đổi qua các giai đoạn lịch sử. Theo số liệu thống kê, từ khi khai đạo đến thời điểm các Hội thánh được công nhận tư cách pháp nhân, số lượng tín đồ Cao Đài có những biến động đáng chú ý: "*năm 1928 truyền đạo được 150.000 tín đồ; năm 1935 được 1.000.000 tín đồ; năm 1975 được 2.820.000 tín đồ và năm 1995 được 2.000.000 tín đồ. Và 20 năm sau khi được công nhận tư cách pháp nhân (2015), các hội Thánh có được 2.668.481 tín đồ"* [54, tr. 4]. Cùng với những biến đổi của đời sống xã hội, đạo Cao Đài từng bước điều chỉnh phương thức tổ chức và hoạt động để thích ứng với điều kiện phát triển mới. Quá trình này gắn với những thay đổi trong chủ trương, chính sách và pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, từ Thông báo số 34 năm 1992 đến Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Những thay đổi trong chính sách, pháp luật cùng với sự vận động của đời

sống xã hội đã tạo điều kiện để đạo Cao Đài từng bước đổi mới hoạt động tôn giáo và mở rộng sự tham gia vào các lĩnh vực xã hội.

Trong quá trình tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, một bộ phận chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài đã tích cực tham gia các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội ở Trung ương và địa phương. Theo số liệu của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia này được thể hiện thông qua hoạt động tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức xã hội như Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi,... Kết quả khảo sát của Đinh Quang Tiến cho thấy, chức sắc, chức việc Cao Đài tham gia nhiều tổ chức chính trị – xã hội, trong đó Hội Người cao tuổi có tỷ lệ cao, gắn với đặc điểm độ tuổi của tín đồ. Cụ thể, "đặc *điểm của tín đồ đạo Cao Đài là tuổi cao nên kết quả Hội Người cao tuổi có tỷ lệ cao nhất 35.72%, Hội Chữ thập đỏ 29.26%, Hội Nông dân 28.88%, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp 27.36%, Hội Liên hiệp Phụ nữ 16.72%, Hội đồng nhân dân các cấp 16.34%,... Phần lớn chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài tích cực vừa tu hành, vừa tham gia hoạt động xã hội* [82, tr.118].

Các Hội thánh và pháp môn tu hành của đạo Cao Đài đều xây dựng Hiến chương, xác định tôn chỉ, mục đích và nguyên tắc hoạt động của từng tổ chức. Mặc dù có sự khác biệt về cách diễn đạt, các tổ chức đều nhấn mạnh yêu cầu hoạt động trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, đồng thời đề cao phương châm gắn bó giữa đạo và đời. Tiêu biểu như Cao Đài Chơn Lý với phương châm "Nước vinh - đạo sáng", Cao Đài Ban Chỉnh Đạo với phương châm "Phụng đạo yêu nước". Những quan điểm này vừa thể hiện sự kế thừa các giá trị truyền thống của đạo Cao Đài, vừa góp phần định hướng nhận thức, hành động của tín đồ trong việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và đất nước. Đây cũng là một trong những cơ sở tinh thần để phát huy nguồn lực của đạo Cao Đài trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2.2.2.3.. Đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long đồng thuận trong các mối quan hệ tôn giáo và xã hội

Các hệ phái Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chú trọng xây dựng mối quan hệ đoàn kết, hòa thuận, tôn trọng niềm tin và đặc điểm riêng của từng tổ chức, góp phần củng cố sự đồng thuận trong nội bộ tôn giáo và đời sống xã hội. Đồng thời, các Hội thánh thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước trên nguyên tắc "các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật".

Một là, mối quan hệ trong nội bộ đạo Cao Đài: Từ khi khai đạo năm 1926 đến trước năm 1930, các chức sắc Cao Đài cơ bản đoàn kết trong hoạt động truyền đạo và phát triển tổ chức. Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển, những mâu thuẫn nội bộ xuất hiện, dẫn đến sự phân chia thành nhiều hệ phái. Trước thực tế đó, Liên giao I (1955) và Liên giao II (1972) được hình thành nhằm tăng cường sự liên kết giữa các Hội thánh. Năm 2008, hoạt động liên giao được tái lập với tên gọi Tổ chức Liên giao các Hội thánh và tổ chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Tổ chức Liên giao Cao Đài, với sự tham gia của "*16 Hội thánh và tổ chức Cao Đài như: Ban Chỉnh Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Truyền Giáo, Chiếu Minh Long Châu, Bạch Y Liên Đoàn, Minh Chơn Lý, Cầu Kho Tam Quan, Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Minh lý Đạo - Tam Tông Miếu, Cao Đài Việt Nam - Bình Đức, Cơ quan Phổ thông Giáo Lý Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, Cao Đài Thượng Đế - Tây Thành Thánh Thất, Cao Thượng Bửu Tòa, Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự*"[115, tr.143].

Tổ chức Liên giao Cao Đài hoạt động trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng tính độc lập, tự chủ của từng Hội thánh, tăng cường phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động tôn giáo và xã hội. Các hoạt động chủ yếu gồm bồi dưỡng chức sắc, chức việc; in ấn kinh sách, xuất bản Tạp chí Cao Đài, báo điện tử Liên giao Cao Đài; thực hiện từ thiện, nhân đạo; giao lưu với các tôn giáo khác và tham gia góp ý các dự thảo luật của Nhà nước. Đồng thời, tổ chức đã thống nhất chủ trương thành lập Học viện Cao Đài tại Cao Đài Tiên Thiên (Vĩnh Long).

Như vậy, mặc dù có sự khác biệt về tổ chức và hệ phái, các Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL vẫn duy trì mối quan hệ liên kết, tương trợ trên cơ sở bình đẳng và tôn

trọng lẫn nhau. Thông qua hoạt động liên giao, sự đa dạng về hệ phái được kết hợp với mục tiêu chung trong hành đạo và phục vụ cộng đồng, qua đó góp phần củng cố đoàn kết nội bộ, tăng cường đồng thuận xã hội và phát huy vai trò của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân vùng ĐBSCL.

Hai là, mối quan hệ giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở ĐBSCL: Với phương châm hành đạo "Nước vinh đạo sáng", đạo Cao Đài chú trọng xây dựng mối quan hệ hòa hợp, đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau với các tôn giáo khác. Mối quan hệ này xuất phát từ quan niệm dung hợp tôn giáo, đề cao sự tương đồng giữa các truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo, được thể hiện trong giáo lý, quan điểm và hình thức thờ tự của đạo Cao Đài. Trên cơ sở đó, các chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài không chỉ thực hiện hoạt động hành đạo trong tổ chức của mình mà còn tăng cường giao lưu, xây dựng quan hệ với các tôn giáo khác trong khu vực. Hằng năm, đại diện các tổ chức Liên giao Cao Đài tổ chức thăm hỏi, chúc mừng và tặng quà nhân dịp lễ, Tết đối với các tổ chức tôn giáo như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Công giáo, Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, cộng đồng tôn giáo Bahá'í, Hồi giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương,...

Quan hệ giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở Nam Bộ nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, chủ yếu được thực hiện thông qua các hoạt động giao lưu, thăm hỏi và tham dự những sự kiện tôn giáo trên tinh thần "liên giao tôn giáo". Các hình thức phổ biến gồm "Chúc xuân", "Mừng Phật đản", "Mừng Noel", "Mừng sinh nhật Muhamad",... Đồng thời, đại diện các tổ chức Phật giáo, Công giáo, Tin Lành và một số tôn giáo khác cũng tham dự, chúc mừng những ngày lễ quan trọng của đạo Cao Đài như Lễ Vía Đức Chí Tôn, Lễ Vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Lễ Khai đạo,... Bên cạnh hoạt động giao lưu giữa các tổ chức tôn giáo, mối quan hệ giữa tín đồ Cao Đài với tín đồ các tôn giáo khác còn được thể hiện trong đời sống cộng đồng, thông qua các hoạt động từ thiện, nhân đạo, quan hệ hôn nhân và sinh hoạt xã hội, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa các cộng đồng tôn giáo.

Như vậy, mối quan hệ giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở đồng bằng sông Cửu Long được xây dựng trên tinh thần "liên giao tôn giáo", lấy sự bình đẳng, hòa hợp và tôn trọng lẫn nhau làm cơ sở. Thông qua các hoạt động giao lưu và hợp tác trong đời sống tôn giáo, xã hội, đạo Cao Đài góp phần củng cố đoàn kết tôn giáo, tăng cường đồng thuận xã hội và thực hiện phương châm "Tốt đạo, đẹp đời" trong quá trình phát triển.

Tóm lại, qua các phân tích nêu trên, đạo Cao Đài ở ĐBSCL hiện nay vừa có những đặc điểm chung của Cao Đài ở Việt Nam, nhưng còn có đặc điểm riêng của khu vực như:

Một là, đặc điểm kế thừa và tiếp biến các giá trị văn hóa truyền thống. Đạo Cao Đài ở ĐBSCL được hình thành trên nền tảng văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của cư dân Nam Bộ. Trong quá trình giao lưu văn hóa, cư dân nơi đây vừa tiếp thu những yếu tố mới, vừa duy trì các giá trị truyền thống, tạo nên bản sắc văn hóa riêng. Điều này được thể hiện qua các phong tục, nghi lễ và tín ngưỡng như cúng đình, lễ, Tết, thờ Thành hoàng, ông Táo, ông Địa, Thần Tài, xin xăm, cầu an, thờ cúng Cửu huyền thất tổ,... Những yếu tố đó tạo nên môi trường văn hóa – tín ngưỡng gắn liền với sự hình thành và phát triển của đạo Cao Đài. Như vậy, bản sắc văn hóa Cao Đài ở ĐBSCL không tách rời văn hóa bản địa mà là kết quả của quá trình kế thừa, chọn lọc và tiếp biến các giá trị truyền thống trong những điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể.

Hai là, đặc điểm dung hợp trong giáo lý, đức tin và sinh hoạt tôn giáo. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ĐBSCL là nơi giao lưu, tác động qua lại của nhiều truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo như Minh Sư đạo, Phật giáo, Công giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Trong bối cảnh đó, đạo Cao Đài tiếp thu các yếu tố tư tưởng, tín ngưỡng thông qua hoạt động cầu cơ, giáng bút và quan niệm về các đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Theo đức tin Cao Đài, các đấng thiêng liêng phụng mệnh Ngọc Hoàng Thượng Đế để giáo hóa, cứu độ chúng sinh. Từ đó, đạo Cao Đài hình thành hệ thống thần linh có thứ bậc, vừa mang đặc trưng riêng, vừa kế thừa quan niệm Nho giáo về trật tự và thứ bậc. Điều này cho thấy cái mới trong hệ thống đức tin Cao Đài được hình thành trên cơ sở tiếp thu và cải biến những yếu tố tư tưởng, tôn giáo đã tồn tại trước đó.

Tính dung hợp của đạo Cao Đài vừa phản ánh đặc trưng văn hóa Nam Bộ, vừa thể hiện sự phát triển riêng của tôn giáo này. Từ quan niệm "Tam giáo đồng nguyên", đạo Cao Đài mở rộng sự dung hợp sang Công giáo, tín ngưỡng bản địa và các truyền thống tôn giáo khác. Quá trình này không hoàn chỉnh ngay từ khi khai đạo mà từng bước được bổ sung, phát triển qua hoạt động của những người sáng lập như Ngô Văn Chiêu, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang. Vì vậy, tính dung hợp vừa là kết quả của sự tác động từ môi trường văn hóa – xã hội ĐBSCL, vừa được củng cố trong thực tiễn phát triển của đạo Cao Đài.

Sự dung hợp còn thể hiện trong hệ thống thờ tự với sự hiện diện của Phật Thích Ca, Chúa Jêsu, Lão Tử, Khổng Tử,... vốn là những biểu tượng tôn giáo quen thuộc với cư dân Nam Bộ. Việc kết hợp các biểu tượng này không chỉ thể hiện quan niệm thống nhất các tôn giáo mà còn tạo sự gần gũi giữa đức tin Cao Đài với đời sống tín ngưỡng truyền thống. Chính mối quan hệ giữa kế thừa và đổi mới, thống nhất và đa dạng đã góp phần tạo nên bản sắc riêng, đồng thời lý giải phần nào sức hấp dẫn và khả năng mở rộng ảnh hưởng của đạo Cao Đài ở ĐBSCL.

2.2.3. Nội dung đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.2.3.1. Cao Đài trong phát triển bền vững về văn hóa

- Đặc điểm lưu giữ truyền thống của Cao Đài góp phần bảo tồn văn hóa

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh hun đúc nên phẩm chất, cốt cách con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hóa, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã đề ra chủ trương về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách của con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Tôn giáo là một trong những nhân tố của văn hóa, vì vậy trong phát triển bền vững về văn hóa, Cao Đài đã góp phần vào giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Với tư cách là một tôn giáo nội sinh, tồn tại và phát triển gần 100 năm qua, Cao Đài đã có nhiều đóng góp trong lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là văn hóa ở Nam bộ và

đồng bằng sông Cửu Long. Tính truyền thống trong văn hóa Cao Đài được hình thành từ văn hóa truyền thống của người Việt ở Nam bộ. Tuy người Việt ở Nam bộ sống giữa các dòng giao lưu văn hóa, nhưng vẫn luôn xem trọng và giữ được văn hóa truyền thống của dân tộc, điều đó tạo nên bản sắc văn hóa riêng của người Việt. Bản sắc ấy, được biểu hiện qua các yếu tố như: nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng dân gian, lễ hội dân gian. Trong những thập niên gần đây, các tổ chức Hội thánh Cao Đài đã rất nỗ lực cùng chính quyền địa phương phục dựng lại không gian văn hóa các dân tộc, nhất là văn hóa ở vùng đất Nam bộ đang bị mai một trước làn sóng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Đặc điểm dung hợp và cởi mở trong sinh hoạt tôn giáo của đạo Cao Đài là điều kiện cho sự phát triển phong phú, đa dạng nền văn hóa Việt Nam

Khi nói đến văn hóa Nam bộ mà đặc biệt là ở vùng ĐBSCL, nhiều nghiên cứu cho rằng đó là sự thoáng, mở. Sự thoáng, mở trong văn hóa được hiểu như là sự dung hòa, không câu nệ hình thức, không cứng nhắc bởi những nguyên tắc. Những yếu tố này cũng được thể hiện khá rõ trong văn hóa Cao Đài qua các hình thức như:

+ Chức sắc và tín đồ Cao Đài hành đạo với tình yêu thương nhằm hướng đến tôn chỉ "tốt đạo, đẹp đời", nên gần như không có sự phân biệt giai tầng, đẳng cấp trong xã hội. Khi một gia đình tín đồ có việc xảy ra như tang, tế,... thì hầu hết tín đồ, chức việc và chức sắc trong họ đạo đều đến dự, cùng lo sắp xếp công việc, cùng cầu nguyện, bất kể gia đình đó gần hay xa, nghèo hay giàu.

+ Thêm nữa trong nguyên tắc nhập môn của đạo Cao Đài không bắt buộc con cái và gia quyến của tín đồ phải theo đạo, mà dựa trên sự tự nguyện của mỗi cá nhân.

Dung hợp văn hóa có thể hiểu là hòa lẫn, trộn lẫn các yếu tố văn hóa với nhau để hình thành nên điểm chung, không đối lập nhau. Nếu hiểu như vậy thì văn hóa Nam bộ chính là văn hóa dung hợp, vì đây là kết quả của quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa của các tộc người ở khu vực này. Sự dung hợp này cũng được biểu hiện rõ trong đạo Cao Đài qua các yếu tố đức tin trong đạo tin tưởng vào các thế lực siêu nhiên trong tôn giáo của họ. Do đó, nói sự dung hợp trong văn hóa Cao Đài là điều kiện cho sự phát triển phong phú, đa dạng nền văn hóa Việt Nam là luận điểm hoàn

toàn có cơ sở. Bởi lẽ bất kỳ nền văn hóa nào, muốn phát triển bền vững thì các yếu tố tiếp biến phải được duy trì tiếp nối, hòa hợp cùng với thời gian.

2.2.3.2. Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường

Đánh giá Cao Đài đối với phát triển bền vững về kinh tế nhằm đảm bảo được mục tiêu và những nội dung cần thực hiện trong định hướng phát triển bền vững của Việt Nam. Luận án đánh giá đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế được biểu hiện cụ thể ở các khía cạnh sau:

- Giáo lý Cao Đài tác động vào niềm tin và nhận thức của tín đồ trong phát triển bền vững về kinh tế

Quan điểm của Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế cho rằng: phát triển kinh tế là điều cần thiết, con người không thể làm gì mà không có của cải vật chất, là thứ đáp ứng nhu cầu căn bản cho con người tồn tại, nhưng hoạt động kinh tế phải gắn với chuẩn mực đạo đức và hướng đến lợi ít cộng đồng, gúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. Hoạt động kinh tế phải hướng đến phẩm giá của con người và xã hội một cách toàn diện, mỗi cá nhân có thể cho và nhận, sự tiến bộ của người này không cản trở sự phát triển của người khác.

Giáo lý Cao Đài khuyên răn tín đồ không tìm kiếm, làm giàu từ những việc làm bất chính vi phạm những chuẩn mực đạo đức. Do vậy, sự đóng góp của Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế chính là những giá trị đạo đức được thể hiện trong thái độ và hành vi của chức sắc, tu sĩ, tín đồ khi tham gia hoạt động kinh tế. Khi tín đồ có niềm tin tôn giáo thì trách nhiệm trong hoạt động kinh tế được thực hiện bằng chính niềm tin, tinh thần hăng say lao động và làm giàu chính đáng, phù hợp với giáo lý và pháp luật. Ở đó, niềm tin vào giáo lý và các giới răn của đạo Cao Đài đã tác động tích cực đến chủ thể làm kinh tế, đến mục tiêu, phương thức thực hiện. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế không xa rời đạo đức xã hội, trách nhiệm xã hội chính là đóng góp của Cao Đài trong phát triển bền vững. Đây là định hướng trong các hoạt động sản xuất kinh tế luôn được Hội thánh khuyên dạy và cũng phù hợp với tư duy phát triển kinh tế theo hướng bền vững của Việt Nam.

- Tín đồ Cao Đài là nguồn lực trong phát triển bền vững về kinh tế

Quan điểm trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng nhìn nhận tôn giáo là một nguồn lực "phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước". Theo đó, tôn giáo nói chung và Cao Đài nói riêng chính là nguồn lực, nguồn vốn cần thiết cho phát triển bền vững đất nước.

Mặc dù chưa phải là nhiều, nhưng Cao Đài tham gia vào phát triển kinh tế như một nguồn lực xã hội, được thể hiện trên hai phương diện nguồn nhân lực và nguồn vốn. Hiện nay với hơn "1,24 triệu tín đồ Cao Đài ở Việt Nam chính là nguồn nhân lực quan trọng có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi trong phát triển kinh tế" [8, tr.1]. Tăng trưởng kinh tế ổn định hàng năm của đất nước có sự đóng góp từ nguồn vốn của tín đồ các tôn giáo nói chung, Cao Đài nói riêng, trong đó có nhiều tín đồ Cao Đài là doanh nhân, doanh nghiệp. Họ là những người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, tạo việc làm cho người dân, cùng tín đồ các tôn giáo khác và cộng đồng xã hội góp phần làm nên sự phát triển đất nước.

Tuy nhiên, mặt khác trong cộng đồng tín đồ Cao Đài, việc thực hiện các lễ nghi tôn giáo hàng ngày, các giới răn và những đóng góp về công sức, về tài chính để duy trì và phát triển các hoạt động tôn giáo của các Hội thánh đã làm mất đi khá nhiều thời gian, vật chất của tín đồ, làm tác động đến phát triển bền vững về kinh tế ở địa phương.

- Cao Đài tổ chức và thực hiện các hoạt động an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục, y tế và từ thiện nhân đạo

Cùng với những thành tựu trong phát triển bền vững về kinh tế, nước ta cũng đã đạt được những thành tựu trong phát triển bền vững về xã hội. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, y tế có bước phát triển quan trọng. Trong sự nghiệp chung đó, có sự đóng góp của chức sắc, tu sĩ và tín đồ Cao Đài. Cùng với quá trình truyền đạo, Cao Đài đã tham gia và hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục của Đảng, Nhà nước bằng việc phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, hiệu quả. Thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, cứu trợ xã hội, cụ thể:

Hoạt động giáo dục được các tổ chức Hội thánh quan tâm trong quá trình truyền đạo cả trong nước và ở cộng đồng người Việt hải ngoại. Hoạt động an sinh xã hội trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện ở các hình thức như: mầm non, dạy nghề và thành lập nguồn quỹ khuyến học, xây dựng các cơ sở hạnh đường để bổ túc kiến thức cho các chức sắc, chức việc và tín đồ trong đạo.

Trong lĩnh vực y tế, tinh thần bác ái, nhân đạo của đạo Cao Đài được thể hiện rõ, thông qua việc thăm, khám chữa bệnh và phát thuốc miễn phí, mở phòng khám, phòng thuốc phước thiện,… Nâng cao nhận thức cho tín đồ biết tổ chức cuộc sống hợp vệ sinh, phòng tránh bệnh tật, đến bệnh viện khi bị bệnh, dùng thuốc thay vì cầu cúng, khuyên bảo người dân loại bỏ các hủ tục lạc hậu ảnh hưởng đến sức khỏe.

Để thực hiện các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, các tổ chức Hội thánh có nguồn nhân lực và huy động được nguồn vật chất nên có hiệu quả cao. Chủ thể thực hiện là các Hội thánh, họ đạo và thông qua các hoạt động cụ thể của các chức sắc, chức việc và tín đồ. Các hoạt động như: phát quà từ thiện, hỗ trợ vật chất, thành lập bếp ăn từ thiện, trợ táng cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... Họ vừa là người kêu gọi nguồn vốn, vừa là người tổ chức thực hiện góp phần cùng chính quyền địa phương nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- *Cao Đài góp phần thực hiện đoàn kết dân tộc và đồng thuận xã hội*

Đại đoàn kết toàn dân tộc luôn là vấn đề chiến lược, là tư tưởng nhất quán và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội lần thứ XIII của Đảng chỉ rõ: "*Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* [34, tr. 181].

Đồng hành cùng dân tộc theo tinh thần "Nước vinh, đạo sáng", Cao Đài cũng đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện đoàn kết dân tộc, tạo đồng thuận xã hội. Chính nhờ niềm tin tôn giáo đã tác động đến hành vi, đạo đức ứng xử của mỗi người và cộng đồng. Sự gắn kết chặt chẽ những người cùng đức tin Cao Đài luôn có sức sống bền vững và lan tỏa ra xã hội, tạo nên những mối tương quan trong quan hệ xã hội, góp phần vào đồng thuận, tiến bộ xã hội. Trong cộng đồng tín đồ theo đạo Cao Đài, các

chức sắc, chức việc luôn đóng vai trò là trung gian hòa giải, chỉ bảo tín đồ chăm chỉ làm ăn, chấp hành chính sách ở địa phương; đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết dân tộc, những ảnh hưởng đó tạo sự ổn định, góp phần đồng thuận xã hội.

- *Cao Đài trong phát triển bền vững về môi trường tự nhiên*

Vấn đề suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu đang là một thảm họa không những ở Việt Nam mà còn ở phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng xấu đến đời sống của con người, không loại trừ một tầng lớp, giai cấp hay tôn giáo nào.

Quan niệm của Cao Đài trong phát triển bền vững về môi trường là phải giữ gìn và tôn trọng tự nhiên, trái đất do đức Chí Tôn Thượng Đế tạo dựng và trao cho con người trách nhiệm trông coi và giữ gìn cho thế hệ hiện nay và tương lai. Do đó, con người phải sống hài hòa với thiên nhiên, can thiệp vào thiên nhiên nhưng không được lạm dụng hay phá hoại mà phải bảo vệ và tạo điều kiện để thiên nhiên phát triển. Cao Đài quan niệm trách nhiệm bảo vệ môi trường chính là nền tảng luân lý đạo đức của con người đối với sự tạo hóa của đấng thiêng liêng ban cho.

Từ những quan điểm trên, Cao Đài tham gia vào bảo vệ môi trường từ việc giáo dục tín đồ qua các nguyên tắc luân lý đạo đức, đến việc tổ chức và thực hiện những hành vi cụ thể trong đời sống, sinh hoạt tôn giáo, trong tổ chức cuộc sống, làm thay đổi nhận thức và hành động bảo vệ môi trường của người dân, tạo hiệu ứng tốt cho xã hội trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên mang tính bền vững. Như vậy, quan điểm và hành động bảo vệ môi trường của đạo Cao Đài phù hợp với chủ trương chung của nhiều quốc gia và Việt Nam trong vấn đề bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, hạn chế ảnh hưởng đến đời sống người dân hiện tại và cả các thế hệ tương lai.

2.2.3.3. Cao Đài phát triển bền vững về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo

Trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước, việc kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng - an ninh luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm. Trong thành quả đó vai trò của các tổ chức tôn giáo trong việc đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc có ý nghĩa quan trọng tạo sự ổn định xã hội từ bên trong.

Cao Đài quan niệm hòa bình của nhân loại chính là kết quả của công bằng và bác ái, hòa bình phải được xây dựng trên việc hiểu đúng con người và thiết lập một trật tự dựa trên nền tảng công bằng và bác ái. Hội thánh lên án chiến tranh, lên án mạnh mẽ chính sách khủng bố, xem nó như là sự gieo rắc hận thù, chết chóc. Chính vì vậy, trong quan hệ với các tôn giáo khác, Cao Đài luôn xác định đường hướng đối thoại, liên tôn để cùng phát triển, tạo đồng thuận trong quan hệ với Nhà nước góp phần đảm bảo và phát triển bền vững về an ninh chính trị quốc gia.

Trong quá trình đổi mới đất nước, chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng cởi mở, không chỉ tạo điều kiện cho tôn giáo, trong đó có Cao Đài hoạt động ổn định, phát triển theo quy định của pháp luật, mà còn nhìn nhận giá trị đạo đức, văn hóa và vai trò của tôn giáo trong phát triển đất nước. Đấy chính là cơ sở quan trọng để Cao Đài gắn bó đồng hành cùng dân tộc, tạo tiền đề để Cao Đài, các tôn giáo khác và Nhà nước tạo mối quan hệ gắn bó trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội. Mối quan hệ đó vừa tạo đồng thuận xã hội, vừa ngăn chặn sự xâm nhập của các đối tượng cực đoan luôn tìm cách chống phá mối quan hệ giữa Nhà nước và Cao Đài, tạo mâu thuẫn tôn giáo, nhằm mục tiêu gây bất ổn xã hội, ảnh hưởng xấu đến phát triển bền vững về an ninh chính trị của Việt Nam.

- Đạo đức Cao Đài góp phần giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội

Giá trị đạo đức của Cao Đài được thể hiện ở giáo lý, luật lệ của đạo Cao Đài, cụ thể nằm trong "Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy" [32, tr.23]. Đây là những luật lệ cơ bản của đạo Cao Đài nhằm gúp tín đồ sống tốt, đúng đắn, chuẩn mực. Bởi vậy, ở những nơi có đông tín đồ Cao Đài tình hình an ninh trật tự tốt hơn và các tệ nạn xã hội cũng ít, góp phần giữ vững an ninh - quốc phòng ở mỗi địa phương và cả nước.

Tuy nhiên, trong lịch sử truyền giáo, đã có thời kỳ Cao Đài bị thực dân Pháp, đế quốc Mỹ lợi dụng vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Điều đó, luôn là cái cớ để các thế lực thù địch cực đoan lợi dụng niềm tin tôn giáo, lợi dụng một số chức sắc, tu sĩ cực đoan kích động tín đồ tụ tập, gây điểm nóng phản đối việc thực hiện chủ trương, chính sách ở địa phương. Chính trị hóa các vụ việc dân sự làm cho một số chức sắc, và tín đồ Cao Đài mất niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương.

Tình trạng trên cho thấy ảnh hưởng tiêu cực của Cao Đài dễ mang lại hệ lụy xấu trên phương diện an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đây là vấn đề hết sức nghiêm trọng nếu không được giải quyết sẽ cản trở sự phát triển bền vững.

Có thể nói, Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, môi trường và an ninh chính là ở niềm tin tôn giáo. Niềm tin, đạo đức tôn giáo đã tác động đến nhận thức và hành động của chức sắc và tín đồ Cao Đài khi tham gia vào từng lĩnh vực. Mỗi lĩnh vực có những ưu điểm, nhưng cũng có những khuyết điểm. Để phát huy những tích cực, hạn chế những tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững rất cần nhận diện, đánh giá khách quan và lâu dài để có những ứng xử phù hợp, tạo đồng thuận xã hội vì mục tiêu chung.

2.3. Một số nhân tố tác động tới đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.3.1 Điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) hay còn được gọi là Tây Nam Bộ, là khu vực cực nam của tổ quốc, với địa hình chủ yếu là đồng bằng, thuộc hạ lưu sông Vàm Cỏ, sông Tiền, sông Hậu và một phần giáp biển Đông, nằm ở phía nam nước ta, "*bao gồm các tỉnh/thành: Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau và Tp. Cần Thơ. Toàn vùng có diện tích 34.699,81 km², chiếm 10,4% diện tích cả nước, vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam Bộ về phía đông Bắc, phía tây Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là Biển Đông. Trong đó có 386 km đường biên giới với Campuchia cùng các cửa khẩu quốc tế và quốc gia, đã hình thành mối liên kết thuận lợi giữa khu vực với thị trường Campuchia, Thái Lan,... Với tổng dân số toàn vùng năm 2023 gần 18 triệu người, chiếm 19% tổng dân số cả nước, bình quân 441 người/km^2"* [27, tr.1].

Về điều kiện tự nhiên: Ở vị trí cực nam của tổ quốc, có vị trí nằm liền kề vùng Đông Nam Bộ, phía tây Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam là vịnh Thái Lan, phía Đông Nam là Biển Đông. Các điểm cực của đồng bằng trên đất liền gồm điểm cực Tây ở phường Hà Tiên, tỉnh An Giang; cực Đông ở xã Thới Thuận, Tỉnh Vĩnh Long; cực Bắc ở xã Tân Đông, Tỉnh Đồng Tháp; cực Nam ở xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, còn có các đảo xa bờ của Việt Nam như đảo Phú Quốc (An Giang), quần đảo Thổ Chu (An Giang), quần đảo Hòn Khoai (Cà Mau).

Vùng có hệ thống giao thông vận tải khá đầy đủ, hệ thống các tuyến cao tốc đường bộ và đường thủy nối liền với TP.HCM, khu cực Đông Nam Bộ và cả Campuchia, hệ thống đường hàng không có 4 sân bay (Cần Thơ, Rạch Giá, Phú Quốc, Cà Mau) trong đó lớn nhất là sân bay quốc tế Cần Thơ. Do vậy, đồng bằng sông Cửu Long có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại và môi trường sinh thái của cả nước.

Đồng bằng sông Cửu Long có lợi thế về đất đai, là vùng đất phù sau màu mỡ nhất nước, đa dạng tài nguyên rừng, chủ yếu là rừng ngập mặn ven biển và có tiềm năng về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Là khu vực có thảm sinh vật đa dạng, có trữ lượng khoáng sản, có nhiều tiềm năng du lịch sinh thái, miệt vườn. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của xâp nhập mặn ngày càng cao, từ biến đổi khí hậu, làm cho tình trạng hạn hán, lũ lụt thường sảy ra, ảnh hưởng đến đời sống người dân. ĐBSCL có địa bàn rộng, đa dạng tộc người, đồng bào sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ dân trí, nhận thức của đồng bào còn thấp, trong đời sống thường ngày người dân còn hạn chế với tiếp cận với khoa học, kỹ thuật. Đây là khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi hạn mặn, ngập lụt và sạt lở bờ sông. Phần lớn tín đồ Cao Đài là nông dân, khi sinh kế bị đe dọa bởi thiên tai, đời sống kinh tế của gia đình tín đồ gặp khó khăn, trực tiếp ảnh hưởng đến các hoạt động đóng góp, duy trì cơ sở vật chất của đạo. Điều này buộc đạo phải chuyển dịch các mô hình từ thiện sang hỗ trợ sinh kế xanh và trữ nước ngọt cho người dân.

Kinh tế: Đồng bằng sông Cửu Long không giàu khoáng sản. Khoáng sản chủ yếu là than bùn và đá vôi. Ngoài ra đồng bằng còn có các khoáng sản vật liệu xây dựng như sét gạch ngói, cát sỏi.

Tài nguyên rừng cũng giữ những vai trò quan trọng, đặc biệt là hệ thống rừng ngập mặn ven biển lớn nhất Việt Nam, trong đó hệ thống rừng ngập mặn Mũi Cà Mau được công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới, bên cạnh đó là những cánh rừng

tràm ở U Minh (Cà Mau), Tam Nông (Đồng Tháp) với một hệ thống sinh học vô cùng đa dạng, phong phú.

Trong sản xuất nông nghiệp, triển khai nghị quyết 120 của Chính phủ năm 2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phân định đồng bằng sông Cửu Long thành ba vùng sản xuất: Vùng thượng (An Giang, Đồng Tháp) trồng lúa, rau màu, nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Vùng giữa (Tp. Cần Thơ, Vĩnh Long) trồng cây ăn quả. Vùng ven biển (Cà Mau và An Giang) thâm canh, luân canh tôm - lúa, nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.

Mặc dù diện tích canh tác "*nông nghiệp và thủy sản chưa tới 30% của cả nước nhưng miền Tây đóng góp hơn 50% diện tích lúa, 71% diện tích nuôi trồng thủy sản, 30% giá trị sản xuất nông nghiệp và 54% sản lượng thủy sản của cả nước. Lúa trồng nhiều nhất ở các tỉnh An Giang, Đồng Tháp. Diện tích và sản lượng thu hoạch chiếm hơn 50% so với cả nước. Bình quân lương thực đầu người gấp 2,3 lần so với lương thực trung bình cả nước. Nhờ vậy nên Đồng bằng sông Cửu Long là nơi xuất khẩu gạo chủ lực của cả đất nước. Ngoài ra cây ăn quả còn là đặc sản nổi tiếng của vùng, với sự đa dạng về số lượng, cũng như chất lượng ngày càng được nâng cao. Về thủy sản chiếm 50% cả nước, nhiều nhất ở các tỉnh Cà Mau, An Giang. Trong đó An Giang là tỉnh có sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng nhiều nhất. Nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản đang phát triển mạnh, theo quy mô công nghiệp"* [44, tr.41]

Ngành công nghiệp phát triển rất thấp, chủ yếu là ngành chế biến lượng thực. Tp.Cần Thơ là trung tâm công nghiệp của cả vùng bao gồm các ngành nhiệt điện, chế biến lương thực, luyện kim đen, cơ khí, hóa chất, dệt may và vật liệu xây dựng.

Khu vực dịch vụ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm các ngành chủ yếu: xuất nhập khẩu, vận tải thủy và du lịch. Xuất khẩu gạo chiếm 80% của cả nước. Giao thông đường thủy giữ vai trò quan trọng nhất. Du lịch biển chủ yếu ở An Giang với thắng cảnh đẹp ở Hà Tiên, Phú Quốc. Du lịch tâm linh với nhiều chùa đẹp ở An Giang, Tp. Cần Thơ, Vĩnh Long. Du lịch sinh thái bắt đầu khởi sắc như du lịch trên sông nước, vườn, khám phá các cù lao. Du lịch bền vững bước đầu hình thành với sự thành công của khu nghỉ dưỡng bền vững Mekong Lodge tại Tiền Giang và nhiều địa

phương khác như: Vĩnh Long, Cà Mau, Đồng Tháp. Tuy nhiên chất lượng và sức cạnh tranh của các khu du lịch không đồng đều và còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh đó sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và di dân cùng là một vấn đề đáng chú ý, sự thiếu hụt việc làm tại chỗ khiến một lượng lớn lao động trẻ tại ĐBSCL di cư lên các trung tâm công nghiệp lớn (như TP.HCM, Đồng Nai). Điều này làm giảm đi lực lượng nòng cốt tại các họ đạo địa phương, đòi hỏi các tổ chức Cao Đài phải có sự kết nối chặt chẽ hơn với các chi hội tại các khu vực ngoài vùng.

Văn hóa - Xã hội: Cư dân ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là người Kinh, người bản địa Khmer sinh sống chủ yếu ở Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ và tỉnh An Giang. Vẫn có người Hoa quy mô tương đương ở tỉnh An Giang và tỉnh Vĩnh Long, Cà Mau một số di cư đến khoảng thời gian cuối nhà Minh đầu nhà Thanh do Mạc Cửu tuyển mộ, và một bộ phận người Chăm ở tỉnh An Giang. Dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm trong những năm gần đây, chủ yếu do di cư đi nơi khác.

Tuy nhiên, trình độ học vấn của người dân thấp. Đây là rào cản trong việc thực hiện chủ trương chính sách, pháp luật và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, dẫn đến hạn chế trong phát triển kinh tế, xã hội; tác nhân trực tiếp dẫn đến khoảng cách giàu - nghèo về kinh tế, xã hội, văn hóa giữa người kinh và người dân tộc thiểu số và dễ bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc vào các hoạt động vi phạm pháp luật.

Trước khi các tôn giáo lớn xuất hiện, hầu hết người dân ở ĐBSCL theo tín ngưỡng đa thần, gắn liền với các nghi lễ nông nghiệp và hình thành một hệ thống các lễ hội. Hiện nay, ĐBSCL có sự hiện diện của: " *Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Cao đài, Phật giáo Hòa Hỏa và một số tôn giáo khác, với khoảng 5,95 triệu tín đồ các tôn giáo (chiếm 34,07% dân số), hơn 47.334 chức sắc, chức việc, nhà tu hành làm cho bức tranh tín ngưỡng, tôn giáo ở đây phong phú, đa dạng và không kém phần phức tạp*". [28, tr.17]

Ngoài ra, xu hướng thế tục hóa và đô thị hóa, lối sống thành thị, sự phát triển của công nghệ và các hình thức giải trí hiện đại làm giảm bớt nhu cầu sinh hoạt cộng đồng truyền thống. Xu hướng "thế tục hóa" khiến một bộ phận giới trẻ hoặc người

dân giảm tần suất đến Thánh thất, đặt ra bài toán cho đạo trong việc đổi mới phương thức truyền giáo và duy trì sức sống văn hóa.

Như vậy, điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của ĐBSCL vừa có những yếu tố thuận lợi, nhưng cũng có những khó khăn xen kẻ để Cao Đài phát huy ảnh hưởng trong phát triển bền vững:

+ Về thuận lợi, ĐBSCL là khu vực mà Cao Đài đã có nhiều kinh nghiệm trong truyền đạo và có sức ảnh hưởng trong đời sống của một bộ phận người dân, hiện nay vẫn là môi trường sinh hoạt phù hợp của Cao Đài. Với đặc tính thoáng mở và dung hợp tôn giáo, cùng với lối sinh hoạt tôn giáo gắn liền với văn hóa cư dân Nam bộ nói chung, Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng đã làm cho Cao Đài ở khuc vực này có một chổ đứng, một đời sống trong lòng tín đồ và cư dân.

ĐBSCL là khu vực trọng điểm có vị trí chiến lược của cả nước nên được Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển, tuy nhiên đời sống kinh tế, trình độ nhận thức của người dân vẫn còn thấp, giao thông chưa thuận lợi, một số hủ tục vẫn ảnh hưởng trong đời sống của người dân, lại là điều kiện để Cao Đài phát huy ảnh hưởng thông qua hoạt động từ thiện nhân đạo trong các lĩnh vực y tế, giáo dục và dạy nghề gắn liền với hoạt động truyền đạo.

+ Về khó khăn, Bên cạnh những thuận lợi thì điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ở ĐBSCL cũng là thách thức, khó khăn cho Cao Đài phát huy ảnh hưởng. ĐBSCL vẫn là vùng đất còn khá nhiều khó khăn, nhất là trong điều kiện trình độ dân trí, nhận thức của người dân còn thấp là cản trở cho việc theo đạo, giữ đạo của các tín đồ. Do đó, làm cho tín đồ dễ bỏ đạo, cải đạo theo các tôn giáo mới và các tổ chức hội thánh phải hỗ trợ nhiều hơn trong đời sống kinh tế, xã hội.

Thêm nữa đây là địa bàn rộng, nhiều vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, không chỉ cản trở hoạt động truyền đạo mà còn cản trở việc Cao Đài triển khai các hoạt động xã hội để phát tạo nguồn lực thêm cho hội thánh.

2.3.2. Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long tác động đến tôn giáo nói chung và Cao Đài nói riêng trong phát triển bền vững

- *Chủ trương, chính sách phát triển ĐBSCL:* Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách để phát triển ĐBSCL trong tất cả các lĩnh vực, vì vậy đời sống người dân ngày một nâng cao, phát triển.

Trong 5 năm, từ 2017 - 2022, Đảng và Nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm hoạch định, ban hành hệ thống chính sách phát triển bền vững vùng ĐBSCL trước những thách thức của bối cảnh, điều kiện phát triển mới. Một số văn bản tiêu biểu như Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17 - 11 - 2017, của Chính phủ, "*Về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*", qua đó nghị quyết là cột mốc mang tính đột phá, đánh dấu sự thay đổi từ cách tiếp cận mang tính phòng vệ thụ động với biến đổi khí hậu sang hướng tới mô hình chủ động thích ứng với thiên nhiên, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hoặc Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 2 - 4 - 2022, của Bộ Chính trị, "*Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*" [14, tr.1] tiếp tục mở ra diện mạo vùng kinh tế - xã hội đồng bằng sông Cửu Long trong tương lai, với phương châm phát triển hài hòa, mục tiêu phát triển ĐBSCL trở thành vùng phát triển toàn diện, sinh thái, văn minh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước.

- *Chủ trương chính sách, pháp luật về tôn giáo* là một trong những điều kiện quan trọng tác động trực tiếp đến việc Cao Đài tham gia vào phát triển bền vững ở ĐBSCL. Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới công tác tôn giáo được ghi dấu bằng việc Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 24/NQ-TW, ngày 16/10/1990 về *"Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới"* [13, tr.1]. Trên tinh thần đổi mới nhận thức về tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là những quan điểm quan trọng đặt tiền đề cho việc đổi mới công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Thể chế hoá các quan điểm của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ đổi mới đất nước, Nhà nước đã ban hành Nghị định số 69/HĐBT, ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng [46, tr.1], *quy định về các hoạt động tôn giáo*; Nghị định số 26/1999/NĐ-CP [21, tr.1], *về các hoạt động tôn giáo* thay thế Nghị định số 69 đã tạo

hành lang pháp lý cho hoạt động tôn giáo và quản lý các hoạt động tôn giáo trong giai đoạn đầu đổi mới.

Hội nghị Trung ương lần thứ VII khoá IX, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/2003/TW, ngày 12/3/2003 *Về công tác tôn giáo* [2, tr. 1] nhằm tiếp tục nâng cao, hoàn thiện các quan điểm về tôn giáo và công tác tôn giáo của Nghị quyết số 24 trong tình hình mới.

Thể chế hoá các quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và công tác tôn giáo, ngày 18/6/2004, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định khá chi tiết các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Trên cơ sở Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/NĐCP [22, tr.1], ngày 01/3/2005 về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, sau đó được thay thế bằng Nghị định số 92/2012/NQ-CP [23, tr.1], ngày 8/11/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và một số biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Tiếp tục thể chế hóa Nghị quyết của Đảng và Hiến pháp, ngày 01/12/2016 Quốc hội đã ban hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, đồng thời ngày 30/12/2017 Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 162/2017/NĐ-CP [24, tr.1], quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và kèm theo đó là bộ biểu mẫu giúp cho việc thực thi pháp luật thống nhất và thuận lợi.

Đặc biệt nguồn lực tôn giáo đã xuất hiện trong Chỉ thị 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7, Khoá IX về công tác tôn giáo. Đây là quan điểm hết sức quan trọng, gắn với vấn đề lý luận, thực tiễn của tôn giáo, công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Đến trong văn kiện Đại hội XIV, năm 2026 của Đảng có nhiều chỗ đề cập đến tôn giáo: "Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước".

Như vậy, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ở ĐBSCL vừa thuận lợi, vừa là thách thức để Cao Đài giữ vững được địa bàn truyền đạo, phát huy ảnh hưởng trong cộng đồng dân tộc:

+ *Về thuận lợi,* chủ trương chính sách, pháp luật để phát triển ĐBSCL của Đảng, Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho Cao Đài trong hoạt động tôn giáo và phát huy trong đời sống xã hội. Cơ sở hạ tầng phát triển, giao thương được mở rộng tạo cơ hội cho Cao Đài mở rộng địa bàn truyền đạo vào đồng bào tín đồ vùng sâu, vùng xa, thành lập các trung tâm dạy nghề, các phòng khám, phát thuốc từ thiện. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước phát triển ĐBSCL cũng mang đến ĐBSCL một số lượng tín đồ Cao Đài. Đổi mới chính sách tôn giáo của Việt Nam đã tạo điều kiện cho tôn giáo, trong đó có Cao Đài hoạt động theo quy định của pháp luật. Chủ trương, chính sách tôn giáo là cơ sở pháp lý buộc cán bộ, công chức cũng như chức sắc, tín đồ Cao Đài phải nâng cao ý thức và chủ động chấp hành. Tạo điều kiện cho Cao Đài phát huy khả năng, đóng góp vào phát triển bền vững ở ĐBSCL.

+ *Về khó khăn,* bên cạnh những thuận lợi, thì đời sống người dân ngày một nâng cao, hạ tầng cơ sở phát triển, giao thương mở rộng cũng tạo điều kiện cho các tôn giáo khác, nhất là các tôn giáo mới, văn hóa các vùng miền và nước ngoài du nhập vào ĐBSCL. Đây là thách thức đối với Cao Đài trong việc giữ đạo và phát triển đạo. Địa bàn truyền đạo bị chia sẻ, đức tin tôn giáo cũng bị giảm sút do tác động của công nghệ, kỹ thuật số, của trào lưu văn hóa mới, dẫn đến việc tín đồ Cao Đài bỏ đạo, cải đạo làm cho hoạt động tôn giáo thiếu ổn định. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đã mang lại cho đời sống của người dân tốt hơn, hoạt động tôn giáo được đảm bảo, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Điều đó làm cho Cao Đài hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội theo quy định của luật, đồng thời điều chỉnh hoạt động phù hợp tình hình thực tế.

Tóm lại, như vậy dù trực tiếp hay gián tiếp thì những đặc điểm trên đã, đang và sẽ tác động đến đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL trên cả hai phương diện: vừa là thách thức, vừa là thời cơ. Không ai khác, Cao Đài phải tìm chọn cho mình đường hướng thích hợp nhất, vừa tận dụng thời cơ để phát triển, vừa loại bỏ các yếu tố tác động tiêu cực trong đời sống tôn giáo, tạo đồng thuận xã hội, đồng hành cùng dân tộc vì sự phát triển chung của đất nước.

2.3.3. Tổ chức và tín đồ đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

- *Về tổ chức giáo hội*: Cũng như các tôn giáo khác ở đồng bằng sông Cửu Long, Cao Đài ở nơi đây cũng có một hệ thống tổ chức giáo hội rất chặt chẽ, từ giáo lý, lễ nghi cho tới đội ngũ chức sắc, chức việc... tất cả đều đóng góp chung vào sự phát triển bền vững của khu vực. Xét về giáo lý, trường hợp đạo Cao Đài trong lịch sử hình thành đây là một tôn giáo cởi mở. Sự cởi mở này không phải tự nhiên mà có, nó được xuất phát khởi nguồn hình thành từ chính những điều kiện vị trí địa lý tự nhiên của vùng đất Nam Bộ nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng, với những điều kiện địa lý thoáng đãng, dễ lưu thông cho các hoạt động giao lưu của con người sinh sống trao đổi, đi lại mua bán từ đó tạo nên những điều kiện tập hợp của nhiều cộng đồng dân tộc khác nhau, như Kinh, Hoa, Châm, Khmer.... cùng sống trên vùng đất trù phú Nam Bộ, đã sản sinh ra những loại hình văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo đa dạng, phong phú.

Tinh thần cởi mở của đạo Cao Đài thể hiện rõ thông qua xu hướng tổng hợp các tôn giáo hiện hữu đã tồn tại vào một thực thể tôn giáo duy nhất là Thượng Đế (hay gọi là Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát), do đó xét về giáo lý của đạo Cao Đài chính là sự tổng hợp những gì mà đạo Cao Đài cho là tỉnh hoa nhất của tất cả các tôn giáo khác, nhưng đồng thời cũng có một số cái riêng đáng có của một tôn giáo nội sinh.

Từ đặc điểm này mà trong giáo lý Cao Đài luôn khuyến khích sản xuất, dạy tín đồ tự lực, cần cù chăm chỉ trong lao động sản xuất, và luôn có thái độ chân thảnh, bao dung, rộng mở đối với những người không thuộc tôn giáo mình, bởi vì trong tư tưởng, đức tin của tôn giáo này thì các đấng giáo chủ của các tôn giáo khác, chính là những hiện thân khác nhau của đấng tối cao Thượng Đế mà họ đang tôn thờ, do đó các tôn giáo khác không bao giờ là kẻ đối lập đối với họ, vì ở họ có chung niềm tin vào đấng ngự trị. Như vậy đứng trên góc độ tiếp cận về phát triển bền vững, chính yếu tố cởi mở này của đạo Cao Đài sẽ là một vốn văn hóa rất tích cực, hữu ít đóng góp cho khu vực.

Xét trong bối cảnh hiện nay chúng ta có thể thấy rõ, một trong các điều kiện cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia chính là quốc gia ấy có thu hút được vốn đầu tư hay không, nhất là vốn đầu tư và lao động nước ngoài. Trong khi đó đồng bằng sông Cửu Long là một vùng đất rộng mở, mới khai phá so với các vùng khác ở Việt Nam, là nơi giao thoa những nét đặc trưng của nhiều tộc người cùng sinh sống. Do đó, tinh thần chân thật, cởi mở của một dân tộc là yếu tố có tính nền tảng khiến nền kinh tế có được tính cách thông thoáng và mở cửa hơn để thu hút các nguồn lực khác đầu tư. Tình thần này sẽ được tăng cường, bồi đắp hơn nữa một khi có sự tác động trợ lực của một tôn giáo có đặc tính giống như vậy dẫn đến sự thay đổi hành vi kinh tế của dân tộc, quốc gia đó mà cụ thể ở đây là vùng ĐBSCL. Đều đó cho thấy đạo Cao Đài với đặc điểm vốn có của mình, có khả năng đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội của cả nước nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ tín đồ trong xây dựng phát triển kinh tế, xã hội các tổ chức Hội thánh và cơ sở họ đạo ở địa phương đã linh động cho tín đồ trong thực hiện các lễ nghi tôn giáo, không bắt buộc phải thực hiện tại các thánh thất, thánh tịnh sở tại, mà tín đồ có thể thực hiện ở bất kỳ một một cơ sở thờ tự Cao Đài nào gần nhất để tiết kiệm thời gian cho lao động sản xuất.

Các chức sắc và chức việc của các tổ chức hệ phái Cao Đài luôn tạo những điều kiện tốt nhất để người tín đồ vừa thực hiện được trọn vẹn đời sống tôn giáo, mặt khác cũng đảm bảo đời sống lao động sản xuất trong xã hội. Điển hình ở một số tổ chức hội thánh như: Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Minh Chơn đạo, Cao Đài Ban Chỉnh đạo... các chức sắc, chức việc chú trọng trong việc hổ trợ tín đồ và người dân về vốn sản xuất, về kỹ thuật, về đầu ra sản phẩm... Trong các buổi giảng đạo, chức sắc Cao Đài luôn khuyên bảo tín đồ phát triển kinh tế trên nền tảng đức tin, làm ăn trung thực, nâng cao trách nhiệm xã hội, sống tốt đời - đẹp đạo, tránh vì lợi nhuận mà ảnh hưởng đến cộng đồng và môi trường, đoàn kết giáo dân giữa gìn ổn định phát triển.

- *Về tín đồ Cao Đài:* Bản chất của người tín đồ đạo Cao Đài cộng với con người Nam Bộ là yêu thương con người, hài hòa với tự nhiên, nhân văn nhân đạo. Vai trò của tín đồ đạo Cao Đài là nhập thế phụng sự, đoàn kết cộng đồng và tu hành theo triết

lý "Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát". Tín đồ sống hiếu thảo, nhân nghĩa, tích cực tham gia thiện nguyện, an sinh xã hội, xây dựng đạo đức và lối sống văn minh. Những vai trò của người tín đồ theo đạo Cao Đài được phổ quát cụ thể là:

- Tinh thần nhập thế, phụng sự đạo - đời : Tín đồ không chỉ lo tu hành mà còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, lao động sản xuất, làm giàu cho bản thân và xã hội. Tính đồ các hệ phái Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long phần lớn gắn bó với sản xuất nông nghiệp truyền thống lâu đời, tạo ra bản tính cần cù chăm chỉ trong lao động sản xuất, một mặt bên cạnh vừa tu hành, mặt khác lại cũng hòa nhập vào đời sống sản xuất kinh tế xã hội.

Ở các địa phương có số lượng giáo dân họ đạo đông như Vĩnh Long (Bến Tre củ), hoặc An Giang nhiều gia đình tín đồ là chủ các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, tạo ra của cải vật chất lớn, nâng cao đời sống cá nhân tín đồ, và còn gúp đỡ việc làm, tạo thu nhập cho cộng đồng xã hội.

- Tín đồ đạo Cao Đài nổi bật với các hoạt động thiện nguyện: Tín đồ tích cực tham gia các phong trào từ thiện, bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, thể hiện tinh thần "tốt đạo, đẹp đời". Phát triển các tổ, hội, nhóm sinh hoạt các hoạt động từ thiện như: phát cơm chay, xây dựng nhà tình thương đồng đạo, ủng hộ quyên góp mua xe cứu thương, xây dựng trường học, bệnh viện... Tại một số địa phương trong vùng như: Tp. Cần Thơ, An Giang... phát triển rộng lớn đội xe cứu thương của các hệ phái Cao Đài, nhiều bếp ăn từ thiện được duy trì cố định các ngày trong tháng tại các Thánh Thất, Thánh Tịnh... nhằm gúp đỡ cộng đồng xã hội.

- Bên cạnh đó, việc thực hiện lối sống đạo đức và đoàn kết trong tín đồ họ đạo Cao Đài cũng là một điểm sáng: Tín đồ phát huy giá trị văn hóa, tạo sự gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau và xây dựng cuộc sống cộng đồng bình đẳng, hạnh phúc. Thực hành hiếu thảo với cha mẹ, nhân nghĩa với bạn bè, trung thành với Tổ quốc, sống trung dung và tuân thủ các quy tắc đạo đức, giữ gìn giới luật để đạt được sự giải thoát tâm linh luôn là mục đích cầu đạo của mỗi tín đồ Cao Đài.

Với các tinh thần vốn có nói trên, cho thấy tín đồ Cao Đài đóng góp quan trọng vào đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đóng góp tác động trực tiếp lớn đến phát triển bền vững tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Như vậy, vai trò của tín đồ đạo Cao Đài vừa có những yếu tố thuận lợi, nhưng cũng có những khó khăn trong việc tác động đến phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long:

- *Về thuận lợi:* Tín đồ đạo Cao Đài có thuận lợi lớn nhờ giáo lý dung hợp Tam giáo (Phật, Tiên, Thánh), đề cao đạo đức nhân sinh, kết hợp với lối sống dung hòa, hòa hợp của người dân Nam bộ đã hun đút tạo thành một nét bản sắc riêng vốn có của con người tín đồ họ đạo. Tinh thần nhập thế, khuyến khích tham gia hoạt động xã hội, làm giàu chính đáng; cùng với sự gắn kết cộng đồng, có tổ chức Hội thánh chặt chẽ, tạo cộng đồng đoàn kết, tương trợ lẫn nhau. Tất cả đã tạo ra một nền móng vững chắc của người tín đồ đạo Cao Đài trong khát vọng phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

- *Về khó khăn:* Áp lực về cải biến cơ cấu và cách thức hành đạo để phù hợp với xã hội hiện đại; cùng với nâng cao trình độ dân trí trong đội ngũ chức sắc, chức việc và tín đồ còn chưa cao, đội ngũ thế hệ trẻ trong các họ đạo chưa phát triển; cộng thêm với việc thực hiện quy tắc nghiêm ngặt như: Tuân thủ Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và Ngũ giới cấm, các nghi thức, nghi lễ phức tạp tốn nhiều thời gian, không phù hợp với xu thế của xã hội hiện đại... tất cả những đều đó là rào cản lớn trong tiến trình phát triển của người tín đồ đạo Cao Đài sống trong lòng một xã hội hiện đại. Đòi hỏi trong thời gian tới Cao Đài cần có những cải cách phù hợp, nhất là vấn đề sinh hoạt tín đồ, có như vậy mới tạo ra sự thay đổi phù hợp, góp phần vào xây dựng và phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tiểu kết chương 2

Đầu tiên cần nhận thức rõ, phát triển bền vững là một vấn đề cơ bản trong lịch sử phát triển của thế giới, tuy nhiên để trở thành đối tượng nghiên cứu của các ngành, các lĩnh vực thì mới chỉ xuất hiện khoảng cuối thế kỷ XX đến nay, khi mà nhiều yếu tố tác động xấu đến sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống của con người. Nguyên nhân của những tác động xấu đến phát triển bền vững lại chính là con người, do con người. Chính vì vậy, phát triển bền vững là mục tiêu, là trọng tâm trong chiến lược phát triển của các quốc gia. Thế giới cũng như Việt Nam đều thống nhất đánh giá phát triển bền vững trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời đảm bảo thống nhất hài hòa giữa các trụ cột đó.

Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng, Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, nhất là vai trò của tôn giáo, trong đó có Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL trên 3 trụ cột: văn hóa ; kinh tế, xã hội, môi trường; và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, sự khác biệt mà đạo Cao Đài tham gia vào phát triển bền vững thể hiện chủ yếu bằng niềm tin tôn giáo và khó có thể lượng hóa được bằng khối lượng vật chất. Vì niềm tin và thực hành niềm tin ở trong mỗi tín đồ hiện hữu hàng ngày trong đời sống xã hội. Do đó khi con người có niềm tin tôn giáo và niềm tin đó được định hướng tích cực đến nhận thức và hành vi của tín đồ tác động tốt đến các chuẩn mực đạo đức văn hoá, phát triển kinh tế, đồng thuận xã hội và góp phần gìn giữ hòa bình, ổn định khu vực.

Khi tham gia vào quá trình phát triển bền vững ở ĐBSCL, Cao Đài cũng luôn chịu tác động bởi các yếu tố trong và ngoài nước. Sự phát triển của các tôn giáo khác như: Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo... là thách thức về không gian; những hệ lụy trong lịch sử và phương thức truyền đạo cũng là những trở ngại của Cao Đài. Tuy nhiên, những yếu tố trong và ngoài nước cũng luôn là cơ hội để Cao Đài tìm phương cách phù hợp trong xã hội. Bên cạnh đó vai trò của nhà nước, của chính quyền địa phương và cộng đồng dân tộc, là rất quan trọng và cần thiết để tạo điều kiện hỗ trợ Cao Đài phát huy những giá trị của mình trong phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Chương 3: ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Những thành tựu trong chuyển biến đời sống của người dân ở ĐBSCL nói chung, trong đó có tín đồ Cao Đài nói riêng, xuất phát từ chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của Đảng, Nhà nước và sự quản lý của chính quyền cơ sở. Tuy nhiên, với vai trò là một tổ chức tôn giáo nội sinh lớn, có mặt ở ĐBSCL từ 100 năm nay, nên có thể nói đạo Cao Đài là nhân tố quan trọng, có đóng góp đến phát triển bền vững của khu vực này hiện nay.

3.1. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về văn hóa ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.1.1. Đạo Cao Đài đối với đời sống văn hóa của người dân

- *Đóng vai trò tinh thần quan trọng:* Đạo Cao Đài ra đời trong bối cảnh loạn lạc và chiến tranh, nên đời sống của người dân vô cùng khó khăn, thiếu thốn cả về vật chất và tỉnh thần, do đó, để có chỗ dựa về tinh thần cũng như được chia sẻ nỗi đau của người dân, đạo Cao Đài đã nhanh chóng có được niềm tin nơi người dân xứ Nam Bộ thời đó. Nhằm đáp ứng nhu cầu về tinh thần cũng như hỗ trợ chữa bệnh, bốc thuốc cho người dân, nên đạo Cao Đài có vai trò nhất định trong đời sống của một bộ phận cộng đồng người dân thời điểm đó. Bên cạnh đó, cộng đồng tôn giáo còn là những tổ chức có tính tự trị, tự quản cao, trong đó mọi người sống với nhau như anh em một nhà cùng nhau chia sẻ ngọt bùi, đó là sự liên kết vừa vô hình, vừa hữu hình, do đó, mỗi một chức sắc, chức việc, tín đồ đều có ý thức trách nhiệm với bản thân, với gia đình và xã hội, góp phần trong ổn định và phát triển xã hội. Đối với cơ cấu tổ chức, nhất là với đạo Cao Đài với hệ thống tổ chức chặt chẽ (mặt dù có nhiều hệ phái khác nhau) nhưng ở mỗi hệ phái đều có sự thống nhất trong toàn hệ phái từ trên xuống dưới và các tín đồ coi nhau như huynh đệ, điều đó đều được Đức Chí Tôn thuyết giảng qua giáng cơ. Ví dụ, trong Thánh ngôn (20/2/1926) của đạo Cao Đài có đoạn: "*Bửu tòa thơ thới trổ thêm hoa, Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà. Chung hiệp rán vun nền đạo đức, Bền lòng son sắt đến cùng ta,...".* [32, tr.78].

Người dân đến với đạo Cao Đài họ mong muốn được gửi gắm tinh thần lúc sống cũng như mong được Đức Thượng đế soi đường dẫn lối khi qui tiên. Điều này thể hiện ở việc họ thực hành các nghi lễ tại thánh thất hay gia đình, cùng như được thực hiện các nghi thức đám tang sau khi khuất núi. Bởi tang lễ của Cao Đài gìn giữ được tính truyền thống của dân tộc, nhất là việc được đưa tang bằng thuyền Bát Nhã.

Triết lý của Cao Đài cho rằng, "*thuyền Bát nhã là chiếc thuyền trí tuệ, do pháp nhiệm của Phật tạo nên để rước chơn hồn đến miền Cực lạc. Thông qua Thuyền Bát nhã và những nghi thức đưa linh cữu, chúng tôi có thể nhận thấy văn hóa sông nước của vùng Nam Bộ, đặc biệt là vùng ĐBSCL, được tái hiện khá rõ nét trong văn hóa Cao Đài"* [92, tr.212]. Như vậy, việc được chuyên chở linh cữu trên thuyền Bát nhã đối với mỗi tín đồ đối với một số hội thánh của đạo Cao Đài là nỗi niềm mong mỏi của những người đã khuất cũng như gia đình của họ. Điều này cũng cho thấy việc nương tựa về tâm linh, tinh thần sau khi chết là một thực tại của cuộc sống trong cộng đồng tín đồ đạo Cao Đài.

- *Thể hiện tinh thần phụng sự đạo và đời:* Đối với mỗi tín đồ đạo Cao Đài, khi họ được nương tựa về tinh thần, được an ủi và hỗ trợ để vượt qua những sóng gió cuộc đời thì họ lại quay trở lại để phụng sự đạo pháp và cứu giúp nhân sinh, với phương châm "Nước Vinh - Đạo Sáng". Trong Thánh giáo Cao Đài có dạy: "*Người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi sau thiện hóa những người khác (...) đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung Tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời dẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có nghĩa gì hết*" [146, tr.3]. Điều này cũng thể hiện tinh thần thực hiện sứ mạng mà "Đạo Trời" đã ban cho mỗi tín đồ của tôn giáo này.

3.1.2. Đạo Cao Đài lưu giữ các giá trị truyền thống

3.1.2.1. Gìn giữ truyền thống thờ mẫu, thờ trời, thờ cúng tổ tiên: Đối với thờ Trời, chúng ta có tín ngưỡng cúng đàn Nam Giao, Xã Tắc từ ngàn xưa khi mà nghề

nông là chủ yếu của dân Việt Nam. Tiếp đến là hệ thống thần Tứ Pháp là các vị Phật Bồ Tát có nguồn gốc từ các nữ thần trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam gồm: Mây - Mưa - Sắm - Chớp, các vị Tứ Pháp vừa là Phật, vừa là Bồ Tát, vừa là Thần, lại mang nữ tính, đại diện cho các hiện tượng tự nhiên có vai trò quan trọng trong xã hội nông nghiệp mà cai quản các vị ấy là Trời, do đó trong dân gian mới có câu "Trời cao có mắt". Ở đạo Cao Đài, Trời được tôn vinh là một vị Cha uy quyền - Đức Chí Tôn, hình ảnh Thượng Đế được biểu hiện qua con mắt trái mà Cao Đài thờ phụng.

Đạo Cao Đài kế thừa và phát huy tín ngưỡng thờ Mẫu - truyền thống dân tộc Việt Nam. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Chu Xuân Giao phân tích và cho rằng: *"Mẫu Liễu Hạnh là một trong chín vị Nữ thần/ Tiên Nương theo hầu Phật Mẫu (tức Diêu Trì Kim Mẫu) cùng ngự ở Diêu trì cung. Tục danh của bà là "Liễu" và ở hàng thứ năm trong Cửu vị Nữ Phật, tức "Ngũ nương" nên còn gọi là là "Liễu Ngũ nương". Trong cách nhìn của tín đồ Cao Đài hiện nay, bà vừa là Mẫu Liễu của "tín ngưỡng dân gian" lại vừa là Ngũ Nương của Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ. Hình tượng Ngũ Nương được kinh sách Cao Đài miêu tả là: cô mặc áo đỏ, cầm bưu pháp Như Ý, ngồi bên trái Phật Mẫu. Ngũ Nương ở cõi trời Xích Thiên (tầng trời thứ năm), mở ải quan, nghênh tiếp chơn hồn đến Đài Chiếu Giám hay gọi là Minh Cảnh Đài để xem lại các hành vi thiện ác của kiếp sống trên cõi trần, vừa từ đó hiểu được rõ ràng tội phước căn sinh"* [38, tr.37]

Các ngày lễ Vía của đạo Cao Đài như Vía Đức Chí Tôn vào tháng giêng, cũng là ngày lễ vía Trời truyền thống của người Việt, và lễ Vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu vào mùa thu được kế thừa văn hóa truyền thống của Việt Nam với xuân thu nhị kỳ.

Hầu hết các tôn giáo nội sinh, trong đó có đạo Cao Đài đề cao tục thờ cúng tổ tiên của người Việt nhằm hướng về cội nguồn, quê cha đất tổ để tỏ lòng tôn kính, nhớ ơn công cha, nghĩa mẹ sinh thành. Vì, "*Gốc cội con người là tổ tiên, gia đình, cha mẹ. Khai sinh bởi cha mẹ tổ tiên thì người ta có bổn phận phải nhớ tưởng công ơn và sự nghiệp của chính người sinh ra mình. Ấy gọi là uống nước nhớ nguồn, hay con chim có tổ, con người có tông,...*" [147, tr.1].

3.1.2.2. Tính truyền thống trong văn hóa Cao Đài được hình thành từ văn hóa truyền thống của người Việt ở Nam bộ nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng: Tuy người Việt ở ĐBSCL sống giữa các dòng giao lưu văn hóa, nhưng vẫn luôn xem trọng và giữ được văn hóa truyền thống của dân tộc, điều đó tạo nên bản sắc văn hóa riêng của người Việt. Bản sắc ấy, được biểu hiện qua các yếu tố nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng, lễ hội dân gian,... được thể hiện rõ nét trong đạo Cao Đài như sau:

- Nghi lễ truyền thống của người Việt ở ĐBSCL được biểu hiện qua các hình thức như cúng đình, lễ - tết,... và các yếu tố này cũng được biểu hiện đầy đủ trong văn hóa Cao Đài mà cụ thể là trong đời sống tôn giáo của đạo. Khi phân tích các nghi lễ tôn giáo của đạo Cao Đài, đặc biệt là đại lễ, chúng tôi cảm nhận có sự mô phỏng theo đại lễ Kỳ Yên ở các đình thần ở khu vực miền Tây Nam Bộ, với những tương đồng được biểu hiện qua các vấn đề như: Ban Hành lễ trong Cao Đài tương đồng với Ban Tế tự trong lễ Kỳ Yên và cách thực hiện nghi lễ của hai ban này cũng giống nhau.

Nguyên nhân của sự tương đồng này có lẽ do tâm thức văn hóa truyền thống của người Việt ở ĐBSCL được chuyển tài vào trong đời sống tôn giáo của tín đồ Cao Đài ở khu vực này. Không chỉ sự tương đồng về nghi lễ, tín đồ Cao Đài cũng thực hiện nghi thức cúng đình trong đời sống tôn giáo của họ. Tại xã Khánh Hậu, tỉnh Đồng Tháp đến ngày lễ Kỳ Yên, tín đồ Cao Đài, cũng như những thường dân khác, đều nhiệt tình tham dự và đóng góp tiền bạc cho Đình, xem đó như bổn phận trong đời sống tâm linh của họ. Điều này thể hiện mối quan hệ "đồng tộc, đồng văn, đồng cư" trong đời sống của tín đồ Cao Đài. Họ không tách mình ra khỏi nhịp sống văn hóa - tôn giáo chung của cộng đồng, nơi họ đang sinh sống. Bên cạnh nghi thức cúng đình, tín đồ của đạo Cao Đài vẫn tôn trọng, gìn giữ và thực hiện các nghi lễ truyền thống khác trong gia đình như: "*Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5), đưa ông Táo (23 tháng Chạp), đón ông bà (30 tháng Chạp), Tết Nguyên đán, cúng - đưa ông bà (mùng 3 tháng Giêng),... và nghi lễ đời người như: đầy tháng, thôi nôi, hôn lễ, tang lễ, giỗ,...*" [95, tr.194]. Đối với các tín đồ Cao Đài, nghi lễ truyền thống dân tộc luôn được họ xem trọng và được thực hiện khá đầy đủ trong đời sống.

- Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở ĐBSCL khá nhiều như thờ thần Thành hoàng, ông Táo, ông Địa, Thần tài, xin xăm, cầu an, cúng Cửu huyền thất tổ,... Tín đồ Cao Đài cũng thực hiện các tín ngưỡng này như:

+ Thờ Thành hoàng: Tín đồ Cao Đài không chỉ tin vào các đấng siêu linh trong tôn giáo của mình mà mà còn tin vào thần Thành hoàng. Trong khuôn viên của các Thánh tịnh Tam Thanh thuộc hệ phái Cao Đài Tiên Thiên ở Mỹ Tho,... có miều thờ thần Thành hoàng.

+ Thờ ông Táo, ông Địa và thần Tài: hầu hết ở khu vực ĐBSCL, tiêu biểu như ở các tỉnh Vĩnh Long, An Giang,... hầu hết các gia đình tín đồ Cao Đài ở đây đều thờ những vị này và thực hiện các nghi thức cúng liên quan đến các hình thức thờ tự này. Họ cho rằng, thực hiện các nghi lễ và thờ tự này không vi phạm luật đạo và cũng không ảnh hưởng đến đức tin tôn giáo của họ. Họ thực hiện do truyền thống ông bà để lại, hoặc do mục đích cầu an, cầu may mắn trong cuộc sống và trong công việc. Ngay cả chức sắc trong đạo Cao Đài Minh Chơn Lý cũng phải thừa nhận là đạo Cao Đài ra đời đến nay chỉ được gần 100 năm, còn văn hóa dân tộc đã bốn ngàn năm, nên không thể không kế thừa những tín ngưỡng truyền thống của dân tộc.

+ Cầu an, cúng Cửu huyền thất tổ, cúng sao, xin xăm: là những hình thức thường xuyên xuất hiện trong đời sống tôn giáo của tín đồ Cao Đài ở ĐBSCL. Trong dịp lễ, Tết, đặc biệt là Tết Nguyên đán và các ngày rằm (rằm tháng Giêng, tháng Bảy và tháng Mười) tại các Thánh thất đều có hình thức dâng sớ cầu an cho gia đạo. Xin xăm thường diễn ra trong 3 ngày Tết cổ truyền, cúng sao giải hạn vào ngày rằm tháng Giêng. Ngoài các hình thức xin xăm, cúng sao giải hạn, dâng sớ cầu bình an,... tín đồ Cao Đài sau các buổi lễ dành cho Đức Chí Tôn, thường tổ chức lễ cúng dành cho Cửu huyền thất tổ, chiến sĩ vong trận, cô hồn quá vãng,... nhằm mục đích cầu siêu để họ siêu thoát.

Như vậy, tín ngưỡng dân gian đã được thể hiện một cách trọn vẹn trong đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài. Điều này thể hiện sợi dây liên hệ quan trọng trong tâm thức văn hóa tộc người của họ.

- Trong các lễ hội dân gian của người Việt ở ĐBSCL thường có các trò chơi, thi thố tài năng của cá nhân, cộng đồng, hoặc trưng bày những thành tựu lao động. Hình thức này có từ thời Pháp thuộc, trong lễ hội dân gian của người Việt, lễ thường đi đôi với hội; hội thường diễn ra những hình thức thi thố tài năng. Trong các lễ hội mà tín đồ Cao Đài thể hiện, lễ hội Trung thu được tổ chức trọng thể nhất. Vì ngày Trung thu (15/8 âm lịch) cũng là ngày vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu, nên tại Tòa thánh và các Thánh thất Cao Đài, bên cạnh việc tổ chức lễ Hội yến Diêu Trì còn có thêm hình thức hội đi kèm. Đó là việc thi tài nữ công của các nữ tín đồ bằng hình thức làm bánh, hoặc chưng bày lễ vật, trái cây,... Đây là cuộc thi được có nguồn gốc từ tổ chức hội chợ của cư dân trước đây.

Tại các Tòa thánh hoặc Thánh thất ở Đồng bằng sông Cửu Long, vào ngày lễ Diêu Trì, các tín đồ thường làm các loại bánh truyền thống như bánh quy, bánh thuẫn và đặc biệt là bánh phục linh, một loại bánh truyền thống trong dân gian để dâng cúng. Sau buổi thi tài nữ công của nữ tín đồ, chức sắc Cao Đài sẽ có những lời chúc mừng ngày lễ Trung thu với toàn thể tín đồ, sau đó, nhắc lại những điều mà Đức Diêu Trì Kim Mẫu giáng cơ, khuyên nhủ về công dung, ngôn hạnh và cách cư xử trong đời sống xã hội để nữ tín đồ trong Họ đạo tuân thủ. Các chức sắc cũng phát quà Trung thu cho các em nhỏ như truyền thống lễ tết Trung thu.

3.1.3. Đạo Cao Đài góp phần xây dựng và phát triển văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong lĩnh vực văn hóa, đạo Cao Đài đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa đặc trưng của vùng ĐBSCL, bao gồm: âm nhạc dân gian, nghệ thuật biểu diễn, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, ẩm thực và nhiều loại hình nghệ thuật khác. Lễ nhạc truyền thống của đạo Cao Đài mang đến sự cân bằng hài hòa trong tinh thần, mặt khác lại tôn vinh các đấng thiêng liêng, cùng với việc nhận thức và trân trọng những ơn lành phước báo. Đạo Cao Đài còn sáng tạo ra các nhạc cụ truyền thống như: đàn kìm, đàn cò, sáo, nhị, phách,... nhằm thúc đẩy duy trì và bảo tồn nền âm nhạc dân gian đặc trưng của Nam Bộ nói chung, ở ĐBSCL nói riêng.

Ngoài ra, trong các kinh điển và thơ văn của đạo Cao Đài mang dấu ấn sâu sắc của truyền thống văn hóa, giữ gìn và bảo tồn ngôn ngữ, giai điệu trong sáng của dân tộc.

Kiến trúc trong các cơ sở thờ tự của đạo Cao Đài cũng thể hiện sự sáng tạo độc đáo, hòa quyện giữa nghệ thuật Đông - Tây, tạo nên một tinh thần hài hòa kết hợp giữa nét kiến trúc của nhà thờ Công giáo và sự tôn kính của chùa Phật giáo. Những giá trị này tạo nên bản sắc riêng, đóng góp nhất định tạo nét độc đáo trong đời sống vật chất, tinh thần của người dân miền Tây Nam Bộ.

Một là, đạo Cao Đài đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa, tôn giáo và sự phát triển xã hội của cộng đồng dân cư ở ĐBSCL. Đạo Cao Đài là tôn giáo có tính toàn cầu được thể hiện ngay trong việc thờ Thiên nhãn, có nghĩa là mắt trời, biểu tượng qua hình ảnh con mắt mở, để nhìn thấu rõ mọi việc ở thế gian. Qua đó thể hiện đặc trưng tính cách ngay thẳng, chính trực, phân biệt rạch ròi đúng sai, giữa cái tốt và cái xấu, trọng nghĩa khí của người dân Nam Bộ. Với đức tin có đấng thượng đế Cao Đài, người tín đồ Cao Đài luôn hướng thiện, tu chỉnh bản thân để sống có đạo đức, thương yêu nhân loại.

Quan điểm triết học nhân bản của đạo Cao Đài cho rằng con người được thượng đế tạo ra, thể hiện qua các đặc điểm sau: "*linh hồn con người là một siêu thực thể trường tồn bất diệt; linh hồn kết hợp với thể xác tạo thành con người có sự sống hoàn hảo; con người hoàn toàn có quyền tự chủ dìu dắt thiên lương của mình; mỗi người phải được tự do sống theo tính phận của mình; cõi trần là một trường học, con người là những học trò đang theo học trên trường đời; số mạng và tương lai của con người không phải là một việc đã được an bài hay định trước bởi thượng đế, mà do nhân quả của mỗi người"* [17, tr.1]. Do vậy tín đồ đạo Cao Đài luôn đặt nỗ lực vào việc phát triển kiến thức, tinh thần cá nhân để hỗ trợ người khác, đóng góp vào sự phát triển và cải thiện môi trường sống cho mọi người. Điều này thể hiện ảnh hưởng tích cực của Cao Đài với sự phát triển toàn diện ở vùng đất giàu văn hóa này.

Hai là, đặc tính cởi mở tôn giáo tạo điều kiện cho sự phát triển đa dạng văn hóa ở vùng đất này. Trường hợp Đạo Cao Đài trước hết xét về lịch sử hình thành thì đây là một tôn giáo cởi mở. Sự cởi mở này không phải tự nhiên mà có, nó được xuất phát

khởi nguồn hình thành từ chính những điều kiện vị trí địa lý tự nhiên, với những điều kiện địa lý thoáng đãng, dễ lưu thông cho các hoạt động giao lưu của con người sinh sống trao đổi, đi lại mua bán từ đó tạo nên những điều kiện tập hợp của nhiều cộng đồng dân tộc khác nhau như: Kinh, Hoa, Chăm, Khmer,... cùng sinh sống trên vùng đất trù phú Tây Nam Bộ, đã giao thoa, sản sinh ra những sắc thái loại hình văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo hết sức đa dạng, phong phú. Tình thần cởi mở của đạo Cao Đài thể hiện rõ thông qua triết lý "Tam giáo đồng nguyên" hay "Vạn giáo quy nhất" cho rằng con người có thể theo các tôn giáo khác nhau, nhưng có điểm chung chính là hướng tới sự tốt đẹp, hoàn mỹ. Đều này có giá trị rất lớn trong việc xây dựng đoàn kết các tôn giáo, tín đồ ở vùng đất đa tôn giáo, đa văn hóa này.

Xu hướng tổng hợp các tôn giáo hiện hữu đã tồn tại vào một thực thể tôn giáo duy nhất là Thượng Đế, do đó xét về giáo lí của đạo Cao Đài chính là sự tổng hợp những gì mà đạo Cao Đài cho là tinh hoa nhất của tất cả các tôn giáo khác, nhưng đồng thời cũng có một số cái riêng đáng có của một tôn giáo nội sinh. Từ đặc điểm này mà các tín đồ đạo Cao Đài luôn luôn có thái độ chân thành, bao dung, rộng mở đối với những người không thuộc tôn giáo mình, bởi vì trong tư tưởng, đức tin của họ thì các đấng giáo chủ của các tôn giáo khác chính là những hiện thân khác nhau của đấng tối cao Thượng Đế mà họ tôn thờ, do đó các tín đồ thuộc các tôn giáo khác không bao giờ là kẻ đối lập đối với họ, vì ở họ có chung niềm tin vào đấng ngự trị.

Từ chính lẽ đó, đạo Cao Đài cũng góp phần tạo nên một tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Giáo lý và giáo luật của đạo Cao Đài kêu gọi hòa bình, tinh thần hợp nhất, tôn trọng đối với mọi người từ đó tạo ra một môi trường xã hội ổn định, đoàn kết. Vào "*năm 1927, đạo Cao Đài quyết định mở trường đào tạo nhằm nâng cao trình độ dân trí*" [9, tr.4], đây là động thái quan trọng trong bối cảnh cuộc sống khó khăn của nhân dân Nam Bộ nói chung, ở ĐBSCL nói riêng vào thế kỷ XX. Tín đồ đạo Cao Đài sống có nhân cách, đoàn kết cộng đồng với lối sống nhập thế, tham gia các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

Ba là, văn hóa của đạo Cao Đài trải qua quá trình phát triển và thăng hoa, trở thành các tiêu chuẩn đạo đức, lối sống, có ảnh hưởng đến việc hình thành bản sắc cá

nhân của con người, xây dựng nên giá trị cuộc sống cả về mặt vật chất và tinh thần của cư dân ở miền Tây Nam bộ. Đặc tính dân chủ trong sinh hoạt của đạo Cao Đài tạo ra sự hòa đồng thể hiện rỏ nét ảnh hưởng đặc trưng văn hóa lối sống của người dân nơi đây. Trong phong cách xưng hô giao tiếp hằng ngày, các tín đồ trong đạo Cao Đài thường gọi nhau là (hiền huynh, hiền đệ, hiền tỷ, hiền muội,...). Qua cách ứng xử đó đạo Cao Đài còn gián tiếp truyền đạt ý nghĩa về một tầm nhìn nơi thế giới mà con người đang sống phải đạt được những giá trị như: bình đẳng, hạnh phúc, không phân biệt tôn giáo, dân tộc, một thế giới dựa trên sự nhân bản, tôn trọng quyền con người, phát triển tối đa tiềm năng nhân tính, khắc phục mọi khác biệt về hình thức, giải quyết sự kỳ thị tôn giáo, sắc tộc tạo ra một thế giới đại đồng, hòa bình.

Bốn là, đạo Cao Đài đề cao tính thủy chung trong cuộc sống gia đình, đây là một yếu tố quan trọng đóng góp vào sự ổn định, bình yên, hạnh phúc trong từng gia đình tín đồ, lan tỏa ra xã hội. Người tín đồ đạo Cao Đài mỗi người thực hiện đời sống hôn nhân chỉ một vợ, một chồng. Khi trở thành chức sắc thì luật đạo quy định cấm vợ chồng bỏ nhau nên chức sắc đạo Cao Đài thường thủy chung với gia đình. Mặt khác, đạo Cao Đài khuyên người đi tu làm điều có ích cho gia đình, xã hội, trở thành người hiểu lẽ đời, lẽ đạo, học lối sống đạo đức trong sáng, tiến bộ, văn minh, không làm hại đến gia đình, làm cho vợ chồng ly tán, chia lìa. Có thể thấy đạo Cao Đài cũng nhìn gia đình dưới khía cạnh xã hội học, quan niệm "gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, một nhóm xã hội nhỏ mà các thành viên của nó gắn bó với nhau bởi mối quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ con nuôi, bởi tính cộng đồng về sinh hoạt với nhau nhằm đáp ứng những nhu cầu riêng của các thành viên, cũng như để thực hiện tính tất yếu của xã hội trong tái sản xuất của con người" [49, tr.310].

Trong các quy định của đạo Cao Đài người tín đồ phải thủy chung trong cuộc sống vợ chồng, để giữ gìn đạo đức gia đình, đạo đức xã hội. Theo Tân Luật của đạo Cao Đài có đoạn viết: "*Cấm người trong đạo, từ ngày ban hành luật này về sau, không được cưới hầu thiếp. Lỡ có chích lẻ giữa đường thì được chấp nối, vợ chồng người trong đạo không được để bỏ nhau*" [33, tr.66]. Ngày nay giá trị văn hóa tốt đẹp

này là cơ sở tạo ra sự đồng thuận và ổn định trong xã hội, phản ánh đặc tính của con người nơi đây.

Năm là, tính văn hóa vật thể ở lối kiến trúc tôn giáo và hệ thống kinh sách của đạo Cao Đài cũng là một giá trị trong đời sống văn hóa. Đạo Cao Đài tạo ra nét văn hóa độc đáo trong kiến trúc xây dựng cơ sở thờ tự. Chính sự kết hợp tư tưởng nhiều tôn giáo, nên các công trình kiến trúc của đạo Cao Đài mang phong cách kết hợp hài hòa giữa kiến trúc phương đông và phương tây. Hiện nay, có nhiều công trình kiến trúc thờ tự của đạo Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long, đã được nhà nước công nhận là di tích lịch sử - văn hóa và được xếp hạng cấp Quốc gia, cấp tỉnh như: Thánh Thất tòa thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo ở Bến Tre (nay là Vĩnh Long), Tòa Thánh Ngọc Sắc ở Cà Mau là minh chứng cho những đóng góp về mặt kiến trúc của đạo Cao Đài đối với văn hóa dân tộc. Kiến trúc tòa thánh và các thánh thất Cao Đài với hai lầu chuông trống, có tam đài (bát quát đài, cửu trùng đài, hiệp thiên đài) cùng màu sắc, trang trí hoa văn kết hợp giữa truyền thống dân tộc và nét hiện đại đã trở thành một bộ phận trong kiến trúc văn hóa Nam Bộ nói chung và ĐBSCL nói riêng, đem lại bản sắc riêng của tôn giáo ra đời tại Việt Nam. Lầu chuông bên phải gọi là Bạch Ngọc Chung đài có ý nghĩa là mỗi khi đánh chuông thì tiếng ngân thấu đến thiên đình. Lầu trống bên trái gọi là Lôi Âm Cổ đài có nghĩa là ngôi đền của Đức Phật Thích Ca ngự tại Tây Phương. Kiến trúc của các ngôi thánh thất, thánh tịnh trong thờ tự của đạo Cao Đài là một biểu hiện sáng tạo độc đáo của cư dân nơi đây, thể hiện sự hòa quyện nghệ thuật giữa Đông và Tây, tạo ra một sự hài hòa với sự kết hợp của kiến trúc nhà thờ Công giáo và sự tôn trọng kiến trúc Phật giáo, Đạo giáo.

Ngoài ra trong các hệ thống kinh sách của đạo Cao Đài phản ánh sự đậm đà của bản sắc văn hóa truyền thống, giữ gìn, bảo tồn ngôn ngữ, giai điệu trong sáng của dân tộc. Báo chí của đạo Cao Đài xuất hiện từ rất sớm từ năm 1928, có đóng góp quan trọng vào việc phổ biến viết bằng chữ quốc ngữ và bảo tồn chử viết của dân tộc. Điểm quan trọng phải kể đến giá trị văn hóa vật thể của đạo Cao Đài là một hệ thống kinh sách có giá trị với đời sống của tín đồ. Kinh sách của Đạo Cao Đài được học giả Nguyễn Thanh Xuân chia thành hai loại chính: "*sách về giáo lý và thờ phụng; sách*

về luật, lễ nghi và tổ chức. Sách về giáo lý và sự thờ phụng phải kể tới Thánh ngôn hiệp tuyển được xuất bản năm 1970 của tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh. Thánh ngôn hiệp tuyển bao gồm 180 bài cơ bút của các đấng thiêng liêng, liên quan đến các vấn đề của Đại đạo Tam kỳ phổ độ. Ngoài ra, đạo Cao Đài còn có các kinh tụng, trong đó quan trọng nhất là kinh Thiên đạo và Thế đạo được dùng để tụng trong các dịp lễ, quan hôn, tang, tế,..." [117, tr.21] được soạn bằng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát; khi tụng thì bằng giọng nam ai, nam xuân của dân ca Nam bộ mà đặc biệt là vùng ĐBSCL, qua chữ quốc ngữ nên rất dễ đọc, dễ hiểu.

Sách về luật, lễ nghi và tổ chức phải kể tới các cuốn: Tân luật, Pháp Chảnh truyền là những luật lệ dùng chung cho các hệ phái, ngoài ra mỗi hệ phái Cao Đài lại có những luật riêng như: "*Tam thừa chân giáo của hệ phái Cao Đài Cầu Kho Tam Quan, hay Luật Bình quân của hệ phái Cao Đài Chơn Lý,... Bên cạnh kinh sách, đạo Cao Đài còn có báo và tạp chí. Ngay từ khi ra đời, các chi phái của đạo Cao Đài đã tích cực xuất bản các báo và tạp chí nhằm mục đích truyền đạo và mở rộng tầm ảnh hưởng đối với xã hội. Từ năm 1975 đến nay, đạo Cao Đài đã có 20 tờ báo và tạp chí*" [117, tr.22].

Sáu là, giá trị trong đời sống văn hóa tinh thần của đạo Cao Đài được thể hiện qua tính văn hóa phi vật thể ở lễ nhạc, lễ hội, lối sống, trang phục. Trong lễ nhạc của đạo Cao Đài cũng thể sáng tạo riêng của tôn giáo, mang đậm nét âm hưởng của văn hóa dân gian vùng ĐBSCL. Tất cả các điệu nhạc lễ có mặt trong lễ nghi của đạo Cao Đài chính là trong phong cách nhạc lễ miền Nam, chứ không phải miền Trung hay miền Bắc. Tức là âm nhạc trong đạo Cao Đài dựa vào âm nhạc truyền thống dân gian của miền Nam một cách rõ ràng. Với điệu nam xuân, nam ai, thể thơ song thất lục bát, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú,… Khi hành lễ người đạo Cao Đài luôn có ban lễ nhạc với các dụng cụ âm nhạc truyền thống như đàn cò, đàn kìm, phách, sáo, nhị,… để thể hiện giai điệu dân tộc và ban đồng nhi đọc kinh. Lễ nhạc trong đạo Cao Đài đã đạt được một sự hài hòa và cân bằng tinh thần đáng kể, tập trung vào việc thể hiện lòng thành kính và triệt hạ bản ngã tư tâm, tập trung vào việc tôn vinh các thần thánh, tiếp tục thu nhận sự ân điển. Đối với đạo Cao Đài, lễ nhạc không chỉ là một

nghi thức tôn thờ mà còn là một trải nghiệm tinh thần sâu sắc. Để thực hiện lễ nhạc, đạo Cao Đài sử dụng các dụng cụ âm nhạc truyền thống của vùng Nam Bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng là một sự kế thừa và phát triển của âm nhạc dân gian ở khu vực.

Trong lễ hội đạo Cao Đài có 2 ngày Đại lễ lớn trong năm là Ngày vía Đức chí tôn (09/01 âm lịch) và ngày Đại lễ Hội Yến Diêu Trì cung (15/8 âm lịch) thu hút sự tham gia của hàng trăm nghìn tín đồ, đóng góp vào việc duy trì, phát triển truyền thống văn hóa, tôn giáo của đạo Cao Đài. Hằng năm tại các ngày đại lễ lớn này có "*hơn 100.000 người tham dự tại các thánh thất, thánh tịnh thực sự trở thành một lễ hội văn hóa có ảnh hưởng đến đời sống tôn giáo ở trong và ngoài nước"* [84, tr.25]

Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài thể hiện rõ qua trang phục truyền thống của tín đồ, bao gồm: thường phục, tiểu phục và đại phục. Thường phục là bộ quần áo bà ba màu trắng, được sử dụng trong các hoạt động hằng ngày; tiểu phục là áo dài, quần màu trắng, dành riêng cho các hoạt động hành đạo và lễ nghi tại nơi thờ cúng, trong gia đình; đại phục mặc khi tham gia vào các nghi lễ và nghi thức tại nơi thờ cúng, cũng được thiết kế màu trắng. Màu sắc trắng của trang phục trong đạo Cao Đài không chỉ đơn thuần là sự chọn lựa mà còn mang theo những ý nghĩa triết học sâu sắc, phản ánh lòng thành kính và sự tinh khiết. Người tín đồ Cao Đài mặc trang phục theo truyền thống của người Việt Nam, nam giới đội khăn đóng màu đen, nam nữ đều mặc áo dài truyền thống màu trắng, nam để râu tóc, mang đặc thù đặc điểm dân cư ở trong vùng.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, Cao Đài còn có những ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển văn hóa ở ĐBSCL như:

Một là, do quan niệm khác về kế hoạch hóa gia đình nên Cao Đài chưa đồng thuận với chủ trương dân số, kế hoạch hóa gia đình của Nhà nước.

Với quan niệm "Trời sinh voi, trời sinh cỏ" chính vì vậy, nhiều gia đình Cao Đài thường đông con, sức khỏe bị ảnh hưởng và chất lượng cuộc sống không đảm bảo. Với những quan điểm này, việc triển khai thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình, gia đình ít con để có điều kiện để đảm bảo nuôi dạy con tốt và góp phần thúc đẩy xã hội phát triển của Đảng và Nhà nước ta gặp rất nhiều khó khăn trong vùng đồng bào theo đạo Cao Đài ở khu vực ĐBSCL.

Hai là, Tôn giáo có mặt tiến bộ, tích cực nhưng cũng có mặt hạn chế, tiêu cực. Vấn đề tiêu cực của tôn giáo là dễ làm người ta ỷ lại, tin mù quáng vào số mệnh và thường dẫn đến mê tín dị đoan. Chúng có thiên hướng cổ vũ lối sống thụ động, cam chịu, dễ ngả nghiêng và dễ bị những nếp sống khép kín, bi quan và bế tắc cám dỗ. Các giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong sự vận động chung của quy luật xã hội cũng chịu nhiều ảnh hưởng sâu sắc của sự biến đổi.

Đạo đức, lối sống của người tin đồ đạo Cao Đài đang đứng trước thách thức của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Một số chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao Đài không rèn luyện bản thân để trở thành người hiểu biết về giáo lý làm mất niềm tin của nhân sinh, họ có lên tới phẩm cao cấp vẫn còn mù mờ về giáo lý sơ đẳng nên sự kính trọng của đồng đạo và chức sắc cấp dưới không cao. Điều này chứng minh thực tế một số chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài có phẩm vị cao trong tôn giáo, có niềm tin tôn giáo sâu sắc nhưng sự hiểu biết về giáo lý không nhiều.

Thời gian gần đây sảy ra một số sự việc trong Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo. Những ảnh hưởng của sự biến đổi về thiết chế tổ chức và giá trị văn hóa của đạo Cao Đài xuất phát từ nguyên nhân tập quán sinh hoạt của cư dân Nam Bộ nói chung, vùng ĐBSCL nói riêng còn vận hành theo lối tiểu nông cùng với tác động của nền kinh tế thị trường, chạy theo vật chất làm suy thoái đạo đức, lối sống của tôn giáo. Nhưng trên góc độ tiếp cận giá trị tôn giáo trong phát triển bền vững, vẫn thấy được những văn hóa tốt đẹp, nhân văn của tôn giáo đóng góp vào đời sống văn hóa dân tộc.

Thêm nữa là một số nơi tín đồ Cao Đài sống biệt lập với cộng đồng ở địa phương và các tôn giáo khác. Theo kết quả điều tra của luận án có 43,85% tín đồ được hỏi cho biết họ không thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao do chính quyền tổ chức **[Bảng 3.8]**. Điều đó sẽ hạn chế việc đoàn kết các tôn giáo, dân tộc trên địa bàn, hạn chế việc tham gia vào các hoạt động văn hóa do địa phương phát động, đó sẽ là điểm yếu để các thế lực cực đoan, thù địch lợi dụng vào mục đích xấu.

3.2. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.2.1. Tín đồ Cao Đài là nguồn nhân lực phát triển kinh tế, xã hội

Hiện thực hóa quan điểm của Đảng coi tôn giáo là một trong những nguồn lực cần phát huy trong quá trình xây dựng đất nước, tín đồ Cao Đài ở ĐBSCL cũng là nguồn nhân lực quan trọng đã và đang đóng góp vào phát triển kinh tế khu vực. Tính đến năm 2024, trong số hơn "*5,95 triệu tín đồ các tôn giáo ở ĐBSCL (chiếm hơn 34% dân số toàn vùng), thì Cao Đài là một tôn giáo nội sinh lớn, với hơn 800 nghìn tín đồ chiếm khoảng 15% số lượng tín đồ trong toàn vùng, còn lại là các tôn giáo khác như: Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hỏa, Bửu Sơn Kỳ Hương,...*" [98, tr.29]. Trong lịch sử hình thành và phát triển ở ĐBCSL thì tín đồ Cao Đài có sự gắn bó chặc chẽ đến đời sống sản xuất ở địa phương, họ được xem là nguồn nhân lực để tạo ảnh hưởng phát triển trong bền vững trong vùng. Điều này thể hiện ở khả năng, mức độ ảnh hưởng của Cao Đài trong việc phát triển kinh tế ở địa phương. Họ chính là những người đã ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến bằng công nghệ cao như: mô hình sản xuất kết hợp với chế biến tiêu thụ, mô hình kinh tế trang trại để có sản phẩm sạch, giá trị cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu cho thu nhập cao,... " *tại Vĩnh Long, An Giang và Cà Mau số hộ tín đồ khá, giàu tăng nhanh, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao"* [68, tr.33].

Để noi gương và điển hình trong toàn đạo, ngay cả các tổ chức trực thuộc trung ương các hội thánh Cao Đài cũng tham gia vào phát triển kinh tế như: " mô *hình trồng hoa kiểng của cơ sở họ đạo Châu Thành, thuộc phái Cao Đài Tiên Thiên ở Bến Tre (nay là Vĩnh Long); mô hình sản xuất kết hợp một vụ lúa, một vụ tôm của cơ sở họ đạo Thới Bình, thuộc phái Cao Đài Minh Chơn Đạo ở Cà Mau; hoặc mô hình sản xuất trồng cây ăn trái sạch theo tiêu chuẩn VietGAP của cơ sở họ đạo Phong Điền, thuộc phái Cao Đài Chiếu Minh Long Châu ở Tp.Cần Thơ,...*" [65, tr.30] vừa mang lại nguồn thu cho các cơ sở họ đạo tại địa phương, vừa nâng cao năng suất, nâng cao khả năng gúp đỡ hỗ trợ của các tín đồ trong phát triển kinh tế.

Trình độ tiếp cận và áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của tín đồ ngày một cao, nên sản phẩm làm ra như: hoa, rau sạch, lúa gạo, trái cây, thủy sản,... được cung cấp trên thị trường trong và ngoài nước không chỉ mang lại lợi nhuận, mà còn truyền đi nét đặc sắc phong phú về ẩm thực vùng sông nước, miệt vườn của người dân vùng ĐBSCL. Các sản phẩm thủ công, các làng nghề sản xuất,... của tín đồ Cao Đài hiện diện ở khắp nơi trong toàn vùng, không chỉ là vật dụng hữu ích, mà còn là những vật kỷ niệm, những món ăn ngon,... chứa đựng giá trị văn hóa của vùng đất ĐBSCL đối với du khách trong và ngoài nước.

Giá trị vật chất, giá trị tinh thần trong sản xuất phát triển kinh tế, đã góp phần thúc đẩy ý thức và trách nhiệm của tín đồ đạo Cao Đài đóng góp chung cho sự phát triển kinh tế gia đình, giảm bớt gánh nặng xã hội, giảm tải ngân sách nhà nước và địa phương trong việc xóa đói, giảm nghèo, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc sử dụng nguồn ngân sách cho các mục đích khác như: xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, điện, hệ thống cấp nước sạch, trường học,... và thực hiện nhiều công tác an sinh xã hội khác mà vùng ĐBSCL hiện rất cần đầu tư phát triển.

3.2.2. Giáo lý Cao Đài có giá trị trong phát triển kinh tế, xã hội

Cũng giống như bao tôn giáo khác, sự tác động của đạo Cao Đài đến các hoạt động phát triển kinh tế không diễn ra một cách trực tiếp mà phải qua các hành vi gián tiếp. Theo các nhà kinh tế học tôn giáo chỉ ra, các đặc điểm văn hóa tác động đến các giá trị hay các niềm tin nào đó, và đến lượt nó, các niềm tin này lại tác động đến quá trình ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế và do đó tác động đến những kết quả kinh tế . Cơ chế này đặc trưng cho mối quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế.

3.2.2.1. Giáo lý Cao Đài khuyến khích sản xuất, dạy tín đồ tự lực, cần cù chăm chỉ trong lao động:

Theo quan điểm của đạo Cao Đài cho rằng con người là tiểu vũ trụ. Con người có phần hồn và phần xác, Thượng đế ban cho mỗi người một linh hồn (gọi là Điểm Linh quang) mượn lấy xác phàm để xuống thế gian rèn luyện, thử thách. Đạo Cao Đài quan niệm thế gian là một môi trường học tập, là nơi lập công bồi đức, để không ngừng tiến hóa, cuối cùng đích đến sự hòa hợp với vũ trụ. Trong khi đó, con người

hiện đang sống trong thời kỳ mạt pháp, nên chịu nhiều khổ đau, muốn vượt qua sự đau khổ này đạt tới sự hòa hợp như trên, thì con người cần phải tu và thực hiện con đường tam lập, gồm: "1 - Lập đức (dùng sự thương yêu để cứu rỗi chúng sinh), 2 - Lập công (đem sức lực và hiểu biết của mình để phục vụ nhân sinh) và 3 - Lập ngôn (nói những lời chân thật, chính đáng, đạo đức để cho người nghe phát tâm tu hành)" [96, tr.47].

Với con đường tam lập nêu trên, thì lập công được xem là yếu tố mang tính nhập thế, cứu đời của đạo Cao Đài. Mỗi tín đồ tùy theo khả năng, chuyên môn của mình mà có những việc làm phù hợp. Giá trị của lập công thể hiện ở sự chăm chỉ, cần cù trong lao động sản xuất, lòng thiện nguyện, sự hy sinh, chia sẽ với cộng đồng,... Trong đó, sự chăm chỉ cần cù trong lao động sản xuất được biểu hiện cụ thể qua việc phát triển kinh tế, tạo ra của cải vật chất, hướng tới một đời sống tốt đẹp; bên cạnh đó còn có các hoạt động xã hội như việc làm từ thiện, nhằm gúp đỡ những người nghèo khó trong tín đồ Cao Đài, để hướng đến điều nhân nghĩa. Hầu hết các Thánh thất, Thánh tịnh ở ĐBSCL đều có khu vực thực hành công đức, bằng việc gia tăng lao động xem đó là nếp sinh hoạt tôn giáo thường lệ.

Trong Thánh Ngôn Cao Đài có đoạn "dạy *các tín đồ phải tự lực cách sinh, không ỷ lại, đây là yêu tổ quan trọng thúc đẩy tinh thần cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong lao động sản xuất, tạo ra của cải vật chất phục vụ tốt hơn cuộc sống thực tại"* [86, tr.107]. Xét nội dung từ giáo lý trên, người tín đồ Cao Đài được dạy không được lười biến, chông chờ vào bất cứ nguồn tài trợ nào mà không do sức lao động của chính bản thân mình tạo nên, kể cả giới chức sắc xuất gia trong hội thánh cùng không được nhận sự cúng dường của nhân sinh. Do vậy, tiếp thu tinh thần đó, các tổ chức đạo Cao Đài nói chung, ở ĐBSCL nói riêng đã tiến hành xây dựng, phát triển các cơ sở kinh tế trong điều kiện tự túc, mục đích nhằm bảo đảm nguồn lực vật chất nhằm chi tiêu sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày của những người tu hành, mà còn đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

3.2.2.2. Giáo luật Cao Đài xây dựng tính cách con người tốt đẹp, tạo điều kiện cho những chuẩn mực trong sản xuất kinh tế:

Trong luật lệ của đạo Cao Đài có "Ngũ giới cấm" (5 điều cấm kỵ không được làm) là không sát hại sinh vật; không trộm cắp, lừa gạt người; cấm tà dâm; cấm uống rượu thịt, ăn uống quá độ; cấm xảo trá, nói năng không giữ lời hứa. Và "Tứ đại điều quy" (bốn lời răng dạy làm theo của bề trên) là lấy lễ hòa người; chớ khoe tài, đừng cao ngạo; tiền bạc phân minh; trước mặt sau lưng cũng đồng một bực". Đây là những luật lệ cơ bản của đạo Cao Đài nhằm gúp tín đồ sống tốt, đúng đắn, chuẩn mực; nó còn là thước đo giá trị tu tập, hành đạo của các tín đồ trong lòng xã hội.

Quay lại với đặc thù cư dân xã hội ở ĐBSCL là sự hòa trộn, du nhập của các tộc người từ những nơi khác khác khoai hoang, lập ấp sinh sống, hòa theo dòng chảy lịch sử dân tộc đó, tín đồ đạo Cao Đài cũng không ngoại lệ, họ có xuất thân, nguồn cội khác nhau nên việc đưa ra các giáo lý cơ bản nói trên là một việc làm hết sức có ý nghĩa, gúp các tín đồ cùng chung chí hướng tu hành và sống tốt đời. Liên hệ đến xã hội ngày nay, thì sự phát triển của một nền kinh tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó mặt bằng sức khỏe xã hội và mức độ trung thực của người dân khi tham gia vào các quá trình vận hành kinh tế là những nhân tố cơ bản vô cùng quan trọng. Trong nhiều nghiên cứu của các nhà kinh tế học đã chỉ rỏ ra rằng, tác động của tôn giáo đối đối với thái độ và hành vi kinh tế là rất lớn; điển hình là giáo lý của tôn giáo ảnh hưởng đến tín đồ, từ đó làm tăng mức độ trung thực và giảm thiểu mức độ gian lận, sa đọa và các hành vi phạm pháp.

Đồng thời trong *Ngũ Giới Cấm* của đạo Cao Đài còn có ý nghĩa khuyến khích con người ta thực hành sống tiết kiệm, chuẩn mực vừa phải, hài hòa nâng cao hơn mặt bằng sức khỏe (bằng cách giới cầm các hành vi tội lỗi như mua, bán ma túy, chất cấm, ăn uống vô độ, hoang phí, cờ bạc, rượu chè,...) thông qua đó, mặt bằng sức khỏe xã hội cao hơn, sẽ làm tăng sức sản xuất lao động, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, đem lại sự giàu có trong xã hội. Hơn nữa, trong giáo lý của đạo Cao Đài luôn luôn đề cập, tập trung phát huy đức tính trung thực của con người. Trong *Tứ Đại Điều Quy* của Cao Đài thể hiện rỏ các phẩm chất đạo đức cần có của một con người sống trong xã

hội. Đó là lấy chữ "lễ" làm đầu, con người sống với nhau phải có lễ nghĩa, hành xử đúng mức, không được cao ngạo, khoe khoang bản thân mình, đối xử trước sau một lòng, cấm đổi trắng thay đen, tiền tài của cải phải rỏ ràng, minh bạch.

Đây là đạo đức của tôn giáo nhưng cũng là đòi hỏi thiết yếu cho tính hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh tế - xã hội. Đến đây ta lại thấy rỏ ra, dường như các giá trị đạo đức trong đạo Cao Đài lại tỏ ra có cái nhìn cùng chiếu, tương hợp với đạo đức kinh doanh. Mặt khác, giáo lý và luật lệ, lễ nghi Cao Đài khuyên dạy tin đồ có thái độ đúng mức về của cải vật chất, tạo ra sự hợp lý trong sản xuất của cải, điều tiết sự ôn định nền kinh tế. Điều này được thể hiện qua thái độ giáo dục đúng mức về vấn để của cải, không được quá coi trọng của cải trên thế gian mà xem nhẹ các giá trị đạo đức, nếu không nói là mất đạo tâm, đạo đức của chính mình, và cuối cùng là mất đạo.

3.2.3. Hội thánh Cao Đài hỗ trợ tín đồ trong phát triển kinh tế, xã hội

3.2.3.1. Đạo Cao Đài trong các hoạt động hướng đến xã hội:

Đầu tiên cần phải khẳng định nguồn lực của đạo Cao Đài trong lĩnh vực hướng đến an sinh xã hội ở ĐBSCL rất đa đạng, phong phú được thể hiện rỏ nét qua các hoạt động phúc lợi như: các hoạt động giáo dục, y tế, chăm sóc, hỗ trợ những người người nghèo, bệnh nhân, người khuyết tật, những cá nhân đang đối mặt với hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động bảo vệ môi trường,... Để thực hiện mục tiêu này, đạo Cao Đài đã thành lập các tổ chức từ thiện và các chương trình xã hội, đứng đầu cơ quan chủ quản là Hội Phước thiện, cùng với các Ban trị sự gúp việc ở các địa phương, nhằm cung cấp các dịch vụ cần thiết như: chăm sóc sức khỏe, giáo dục, cung cấp thực phẩm, đảm bảo nơi ở cho những người khó khăn.

Ngoài việc tham gia vào các hoạt động từ thiện, đạo Cao Đài còn hỗ trợ người nghèo bằng cách cung cấp dịch vụ y tế miễn phí. Đạo Cao Đài cũng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội bằng cách tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, mang lại những cải thiện đáng kể về mặt vật chất cho tín đó, góp phần tích cực vào sự phát triển của cộng đồng. Từ khi được công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức, các Hội thánh Cao Đài tích cực triển khai các hoạt động từ thiện xã hội. Số liệu tổng hợp từ báo cáo của Hội phước viện thuộc các hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL, " *từ trong*

hơn 10 năm (2009 - 2020), tổng kinh phí hoạt động từ thiện trong thời gian này là 343,43 tỷ đồng, các hội thánh và tổ chức Cao Đài đã đóng góp cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 69,8 tỷ đồng" [79, tr.7].

Đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19:

Các hội thánh Cao Đài trong và ngoài nước đã tích cực kêu gọi tín đồ đóng góp tài chính, vật lực khắc phục những thiệt hại do đại dịch gây ra, từng bước góp sức cùng với chính quyền đảm bảo tốt đời sống nhân dân, trong đó phải kể đến như: "*Hội thánh Cao Đài Tây Ninh đóng góp hơn 167 tỷ đồng; Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên khoảng 70,6 tỷ đồng; các tổ chức, hội thánh khác như: Ban Chỉnh đạo, Minh Chơn đạo, Bạch Y, Chơn Lý, Minh Chơn đạo, Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Cầu kho Tam Quan,... đóng góp vào công tác từ thiện trong thời gian này từ 25 tỷ đến trên 50 tỷ đồng. Trong 03 năm dịch COVID-19, toàn đạo đã tích cực đóng góp với tổng kinh phí từ các hội thánh và tổ chức Cao Đài với số tiền trên 229 tỷ đồng*" [68, tr.37]. Ngoài ra thì số lượng vật chất, phương tiện, thuốc men,... được các hội thánh huy động với hàng chục tỷ đồng chưa được kể đến.

Truyền thống nhập thế phụng sự nhân sinh của đạo Cao Đài có giá trị nguồn lực to lớn trong việc chăm sóc, hổ trợ người khó khăn trong xã hội thông qua các hình thức như: phát quà từ thiện và hổ trợ vật chất, phòng thuốc miễn phí, gúp đỡ trợ táng,... Phát quà từ thiện và hổ trợ vật chất, đây là công việc thường xuyên của đạo Cao Đài nhằm góp phần giúp đỡ những gia đình khó khăn hoặc những người bệnh tật đang nằm chữa trị trong các bệnh viện. Quả từ thiện được phát vào các dịp lễ, tết hoặc mỗi khi cộng đồng xã hội gặp phải thiên tai, dịch bệnh,... Ngoài ra, hằng tháng ở các cơ sở đạo còn tổ chức nấu cơm từ thiện cho người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, ở các thành phố lớn đạo Cao Đài thường mở các cửa hàng cơm chay phục vụ chức sắc, tín đồ đồng thời cải thiện đời sống vật chất của cộng đồng. Trong các dịp đại lễ đạo Cao Đài tổ chức tiệc chay miễn phí để tiếp đón khách và tất cả các thành viên trong cộng đồng góp phần chia sẽ tinh thần "phụng sự nhân sinh" của đạo.

- *Về hoạt động từ thiện xã hội:* Con người đến với đạo không ngoài hai mục đích Tu Thân và Hành Thiện. Ngoài việc nương theo giáo pháp để sửa mình nên

Thiện - Mỹ còn phải giúp cho người nên đạo, thoát cảnh nguy nan. Để thực hiện được những điều trên không gì tốt hơn việc làm từ thiện xã hội, và để những việc này thu hiệu quả tốt, đa số các Hội thánh Cao Đài đều có ban phước thiện, hành thiện, công cử chức sắc phước thiện, là đơn vị tập hợp người chuyên hoạt động về lĩnh vực từ thiện nhân đạo của Hội thánh.

Về nguồn kinh phí để hoạt động từ thiện, có thể thấy, mặc dù có cơ quan, tổ chức phước thiện trong mỗi hội thánh, nhưng nguồn thu chủ yếu để thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội không phải là nguồn trích ra từ kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ sở tôn giáo mà phần đa đều được huy động từ xã hội, từ cộng đồng tín đồ.

Các tín đồ có thể thực hiện hoạt động từ thiện theo ba cách cơ bản: (1) Tự cá nhân trực tiếp thực hiện; (2) Thực hiện thông qua việc đóng góp vào hội thánh hay các tổ chức sinh hoạt chung của cơ sở; (3) Thực hiện thông qua việc đóng góp vào các tổ chức nhà nước (Mặt trận tổ quốc các cấp, các tổ chức hoạt động từ thiện khác của nhà nước và địa phương).

Tuy nhiên, nguồn đóng góp này cũng tùy từng địa phương và tùy vào từng đối tượng. Phần kinh phí thu về không ổn định, tùy thời gian, địa điểm và đối tượng đóng góp. Cụ thể là: "Trong thời gian qua *Hội thánh có thực hiện những điều trên, tín đồ cũng phần nhiều là bà con nông dân, nên điều kiện của Hội thánh còn chưa tốt, vì vậy có hoạt động nhưng nhỏ,...* "(PVS ông TNV, 65 tuổi, chức việc Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Vĩnh Long, ngày 18/11/2024).

Các hoạt động từ thiện của đạo Cao Đài có thể chia thành hai dạng hoạt động chủ yếu: Hoạt động cứu trợ, hỗ trợ đột xuất và Cứu trợ, hỗ trợ thường xuyên. Để duy trì hoạt động hỗ trợ thường xuyên, một số chức sắc Cao Đài cung cấp thông tin rằng: các hội thánh đều duy trì các hòm công đức với nôi dung khác nhau: hòm công đức dành cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn; hòm công đức trợ tang cho các gia đình đình có hoàn cảnh khó khăn,... Khi trao đổi với các tín đồ được biết: *Từ thiện ở cơ sở thờ tự có hòm cứu tế giúp người có hoàn cảnh khó khăn; có hồm trợ tang giúp cho tang lễ của các gia đình khó khăn; giúp đỡ bằng các biện pháp: tặng gạo, tặng quà có gia đình khó khăn cho cả tín đồ và người ngoài, giúp các họ đạo khó khăn trong*

việc xây dựng cơ sở vật chất" (PVS bà NTTC, 58 tuổi, nông dân, tín đồ Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo ở Cà Mau, ngày 19/11/2024).

Với những nỗ lực hoạt động của mình, các Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL đã đạt được những kết quả đáng kể sau đây:

+ Các họ đạo thuộc Hội thánh Cao Đài Tây Ninh ở vùng ĐBSCL trong nhiệm kỳ (2018 - 2022) đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, những mô hình hỗ trợ thiết thực với nhiều cách làm sáng tạo, thiết thực, hiệu quả của địa phương, thành lập mô hình "*Câu lạc bộ bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, xây dựng mới nhà tình thương, sửa chữa nhà của hộ nghèo, nâng cấp cầu giao thông nông thôn, bếp cháo tình thương ở bệnh viện, phát thuốc miễn phí, dung dịch sát khuẩn, khẩu trang và chung tay với các cấp chính quyền trong công tác phòng chống dịch Covid-19 với kinh phí gần 200 tỷ đồng*" [145, tr.3].

+ Năm 2022, Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo ở Bến Tre (nay là Vĩnh Long) "*cứu trợ lũ lụt, thiên tai, giúp khó trợ nghèo 15.026.879.000 đồng, quần áo 1.327kg, hiến áo quan 107 cái, hiến gạo 40.401kg, nhà tình thương 12 căn, nhà tình nghĩa 32 căn, nhà đại đoàn kết 26 căn,... tổng số tiền là 20.836.530.000 đồng"* [97, tr.31].

+ Năm 2022, Hội thánh Cao Đài Tiên thiên đóng góp quỹ người nghèo, quỹ trẻ em khuyết tật, nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ khuyến học, bát cháo tình thương, trẻ em mồ côi, người già neo đơn, người mù, cứu trợ thiên tai bão lụt, tặng xe lăn cho người khuyết tật: "*Tổng số tiền tham gia các hoạt động từ thiện xã hội là: 16.861.089.000 đồng*" [97, tr.32].

+ Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo tích cực tham gia phong trào "*làm đường giao thông nông thôn, các dự án cầu bê tông được tín đồ đồng tình hưởng ứng, đã làm mới 26 cây cầu, 9.450 m đường với số tiền đóng góp là 948.315.000 đồng và 11.076 ngày công. Ngoài ra, Hội thánh đã vận động được chức sắc, tín đồ toàn phái đóng vào quỹ đền ơn đáp nghĩa 503.290.000 đồng*" [97, tr.33].

+ Hội thánh Cao Đài Bạch Y "*phát 50 tấn gạo, xây dựng 01 căn nhà tình thương; đóng góp quỹ vì người nghèo 2.349.234.000 đồng; xây dựng 3 cầu bê tông thay cầu khi trị giá 45.000.000 đồng; giúp bếp ăn của bệnh viện huyện, tặng quà các bà con*

nghèo các kỳ lễ hội; tặng 120 áo quan, đồ liệm cho người nghèo... tổng số tiền cho hoạt động từ thiện xã hội là 6.689.134.000 đồng" [97, tr.33].

+ Năm 2022, Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu "*cứu trợ đồng bào lũ lụt, người có hoàn cảnh khó khăn ở chung quanh Toà thánh 1.750 kg gạo, 40 thùng mì, 49 kg đường cát,... trị giá khoảng 450.000.000 đồng*" [97, tr.33].

Về phương thức hoạt động cũng phong phú đa dạng, từ những hoạt động thiết thực hành ngày như phát cơm, cháo tình thương; phát quà vào những dịp lễ tết đến các hoạt động "dài hơi" như chữ bệnh, chăm sóc người già neo đơn, hỗ trợ xây nhà, xây cầu đường. Qua đó, có thể thấy, hoạt động từ thiện của các hội thánh và tín đồ đạo Cao Đài ở nước ta rất đa dạng, phần nào đã góp phần chia sẻ gách nặng xã hội cho đất nước.

Một hoạt động nổi bật trong công tác từ thiện xã hội của đạo Cao Đài đó là: *hoạt động gúp đỡ trợ táng*, đây cũng là việc làm thường xuyên của đạo Cao Đài. Đối với những gia đình có tang không mai gặp hoàn cảnh khó khăn, thì họ đạo sẽ đứng ra lo liệu chu toàn theo đúng nghi thức của đạo, còn chu cấp miễn phí quan tài và các vật dụng cần thiết dùng trong đám, ở đây xin nhắc lại là các hoạt động từ thiện nêu trên không nhất thiết phải là người trong đạo, cộng đồng ngoài đạo cũng được đối xử bình đẳng y như người trong đạo.

- *Về hoạt động về y tế:* với ưu thế là hành động vì đức tin tôn giáo, cống hiến cho cộng đồng là thể hiện tỉnh thần bác ái, từ bi, là hành động thiết thực của cuộc sống tu hành nên nhiều cơ sở đạo hữu Cao Đài cũng đã thể hiện một tinh thần nhập thế sôi nổi. Điển hình như Hội thánh Ban Chỉnh đạo Bến tre tính đến nay đã mở hàng trăm nhà tu ở Hội thánh và họ đạo để cho những gia đình nghèo cũng có thể vào tu. Ở đây, nữ giới được học nghề nữ công, mỹ nghệ, nam giới thì làm ruộng làm vườn, làm rẫy, làm thợ hồ, thợ mộc,... "*Hội thánh đã xây dựng được nếp sống mới đoàn kết thương yêu, tương thân hòa ái cho mọi người tu hành có việc làm, có cơm ăn. Đồng thời còn mở trường dạy chữ và trường dạy Hạnh đường cho người đạo; Thành lập được 168 Ban Hành thiện ở các họ đạo với 144.340 hội viên, điều trị cho hơn 1 triệu lượt người với hơn trăm ngàn thang thuốc miễn phí"* [57, tr.7].

Về phòng thuốc nam miễn phí, đây được xem là hoạt động từ thiện tiêu biểu nhất của đạo Cao Đài. Hầu hết ở các Thánh thất, Thánh tịnh của các hệ phái đạo Cao Đài ở ĐBSCL đều có phòng thuốc nam từ thiện để hỗ trợ thăm khám, chữa trị và phát thuốc miễn phí cho người dân trong khu vực sinh sống và ở các nơi lân cận. Tín đồ đạo Cao Đài gọi đây là phòng thuốc phước thiện và các việc làm như trên gọi là việc làm nhân ái. Tại các phòng thuốc phước thiện này, đều có các lương y, có kinh nghiệm cũng như am hiểu về được tính thuốc, đa phần họ đều là tín đồ của các hệ phái Cao Đài. Đều đáng trân trọng và ghi nhận là ở tấm lòng hành đạo gúp đời của các tín đồ, để có thể duy trì được phòng thuốc phước thiện, tín đồ trong đạo cùng nhau đi tìm và khai thác các cây thuốc trong khu vực, ngoài ra họ còn đóng góp kinh phí để mua những loại thuốc quí hiếm về chữa trị cho bệnh nhân mắc các căn bệnh hiểm nghèo, nan y. Những bệnh nhân đến khám đều được miễn phí, đôi khi còn được hỗ trợ chỗ nghỉ nếu ở xa.

Tại phòng thuốc nam của các Hội Thánh, Thánh Thất, họ đạo thì không ít chức sắc, tín đồ Cao Đài thường xuyên đóng góp nguồn thuốc, vật tư y tế cho hoạt động khám chữa bệnh miễn phí. Ví dụ, "*tại Phước Y viện của Tòa thánh Ngọc Sắc của Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo (ấp Xóm Sở, xã Hồ Thị Kỹ, tỉnh Cà Mau), tín đồ Nguyễn Thị Dung cùng các nhân viên Phước Y viện thường trực tiếp đi tìm kiếm, thu hoạch cây thuốc nam ở các khu vườn của bà con trong xóm ấp về sơ chế đóng gói để cung cấp nguồn dược liệu cho Phòng thuốc nam. Trên phần đất vườn của gia đình, bà Dung trồng hơn 1000 m^2 với gần 30 loại cây thuốc Nam quý hiếm để góp phần giúp Phòng thuốc nam của Phước Y viện luôn chủ động được nguồn dược liệu điều trị cho bà con trong vùng"* [73, tr.15].

Kết quả khám chữa bệnh và một số mô hình tiêu biểu:

Đạo Cao Đài có nhiều tổ chức, hệ phái; mỗi hệ phái Cao Đài có cơ sở khám chữa bệnh từ thiện riêng, tích cực tham gia đóng góp cho xã hội. Hàng năm, bình quân các cơ sở đã khám cho "*hàng chục nghìn người, cung cấp hàng chục nghìn toa thuốc với chỉ phí điều trị miễn phí hàng tỷ đồng*" [51, tr.67].

+ Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh đạo có "*30 Phòng chẩn trị y học dân tộc, châm cứu từ thiện để phục vụ sức khỏe đồng bào. Trong nhiệm kỳ IV (2012 - 2017), Hội thánh đã tổ chức khám và điều trị bệnh miễn phí cho 180.611 lượt người, bốc 817.892 thang thuốc, châm cứu 143.567 lượt người, với tổng kinh phí trên 5,7 tỷ đồng 195. Trong nhiệm kỳ V (2017 - 2022), Hội Thánh đã góp phần không nhỏ vào việc khám chữa bệnh của chức sắc, tín đồ cũng như người dân địa phương với 114.565 lượt xem mạch; 70.081 lượt châm cứu 611.709 thang thuốc Nam; 396.682 thuốc thành phẩm (thuốc viên, thuốc xoa bóp, thuốc xông); 189.818 thuốc sơ chế: 57.427 ngày công quả với số tiền ước tính 20.251.177.000 đồng*" [113, tr.20].

+ Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên có "*24 Phòng chẩn trị y học cổ truyền từ thiện, 05 bếp cơm cháo nước uống tại các bệnh viện cấp huyện và các hình thức từ thiện khác với số tiền 69.023.472.000 đồng trong nhiệm kỳ V (2015 - 2020). Theo Ban Tôn giáo chính phủ năm 2014, Hội Thánh đã khám điều trị cho 5098 bệnh nhân, châm cứu, bấm huyệt cho 989 người; bốc 12377 thang thuốc miễn phí; cấp phát 1670 gói thuốc trị gan, đau nhức"* [82, tr.107].

+ Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo "*trong năm 2022 đã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho chức sắc, tín đồ và người dân bằng y học cổ truyền, phát thuốc miễn phí tại các Phước Y viện; xem mạch cho 34.916 lượt người; châm cứu, bấm huyệt cho 11.007 lượt người; bốc thuốc Nam 106.264 thang, cấp phát trên 1900 viên thuốc Tây các loại; trị giá 1,8 tỷ đồng*" [59, tr.30].

Bên cạnh các Hội Thánh trung ương thì trong hoạt động khám chữa bệnh từ thiện của đạo Cao Đài có không ít mô hình tiêu biểu, được người dân tin tưởng tại các địa phương trong vùng ĐBSCL. Ví dụ như:

+ Phòng thuốc Nam từ thiên của họ đao Cao Đài phường 4, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Phường Gò Công, Tỉnh Đồng Tháp) trong "*5 năm (2012-2017) đã châm cứu cho trên 15.250 lượt người bệnh và bốc trên 14.700 thang thuốc Nam miễn phí*" [99, tr.19].

+ Phòng khám Kinh 7, tại tỉnh Kiên Giang (nay là An Giang) là phòng khám nhân đạo có sự góp sức của lương y, tín đồ Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Phật giáo

Hòa Hảo, Đạo Cao Đài. "*Trong 20 năm qua, phòng khám 5 tôn giáo này đã chẩn trị cho hàng trăm ngàn bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời cấp phát gạo cho bệnh nhân và người nhà không có gạo ăn, cấp tiền lộ phí nếu bệnh nhân không có tiền đi lại. Những người có điều kiện hơn thì được chữa trị với mức viện phí chỉ tương đương 10% so với bên ngoài và đây là nguồn thu chủ yếu để chăm lo lại cho người nghèo*" [106, tr.10].

Có thể thấy rằng, đạo Cao Đài đã có nhiều đóng góp tích cực trong hoạt động y tế hướng đến xã hội. Các cơ sở khám chữa bệnh từ thiện của Cao Đài có số lượng không nhỏ và đáp ứng khá tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của chức sắc, tín đồ theo đạo cũng như người dân vùng. Nhìn chung, hoạt động y tế của đạo Cao Đài có sự tham gia đông đảo của chức sắc, tín đồ cũng như thu hút những cán bộ, y bác sĩ có tay nghề cao; những người am hiểu y học cổ truyền đến làm công quả, khám chữa bệnh miễn phí cho người dân. Nhiều nhà hảo tâm cũng ủng hộ, tài trợ kinh phí cũng như cung cấp nguồn dược liệu cho phòng khám từ thiện, nhiều người tình nguyện tham gia công việc sơ chế dược thảo,... Tuy nhiên hoạt động y tế của đạo Cao Đài hiện nay cũng phải đối mặt với những khó khăn bất cập về điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị cũng như nguồn nhân lực, tài chính như một số tôn giáo nội sinh khác.

- *Về hoạt động giáo dục:* để thực hiện đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc theo phương châm "nước vinh, đạo sáng", đạo Cao Đài khả chú trọng hoạt động giáo dục cho chức sắc, tín đồ nói riêng cũng như hoạt động giáo dục hướng tới xã hội cho người dân vùng có đạo. Tuy nhiên hiện nay đạo Cao Đài chưa tham gia vào hệ thống giáo dục của Nhà nước; đa số con em của tín đồ vẫn học kiến thức, học nghề tại các trường công lập. Nhìn chung, hoạt động giáo dục hướng đến xã hội của đạo Cao Đài hiện nay chủ yếu là tham gia hỗ trợ, đóng góp về kinh phí (học bổng), vật chất (như sách vở, đồ dùng) cho trẻ em trong và ngoài đạo có điều kiện học tập, phát triển bản thân; đặc biệt là những em có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi hoặc những tấm gương hiếu học tại vùng có đồng bào theo đạo. Các Hội thánh, tổ chức của đạo Cao Đài thường xuyên kết hợp với Mặt trận Tổ quốc, chính quyền các cấp thực hiện công

tác khuyến học, xây dựng quỹ khuyến học. Một số kết quả, mô hình tiêu biểu có thể kể đến như:

+ Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo ở Cà Mau từ năm học (2018 - 2019) đã có nhiều thành tựu trong công tác khuyến học như "*vận động người dân hiến được 17.308 m^2 đất để xây dựng trường học tại địa phương; vận động ủng hộ đóng góp kinh phí để mua 26.010 quyển vở viết, 7.540 bút viết, 981 bộ sách giáo khoa, 296.350.000 đồng để giúp trẻ em nghèo*" [112, tr.125].

+ Hay vào dịp tổng kết năm học 2022 - 2023, họ đạo Cao Đài Bình Phước Xuân (ở An Giang) "trao *quà, sách vở cho học sinh khó khăn của xã Bình Phước Xuân và Mỹ Hiệp với giá trị 30 triệu đồng. Nhân dịp khai giảng năm 2023, họ đạo này cũng trao tặng 18 chiếc xe đạp cho học sinh hai xã trên với giá trị 2.600.000 đồng/chiếc, giúp học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục đến trường"* [37, tr.13].

Ngoài ra vào ngày 08/02/2023 Học viện Cao Đài Tiên Thiên được thành lập và khai giảng khóa đầu tiên. Đây là cơ sở đào tạo uy tín của đạo Cao Đài, trở thành nơi đào tạo, bồi dưỡng các chức sắc, chức việc đạo Cao Đài có tâm, có tầm, đem kiến thức được học tập, rèn luyện tại Học viện phụng sự đạo, phụng sự đời.

3.2.3.2. Đạo Cao Đài trong việc tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế hợp tác xã:

Trong đời sống hiện tại, nhiều năm qua các tổ chức họ đạo các hệ phái Cao Đài tại ĐBSCL đã phát huy được truyền thống quý báu của dân tộc, tích cực vận động tín đồ tham gia các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội, từ thiện, nhân đạo,... cùng chung tay xây dựng quê hương, chấp hành tôt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đạo Cao Đài khuyến khích tín đồ vừa tu hành, vừa tích cực tham gia lao động sản xuất, thông qua các mô hình sản xuất và dịch vụ, đặc biệt là kinh tế hợp tác, đời sống của tín đồ đạo Cao Đài được nâng lên, đóng vai trò quan trọng trong đoàn kết tôn giáo ở khu vực ĐBSCL.

Thời gian qua, đồng bào đạo Cao Đài tại ĐBSCL đã luôn phấn khởi, tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của chính quyền địa phương, tham gia hoạt động tôn giáo đúng pháp luật, tích cực lao động sản xuất, đa dạng ngành nghề,

cải thiện kinh tế gia đình. Hiện nay, đời sống của tín đồ đạo Cao Đài ngày càng phát triển, xuất hiện nhiều hộ dân làm kinh tế có hiệu quả, thu nhập hàng trăm triệu đồng/năm. Điển hình như gia đình ông TVL, xã U Minh, tỉnh Cà Mau là một trong những tín đồ theo đạo Cao Đài Minh Chơn Đạo lâu năm.

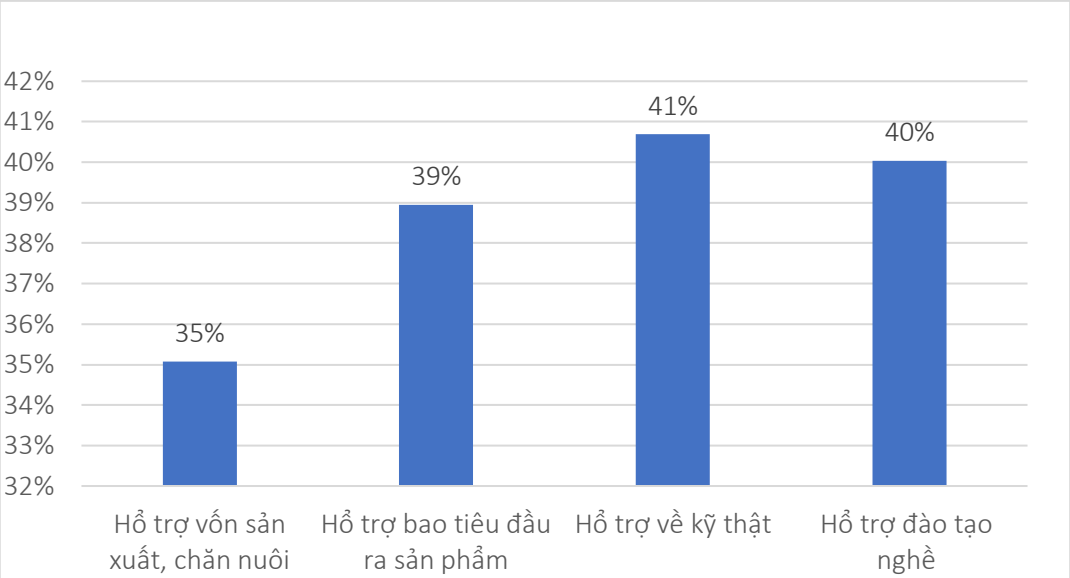
PVS Ông TVL, 66 tuổi, nông dân chia sẻ: "*Trước khi làm vuông nuôi tôm, gia đình tôi chỉ có 4 công đất trồng lúa, kinh tế rất khó khăn. Nhưng từ khi nuôi tôm đến nay, kinh tế ngay càng phát triển, có thể nuôi các con ăn học và tích góp mua thêm đất làm vuông. Đến nay, gia đình tôi có 100 công đất nuôi tôm, cua quảng canh, thu nhập trên 200 triệu đồng mỗi năm*".

Trong những năm qua, kinh tế tập thể, hợp tác xã (HTX) được tín đồ đạo Cao Đài ở ĐBSCL thường xuyên quan tâm củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động. Các HTX, tổ hợp tác đã từng bước khẳng định là nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người lao động tại địa phương. Các họ đạo và tín đồ đạo Cao Đài luôn luôn thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, chung sức cùng cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng các mô hình kinh tế tập thể, HTX làm ăn có hiệu quả. Điển hình tại tỉnh Bến Tre (nay là Vĩnh Long) nơi có đến hơn "*30% dân số là tín đồ của các họ đạo Cao Đài, đến nay trong toàn tỉnh có 145 HTX, hoạt động đa dạng trong các lĩnh vực nông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, vệ sinh môi trường, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, tín dụng với hơn 40 nghìn thành viên và gần 250 tỷ đồng vốn điều lệ"* [74, tr.18].

Theo kết quả điều tra xã hội học của luận án có 95,43% tín đồ được hỏi cho rằng họ nhận được sự khuyên bảo, hướng dẫn từ phía chức sắc, chức việc trong làm ăn phát triển kinh tế **[Bảng 3.1].**

Cũng theo kết quả khảo sát của luận án, tín đồ Cao Đài nhận sự hỗ trợ từ các chức sắc, chức việc trong làm ăn kinh tế như sau: 35% (thường xuyên và thỉnh thoảng) nhận được hỗ trợ vốn sản xuất, chăn nuôi; 39% (thường xuyên và thỉnh thoảng) nhận được hỗ trợ từ việc giúp bao tiêu sản phẩm; 41% (thường xuyên và thỉnh thoảng) được hỗ trợ về kỹ thuật, giống cây trồng, con giống; 40% (thường xuyên và thỉnh

thoảng) nhận được giúp đỡ đào tạo nghề. Các doanh nghiệp tín đồ Cao Đài được chức sắc khuyên bảo làm ăn trung thực, đóng thuế đầy đủ góp phần phát triển kinh tế đất nước, được thể hiện chi tiết từ Biểu đồ 1, dựa trên số liệu của **[Bảng 3.2],** trang 205.



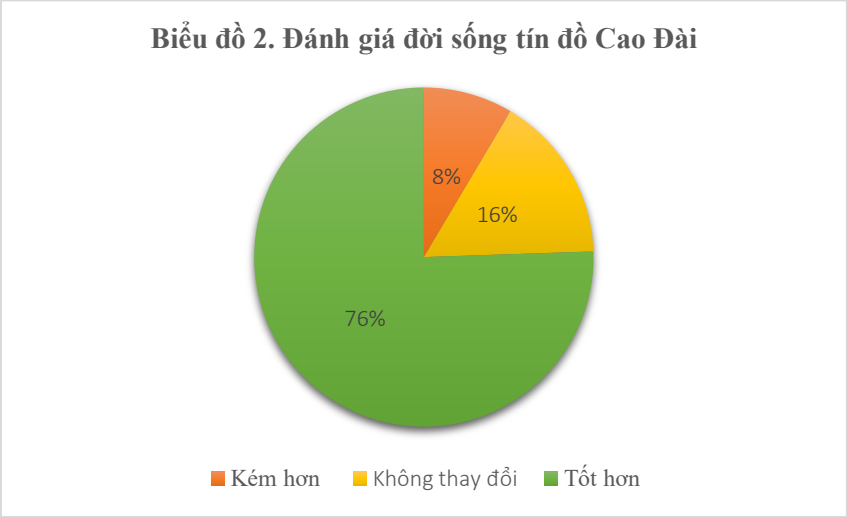
Biểu đồ 1. Thể hiện sự hỗ trợ, giúp đỡ của chức sắc, chức việc từ các Hội thánh trong hoạt động sản xuất

Bảng 3.2. Tình hình giúp đỡ của chức sắc, chức việc đối với các tín đồ - phụ lục bảng tr. 205

[Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát]

Ngoài ra, nhiều năm qua các Hội thánh đã tổ chức các khóa tập huấn cho tín đồ về: nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sinh thái, giữa vững phát triển kinh tế HTX. Theo PVS ông NPN, 46 tuổi, công chức, Trưởng phòng Vụ Cao Đài, Ban Tôn giáo Chính phủ chia sẻ: "*trong phát triển HTX đạo Cao Đài phát triển tương đối đa dạng, họ được thụ hưởng các chính sách cơ bản như: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới; tiếp cận vốn và quỹ phát triển HTX; tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; hỗ trợ thành lập mới HTX, liên hiệp HTX; hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; cho thuê đất; ưu đãi về tín dụng; hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm*".

Trong sinh hoạt tôn giáo, chức sắc, chức việc luôn chỉ dạy tín đồ biết "tiết kiệm, chống lãng phí". Tín đồ vừa tiết kiệm, lại có tiền lo cho con ăn học và nâng cao chất lượng cuộc sống. Theo kết quả điều tra của luận án, có 81,63% cán bộ địa phương cho rằng: tín đồ Cao Đài chăm chỉ làm ăn, phát triển kinh tế. Theo khảo sát của luận án này, trong 94 chức sắc, chức việc Cao Đài, với nội dung đánh giá về đời sống của tín đồ Cao Đài hiện nay trên địa bàn, luận án thu được kết quả như sau: 76% đánh giá tốt hơn; 16% cho là không thay đổi và 8% cho là kém hơn, rõ ràng đời sống của tín đồ Cao Đài đang ngày một phát triển, được thể hiện chi tiết từ Biểu đồ 2, dựa trên số liệu của **[Bảng 3.5],** trang 207.



Bảng 3.5. Tình hình đời sống của tín đồ ở địa phương - phụ lục bảng tr. 207

[Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát]

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự quan tâm của chính quyền địa phương là cơ bản, nhưng sự hỗ trợ từ phía Hội thánh cũng góp phần thay đổi nhận thức của tín đồ trong phát triển kinh tế, chăm chỉ làm ăn, nâng cao trình độ sản xuất, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm góp phần giúp đồng bào thoát nghèo. Những quy tắc trong làm ăn dựa trên nền tảng đức tin và lối sống được khuyên răn hàng ngày trong sinh hoạt tôn giáo không chỉ có ý nghĩa giúp người dân nâng cao ý thức trong lao động sản xuất, mà còn góp phần tạo động lực trong phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho bản thân, gia đình, lan rộng ra xã hội; điều đó hoàn toàn phù hợp với chủ trương phát triển bền vững về kinh tế của Việt Nam.

3.2.3.3. Đạo Cao Đài trong xây dựng nông thôn mới:

Tín đồ theo đạo Cao Đài tại ĐBSCL đã thực hiện tốt phong trào xây dựng nông thôn mới, hơn 10 năm qua (2014 - 2024) tốc độ gia tăng thu nhập của người dân nông thôn ở khu vực ĐBSCL nhanh hơn so với tốc độ gia tăng thu nhập của người dân đô thị, góp phần rút ngắn khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị. Nhiều đơn vị cấp huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (NTM). Trong lao động sản xuất, tín đồ đạo Cao Đài thực hiện việc đổi công, vần công hỗ trợ nhau trong lao động. Song song với quá trình tu hành, tín đồ đạo Cao Đài còn luôn có ý thức đối với cộng đồng xã hội, tích cực phát động phong trào thi đua lao động sản xuất xây dựng NTM, làm giàu cho xã hội, góp phần tạo cho cuộc sống của người tu hành trở nên có ý nghĩa, có ích tác động đến lối sống của cư dân vùng ĐBSCL.

Nhiều họ đạo nhiều năm liền không có người nghiện ma túy, không mắc tệ nạn xã hội, mô hình tự quản về an ninh trật tự trong tín đồ tôn giáo được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Nhiều tín đồ Cao Đài tham gia mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị như "*Cánh đồng mẫu lớn*", chuỗi giá trị, rau màu, hoa trái, chăn nuôi, thủy sản,… mang lại nhiều hiệu quả tích cực, giá trị sản xuất trong nông nghiệp không ngừng nâng lên.

Từ đó, tạo điều kiện nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Là thành viên HTX nông nghiệp Phú Thạnh, Xã Phú Tân, tỉnh An Giang, ông LVH một tín đồ Cao Đài Ban Chỉnh Đạo lâu năm luôn tâm niệm lối sống "tốt đời, đẹp đạo". Ông thường xuyên tham gia tuyên truyền cho bà con giáo dân tích cực tham gia các phong trào, hoạt động do địa phương tổ chức nhằm thắt chặt mối đoàn kết tôn giáo. PVS Ông LVH, 61 tuổi, nông dân chia sẽ: "*Xây dựng NTM là làm đẹp cho làng xóm, gia đình, xã hội, do vậy xây dựng NTM là trách nhiệm của mỗi người, và của cả toàn dân"*.

3.2.3.4. Đạo Cao Đài trong phát triển du lịch tôn giáo:

Đánh thức tiềm năng du lịch tôn giáo cũng là một nguồn lực có hiệu quả cao của tín đồ đạo Cao Đài trong phát triển đời sống kinh tế xã hội hiện nay. Các kiến trúc thánh thất, thánh tịnh của tất cả các hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL đều có nét đặc trưng riêng, có giá trị tiềm năng du lịch rất lớn. Điển hình trong đó phải kể đến, Tòa thánh Ngọc Sắc ở tỉnh Cà Mau, (trụ sở của hệ phái Cao Đài Minh Chơn Đạo), Tòa Thánh Bến Tre ở tỉnh Vĩnh Long (trụ sở của hệ phái Cao Đài Ban Chỉnh Đạo),... là những công trình kiến trúc độc đáo tiêu biểu của vùng và quốc gia. Những nơi này, từ lâu trở thành địa điểm thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước.

PVS ông TTT, 71 tuổi, chức sắc, Phó Ban đại diện Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo chia sẻ: "*Du khách có thể tới tham quan Tòa thánh vào bất kỳ giờ nào trong ngày, nhưng nên chọn giờ hành lễ (thường là 12h trưa). Đây là thời điểm để mọi người chiêm ngưỡng toàn bộ nghi thức trang trọng của đạo hữu Cao Đài. Bên cạnh đó, du khách có thể lên tầng trên của tòa nhà chụp toàn cảnh bên trong của khu vực chính*". Các công trình kiến trúc Cao Đài nói trên, là một điểm đến hấp dẫn được các tín đồ và người dân khắp nơi trên thế giới tìm về để chiêm ngưỡng, hành đạo và lễ bái. Nó đã thực sự là một điểm du lịch văn hóa và tôn giáo đặc sắc, thắm đượm tinh thần dân tộc của người dân sống trên vùng đất này.

Hiện nay, đời sống mọi mặt, đặc biệt là về kinh tế xã hội của đồng bào theo đạo Cao Đài được cải thiện rất nhiều so với trước. Tiêu biểu, phải nói đến là xã Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Vĩnh Long), đây là nơi đặt trụ sở của Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên, toàn huyện hiện có hơn "*500 doanh nghiệp, hợp tác xã, và đa số các chủ doanh nghiệp là tín đồ của đạo Cao Đài, một số tín đồ đã thành lập công ty du lịch, lữ hành*" [75, tr.17]. Hàng năm, các doanh nghiệp này đã cùng với chính quyền địa phương tạo điều kiện chăm lo tốt giải quyết việc làm, phát triển kinh tế cho người dân, cũng như thực hiện tốt công tác từ thiện, an sinh xã hội, giúp đỡ những cá nhân và gia đình trong cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn.

3.2.4. Cao Đài thực hiện đồng thuận xã hội và đoàn kết dân tộc góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội

3.2.4.1. Chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động tôn giáo:

Cao Đài là tôn giáo sống theo Giáo luật và luật lệ của Hội thánh, nên ý thức chấp hành pháp luật được đề cao. Thực hiện các sinh hoạt tôn giáo theo một quy chuẩn, điều đó tạo nên một thói quen trong việc tuân thủ quy tắc luật lệ, nên các hoạt động tôn giáo ổn định, nền nếp. Chức sắc, chức việc được đào tạo khá bài bản, họ chủ động trong tìm hiểu và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Hội thánh cũng như tín đồ. Mối quan hệ giữa Cao Đài và chính quyền các cấp ngày một tốt hơn dựa trên cơ sở pháp luật và đối thoại, tôn trọng lẫn nhau. Trong sinh hoạt tôn giáo, chức sắc thường khuyên tín đồ phải biết chấp hành pháp luật, xây dựng tình đoàn kết trong họ đạo, xóm làng. Theo kết quả điều tra của luận án có 97,54% tín đồ được hỏi cho rằng họ được các chức sắc, chức việc khuyên bảo chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; 92,98% được khuyên bảo xây dựng tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ mọi người **[Bảng 3.1].** Tín đồ Cao Đài thực hiện pháp luật gắn với thực hành giáo lý và sự khuyên bảo của chức sắc làm cho ý thức chấp hành pháp luật được nâng cao hơn.

Bên cạnh đó, ý thức chấp hành pháp luật của chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài còn được thể hiện trong việc tham gia đầy đủ, nghiêm túc các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật do các cơ quan chức năng tổ chức. Theo kết quả điều tra, có 68,42% số tín đồ tham gia các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tôn giáo do chính quyền các cấp tổ chức **[Bảng 3.6].** Thông qua sinh hoạt tôn giáo, tín đồ có thêm thông tin và nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, góp phần đưa chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống. Những ý kiến góp ý chính đáng của các tổ chức Hội thánh cũng chính là kênh phản biện xã hội giúp việc ban hành và thực thi chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tôn giáo nói chung, Cao Đài nói riêng ngày một hoàn thiện hơn.

3.2.4.2. Cao Đài góp phần tạo đồng thuận xã hội, đoàn kết trong cộng đồng dân tộc - tôn giáo:

Với phương châm hành đạo "Nước Vinh - Đạo Sáng" đạo Cao Đài đã xây dựng và có được những mối quan hệ với các tôn giáo khác. Các mối quan hệ đó dựa trên nguyên tắc của đạo Cao Đài, đó là sự hòa hợp, không kỳ thị tôn giáo, vì đạo Cao Đài có trong tất cả các tôn giáo và các tôn giáo cũng có trong đạo Cao Đài. Điều này được minh chứng rõ nhất trong giáo lý, quan điểm, cũng như cách thờ tự của đạo Cao Đài. Chính vì thế, chức sắc và tín đồ của đạo Cao Đài, bên cạnh việc hành đạo trong tôn giáo của mình, cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng các mối quan hệ giữa tôn giáo Cao Đài với các tôn giáo khác trong khu vực. Các chức sắc trong tổ chức liên giao hàng năm đều thăm hỏi, tặng quà mừng xuân cho các tổ chức tôn giáo khác như: Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tòa Tổng giáo mục, Tổng hội Tin Lành miền Nam Việt Nam, Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo, Trung ương Giáo hội Tịnh Độ Cư Sĩ, Cộng đồng Tôn giáo Baha'I, Ban Đại diện Cộng đồng Hồi Giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương,... Điều này cho thấy, đạo Cao Đài đã xây dựng mối quan hệ tương đối rộng với các tôn giáo.

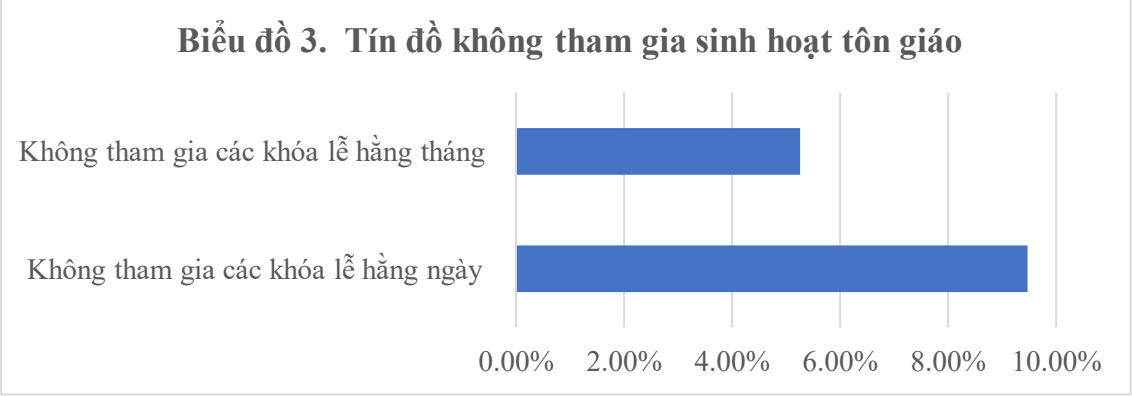
Mặt khác, quan hệ xã hội giữa tín đồ Cao Đài với tín đồ các tôn giáo khác cũng diễn ra với nhiều hình thức, thể hiện sự hòa hợp đoàn kết. Mối quan hệ này được thể hiện qua các hoạt động như từ thiện xã hội, hoặc trong đời sống hôn nhân của tín đồ Cao Đài. Điển hình như, người theo đạo Cao Đài vẫn có thể quan hệ hôn nhân với những người theo các tôn giáo khác và không nhất thiết phải yêu cầu người đó theo đạo Cao Đài, vì ép buộc sẽ trái với luật đạo và pháp luật: "*Việc tin và theo đạo Cao Đài phải mang tính tự nguyện của mỗi người, không thể ép buộc"* [31, tr.133].

Theo kết quả điều tra của luận án có 92,98% tín đồ được hỏi cho rằng họ được chức sắc khuyên bảo xây dựng tình làng nghĩa xóm, giúp đỡ mọi người; 91,57% tín đồ được hỏi cho rằng họ được chức sắc khuyên bảo tham dự các hoạt động văn hóa, thể thao ở địa phương do chính quyền tổ chức **[Bảng 3.1].** Trong cộng đồng dân tộc - tôn giáo, niềm tin tôn giáo, và sống theo những lời răn dạy của các đấng thiêng liêng trong đạo đã dần làm mềm đi tính bảo thủ của con người, tạo ra sự cởi mở, đón nhận

và chia sẻ với những người xung quanh, làm tăng tính đồng thuận trong cộng đồng khu vực. Theo kết quả điều tra của luận án đánh giá về đồng thuận có 72,44% cán bộ được hỏi cho rằng tín đồ Cao Đài thực hiện tốt đoàn kết với các tôn giáo khác và cộng đồng dân cư. Đấy chính là đóng góp của Cao Đài trong đồng thuận xã hội **[Bảng 3.4].**

Tóm lại, mối quan hệ hiện nay giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở ĐBSCL dựa trên nguyên tắc "Liên giao tôn giáo", nhằm xây dựng mối quan hệ bình đẳng, đoàn kết tôn giáo, tôn trọng lẫn nhau để hướng đến nguyên tắc "Tốt đạo, đẹp đời" mà đạo Cao Đài đã nêu ra trong quá trình phát triển của mình. Đó cũng chính là cơ sở cho việc tạo ra sự đồng thuận, hợp tác đoàn kết của Cao Đài với các cộng đồng dân tộc - tôn giáo khác ở khu vực, đem lại sự ổn định xã hội, làm nền tảng quan trọng xây dựng phát triển kinh tế của vùng ĐBSCL.

Ngoài ra trong đời sống đạo, việc tín đồ tham gia các lễ nghi và thực hiện các hành vi tôn giáo là điều hiện hữu. Theo khảo sát của luận án đối với việc tham gia sinh hoạt tôn giáo thì chỉ có 9,47% tín đồ được hỏi trả lời không tham gia các khóa lễ hàng ngày; chỉ có 5,26% tín đồ không tham gia các khóa lễ hàng tháng, được thể hiện chi tiết từ Biểu đồ 3, dựa trên số liệu của **[Bảng 3.10],** trang 209.



Bảng 3.10. Mức độ tín đồ Cao Đài tham gia sinh hoạt tôn giáo - phụ lục tr. 209

[Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát]

Điều đó cho thấy việc tham dự các nghi lễ, thực hiện các nghi thức của đạo đối với tín đồ vừa là bổn phận, vừa là thói quen sinh hoạt tôn giáo không dễ bỏ và thay đổi. Tuy còn một số ý kiến của cán bộ địa phương phàn nàn rằng việc dành thời gian

hằng giờ cho các sinh hoạt tôn giáo của các chức sắc, tín hữu Cao Đài ảnh hưởng tới thời gian sản xuất, nhưng luận án cho rằng việc sinh hoạt tôn giáo tuy có chiếm một khoảng thời gian nhất định của chức sắc và tín đồ, nhưng mang lại nhiều giá trị tinh thần, tạo sự an tâm, hứng khởi mọi người, tạo động lực cho sản xuất....

3.2.5. Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về bảo vệ môi trường tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.2.5.1. Các Hội Thánh Cao Đài có tác động tới nhận thức bảo vệ môi trường của tín đồ:

Thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường (BVMT) và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong giai đoạn 2020 - 2030, Hội Thánh Cao Đài các hệ phái ở khu vực ĐBSCL đẩy mạnh công tác giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm BVMT và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên đến các tín hữu Cao Đài. Qua đó, từng bước tạo thói quen, giữ gìn vệ sinh trong cộng đồng dân cư. Đồng thời, nhiều mô hình hay được Hội Thánh triển khai góp phần xóa đói giảm nghèo và cải thiện môi trường.

Từ năm 2020, Ban Thường trực các hệ phái Hội Thánh Cao Đài đã ký cam kết với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bộ TN&MT với các nội dung được thông qua tại Hội nghị quốc gia "Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia BVMT và ứng phó với BĐKH" [29, tr.2]**.**

Tại các buổi đạo tràng đều trích lời dạy các đấng thiêng liêng trong kinh sách về môi trường. Trong giáo lý và lễ nghi của đạo Cao Đài không có hình thức đốt vàng mã giống như tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Điều này cũng góp phần bảo vệ môi trường. PVS ông TMT, 68 tuổi, chức sắc Cao Đài Tiên Thiên chia sẽ: "*Đốt nhiều đồ hàng mã, làm mâm cao cỗ đầy chỉ gây lãng phí, tốn kém. Người cõi âm không thể nhận được đồ dùng mà người cõi dương đốt cho. Âm - dương là hai thế giới hoàn toàn khác nhau, không thể cảm nhận được huống chi chuyện "gửi" và "nhận quà". Theo giáo lý đạo Cao Đài chúng tôi phổ biến đến bà con tín đồ về việc giảm thiểu ô nhiễm bằng cách không sử dụng và đốt vàng mã, chỉ dùng hương sạch tốt cho môi trường*".

Theo kết quả khảo sát của luận án có 92,63% tín đồ cho biết được nghe các chức sắc khuyên bảo về bảo vệ môi trường [**Bảng 3.1].** Thông qua sinh hoạt tôn giáo, tín

đồ đón nhận thông tin bảo vệ môi trường có tác dụng tích cực trong việc nâng cao hiểu biết và ý thức về bảo vệ môi trường gắn liền với thực hành đức tin.

Cũng theo khảo sát có 53,06% cán bộ đánh giá tốt việc tín đồ Cao Đài tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường [**Bảng 3.4]**. Bảo vệ môi trường đã được các Hội thánh đưa vào chương trình hoạt động tôn giáo hằng năm, góp phần cùng chính quyền địa phương thực hiện phát triển bền vững về môi trường ở ĐBSCL.

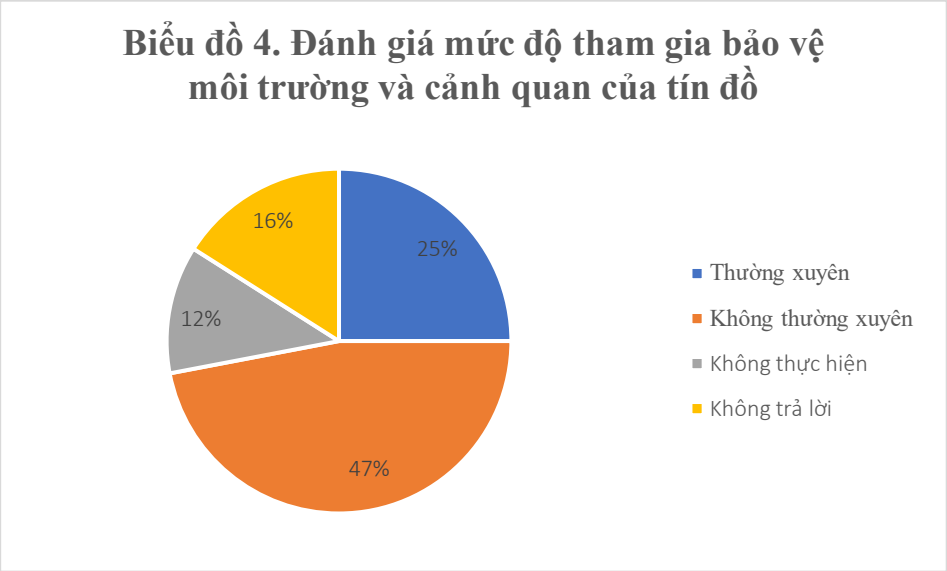
Trước sự tàn phá của BĐKH, các tổ chức Hội Thánh Cao Đài kêu gọi các tín hữu Cao Đài nhận thức rõ hiểm họa của ô nhiễm, suy thoái môi trường mà nhân loại đang đối mặt, chia sẻ trách nhiệm, đồng tâm phối hợp hành động vì mục đích cao nhất là bảo vệ sự sống của con người và muôn loài.

3.2.5.2. Cao Đài tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường:

Từ nhận thức việc bảo vệ môi trường đã tác động đến hành động bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân tín đồ Cao Đài ở ĐBSCL. Các tổ chức Ban trị sự cơ sở họ đạo ở địa phương của từng hệ phái Cao Đài giúp các chức sắc, chức việc xây dựng kế hoạch, triển khai, tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu ở từng địa bàn với 5 bước cơ bản: *quan tâm triển khai, tổ chức kế hoạch, quyết định thực hiện, hoạt động cụ thể, và duy trì phát triển* [6, tr.3].

Các cơ sở họ đạo, Hội Thánh tổ chức hoạt động đầu tiên là làm sạch môi trường tại các cơ sở tôn giáo, cơ sở từ thiện xã hội, cơ sở giáo dục do Cao Đài quản lý bằng việc: trồng cây xanh, cắt tỉa cẩn thận vừa mang lại không gian sống sạch, mát, vừa là không gian nghệ thuật, xây dựng một vùng đất xanh tươi lành mạnh, tín đồ Cao Đài đã và đang có những hoạt động góp phần bảo vệ môi trường qua những công việc nhỏ hàng ngày. Qua đó cũng góp phần giáo dục ý thức sinh hoạt thân thiện, hài hòa của tín đồ với môi trường sống tự nhiên.

Theo kết quả điều tra của luận án có tới hơn 72% tín đồ có *tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở địa phương* (thường xuyên và không thường xuyên), được thể hiện chi tiết từ Biểu đồ 4, dựa trên số liệu của **[Bảng 3.8]**, trang 208.



Bảng 3.8. Mức độ tham gia các hoạt động ở địa phương của tín đồ

- phụ lục bảng tr. 208

[Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát]

Các chức sắc, chức việc hướng dẫn tín đồ vệ sinh môi trường sống, trồng rau sạch, biết sử dụng và bảo vệ nguồn nước, phân loại rác thải và bỏ rác đúng nơi quy định, hạn chế sử dụng túi ni lon, trồng và bảo vệ rừng. Trong giờ học giáo lý tại các thánh thất, thánh tịnh các em thanh thiếu niên trong họ đạo được dạy về bảo vệ môi trường, quý trọng động, thực vật và thiên nhiên, không xả rác bừa bãi, làm ảnh hưởng đến môi trường sống.

Trong sản xuất, các chức sắc, chức việc và Ban trị sự ở các địa phương chỉ dạy bà con biết ủ phân xanh bón cho cây trồng, hạn chế việc dùng thuốc kích thích, thuốc trừ sâu ảnh hưởng đến sức khỏe và tàn phá môi trường về lâu dài. Một số họ đạo còn đầu tư máy lọc nước sạch để người dân sử dụng, đảm bảo sức khỏe. Các hộ dân được họ đạo hướng dẫn xử lý chất thải trong chăn nuôi bằng hình thức hầm Biogas vừa tận dụng được nguồn chất đốt tại chỗ, vừa góp phần giảm ô nhiễm môi trường. Khuyến khích trồng cây, hoa xung quanh nơi cư trú, phù hợp với thời tiết, khí hậu, tạo ra môi

trường sống sạch - đẹp. Thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình "5 không - 3 sạch" (không đói nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ ba trở lên, không có trẻ em suy dinh dưỡng và trẻ em bỏ học - sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ xóm).

Mô hình câu lạc bộ "*Họ đạo Cao Đài Tây Ninh tỉnh Kiên Giang (nay là An Giang) xây lò đốt rác, trồng cây xanh, bảo vệ môi trường. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2022, Ban đại diện Hội thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tỉnh đã kết hợp với Ban thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 14 lớp tập huấn và ra mắt 11 mô hình các họ đạo tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu với 240 thành viên, vận động xây dựng 6 trạm nước sạch, tặng 45 giếng khoa nước sạch cho các hội viên, xây dựng 8 lò đốt rác tại 8 họ đạo và 98 lò đốt rác gia đình*" [70, tr.18].

Hay mô hình "*Vận động chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài Ban Chỉnh tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu" tại xã Ba Tri, Bến Tre (nay là Vĩnh Long) sau 05 năm hoạt động (từ năm 2016 - 2021) đã vận động tín đồ và nhân dân trồng được 1.200 cây xanh, xây dựng 85 hầm biogas xử lý chất thải chăn nuôi, trên 1.000 hộ xây dựng hố xí tự hoại hợp vệ sinh, 244 hộ tín đồ và nhân dân đăng ký than gia thu gom rác. Thánh thất đã xây dựng 7 ống hồ dung tích trên 10m³/ống để trữ nước mưa, nước ngọt dự phòng khi hạn, mặn. Tín đồ Cao Đài Ban Chỉnh trong xã còn tích cực tham gia các hoạt động có tính chất bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan công cộng, như: nạo vét kênh mương, thu gom vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật trên đồng ruộng, không để nước thải chăn nuôi trực tiếp ra môi trường"* [20, tr.5].

Ngoài ra gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong thực hành tiết kiệm gắn với bảo vệ môi trường, các hội phụ nữ Cao Đài ở ĐBSCL đã tích cực hưởng ứng. Điển hình là "*Hội phụ nữ xã Châu Minh, tỉnh Bến Tre (nay là Vĩnh Long) có đến 70% là tín đồ hệ phái Cao Đài Tiên Thiên, đã thực hiện rất hiệu quả mô hình "tiết kiệm xanh", cứ 30 ngày chi hội thu gom rác của 849 hộ ở khu vực, lấy tiền làm từ thiện. Hoặc các họ đạo khác như: Trà Cú ở tỉnh Trà Vinh nay là Vĩnh Long (phái Cao Đài Tây Ninh), Phú Tân ở tỉnh Cà Mau (phái Cao Đài Minh Chơn*

Đạo), Giồng Riềng ở tỉnh Kiên Giang nay là An Giang (phái Cao Đài Bạch Y)”.... [69, tr.32], lập các điểm thu gom rác thải, đào hố chôn lấp chất thải rắn để đảm bảo vệ sinh môi trường. Như vậy, hành động bảo vệ môi trường của tín đồ không bó hẹp trong môi trường đạo, mà còn lan tỏa ra gia đình và cộng đồng, đưa hoạt động bảo vệ môi trường trở thành một thói quen.

Với việc sử dụng chính tín đồ để vừa tuyên truyền, vận động vừa làm gương, vừa giám sát kiểm tra đánh giá nên hiệu quả cao cả trong nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường. Hoạt động bảo vệ môi trường của Cao Đài trở nên thiết thực và hiệu quả khi giáo hội gắn trách nhiệm với đức tin, đề cao những tấm gương thân thiện với môi trường trong giáo hội, đồng thời biểu dương các nhóm, hội đoàn, cá nhân có nhiều nỗ lực trong việc bảo vệ môi trường, tạo động lực cho tín đồ nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động bảo vệ môi trường.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, Cao Đài còn có những ảnh hưởng tiêu cực đối với phát triển môi trường tự nhiên ở ĐBSCL như:

*Một là, m*ặc dù đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả bước đầu về BVMT, nhưng ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng cũng đang phải đối mặt với những thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường, nhất là vấn đề hạn hán xâm nhập mặn đang diễn ra nghiêm trọng tại khu vực ĐBSCL, đó chính là những thách thức lớn đối với người dân, và tín đồ các tôn giáo nói chung, trong đó có Cao Đài nói riêng vẫn phải cần phải nổ lực, khắc phục.

Hai là, bên cạnh những yếu tố tích cực, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập trong quá trình tham gia bảo vệ môi trường của cộng đồng tín đồ Cao Đài như: Đối tượng chủ yếu tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tập trung vào nhóm người lớn tuổi và học sinh, sinh viên; các hoạt động truyền thông về môi trường trong đồng bào họ đạo chưa mang tính định kỳ, chủ yếu theo sự kiện và chưa được định hướng theo kế hoạch; hoạt động truyền thông tập thể có sự tham gia đông đảo của các tín hữu thường diễn ra trong thời gian ngắn; phương thức phổ biến thông tin môi trường ở các Hội thánh chủ yếu là lồng ghép và vận dụng giáo lý, giáo luật và cung cấp kiến thức thông qua các phong trào tập thể,… nên tính hiệu quả trong bảo vệ môi trường chưa cao. Theo

kết quả điều tra của luận án có 29,59% cán bộ địa phương cho rằng tín đồ Cao Đài chưa thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường [**Bảng 3.4].** Như vậy, vẫn còn bộ phận tín đồ chưa thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, nhất là hoạt động do chính quyền phát động. Đây cũng là cản trở trong việc kêu gọi sự chung tay các thành phần xã hội thực hiện phát triển bền vững về môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long.

3.3. Thực trạng đạo Cao Đài trong phát triển bền vững về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.3.1. Giá trị đạo đức Cao Đài góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Vì ĐBSCL là địa bàn phức tạp về dân tộc, tôn giáo nên việc giữ gìn an ninh trật tự trong các họ đạo luôn được đạo Cao Đài quan tâm. Xuất phát từ việc thực hiện giáo huấn của Hội Thánh và tình hình thực tế, các chức sắc, chức việc luôn khuyên dạy tín đồ Cao Đài tham gia các phong trào toàn dân xây dựng cuộc sống ở khu dân cư, sống tốt đời - đẹp đạo, xây dựng khu dân cư không có tội phạm và tệ nạn xã hội. Theo khảo sát của luận án có đến 82,8% tín đồ được hỏi cho biết thường xuyên và không thường xuyên, tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội ma túy, uống rượu, trộm cắp [**Bảng 3.8].**

Đối với người Cao Đài, phòng chống tội ác, các tệ nạn là một đòi hỏi của đức tin mà bất cứ chức sắc, chức việc, tín đồ nào cũng phải thực hiện. Thực hành những lời răn này trong cuộc sống không chỉ củng cố đức tin mà còn là "tường thành" bảo vệ tín đồ khỏi những hoạt động vi phạm pháp luật, tạo môi trường sống lành mạnh góp phần xây dựng an ninh - quốc phòng. Trong giáo lý và luật lệ, lễ nghi của đạo Cao Đài có "*Ngũ giới cấm* (5 điều cấm kỵ không được làm) là không sát hại sinh vật; không trộm cắp, lừa gạt người; cấm tà dâm; cấm uống rượu thịt, ăn uống quá độ; cấm xảo trá, nói năng không giữ lời hứa. Và *Tứ đại điều qu*y (4 lời răng dạy làm theo của bề trên) là lấy lễ hòa người; chớ khoe tài, đừng cao ngạo; tiền bạc phân minh; trước mặt sau lưng cũng đồng một bực". Đây là những giáo lý, luật lệ cơ bản của đạo Cao Đài nhằm gúp tín đồ sống tốt, chuẩn mực; nó còn là thước đo giá trị tu tập, hành đạo của các tín đồ trong lòng xã hội.

Đặc thù cư dân xã hội ĐBSCL là sự hòa trộn, du nhập của các tộc người từ những nơi khác khác khoai hoang, lập ấp sinh sống, hòa theo dòng chảy lịch sử dân tộc đó, tín đồ đạo Cao Đài cũng không ngoại lệ, họ có xuất thân, nguồn cội khác nhau nên việc đưa ra các giáo lý cơ bản nói trên là một việc làm hết sức có ý nghĩa, gúp các tín đồ cùng chung chí hướng tu hành và sống tốt đời. Liên hệ đến xã hội ngày nay, giáo lý của tôn giáo ảnh hưởng đến tín đồ, tạo ra các giá trị đạo đức văn hóa, từ đó làm tăng tính trung thực, giảm thiểu mức độ gian lận, sa đọa và các hành vi phạm pháp. Đồng thời trong ngũ giới cấm của đạo Cao Đài còn có ý nghĩa khuyến khích con người ta thực hành sống tiết kiệm, chuẩn mực vừa phải, cấm các hành vi tội lỗi như mua bán ma túy, chất cấm, cờ bạc,.. đặc biệt là trong những năm gần đây chức sắc, chức việc ở các tổ chức cơ sở hội thánh cũng tuyên truyền, giảng dạy, nâng cao nhận thức phòng chống những tệ nạn mới phát sinh thêm như: tình trạng lừa đảo trực tuyến, buôn người, mại dâm...

Thông qua đó môi trường sống được ổn định, tình hình trật tự an ninh xã hội được đảm bảo. Theo kết quả điều tra của luận án có 79,59% cán bộ cho rằng tín đồ Cao Đài thực hiện tốt các hoạt động giữ gìn an ninh thôn xóm, chống các tệ nạn ma túy, uống rượu, trộm cắp [**Bảng 3.4].**

Hơn nữa, trong giáo lí của đạo Cao Đài luôn luôn đề cập, tập trung phát huy đức tính trung thực của con người. Trong tứ đại điều quy của Cao Đài thể hiện rỏ các phẩm chất đạo đức cần có của một con người sống trong xã hội. Đó là lấy chử " lễ" làm đầu, con người sống với nhau phải có lễ nghĩa, hành xử đúng mức,... Đây là chính là những giá trị đạo đức của tôn giáo mang lại, góp phần vào sự ổn định xã hội. Từ đó nhiều mô hình hay điển hình như: Mô hình *"Xóm đạo tự quản, trong họ đạo Cao Đài ở Long Phú, tỉnh Sóc Trăng nay là Tp. Cần Thơ, được xây dựng từ tháng 08 năm 2019, ra mắt và đi vào hoạt động cho đến nay"* [109, tr.1].

Từ khi mô hình được thành lập và đi vào hoạt động, Ban cai quản họ đạo đã tập trung tuyên truyền vận động cán bộ, nhân dân, đặc biệt là các tín hữu trong họ đạo Cao Đài tích cực tham gia "Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" mà cụ thể là công tác tự phòng, tự quản, đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trong bổn đạo và

trong cộng đồng dân cư. Ban chỉ đạo mở nhiều đợt tuyên truyền, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tố giác tội phạm tại địa phương, qua đó đã được đông đảo quần chúng nhân dân và các tín hữu trong đạo Cao Đài ủng hộ.

PVS, ông NVT, 53 tuổi, chức việc Thánh Thất Cao Đài Đại Ngãi cho biết: "*Định kỳ vào ngày 20 Âm lịch hàng tháng, Ban cai quản tổ chức hành lễ đều đưa nội dung tài liệu lồng ghép để tuyên tuyền. Nội dung tuyên truyền chủ yếu về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn bà con nhân dân và các tín hữu trong họ đạo chấp hành các quy định của Luật cư trú, các Quy định, Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực giao thông, an ninh trật tự, thường xuyên vận động bà con tín hữu trong họ đạo nêu cao tinh thần cảnh giác tội phạm, tự phòng, tự quản, tự bảo vệ của công, tài sản trong ấp và trong họ đạo, tuyên truyền cho 100% họ đạo nắm vững về các thủ đoạn phạm tội và ký cam kết không vi phạm pháp luật, Ban cai quản phối hợp với Công an huyện, Công an tỉnh phát trên 400 mốc khóa an ninh, 100 bản thông tin về hình ảnh tuyên truyền của các loại tội phạm, từ đó ý thức tự phòng, tự quản của tính hữu trong họ đạo ngày càng được nâng lên*".

Trong những năm qua nhiều mô hình "*Xóm đạo tự quản*" trong các họ đạo Cao Đài, đi vào hoạt động, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tích cực, tình hình tội phạm giảm đáng kể, cuộc sống người dân được ổn định, đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội ngày càng phát triển, thị trấn hướng đến xây dựng thành công đô thị văn minh.

Cụ thể Ban chỉ đạo mô hình "*Xóm đạo tự quản*" tổ chức phân chia trong bổn đạo thành 09 Tổ, mỗi Tổ có một Tổ trưởng phụ trách quản lý từ 10 - 15 hộ. PVS, ông TTNL, 49 tuổi, nông dân, xã Đại Ngãi cho hay: "*Thời gian qua, các Tổ đều hoạt động quản lý tốt địa bàn, không để xảy ra các vụ trộm cắp trong bổn đạo như trước đây nữa, trong bổn đạo cũng không có xảy ra tranh chấp, mâu thuẫn, nhất là số thanh niên trong bổn đạo không còn tụ tập ăn nhậu gây mất an ninh trật tự, mối quan hệ giữa Ban chỉ đạo, Ban cai quản và tín hữu trong đạo Cao Đài ngày càng gắn bó tin tưởng vào chính quyền, đặc biệt là lực lượng Công an thường xuyên trao đổi những thông tin liên quan khi phát hiện trên địa bàn hoặc trong họ đạo có người lạ đến tạm*

trú, tạm vắng, hay làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự đều có biện pháp tự phòng, tự chống. Từ đó, bà con tín hữu trong họ đạo luôn an tâm lao động sản xuất, sinh hoạt tôn giáo cùng chính quyền và nhân dân sống chan hòa, tốt đời, đẹp đạo, cùng xây dựng quê hương yên bình, trật tự".

Với những hoạt động và mang lại hiệu quả thiết thực trong *Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc,* mô hình "*Xóm đạo tự quản"* được lan tỏa trong nhiều họ đạo, mang lại hiệu quả thiết thực, nhân rộng ở các địa bàn khác, nơi có đông đồng bào dân tộc, các tín đồ tôn giáo sinh sống.

Bên cạnh đó, chức sắc, chức việc luôn khuyên dạy tín đồ Cao Đài nâng cao ý thức phòng, chống các thế lực xấu lợi dụng đức tin để hoạt động chính trị phản động. Theo kết quả điều tra của luận án, có 93,33% trả lời họ được các chức sắc, tu sĩ khuyên bảo không nghe lời xúi giục của kẻ xấu để hoạt động vi phạm pháp luật [**Bảng 3.1]**. Qua đó khẳng định các chức sắc, chức việc trong Ban cai quản các Hội Thánh đã nâng cao ý thức về vai trò, trách nhiệm của mình với vấn đề an ninh của khu vực, vừa hạn chế tụ tập để các đối tượng cực đoan lợi dụng tạo điểm nóng, bất ổn xã hội.

3.3.2. Cao Đài chủ trương thực hiện đoàn kết dân tộc - tôn giáo trong các mối quan hệ, góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước

3.3.2.1. Mối quan hệ trong nội bộ Cao Đài

Đồng bằng sông Cửu Long, là địa bàn chiến lược về an ninh - quốc phòng không của Việt Nam, là khu vực then chốt mà các thế lực thù địch, phản động luôn tìm cách lợi dụng chống phá. Do vậy, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam để bảo đảm an ninh - quốc phòng khu vực ĐBSCL.

ĐBSCL là khu vực hội tụ nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo và mỗi loại hình có những đặc điểm riêng, cùng với sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài trong thực hiện chiến lược quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Trong nhiệm vụ này, Cao Đài đã thực hiện đoàn kết, hòa thuận và tôn trọng giá trị niềm tin của nhau, tạo đồng thuận xã hội, đồng thuận với Nhà nước trong việc thực hiện chủ trương "các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật".

Quay lại lịch sử vào thời kỳ khai đạo từ năm 1926 đến trước năm 1930 là khoảng thời gian mà đa phần chức sắc Cao Đài đoàn kết để cùng nhau phổ truyền và phát triển tôn giáo của mình. Tuy nhiên, khi đạo Cao Đài ngày càng phát triển cũng là lúc xuất hiện mâu thuẫn trong nội bộ chức sắc của Đạo. Từ sau năm 1930 đến nay, Cao Đài chia thành nhiều hệ phái, các tổ chức *Liên Giao I* vào năm 1955, *Liên Giao II vào năm 1972* được thành lập ra đời nhằm mục đích hợp nhất các Hội thánh của Cao Đài. Hiện nay, "*các tổ chức Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL, vẫn tiếp tục liên lạc qua hoạt động liên giao được tái lập vào năm 2008, với sự tham gia của 18 Hội thánh và tổ chức Cao Đài như: Ban Chỉnh Đạo, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Truyền Giáo, Chiếu Minh Long Châu, Bạch Y Liên Đoàn, Minh Chơn Lý, Cầu Kho Tam Quan, Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, Minh lý Đạo - Tam Tông Miếu, Cao Đài Việt Nam - Bình Đức, Cơ quan Phổ thông Giáo Lý Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, Cao Đài Thượng Đế - Tây Thành Thánh Thất, Cao Thượng Bửu Tòa, Thánh Thất Vĩnh Nguyên Tự*" [116, tr.37].

Tôn chỉ của tổ chức này hiện nay là mở lớp bồi dưỡng, đào tạo chức sắc, chức việc; in kinh sách, xuất bản Tạp chí Cao Đài; hoạt động chung trong lĩnh vực nhân đạo, từ thiện, xã hội; giúp đỡ nhau trong hành đạo, không xen vào công việc nội bộ và đối xử bình đẳng với nhau. Thống nhất thành lập Học viện Cao Đài (đặt trụ sở tại Cao Đài Tiên Thiên - Bến Tre), thực hiện từ thiện nhân đạo xã hội, cho ra đời Tạp chí Cao Đài và báo điện tử Liên giao Cao Đài, giao lưu với các tôn giáo khác, góp ý cho dự thảo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các dự thảo Luật của Nhà nước,...

Như vậy, các Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL vẫn liên kết với nhau kể cả trong quá khứ lẫn hiện tại. Mối quan hệ của các Hội thánh này dựa trên yếu tố bình đẳng để cùng tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển; và cùng nhau tham gia vào các công việc xã hội như từ thiện, giao lưu với các tôn giáo khác, tham gia công tác tôn giáo của Nhà nước. Những hoạt động này được thông qua tổ chức mang tính cầu nối là *Tổ chức Liên giao Cao Đài,* đều đó thể hiện sự đoàn kết trong nội bộ tôn giáo, mặc dù vẫn còn nhiều điểm khác biệt, song trên tinh thần hòa hợp của các tín đồ hệ phái Cao Đài, đã xây dựng tôn giáo này ngày càng lớn mạnh, ảnh hưởng tới đời sống cư dân khu vực.

3.3.2.2. Mối quan hệ giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở ĐBSCL

Với phương châm hành đạo "Nước Vinh - Đạo Sáng" đạo Cao Đài đã xây dựng và có được những mối quan hệ với các tôn giáo khác. Các mối quan hệ đó dựa trên nguyên tắc của đạo Cao Đài, đó là sự hòa hợp, không kỳ thị tôn giáo. Điều này được minh chứng rõ nhất trong giáo lý, quan điểm, cũng như cách thờ tự của đạo Cao Đài. Chính vì thế, chức sắc và tín đồ của đạo Cao Đài, bên cạnh việc hành đạo trong tôn giáo của mình, cũng luôn chú trọng đến việc xây dựng các mối quan hệ giữa tôn giáo Cao Đài với các tôn giáo khác trong khu vực. Các chức sắc trong tổ chức liên giao đều thăm hỏi, tặng quà mừng xuân cho các tổ chức tôn giáo khác như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tòa Tổng giáo mục, Tổng hội Tin Lành miền Nam, Phật giáo Hòa Hảo,... Theo kết quả khảo sát có 72,44% cán bộ địa phương cho rằng tín đồ Cao Đài thực hiện tốt việc đoàn kết với các tôn giáo khác ở cộng đồng địa phương [**Bảng 3.4].**

Mối quan hệ chủ yếu của đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở Nam Bộ nói chung và ở ĐBSCL nói riêng, là hướng đến sự giao lưu nhằm xây dựng khối đoàn kết trong sinh hoạt tôn giáo. Do đó, đa phần chức sắc, chức việc và các tín đồ Cao Đài khi đến với các tôn giáo khác đều trên tâm thế "*liên giao tôn giáo*". Vì vậy, mà có các hình thức như: "Chúc xuân", "Mừng Phật đản", "Mừng Noel", "Mừng sinh nhật Muhamad",... tại các tôn giáo đang tồn tại ở ĐBSCL hiện nay. Song song đó, các tôn giáo khác như: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành,... cũng cử những chức sắc đến tham dự, giao lưu chúc mừng mỗi khi các Hội thánh Cao Đài có những sự kiện quan trọng như: lễ Vía Đức Chí Tôn, Vía Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Lễ Khai đạo,...

Mặt khác, quan hệ xã hội giữa tín đồ Cao Đài với tín đồ các tôn giáo khác cũng diễn ra với nhiều hình thức, thể hiện sự hòa hợp đoàn kết trong sinh hoạt tôn giáo. Mối quan hệ này được thể hiện qua các hoạt động như từ thiện nhân đạo xã hội, hoặc trong đời sống hôn nhân của tín đồ Cao Đài.

Tóm lại, mối quan hệ hiện nay giữa đạo Cao Đài với các tôn giáo khác ở ĐBSCL dựa trên nguyên tắc "*Liên giao tôn giáo*", nhằm xây dựng mối quan hệ bình đẳng, đoàn kết tôn giáo, tôn trọng lẫn nhau để hướng đến nguyên tắc "Tốt đạo, đẹp đời" mà đạo Cao Đài đã nêu ra trong quá trình phát triển của mình.

3.3.2.3. Đạo Cao Đài trong nước với đạo Cao Đài hải ngoại, và một số tôn giáo nước ngoài:

- *Về mối quan hệ giữa Cao Đài trong nước với Cao Đài ở hải ngoại:* Chủ yếu được thể hiện trên hai khía cạnh, đó là: Quan hệ về mặt hành chính trong tổ chức đạo, và quan hệ trên góc độ kinh tế - xã hội. Đây là mối quan hệ được xem xét dưới góc độ tổ chức, liên kết giữa đạo Cao Đài trong nước với các tín đồ Cao Đài ở nước ngoài; và được xét trên hai khía cạnh: tương trợ và xung đột. Về mặt tương trợ, kể từ thập niên 90 của thế kỷ XX, chính sách ngoại giao của Việt Nam thay đổi và nền kinh tế cũng bắt đầu phát triển mạnh, nhất là khi nước ta gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO vào năm 2007, đã có nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam và vấn đề đi lại giữa Việt Nam với các nước trên thế giới của công dân Việt Nam trở nên dễ dàng hơn. Từ đó, mối liên hệ ngày càng được thắt chặt hơn giữa người Việt trong nước và kiều bào nước ngoài. Do đó, mối quan hệ của đạo Cao Đài ở Việt Nam với tín đồ Cao Đài ở các nước cũng trở nên thuận lợi hơn. Chức sắc của Cao Đài trong nước nói chung, và ở ĐBSCL nói riêng, từ năm 2010 đến năm 2015 đã nhiều lần được tín đồ Cao Đài nước ngoài mời sang thăm và thuyết giảng về tôn giáo Cao Đài, như ở Mỹ, Pháp, Campuchia, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản,...

Quan hệ hành chánh đạo của Cao Đài trong nước với tín đồ Cao Đài ở nước ngoài trong những năm gần đây diễn ra theo hai xu hướng: Hợp tác và xung đột. Hợp tác là vấn đề cơ bản để đạo Cao Đài phát triển theo chiều hướng thuận lợi. Nhưng, xung đột cũng là yếu tố ít nhiều giúp cho đạo Cao Đài tiếp tục hoàn thiện hơn. Xung đột xảy ra, nếu đứng dưới góc độ tiêu cực, sẽ cho rằng đạo Cao Đài có nhiều bất ổn; nhưng đứng dưới góc độ tích cực, sẽ thấy được có sự điều chỉnh lẫn nhau trong tôn giáo này; bằng chứng là Hiến chương hành đạo đã được thay đổi nhiều trong hơn 20 năm qua. Có nhiều người trước đây mang tư tưởng chống đối Cao Đài trong nước, nay "trở về" cùng sinh hoạt để phát triển.

Từ các mối quan hệ này, tìm hiểu sự tương trợ về kinh tế của họ đối với người thân đang sống trong nước và đa phần đều có sự trợ giúp với nhiều dạng khác nhau như: cho tiền, cho quà, tạo cơ hội cho người nhà qua thăm người thân ở nước ngoài,

và những tương trợ khác như gửi thuốc chữa bệnh, thăm hỏi,... Tuy nhiên, các tương trợ này thường mang tính "một chiều", nghĩa là người đang định cư ở nước ngoài giúp đỡ người trong nước. Trường hợp ngược lại thường ít xảy ra.

Tuy sự đóng góp của tín đồ ở nước ngoài không phải là nguồn kinh phí chính cho việc xây dựng hoặc tu bổ cơ sở của đạo, nguồn chính vẫn là sự đóng góp của tín đồ trong nước, nhưng cũng nói lên được mối quan hệ tương trợ, giúp đỡ của họ với sự phát triển tôn giáo Cao Đài ở trong nước. Mối quan hệ tương trợ giữa đạo Cao Đài trong nước với tín đồ ở nước ngoài đã được ghi nhận trong nhiều năm qua; và mối quan hệ này đến nay vẫn đang tiếp tục phát triển. Đó chính những yếu tố tích cực trong các mối quan hệ của đạo, đóng góp đối với sự phát triển bền vững ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- *Về mối quan hệ giữa đạo Cao Đài và các tôn giáo nước ngoài:* Các Hội thánh Cao Đài ở Việt Nam nói chung, cũng như ở khu vực ĐBSCL nói riêng hiện nay, cũng đã có những hoạt động cụ thể trong việc phát triển cũng như xây dựng các mối quan hệ với bên ngoài, trong đó có cả việc xây dựng các mối quan hệ với các tôn giáo khác ở Nhật Bản, Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan,... Ở Nhật Bản, đạo Cao Đài đã từng có mối quan hệ với tôn giáo Oomoto (Đại Bản giáo). Đây cũng là tôn giáo được thành lập bởi cơ bút vào năm 1892 ở Ayabe. Kể từ khi đạo Cao Đài ra đời và phát triển cho đến nay, phái đoàn Oomoto đã nhiều lần đến thăm Tòa Thánh Tây Ninh, Tòa Thánh Bến Tre và các Hội Thánh khác trong khu vực và sau đó họ cũng nhiều lần mời các chức sắc Hội thánh Cao Đài sang thăm Nhật Bản. Ngoài việc đến thăm đạo Cao Đài ở Việt Nam, "*lãnh đạo của tôn giáo này cũng cử các phái đoàn đến thăm đạo Cao Đài ở Mỹ vào các năm 1997, 1999 và 2004*" [94, tr.237]. Như vậy, đạo Cao Đài đã xây dựng mối liên hệ khá chặt chẽ với tôn giáo Oomoto của Nhật Bản từ khi hình thành đến nay. Đây có thể xem là mối quan hệ dựa trên sự tương đồng về yếu tố hình thành, cũng như cách hành đạo.

Ngoài tôn giáo Oomoto, một số Hội Thánh Cao Đài như (Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Cao Đài Tây Ninh,...) còn xây dựng mối quan hệ liên giao với Tiên Thiên Cửu giáo Hồng Vạn, còn gọi là Đào Viện (Tao Yuan) ra đời ở Trung

Quốc, phát triển mạnh tại Đài Loan và các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan,... Tông Chủ viện của Tiên Thiên Cửu giáo, ông Chen Chao Cheng đã mời phái đoàn chức sắc các Hội Thánh sang dự "*Đại lễ Kỷ niệm một năm thành lập phân viện và 64 năm ngày thành lập Tổng chủ Viện của tôn giáo này, tổ chức vào ngày 22 tháng 7 năm 2013 tại Đài Loan. Đến tháng 9 năm 2015 đáp lại lời mời của Hội thánh Cao Đài, phái đoàn Tiên Thiên Cửu giáo Hồng Vạn của Đài Loan và Malaysia gồm 31 người do ông Chen Chao Cheng dẫn đầu đến thăm Việt Nam, và dự lễ Hội yến Diêu Trì Cung"* [94, tr.240].

Bên cạnh hai tôn giáo kể trên, đạo Cao Đài còn xây dựng được mối liên hệ với Nhất Quán Đạo ở Đài Loan. Ông "*Lee Yu Chu, Tổng Lý Sư trưởng của Nhất Quán Đạo, đã đón tiếp đoàn chức sắc Hội thánh Cao Đài tại sân bay Đài Loan; và tôn giáo này cũng đã cử đại diện của Đài Loan và Malaysia sang thăm và dự Đại lễ Hội yến Diêu trì cung vào rằm tháng Tám âm lịch năm 2015. Việc xây dựng mối quan hệ với Tiên Thiên Cửu giáo, Oomoto, Nhất Quán Đạo"* [94, tr.242], xuất phát từ sự tương đồng trong quá trình hình thành tôn giáo và phương thức hành đạo. Các tôn giáo này cùng với đạo Cao Đài ra đời do quá trình cầu cơ, chấp bút để nhận sự hướng dẫn từ đấng thiêng liêng. Quá trình hành đạo cũng hướng đến việc phổ truyền chơn lý và phổ độ nhơn sanh. Đặc biệt, tư tưởng dung hợp tôn giáo luôn được thể hiện trong các tôn giáo trên. Chính sự tương đồng đó, dẫn đến sự gần gũi, hiểu nhau và dễ xây dựng các mối quan hệ quốc tế để cùng giao lưu, tương trợ lẫn nhau.

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, Cao Đài còn những ảnh hưởng tiêu cực đối với an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở ĐBSCL như:

Một là, hiện nay, ở một số họ đạo hoạt động tôn giáo vẫn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại các địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa vẫn còn tình trạng giảng đạo, truyền đạo, thuyên chuyển, bổ nhiệm chức sắc không theo quy định. Khi các cơ quan chức năng xử lý sai phạm thì tỏ thái độ bất hợp tác. Tuyên truyền để tín đồ hiểu sai sự việc, viết bài xuyên tạc sai sự thật về sinh hoạt tôn giáo đưa lên mạng xã hội, vu cáo chính quyền vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo.

Hai là, vẫn còn xảy ra, tình trạng mưu thuẫn trong nội bộ đạo Cao Đài từ các vấn đề sinh hoạt tôn giáo, bên cạnh đó một số chức sắc, chức việc bị các phần tử cực đoan lợi dụng, kích động, gây chia rẻ nội bộ, chia rẻ tín đồ các hệ phái Cao Đài, gây nguy cơ mất an ninh trật tự trong nội bộ tôn giáo, và lan rộng ra cả xã hội, làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển bền vững về an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội.

Một số chức sắc Hội thánh không ủng hộ các chức việc và tín đồ tham gia Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp. Theo kết quả điều tra của luận án, sự tham gia của các tín đồ chỉ có: 4,21% tham gia Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 1,75% tham gia Hội đồng nhân dân các cấp; 14,43% tham gia Hội Chữ thập đỏ; 10,52% tham gia Hội người cao tuổi; 8,77% tham gia Hội phụ nữ; và 13,33% tham gia Hội Nông dân; 9,82% tham gia Đoàn thanh niên [**Bảng 3.7].**

Thực trạng trên đã ảnh hưởng xấu đến đoàn kết dân tộc, đồng thuận xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác ĐBSCL là địa bàn mà các thế lực thù địch luôn tìm mọi cách chống phá để thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", các phần tử cực đoan đặc biệt lợi dụng các đối tượng phản động trong nước và định cư, sống lưu vong ở nước ngoài như một kênh tôn giáo gắn liền với vấn đề dân chủ, nhân quyền để chống phá.

Cần khẳng định rằng, bản chất của vấn đề không phải do đạo, không phải do tín đồ, mà do những phần tử xấu lợi dụng lịch sử của các hệ phái Cao Đài, lợi dụng niềm tin tôn giáo, lợi dụng trình độ dân trí thấp của người dân, những bất cập, lỏng lẻo trong quản lý cũng như sự hạn chế của hệ thống chính trị cơ sở để hoạt động chống phá, cản trở sự phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Như vậy, ảnh hưởng của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL là một quá trình lâu dài, thẩm thấu trong các lĩnhh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội theo hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Ở mỗi lĩnh vực Cao Đài có thế mạnh và điểm yếu khác nhau, nên sức ảnh hưởng cũng có những cấp độ khác nhau và nhìn chung những yếu tố tích cực vẫn đóng vai trò là cơ bản. Mặc dù vậy, vấn đề cốt yếu khi nhắc đến ảnh hưởng của Cao Đài ở ĐBSCL đó chính là niềm tin tôn giáo, những giá trị đạo đức tôn giáo đã tác

động đến nhận thức và hành động của tín đồ khi tham gia các hoạt động liên quan đến các yếu tố trong phát triển bền vững của vùng hiện nay.

3.4. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

3.4.1. Những vấn đề đặt ra từ hoạt động của Cao Đài trong phát triển bền vững hiện nay

3.4.1.1. Vấn đề vai trò của các chức sắc trong phát triển tín đồ.

Đây là vấn đề nan giải của hầu hết các tôn giáo nội sinh, trong đó có đạo Cao Đài, bởi những tôn giáo này không chủ trương "khuyếch trương đại đạo", mà chỉ là trông chờ vào sự hữu duyên hay mến mộ của người dân qua những hoạt động của đạo Cao Đài đã đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Như vậy, những người dân nhận thức được qua việc làm của các hội thánh Cao Đài sẽ không nhiều và phần lớn lại là những người có độ tuổi trung niên, đã về hưu. Trong số các hội thánh, chỉ có Hội thánh Cao Đài Tây Ninh, hay Cao Đài Tiên Thiên, Cao Đài Minh Chơn là có độ tuổi thanh niên nhập đạo, nhưng số lượng tự theo ít, đa số là theo truyền thống gia đình.

Bên cạnh đó, các chức sắc, chức việc ở các hội thánh cũng đều đến tuổi ngả bóng, xế chiều, cũng không có sức khỏe để có thể theo kịp được công nghệ hiện đại mà thu hút tín đồ tin theo, trong khi đó vẫn chưa có một đội ngũ kế cận đảm trách được nhiệm vụ trong tình hình mới. Một điều đáng chú ý là thành phần các tín đồ, chức sắc hầu hết là tiểu nông, nên việc điều hành hệ thống hội thánh chưa tốt, vẫn còn tư tưởng lạc hậu, bảo thủ nên dễ bị lợi dụng bởi những kẻ phản động.

Về phương thức truyền đạo và sinh hoạt tôn giáo còn nặng về nghi lễ và thời gian dẫn đến không thu hút được người trẻ tham gia đạo, mặt khác còn xảy ra hiện tượng phai nhạt đạo, bỏ đạo của một bộ phận tín đồ trẻ làm cho nguồn nhân lực kế tiếp trong đạo bị suy giảm, đó cũng là một trong những nguy cơ hiện tại của các tôn giáo nội sinh hiện nay.

3.4.1.2. Vấn đề hoạt động y tế xã hội

Mặc dù hoạt động xã hội, nhất là trên lĩnh vực y tế như khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của đạo Cao Đài ở ĐBSCL thời gian qua đã mang lại kết quả. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn còn nhiều bất cập đặt ra:

Thứ nhất, đối với bản thân các hội thánh và các tổ chức Cao Đài độc lập trong toàn đạo Cao Đài nói riêng còn còn mang tính tự phát, chưa đặt dưới sự hướng dẫn, quản lý của Nhà nước,... thiếu những thông tin, hiểu biết đầy đủ về chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước. Trong hoạt động y tế, một số cơ sở khám, chữa bệnh chưa đáp ứng đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và chuyên môn theo quy định.

Thứ hai, vấn đề kinh phí thực hiện các hoạt động xã hội, hầu hết đều tự nguyện đóng góp của tổ chức, cá nhân nên nguồn kinh phí này thiếu ổn định, không bền vững.

3.4.1.3. Vấn đề mất đoàn kết và ly khai trong đạo.

Vẫn sẽ có những mẫu thuẫn giữa các hệ phái Cao Đài do các tà chức Cao Đài độc lập có tư tưởng li khai ngày càng manh, nhất là liên quan đên "Hôi thánh Em Đại đạo tam kỳ phố đô", "Ban Đại diện Khối Nhơn sanh Cao Đài" ở các tỉnh trong khu vực ĐBSCL như: Vĩnh Long, Đồng Tháp,... Số đối tượng cực đoan trong đạo Cao Đài hải ngoại và các tổ chức lưu vong vẫn tiếp tục lợi dụng vấn đề đạo Cao Đài để tuyền truyền xuyên tạc, lôi kéo tín đồ tham gia tổ chức làm cơ sở cho các tổ chức cực đoan ở hải ngoại hòng chống phá Đảngvà Nhà nước. Chúng sẽ có những động thái lợi dụng công tác từ thiện xã hội, lợi dụng "phản biện xã hội" nhằm mục tiêu khôi phục lại Hội thánh Cao Đài Tây Ninh như trước năm 1975. Một số các tổ chức Cao Đài độc lập sẽ vẫn ly khai không chịu phục nguyên Hội thánh và dần sẽ xin phục hồi tư cách pháp nhân, dẫn đến khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về đạo Cao Đài.

Có thể xem xung đột là một trong những cơ chế, động lực để tự điều chỉnh và tiếp tục phát triển của xã hội. Đạo Cao Đài ra đời và phát triển cho đến hiện nay, xung đột trong nội bộ đã xuất hiện và theo suốt tiến trình của tôn giáo này. Như chúng ta biết, trong tiến trình lịch sử của đạo Cao Đài, sự xung đột có thể nhìn qua hai giai đoạn lịch sử, đó là trước và sau năm 1975. Sự xung đột của hai đoạn này trong đạo

Cao Đài mang hai bản chất khác nhau, mặc dù diễn biến cùng một hình thức, cùng nội dung và cùng kết quả là sự chia rẽ trong nội bộ.

Trước năm 1975, đặc biệt là trong khoảng 15 năm đầu sau ngày khai đạo, bản chất dẫn đến sự xung đột trong nội bộ Cao Đài chỉ ở tầm vi mô. Đó là do bất đồng quan điểm, nghi kỵ lẫn nhau trong tổ chức, bằng các sự kiện như: "*Một là, việc không đồng thuận giữa các chức sắc, chức việc với Đức Thượng phẩm Cao Quỳnh Cư trong quá trình xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh; Hai là, việc sử dụng cơ bút để truyền bá tôn giáo cũng là yếu tố gây nên sự bất đồng quan điểm trong nội bộ chức sắc Cao Đài; Ba là, sự bất đồng trong việc xung đột ở Tòa Thánh Tây Ninh giữa Quyền Giáo tông Thượng Trung Nhựt và đức Hộ pháp Phạm Công Tắc với các ông Nguyễn Ngọc Tương và Lê Bá Trang"* [94, tr.189].

Nhìn chung, những mâu thuẫn, xung đột, chia rẽ để hình thành nên các Hội thánh độc lập trong đạo Cao Đài trước năm 1975 bắt nguồn từ những vấn đề vi mô, chỉ là sự bất đồng quan điểm, nghi kỵ và không phục tùng lẫn nhau trong nội bộ. Nhưng sau khi các Hội thánh ra đời, bản chất của sự xung đột trong đạo Cao Đài không nằm ở tầm vi mô nữa, mà là sự xung đột về ý thức hệ, về quan điểm chính thống và không chính thống. Đó là sự xung đột trong quan hệ từ cuối thập niên 30 đến trước 1975.

Các chức sắc đã tạo dựng nên các Hội thánh độc lập trong đạo Cao Đài đa phần do bất đồng quan điểm với chức sắc ở Tòa Thánh Tây Ninh, nên có những phản ứng và thường nằm trong danh sách bị trục xuất khỏi Tòa Thánh Tây Ninh. Do đó, đối với Tòa Thánh Tây Ninh, các Hội thánh độc lập này không phải là chính thống trong đạo Cao Đài, nên thường không tham dự vào sự kiện do các Hội thánh này tổ chức. Trái lại, quan điểm của các Hội thánh độc lập cũng đối nghịch với quan điểm trên của Tòa Thánh Tây Ninh, vì cho rằng, chức sắc Tòa Thánh Tây Ninh thực hiện công việc không đúng với luật của đạo Cao Đài, sai lạc chơn truyền của đạo,... nên không thể phục tùng. Do đó, họ cần phải xây dựng một tổ chức khác với Tòa Thánh Tây Ninh để điều chỉnh lại đúng chơn truyền của đạo, chính vì thế xuất hiện các hệ phái hội thánh Cao Đài mang tên như là: Minh Chơn Lý, Minh Chơn Đạo, Ban Chỉnh Đạo,...

Các Hội thánh này cũng thường không tham dự vào các sự kiện do Hội thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tổ chức.

Cho đến nay, mối quan hệ giữa Hội thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh với các Hội thánh khác ở Nam Bộ nói chung, và ĐBSCL nói riêng vẫn chưa được cải thiện nhiều. Vẫn còn những nút thắt của quá khứ chưa thể hóa giải, có tiếng nói chung. Mặc dù trong những năm gần đây, xuất hiện nhiều quan điểm muốn được thống nhất trong đạo nhưng vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn cản trở. Sau năm 1975, bên cạnh hệ quả trong quá khứ, xuất hiện thêm những mâu thuẫn mới, với bản chất ở tầm vĩ mô, đó là ý thức hệ về chính trị. Điều này biểu hiện qua xung đột giữa đạo Cao Đài trong nước với bộ phận tín đồ Cao Đài ở nước ngoài.

Việc xuất hiện tín đồ Cao Đài ở nước ngoài có hai thời điểm với hai nguyên nhân khác nhau: nhóm tín đồ trước năm 1975 là do quá trình truyền đạo của chức sắc trong nước và nhóm tin đồ sau năm 1975 do quá trình di cư. Hiện nay, nhóm tín đồ được truyền giáo trước năm 1975 không còn nhiều, nếu còn cũng đã lớn tuổi, ít quan tâm đến tình hình chính trị. Nhưng nhóm tín đồ di cư hiện nay rất đông, đang định cư ở Mỹ, Úc, Canada, Pháp, Hàn Quốc, Campuchia,...

Phần nhiều trong số đó những người di cư là do bất đồng quan điểm chính trị trong nước sau năm 1975. Khi định cư ở nước ngoài, họ luôn tìm cách phản đối tình hình chính trị trong nước và cố gắng tìm sự ủng hộ từ những người có tư tưởng bất đồng ở Việt Nam để lôi kéo lợi dụng, thậm chí còn móc nối với các tổ chức phản động, các thế lực thù địch khác chống phá chính quyền trong nước. Chính những bất đồng này đã tạo ra bản chất làm nên xung đột trong mối quan hệ hành chánh đạo giữa các tổ chức hệ phái Cao Đài trong nước với các tổ chức Cao Đài ở nước ngoài.

Ngoài ra, thời kỳ trước đổi mới Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những chính sách chưa thật hợp lý về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo, đặc biệt là trước năm 1986. Tuy nhiên, trong vài chục năm gần đây, Nhà nước đã có sự nhìn nhận tôn giáo theo chiều hướng tiến bộ, khách quan hơn khác hơn trước rất nhiều, theo chiều hướng tích cực hơn như Nghị quyết số 24/NQ-TW của Bộ Chính trị về

vấn đề tín ngưỡng tôn giáo ban hành ngày 16 tháng 10 năm 1990 với những điều chỉnh so với Nghị quyết số 40 trước đó. Đó là:

"1) Dự báo tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài;

2) Khẳng định tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của nhân dân;

3) Thừa nhận đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Từ đó, đưa ra ba quan điểm chỉ đạo, gồm:

1) Công tác tôn giáo phải vừa quan tâm giải quyết nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo phá hoại cách mạng;

2) Nội dung của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng;

3) Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo" [1, tr.5].

Sau đó, Hiến pháp sửa đổi được ban hành vào năm 1991 và Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời,... đã có nhiều sửa đổi trong công tác tôn giáo của nhà nước Việt Nam theo hướng cởi mở và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được xem trọng. Đặc biệt là Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã có những quy định phù hợp với tôn giáo trong tình hình phát triển mới.

Nhưng vì bất đồng quan điểm chính trị nên họ đã phớt lờ hoặc không biết về những yếu tố tích cực này, luôn giữ quan điểm đã có từ trước là không có tự do trong tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam. Quan điểm này không chỉ xuất hiện trong bộ phận tín đồ Cao Đài hải ngoại mà còn xuất hiện ở tín đồ hải ngoại của các tôn giáo khác như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo Hòa Hảo,... Họ luôn dựa vào lý do này để chống Nhà Nước Việt Nam hiện nay. Họ có nhiều hoạt động để nói về vấn đề này, trong đó họ tìm cách để được trình bày ở lưỡng viện trong Quốc hội Mỹ, cũng như một số diễn dàn ở Liên hiệp quốc về cái gọi là đàn áp tự do tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam , là những nỗ lực nhằm bày tỏ sự chống đối lên Việt Nam.

Một số tổ chức Cao Đài bất đồng chính kiến hiện nay phải kể đến là: *"Liên hiệp Ban Trị sự Hội thánh Em và Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh Hải ngoại, Ban Đại diện Cao Đài Hải ngoại, Hội Cao Đài Nhơn sanh"* [94, tr.207], những người

chống đối vẫn đang nỗ lực thể hiện quan điểm không đồng thuận với đạo Cao Đài trong nước. Sự chống đối, xung đột này dự báo sẽ vẫn kéo dài, do những nhìn nhận khác biệt về đường lối chính trị của các tổ chức đó với nhà nước Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, với sự điều chỉnh tích cực của Chính phủ Việt Nam qua 40 năm đổi mới, cùng với sự nhìn nhận đúng đắn về các vấn đề chính trị trong nước của phần lớn tín đồ Cao Đài ở nước ngoài, những mâu thuẫn, xung đột dần dần được hóa giải. Nhiều chức sắc, chức việc và tín đồ của đạo Cao Đài ở nước ngoài đã về sinh hoạt cùng với các Hội thánh trong nước, nhằm góp sức xây dựng và phát triển đạo Cao Đài ở Việt Nam và nước ngoài. Đó là những dấu hiện tích cực trong mối quan hệ với cộng đồng Cao Đài ở bên ngoài trong hơn một thập niên trở lại đây.

Do vậy, cần phân biệt việc lợi dụng tôn giáo với nhu cầu tôn giáo chính đáng của người dân. Những hành động lợi dụng Cao Đài vào mục đích chính trị, chống phá nhà nước phải kiên quyết ngăn chặn và đấu tranh loại bỏ. Nhu cầu tôn giáo cần được tôn trọng để đạo Cao Đài đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển bền vững ở ĐBSCL từ bên trong.

3.4.2. Nhận thức của chính quyền và người dân về đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long còn hạn chế

3.4.2.1. Hạn chế trong nhận thức của chính quyền về đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

Cán bộ là khâu then chốt, quyết định đến việc thực thi chính sách, tạo đồng thuận xã hội, là lực lượng quyết định đưa ĐBSCL phát triển theo hướng bền vững. Thời gian qua Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương rất quan tâm đến công tác cán bộ. Tuy nhiên, so với yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một bộ phận cán bộ, đặc biệt là cán bộ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị các cấp ở ĐBSCL vẫn còn nhiều bất cập về trình độ và năng lực, chất lượng không đồng đều, hoạt động chưa sát với thực tế phong tục, tập quán của người dân, nắm chính sách không sâu dẫn đến hiệu quả công tác thấp.

Trước đổi mới, nhìn chung công tác đối với tôn giáo, trong đó có Cao Đài còn những hạn chế theo hướng xem Cao Đài là đối tượng phải quản lý chặt. Từ khi đất

nước đổi mới đến nay nhận thức, quan điểm của Đảng về tôn giáo đã có những thay đổi, theo đó khẳng định tôn giáo trong đó có Cao Đài mang nhiều yếu tố tích cực và công tác đối với Cao Đài chuyển sang công tác vận động quần chúng. Đây chính là bước đột phá quan trọng của Đảng, Nhà nước mở đường cho quan hệ gắn bó giữa Nhà nước và Hội Thánh vì mục tiêu chung, mở đường cho Cao Đài tích cực đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay ở ĐBSCL, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên về tôn giáo nói chung, Cao Đài nói riêng vẫn chưa theo kịp tinh thần đổi mới của Đảng, Nhà nước. Một số nơi Cao Đài vẫn bị nhìn nhận dưới góc độ chính trị, gắn với quá khứ hình thành, và lịch sử truyền giáo của một số bộ phận cực đoan trong đạo, đi theo thực dân, đế quốc, nên trở thành đối tượng bị quản lý chặt. Sự hiện diện của Cao Đài gần 100 năm qua, với số lượng tín đồ hơn một triệu người, nhưng vẫn còn cán bộ chưa nhận thức sâu sắc Cao Đài là bộ phận không thể tách rời đời sống tinh thần của cư dân Nam bộ nói chung, và ĐBSCL nói riêng, bởi lẽ dễ hiểu là chính vùng đất này đã sản sinh ra và nuôi dưỡng nó, và chính nó cũng dung hợp vào đời sống của con người nơi đây. Các hoạt động tích cực của Cao Đài chưa được đánh giá đúng. Nhận thức trên tiếp tục là rào cản, gây mâu thuẫn giữa tôn giáo, trong đó có Cao Đài với những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

3.4.2.2. Hạn chế trong nhận thức của người dân và tín đồ các hệ phái Cao Đài về ảnh hưởng của đạo trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang nhận được sự quan tâm, đầu tư lớn của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế, xã hội, làm chuyển biến đời sống người dân theo hướng tích cực. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung cả nước thì đời sống người dân còn nghèo, trình độ học vấn còn thấp dẫn đến nhận thức về yêu cầu phát triển bền vững, về ảnh hưởng của tôn giáo nói chung, và Cao Đài nói riêng trong phát triển bền vững chưa rõ ràng.

Đặc thù với quy mô kinh tế các tỉnh trong vùng còn nhỏ, yếu và cơ bản vẫn dựa trên nền tảng nông nghiệp phụ thuộc chủ yếu vào tự nhiên. Nhiều xã, ấp ở vùng sâu, vùng xa thiếu đường giao thông, thủy lợi, trường lớp và nhiều cơ sở hạ tầng thiết yếu

khác. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội yếu làm hạn chế sự phát triển, làm giảm khả năng thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Hạ tầng công nghiệp, dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu của đời sống dân cư, hệ thống thủy lợi chưa chủ động được nguồn nước nên hạn hán, lũ lụt vẫn xảy ra thường xuyên ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, trình độ dân trí và nhận thức của người dân, trong đó có tín đồ đạo Cao Đài.

Đời sống người dân, trong đó có tín đồ Cao Đài còn khó khăn kéo theo trình độ dân trí thấp, nhận thức về niềm tin Cao Đài của tín đồ còn bị chi phối bởi đội ngũ chức sắc, chức việc hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp. Việc mở rộng truyền đạo ở ĐBSCL là chiến lược lâu dài của các hệ phái Cao Đài. Thực hiện chiến lược này, các tổ chức Hội Thánh không ngừng đầu tư, xây dựng các công trình tôn giáo, xã hội; tổ chức các hoạt động để thu hút, tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động truyền giáo. Ngoài ra những đóng góp của tín đồ cho các hoạt động tôn giáo cũng trở thành gánh nặng đối với tín đồ, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Việc tổ chức quá nhiều các hoạt động tôn giáo vừa lấy đi của tín đồ không chỉ thời gian, chi phí mà còn khiến cho một phận tín hữu thụ động, ỷ lại. Cũng do trình độ nhận thức hạn chế, trong nhiều trường hợp các tín đồ chưa dám đấu tranh với những sai trái, trục lợi của một số chức sắc, chức việc ở địa phương.

Hiện nay phát triển giáo dục ở khu vực ĐBSCL còn gặp nhiều khó khăn do nhiều gia đình đông con không có điều kiện cho con ăn học, do vậy, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn phổ biến, chất lượng giáo dục thấp, cơ sở vật chất không đảm bảo nên trẻ em không muốn đến trường. Chất lượng giáo dục, đào tạo các trường chậm được cải thiện, ảnh hưởng đến việc nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và đào tạo cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Bên cạnh đó "*công tác đào tạo nghề chỉ đáp ứng khoảng 25% nhu cầu học nghề trong xã hội và chưa đóng góp đáng kể vào việc tạo nghề, giải quyết việc làm cho thanh niên*" [63, tr.12].

Mặc dù, ĐBSCL là khu vực đa dạng văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, nhưng hiện nay đang bị lãng quên, chưa đánh thức được tiềm năng, thậm chí có thể bị mai một. Trong bối cảnh đó đạo Cao Đài lại càng đứng trước khó khăn thách thức trong việc phát triển tín đồ. Vì hầu hết các phong tục và sinh hoạt tôn giáo của đạo có mối quan

hệ mật thiết tới văn hóa dân gian bản địa. Ngoài ra xu hướng và phương thức truyền đạo hiện nay không đủ sức hấp dẫn lôi cuốn lớp trẻ, nhiều chức sắc trong giáo hội tuổi đã cao trình độ văn hóa và nhận thức hạn chế, khả năng tiếp thu cái mới chậm, không còn vị thế bảo ban, dẫn dắt thế hệ trẻ, một số vị có tư tưởng bảo thủ, cục bộ. Trong bối cảnh đó khoảng trống tâm linh xuất hiện và trước sự tác động của nhiều tôn giáo xâm nhập khác thì các tín đồ dễ dàng "cải đạo" chuyển sang theo các tôn giáo khác để tham gia nhiều sinh hoạt phong phú, đa dạng có tính tổ chức cao.

Tiếp nữa là sự chênh lệch giàu, nghèo không chỉ diễn ra ở lĩnh vực kinh tế mà cả trong lĩnh vực hưởng thụ văn hóa, giáo dục giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bào các dân tộc tại chỗ với các nhóm dân cư khác đã và đang trở thành vấn đề thách thức trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở vùng ĐBSCL. Nếu như thành phố Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa lớn của toàn khu vực, đời sống người dân về vật chất và tinh thần lun ở mức khá cao, thì ở một số khu vực vùng sâu, biên giới, hải đảo đời sống cư dân vẫn còn muôn vàng khó khăn, đây chính là yếu tố phân hóa sâu sắc của đạo Cao Đài, vì hiện tại tín đồ theo đạo ở các vùng nông thôn là khá lớn.

Như vậy, đời sống kinh tế và nhận thức của người dân còn thấp, dễ nảy sinh mâu thuẫn, tệ nạn xã hội và các hoạt động vi phạm pháp luật gia tăng, sẽ là cớ để một số phần tử cực đoan lợi dụng tình hình kinh tế, xã hội, trình độ học vấn và nhận thức của người dân thấp để tuyên truyền xuyên tạc về những bất bình đẳng và công bằng xã hội giữa các dân tộc ở ĐBSCL, làm cho người dân hoài nghi, giảm lòng tin vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển xã hội ở khu vực.

Vấn đề đặt ra là cần nâng cao trình độ dân trí, nhận thức để người dân hiểu sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước trong phát triển xã hội ở ĐBSCL là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Qua đó để họ thấy được trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách pháp luật, vươn lên làm giàu và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, lựa chọn tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp, lành mạnh, phát huy nội lực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Cao Đài từ bên ngoài, góp phần ổn định xã hội, phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

3.4.3. Mưu thuẫn giữa việc phát huy mặt tích cực của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững, so với những hạn chế yếu kém từ hệ thống chính trị cấp cơ sở

Hệ thống chính trị cơ sở là cấp thấp nhất trong hệ thống chính trị của Việt Nam hiện nay, nhưng là cấp rất quan trọng, vì mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có được đưa vào cuộc sống hay không, có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều ở cấp cơ sở. Hệ thống chính trị cơ sở lại là cấp gần dân nhất, phục vụ nhân dân trực tiếp nhất, song cũng trực tiếp chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long, hệ thống chính trị ở cơ sở những năm qua được củng cố, kiện toàn theo hướng tăng về số lượng và chất lượng, năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở được cải thiện đáng kể, nhiều người được bổ nhiệm giữ những vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Tuy nhiên, hệ thống chính trị cơ sở nơi đây vẫn bộc lộ những hạn chế, yếu kém: trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị của phần lớn cán bộ cơ sở còn thấp, không đồng đều. Cán bộ có trình độ trung học cơ sở, trung học phổ thông còn nhiều, thiếu cán bộ chuyên trách có trình độ từ đại học trở lên. Một số nơi chính quyền cơ sở chưa làm tốt chức năng quản lý, trong đó có quản lý các hoạt động tôn giáo. Các tổ chức đoàn thể nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, kém hiệu lực, nặng hình thức, hành chính.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo thiếu và chưa ổn định, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao. Bộ máy trực tiếp làm công tác tôn giáo chỉ được kiện toàn đến cấp tỉnh với số lượng biên chế thấp, cấp xã không có cán bộ chuyên trách mà kiêm nhiệm, trong khi mọi hoạt động tôn giáo của Cao Đài chủ yếu diễn ra ở cấp xã. Chưa có chính sách đặc thù cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chưa được chú trọng nên trình độ hạn chế, chưa am hiểu về đạo Cao Đài nên khi giải quyết còn ngại va chạm, né tránh và chưa có phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả với các chức sắc, chức việc, ban trị sự các họ đạo, trong khi các lãnh đạo hội thánh phần lớn có hoạt động tôn giáo rất chuyên nghiệp.

Sự thiếu và yếu trong số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở đã dẫn đến việc triển khai thực hiện những chủ trương, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của

Đảng và Nhà nước chưa hiệu quả; đồng thời việc khai thác yếu tố tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL cũng vì thế mà bị hạn chế, thậm chí trong không ít trường hợp dẫn đến những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và trong nội bộ tín đồ Cao Đài, do vậy dễ đẩy chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài đến chỗ bất đồng, mất niềm tin vào chính quyền, vào sự lãnh đạo của Đảng, hạn chế hiệu quả chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Nhiều nơi trên địa bàn khu vực ĐBSCL, chính quyền và cán bộ cơ sở chưa có sự đối thoại và khai thác tốt vai trò của chức sắc, chức việc về vấn đề tạo ra đồng thuận trong thực thi các chính sách tôn giáo ở khu vực. Theo kết quả khảo sát của luận án về nguyên nhân gây cản trở việc tín đồ Cao Đài trong phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương "*Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo yếu, thiếu và không ổn định"* được địa phương xếp thứ 3 trong 9 nguyên nhân điều tra [**Bảng 3.11]**. Một số cán bộ, chưa quan tâm đến nguyện vọng của chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài nên trong giải quyết các vụ việc còn chủ quan, dẫn đến hiệu quả thấp.

Trong không ít trường hợp, nhận thức chưa đúng từ cả phía cán bộ làm công tác tôn giáo và chức sắc, chức việc nên chưa có sự phối hợp tốt giữa chính quyền và Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL, cụ thể: chưa có sự phối hợp tốt trong tổ chức và thực hiện công tác an sinh xã hội; bảo tồn và phát huy văn hóa các dân tộc; đào tạo nghề; phát triển kinh tế; bảo vệ môi trường và giữ gìn an ninh - trật tự an toàn xã hội, nên chưa phát huy hết vai trò của các chủ thể Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

Những hạn chế bất cập trên tạo ra khoảng trống trong công tác tôn giáo, do vậy cần nghiên cứu xây dựng giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác của hệ thống chính trị cơ sở không chỉ để quản lý tốt hoạt động của đạo Cao Đài trên địa bàn, mà còn phát huy tính tích cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở khu vực này.

3.4.4. Các quy định phát luật về tôn giáo còn thiếu sót làm hạn chế sự tham gia của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững

Luật tín ngưỡng, tôn giáo với những quy định cụ thể sẽ là cơ sở pháp lý trong việc quản lý hoạt động tôn giáo ngày một hiệu quả hơn và cũng buộc các cơ quan có liên

quan và tổ chức, cá nhân tôn giáo hoạt động tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, các đạo luật chuyên ngành khác có liên quan như: Luật đất đai, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội,... chưa có quy định rõ, việc tổ chức tôn giáo được hoạt động ở phạm vi lĩnh vực cụ thể. Chính quyền có cơ chế để thực hiện nhưng lại ít kêu gọi được nguồn lực xã hội hóa, ngược lại các tổ chức Hội thánh Cao Đài kêu gọi nguồn lực nhưng chưa có cơ chế thực hiện.

Hiện nay, đạo Cao Đài vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế trong việc cấp phép mở các bệnh viện, trường học, cơ chế để hoạt động bảo trợ xã hội và dạy nghề còn nhiều bất cập, dẫn đến chính quyền địa phương chưa tận dụng được nguồn lực của Cao Đài cho phát triển bền vững xã hội, có nơi "lờ đi", có nơi "cấm" vì không có cơ sở giải quyết, không quản lý được các hoạt động đang diễn ra ở các tỉnh trong khu vực, dẫn đến mâu thuẫn giữa chủ trương và thực tế.

Thêm nữa, mặc dù đã có cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện hoạt động xã hội nói chung, tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện các văn bản này đã xuất hiện một số vấn đề bất cập, nhất là các quy định của pháp luật liên quan đến nghề y (Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân năm 2003) cần có sự đồng bộ với Điều 55, Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Hiện nay tại một số địa phương, cơ sở y tế của tôn giáo vẫn còn đang gặp nhiều khó khăn về chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị,... Như vậy, những bất cập đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò tôn giáo trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa và hiệu lực quản lý của Nhà nước trong thực hiện chủ trương xã hội hóa Y tế.

Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về công tác tôn giáo đã nêu rõ cần phát huy giá trị đạo đức tôn giáo. Cao Đài có những giá trị đạo đức và văn hóa phù hợp với truyền thống dân tộc; là nơi dung hòa nhiều yếu tố văn hóa Nam bộ nói chung, ĐBSCL nói riêng, đã góp phần truyền tải, giữ gìn văn hóa dân tộc ở khu vực, nhưng quá trình thực thi chưa được nhìn nhận và phát huy một cách đúng mức.

Tiểu kết chương 3

Ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long là một hành trình dài, gắn với quá trình lịch sử hình thành và truyền giáo. Ở mỗi một giai đoạn lịch sử, cộng với những yếu tố tác động trong từng hoàn cảnh cụ thể thì ảnh hưởng của các hệ phái Cao Đài cũng thể hiện khác nhau. Điều này cho thấy có một sự bắt nhịp, thích ứng khá nhanh của Cao Đài trong mọi hoàn cảnh. Giá trị của đạo Cao Đài là chuẩn mực cho sự giao lưu văn hóa mở rộng, tiếp biến xã hội, tìm và lưu giữ, hội nhập bản sắc dân tộc, liên kết tôn giáo - dân tộc, đóng góp nhân lực, tiềm lực cho phát triển bền vững ở ĐBSCL hiện nay.

Trên phương diện đạo đức, ở hoàn cảnh nào thì những điều răn, giới cấm, bản chất hướng thiện của đạo Cao Đài là những đóng góp đáng trân trọng, góp phần cải biến lối sống của tín đồ. Trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập, khi các yếu tố phát triển bền vững được định hình thì niềm tin, giá trị đạo đức của Cao Đài góp phần giáo dục đạo đức, nhân cách, hành vi con người trong hoạt động kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, kìm hãm sự suy thoái đạo đức xã hội trước sự tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường, khắc phục các tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng và tác động tiêu cực vào đời sống người dân ở ĐBSCL.

Là một tổ chức tôn giáo có ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội, có tổ chức chặt chẽ, nên Cao Đài vẫn có những quan điểm, cách nhìn nhận còn khác về vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường của Nhà nước. Điều đó đã tác động đến thái độ thiếu đồng thuận của chức sắc, và tín đồ đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL. Tuy nhiên, thực tế phát triển bền vững ở ĐBSCL đang đặt ra một số vấn đề đòi hỏi Đảng, Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, tìm ra giải pháp để phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Chương 4: XU HƯỚNG, QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NHẰM PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

4.1. Dự báo xu hướng của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

4.1.1. Cơ sở dự báo xu hướng của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Cơ sở để dự báo xu hướng ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL là chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo, cụ thể là: Nghị quyết số 25 về công tác tôn giáo; Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25 về công tác tôn giáo [3, tr.1]; Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Đặc biệt là những điểm nổi bật về tôn giáo trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng năm 2026. Ngoài ra, còn có các văn kiện của các tổ chức Hội Thánh Cao Đài như: Thông tri Hội Thánh Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh năm 2022, Báo cáo tình hình hoạt động của khối Liên giao Cao Đài năm 2023. Thực tiễn hoạt động tôn giáo của Cao Đài ở Việt Nam, những yếu tố tác động đến hoạt động và ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Bên cạnh đó, các tổ chức Cao Đài hiện nay còn hạn chế về số lượng và chất lượng đội ngũ chức sắc lãnh đạo. Các chức sắc đa số kiêm nhiệm nhiều vị trí trong tổ chức bộ máy nên cơ cấu tổ chức khó mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động. Các tổ chức Cao Đài thực hiện cơ cấu tổ chức giáo hội hai cấp (cấp Trung ương là Hội thánh và cấp cơ sở là Họ đạo, ngoài ra ở tỉnh, thành phố có Ban Đại diện/Đại diện Hội thánh) và tiếp tục xu hướng hoạt động cũng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức. Đối với các Ban Đại diện, Đại diện Hội thánh hoạt động ở tỉnh/thành phố tuy chưa được xem là một cấp thuộc giáo hội nhưng thực tế cho thấy hoạt động của các Ban Đại diện/Đại diện Hội thánh ở tỉnh/thành phố hoạt động hiệu quả, phát huy được vai trò trên địa bàn sẽ tiếp tục được củng cố, kiện toàn quy mô để hỗ trợ tích cực cho Hội thánh và các họ đạo ở cơ sở.

Để khẳng định vị thế và mở rộng tầm ảnh hưởng, các tổ chức Cao Đài tích cực tham gia hoạt động liên giao hành đạo (không có Cao Đài Tây Ninh) nhưng sẽ không có xu hướng thống nhất thành một giáo hội do quá trình phát triển đã khiến mỗi tổ chức Cao Đài đều mang những đặc thù riêng về tổ chức tôn giáo. Các tổ chức Cao Đài đã tăng cường hoạt động liên giao để thực hiện một số công việc như: thành lập Tạp chí Cao Đài chung của các Hội thánh Cao Đài; tổ chức hoạt động từ thiện nhân đạo; thành lập trường đào tạo chức sắc Cao Đài và hỗ trợ nhau trong các hoạt động tôn giáo. Mỗi khi một Hội thánh Cao Đài có công việc đều được các Hội thánh Cao Đài trong khối liên giao hành đạo giúp đỡ về nhân lực, vật lực và tinh thần để hỗ trợ hoàn thành công việc. Đây là hình thức liên kết trong hoạt động tôn giáo đã thực hiện hơn 15 năm nay giữa các Hội thánh, trở thành xu hướng của đạo Cao Đài.

Chức sắc và tín đồ Cao Đài hiện nay đa số là nông dân, trình độ nhận thức còn hạn chế trong khi luật pháp của nhà nước luôn được bổ sung, đổi mới cho phù hợp với sự phát triển của xã hội, vì vậy, các tổ chức Cao Đài trong xu hướng hội nhập và phát triển khó tranh khỏi vi phạm một số quy định của pháp luật trong hoạt động tôn giáo. Xu hướng hoạt động độc lập và phân ly trong đạo Cao Đài còn tiếp diễn. Trong các tổ chức Cao Đài tiếp tục có xu hướng phân hóa nội bộ. Một số chức sắc, tín đồ còn mặc cảm với quá khứ, bảo thủ, ham mê "cơ bút" và cho rằng không có "cơ bút" là "mất linh hồn" của đạo Cao Đài. Một số chức sắc bất đồng quan điểm với chức sắc đứng đầu Hội thánh nên đã lôi kéo chức sắc, tín đồ hoạt động độc lập, ly khai Hội thánh. Một nguyên nhân nữa là do chức sắc Hội thánh hiện nay, ít người có năng lực, uy tín để quy tụ chức sắc, tín đồ và biểu hiện chuyên quyền, độc đoán, thiếu nhân văn trong ứng xửđối với các chức sắc, tín đồ có mặc cảm quá khứ làm giảm niềm tin của tín đồ với tổ chức Hội thánh dễ bị các thế lực bên ngoài tác động để hoạt động ly khai.

Ngoài ra, xu hướng chống phá khối đại đoàn kết dân tộc thông qua việc lợi dụng vấn đề tôn giáo trong âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm tuyên truyền, kích động, dụ dỗ, mua chuộc một bộ phận tín đồ đấu tranh, xuyên tạc chính sách, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Xu thế hội nhập và phát triển của đạo Cao Đài sẽ nảy sinh những vấn đề phức tạp mới có liên quan đến thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đạo Cao Đài cũng như công tác quản lý nhà nước, như: việc xin hợp thức hóa các cơ sở tôn giáo (thánh thất, thánh tịnh, Điện thờ Phật mẫu, nhà tu, nhà tịnh,...) đang bị đóng cửa hay Nhà nước trưng dụng, quản lý, sử dụng; việc xây dựng cơ sở tôn giáo mới, mở trường đào tạo đội ngũ chức sắc; vấn đề quan hệ đối ngoại của các tổ chức Cao Đài ở trong nước với các tổ chức tôn giáo ở nước ngoài, với các tổ chức quốc tế, với các tổ chức phi chính phủ; công tác phối hợp giữa các cơ quan làm công tác tôn giáo ở trong nước với các cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chưa có chính sách cụ thể để phối hợp thực hiện trong công tác vận động, tiếp xúc, tranh thủ chức sắc trong các tổ chức Cao Đài,...

Từ những căn cứ đó, luận án đưa ra một số dự báo về xu hướng ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long trong những năm tới như sau:

4.1.2. Một số dự báo về xu hướng ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

4.1.2.1. Đạo Cao Đài sẽ có những điều chỉnh về hình thức truyền đạo theo hướng đa dạng, phù hợp thiết thực hơn theo hướng bền vững

- Cao Đài phát huy vai trò của tín đồ trong việc giữ đạo và truyền đạo

Củng cố đức tin cho tín đồ là việc sống còn của các tổ chức Hội thánh dù ở bất cứ hoàn cảnh nào và trong thời đại nào, bởi đức tin là cội nguồn của đạo. Tuy nhiên, xã hội phát triển, đời sống khá giả, nhiều gia đình họ đạo, đặc biệt là lớp trẻ không còn sống đạo như xưa. Tình trạng khô nhạt đạo, bỏ đạo đang diễn ra đã tác động không nhỏ đến sự phát triển của đạo. Trước tình trạng đó, đòi hỏi các tổ chức Hội thánh sẽ thay đổi sinh hoạt tôn giáo không còn theo lối rập khuôn như trước mà tập trung củng cố đức tin ngay trong gia đình, dòng họ và nâng cao vai trò của tín đồ trong hoạt động tôn giáo. Củng cố, phát triển bằng việc thiết lập các cơ sở họ đạo, các điểm truyền giáo tại vùng sâu, vùng xa gắn liền với xây dựng cơ sở tôn giáo.

Đặc biệt là sử dụng và phổ biến có hiệu quả các phương tiện truyền thông và mạng xã hội, cập nhật xu hướng phù hợp với tình hình hiện nay để truyền đạo một

cách có hiệu quả, thu hút người trẻ tuổi nhập đạo. Thành lập, cũng cố vai trò của các Ban cai quản trong các họ đạo và hướng đến mỗi tín đồ tham gia làm thành viên cho các cơ quan gúp đạo. Hội thánh sử dụng các Ban cai quản họ đạo làm nòng cốt trong việc truyền giáo cho chính đồng bào của họ, gắn với việc giúp đỡ nhau không chỉ trong đức tin mà còn hỗ trợ trong cuộc sống. Bên cạnh đó, Hội thánh còn chú trọng đến việc giúp đỡ giới trẻ trong mọi phương diện, từ tâm sinh lý đến học tập, hướng nghiệp, hôn nhân gia đình để củng cố phát triển đức tin.

Xu hướng này tạo ra sự năng động, trách nhiệm của tín đồ không chỉ trong việc thực hành đức tin mà cả xã hội; gắn kết, đoàn kết các thành viên trong cộng đồng tôn giáo, hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực của các tệ nạn xã hội đang xâm nhập vào cộng đồng, nhất là giới trẻ hiện nay. Tuy nhiên, vô hình chung đã tách tín đồ ra khỏi các hội quần chúng ngoài xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội sẽ khó thu hút được hội viên nếu không có nội dung phong phú, hình thức đa dạng và giải pháp phát triển hội thích hợp. Điều này làm giảm vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức của quần chúng ở cơ sở, gây khó khăn trong tuyên truyền, vận động tín đồ thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

-. Cao Đài sẽ thúc đẩy hội nhập văn hoá ở tầm vĩ mô và tham gia sâu vào các hoạt động xã hội

Hội nhập văn hóa trong truyền đạo đã được các cấp Hội thánh triển khai ở ĐBSCL rất sớm và tính hợp lý của nó đã thể hiện rất rõ, tuy nhiên, mới ở dạng nhỏ lẻ và phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của chức sắc, chức việc cũng như điều kiện truyền đạo. Để xác lập ảnh hưởng của Cao Đài ở ĐBSCL một cách bền vững, Cao Đài sẽ có hướng đi mạnh mẽ hơn trong vấn đề này. Đó chính là việc thực hiện các dự án lớn trong giữ gìn và khôi phục văn hóa. Đẩy mạnh việc tham gia sâu vào các hoạt động y tế, giáo dục và từ thiện nhân đạo. Cao Đài tự bản thân là tôn giáo nhập cuộc đưa đạo vào đời, gắn sinh hoạt tôn giáo với các vấn đề xã hội. Thay vì, từ thiện nhân đạo mang tính nhỏ lẻ theo từng họ đạo, hệ phái thì tới đây Cao Đài sẽ thực hiện các hoạt động xã hội bằng các dự án, và liên kết tôn giáo khác ở trong và ngoài nước.

Thay vì chỉ hoạt động tôn giáo thuần túy, Cao Đài sẽ tích cực tham gia sâu, rộng vào các tổ chức chính trị - xã hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tạo ra kênh phản biện xã hội đối với việc ban hành chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, tôn giáo và việc triển khai thực hiện ở địa phương. Xu hướng này không những góp phần nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực thi pháp luật mà còn khẳng định quyền lợi và trách nhiệm của người tín đồ Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Xu hướng này cũng thúc đẩy việc dân chủ hóa trong đời sống xã hội, từ đó đòi hỏi Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương phải coi trọng việc minh bạch hóa quá trình lãnh đạo, quản lý, đồng thời tạo sự đồng thuận giữa nhà nước và các tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo trong việc ban hành và thực thi chính sách, pháp luật có liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

4.1.2.2. Cao Đài sẽ mở rộng phạm vi truyền đạo vào vùng sâu, vùng xa hiện có ít hoặc chưa có tín đồ theo đạo

Khi những vùng đồng bằng, thành thị đã được các tôn giáo bình ổn, thì vùng sâu, vùng xa nơi mà đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn sẽ là mảnh đất mà nhiều tôn giáo đang hướng tới. ĐBSCL hiện nay là khu vực của đa dạng tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó nhiều tôn giáo có sức truyền giáo mạnh mẽ năng động, thì Cao Đài đang đứng trước thử thách về môi trường truyền đạo và phát huy ảnh hưởng vốn có. Mục tiêu của đạo Cao Đài là thu hút tín đồ và phát huy ảnh hưởng của đạo trong cộng đồng ở ĐBSCL sẽ được các tổ chức Hội thánh chú trọng hơn. Phương thức truyền đạo đã và đang thay đổi, đó là lý do mà trong nhiều năm nay các Hội thánh đẩy mạnh đào tạo chức sắc, chức việc. Chủ trương của các Hội thánh là mỗi họ đạo phải kết nghĩa được với 01 xóm, ấp để vừa làm nhiệm vụ giúp đỡ, vừa làm nhiệm vụ truyền đạo ở những vùng còn ít người theo đạo.

Với sự thay đổi phương thức truyền đạo năng động, kết hợp với từ thiện nhân đạo, cùng với sự thông thoáng trong chủ trương chính sách về tôn giáo, Cao Đài sẽ từng bước truyền đạo và xác lập được các tổ chức trực thuộc trong cộng đồng các dân tộc ở ĐBSCL. Với xu hướng này, Cao Đài sẽ góp phần làm chuyển biến đời sống tâm linh của đồng bào theo xu hướng loại bỏ yếu tố mê tín lạc hậu, tác động tích cực đến

nhận thức và hành động trong phát triển kinh tế, xã hội và môi trường tại các địa phương vùng sâu, vùng xa. Ngược lại, xu hướng này cũng sẽ mang đến những yếu tố tiêu cực trong vấn đề dân tộc, tôn giáo như: xung đột văn hóa, bản sắc, các phần tử cực đoan lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội, tác động xấu đến nhận thức của tín đồ về chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL.

4.1.2.3. Cao Đài tiếp tục mở rộng các hoạt động quan hệ quốc tế và liên kết tôn giáo

- *Cao Đài sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động quốc tế*

Cao Đài vốn dĩ là một tôn giáo nội sinh, nhưng do đặc thù với tính thoáng mở, dung hợp nhiều yếu tố tôn giáo khác nhau, nên việc thích ứng giao lưu hội nhập với các tôn giáo khác trên thế giới là đều hiển nhiên trong quá trình phát triển của đạo. Quan hệ quốc tế của Cao Đài không chỉ trên phương diện tôn giáo mà cả phương diện xã hội, nhất là vấn đề nghèo đói, môi trường, viện trợ và hàng loạt các vấn đề từ thiện nhân đạo mà giáo hội quan tâm. Vì vậy, Cao Đài ở ĐBSCL sẽ tận dụng và phát huy tối đa tính quốc tế trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội.

Xu hướng này sẽ làm cho Cao Đài không chỉ là tôn giáo đơn thuần, mà còn là tôn giáo quan tâm đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tác động trực tiếp đến các phương diện: kinh tế, xã hội, văn hóa và an ninh chính trị theo cả hai chiều tích cực và tiêu cực. Mặt tích cực, Cao Đài sẽ không chỉ huy động nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển ĐBSCL, nhất là chăm lo đời sống tín đồ, là một kênh trong tuyên truyền đối ngoại về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa hình ảnh đất nước Việt Nam ra với thế giới; mà còn là kênh phản biện và giám sát việc ban hành và thực thi chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với ĐBSCL. Với vai trò phản biện, kiểm tra, giám sát Cao Đài đã góp phần thúc đẩy việc ban hành và thực thi chính sách của Nhà nước và chính quyền các cấp hiệu quả hơn, hạn chế tham nhũng, lãng phí và thực chất đi vào mục tiêu phục vụ người dân. Mặt tiêu cực, Cao Đài sẽ áp đặt quan điểm của các tổ chức Hội thánh để đánh giá, phản biện các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội ở ĐBSCL, dẫn đến tính đồng thuận xã hội chưa cao, tiềm ẩn các yếu tố bất ổn xã hội nếu không được giải quyết thỏa đáng.

- *Cao Đài thúc đẩy liên kết các tôn giáo trong và ngoài nước*

Trong bối cảnh hiện nay, đối thoại, liên kết các tôn giáo (liên tôn) đang là chìa khoá của mọi mối tương giao trong bình diện quốc tế, quốc gia và khu vực. Tương giao giữa Hội thánh với xã hội, giữa Cao Đài với các tôn giáo khác và ảnh hưởng trực tiếp không chỉ đến phát triển kinh tế, xã hội mà còn đến an ninh quốc gia. Riêng trong tương giao với các tôn giáo khác ở ĐBSCL như: Công giáo, Tin lành, Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo,... Cao Đài đã và đang chọn đối thoại làm con đường gặp gỡ, tương trợ, giao lưu cùng phát triển. Đối thoại liên tôn không những trong hoạt động tôn giáo mà còn trong các hoạt động xã hội, nhằm tạo sức mạnh riêng trong sức mạnh tổng thể. Mặt khác ĐBSCL là địa bàn đa tộc người, đa tôn giáo thì vấn đề liên tôn sẽ có ảnh hưởng tích cực, là giải pháp tốt trong vấn đề đoàn kết tôn giáo, tạo sức mạnh đoàn kết dân tộc của những con người có đức tin và cùng với các thành phần khác làm nên nguồn nhân lực quan trọng cho phát triển bền vững ở ĐBSCL. Tuy nhiên, vấn đề liên tôn nếu bị lợi dụng vào mục đích chính trị, cộng với vấn đề dân tộc sẽ tác động ngược, là mối nguy hại đối với phát triển bền vững của cả khu vực và đất nước.

Có thể nói, trong xu hướng mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực của đất nước và thế giới, Cao Đài sẽ luôn tận dụng những yếu tố mới và tìm cho mình hướng đi mang tính thích nghi và hội nhập. Bên cạnh đó, Cao Đài sẽ đẩy mạnh các hoạt động tôn giáo theo hướng đa dạng nhưng bền vững, đồng thời sẽ ảnh hưởng đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống thông qua các hoạt động an sinh cũng như các giá trị tôn giáo.

4.2. Quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Nhà nước nhằm phát huy các giá trị của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

4.2.1. Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và quản lý nhà nước đối với hoạt động của đạo Cao Đài ở Đồng bằng sông Cửu Long

4.2.1.1. Nắm vững quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về vấn đề tôn giáo, dân tộc trong giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo

Đồng bằng sông Cửu Long là nơi hội tụ của đa dạng văn hóa, da dạng tộc người nên dù ít hay nhiều thì trong cơ cấu tộc người hiện nay đều có sự hiện diện của tôn

giáo, trong đó có Cao Đài. Trong xu hướng phát triển, yếu tố của Cao Đài trong tộc người sẽ được phổ cập và diễn ra ở phạm vi rộng. Mối quan hệ giữa những người đồng tộc hoặc khác tộc nhưng có chung tôn giáo ngày càng hình thành rõ nét. Tính cố kết của những cộng đồng này không chỉ diễn ra trong số tín đồ của một dân tộc cư trú trên cùng một địa bàn như trước đây, mà còn giữa các dân tộc tại chỗ, giữa người mới di cư đến với người đã định cư lâu đời, giữa những người ở đồng bằng sông Cửu Long với một số vùng trong nước và các quốc gia khác có đồng tộc và đồng đạo cùng sinh sống.

Quan điểm xuyên suốt của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về tôn giáo trong thời kỳ đổi mới được khẳng định từ Nghị quyết số 24 năm 1990 đến Nghị quyết số 25 năm 2003 đến Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011), và gần đây nhất là vấn đề tôn giáo được nêu lên trong văn kiện Đại hội XIV của Đảng năm 2026, đã nêu rõ: "... *tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của người dân theo quy định của pháp luật. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo;...*" [35, tr.165].

Thực hiện Thông báo 34/TB-TW, ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới, hoặc gần đây là Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới; thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới; thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Nghị định 95 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, công tác quản lý nhà nước đối với đạo Cao Đài tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức giáo hội như hiện nay (Hội thánh và Họ đạo), không sử dụng "cơ bút" trong các hoạt động tôn giáo. Đối với hệ thống tổ chức của các Hội thánh thực hiện theo giáo luật và phù hợp với truyền thống của từng tổ chức Cao Đài.

Công tác đối với các Họ đạo Cao Đài đang hoạt động ly khai, tách rời Hội thánh, không cho thành lập tổ chức tôn giáo mới. Chính quyền các cấp xây dựng kế hoạch

tập trung hướng dẫn, giúp đỡ các Hội thánh vận động, thuyết phục họ trở về sinh hoạt với Hội thánh. Kiên quyết xử lý và giải quyết triệt để các Họ đạo Cao Đài chưa về với Hội thánh, làm tốt công tác vận động quần chúng và kết hợp với các biện pháp quản lý hành chính. Đối với một số tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập không trực thuộc các Hội thánh Cao Đài tiếp tục hướng dẫn địa phương công nhận để đưa vào quản lý theo quy định của pháp luật. Thêm nữa, đối với vấn đề tín đồ đạo Cao Đài ở nước ngoài chủ yếu là những người Việt Nam di tản sau năm 1975. Nhà nước cho phép các Hội thánh Cao Đài công nhận tổ chức trực thuộc, chức sắc, tín đồ Cao Đài ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước sở tại và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Đây là những quan điểm chỉ đạo mang tính xuyên suốt của Đảng Cộng Sản Việt Nam về tôn giáo, tạo ra sự thống nhất trong nhận thức: công tác tôn giáo là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, xác định nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, chú trọng vai trò lãnh đạo, của cấp ủy đối với công tác tôn giáo. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tôn giáo.

Để phát huy tích cực và hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cần tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về tôn giáo, dân tộc, mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc cho cán bộ, đảng viên để họ phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về tôn giáo đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chủ động phối hợp và vận dụng linh hoạt chính sách, pháp luật trong xử lý những vấn đề liên quan đến tôn giáo trong vùng tín đồ họ đạo, vùng dân tộc thiểu số và vùng chiến lược.

4.2.1.2. Đảm bảo quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo

Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo phải đạt được những mục tiêu của chính sách, pháp luật về tôn giáo, đó là đảm bảo quyền tự do tôn giáo của mọi người; bình đẳng giữa các tôn giáo theo quy định của pháp luật; hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với đời sống xã hội; phát huy được nguồn lực của tôn giáo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tạo địa vị pháp lý như nhau giữa các

tổ chức tôn giáo, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo, tránh tạo cớ để các phần tử cực đoan kích động tín đồ, chức sắc chống phá chính quyền, đi ngược lại lợi ích của quốc gia - dân tộc.

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền và Luật Tín ngưỡng tôn giáo mới có hiệu lực thì việc tổ chức, thực hiện pháp luật là rất cần thiết để thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật. Nâng cao ý thức tự giác, tích cực trong việc thực hiện pháp luật của cán bộ, tín đồ, chức sắc các tôn giáo và người dân. Tránh tình trạng xem nhẹ, buông lỏng vai trò, trách nhiệm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phát huy vai trò, trách nhiệm quản lý của ngành. Đây là những yếu tố cơ bản để phát huy hiệu quả, hiệu lực trong công tác tôn giáo và củng cố niềm tin của tín đồ, chức sắc vào chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Các cơ quan chức năng cần tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong thực hiện chính sách pháp luật về tôn giáo theo chức năng nhiệm vụ của ngành. Tăng cường công tác phối hợp, tạo sự đồng bộ, toàn diện trong việc đưa chính sách, pháp luật vào cuộc sống. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tổ chức thực hiện pháp luật. Hạn chế lợi dụng sự buông lỏng quản lý của nhà nước, niềm tin của tín đồ để gây mất an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch.

Có thể nói, chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo và công tác tôn giáo của Đảng, Nhà nước là những yếu tố cơ bản, là cơ sở lý luận để các bộ, ngành và chính quyền các tỉnh ở ĐBSCL hoạch định và thực thi trong quản lý hoạt động của Cao Đài. Đồng thời tạo cơ cơ sở để Cao Đài hoạt động theo pháp luật, góp phần ổn định tình hình tôn giáo và khơi dậy tinh thần trách nhiệm của người tín đồ Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL hiện nay.

4.2.2. Thực hiện đúng tinh thần Chỉ thị số 18-CT/TW của Bộ Chính trị, ngày 10/01/2018 coi Cao Đài là nguồn lực tôn giáo góp phần phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

4.2.2.1. Khắc phục tư duy coi Cao Đài là đối tượng quản lý, cần nhìn nhận Cao Đài không chỉ là đối tượng quản lý mà còn là tổ chức xã hội bình đẳng với các tổ chức xã hội khác trong các hoạt động an sinh xã hội.

Cao Đài là một thực thể xã hội tồn tại khách quan và mang trong mình những giá trị tích cực, do đó cần đưa tôn giáo này vào tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Khi nhìn nhận Cao Đài là một thực thể xã hội, tổ chức này sẽ có đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ như những tổ chức xã hội khác trong hoạt động tôn giáo và hoạt động xã hội. Tạo ra một sân chơi pháp lý bình đẳng để phát huy nguồn vốn xã hội của Cao Đài cho phát triển ở ĐBSCL, nhất là trong lĩnh vực an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo mà họ có thế mạnh. Luật Tín ngưỡng tôn giáo, Khoản 1 Điều 30, có quy định: "*Tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận"* [76, tr.9], vì vậy nên nhìn nhận Cao Đài như là một tổ chức xã hội tồn tại khách quan là tất yếu.

Cao Đài là tôn giáo mà hoạt động xã hội, nhất là những đóng góp về an sinh xã hội được đánh giá cao trong các tổ chức tôn giáo tại đồng bằng sông Cửu Long cả về tổ chức thực hiện, đối tượng thụ hưởng và thu hút nguồn vốn từ bên ngoài. Tổ chức các hoạt động y tế, giáo dục và an sinh xã hội mang tính quy mô, khoa học, tinh thần phục vụ hiệu quả và mang tính bền vững đã tác động vào nhận thức và thói quen thiếu hợp lý trong sinh hoạt của một bộ phận người nghèo, đồng bào các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.2.2.2. Phát huy giá trị đạo đức, văn hóa của Cao Đài góp phần xây dựng xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long ngày một văn minh hơn

Cao Đài với tính dung hợp các giá trị văn hóa tốt đẹp của các tôn giáo, và cả tự bản thân nó đã có một số giá trị phù hợp với phát triển bền vững không chỉ ở ĐBSCL mà cả Việt Nam, đã và đang tác động đến đời sống tâm linh của hàng triệu người. Giá trị tinh thần chính là niềm tin tôn giáo (đây được xem là quyền lực mềm). Khi quyền lực này được phát huy sẽ có sức lan tỏa lớn và bền bỉ tạo nên giá trị đạo đức của con người, đó là tình yêu thương, bác ái và hướng thiện. Vùng đất ĐBSCL đa dạng về văn hóa, về tộc người, đa dạng về cách thức biểu đạt niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo,

có những yếu tố là giá trị văn hóa, nhưng cũng nhiều yếu tố là mê tín, là phản văn hóa và không còn phù hợp trong xây dựng giá trị văn hóa ở ĐBSCL hiện nay bền vững theo hướng hiện đại.

Giáo lý Cao Đài khuyên răn con người làm lành, lánh dữ, biết sống vì cộng đồng, tránh xa các tệ nạn xã hội, đề cao đạo làm người và trân trọng các mối quan hệ gia đình, cộng đồng, có chuẩn mực trong cuộc sống, tiết kiệm, chống lãng phí... đây sẽ là bệ đỡ tinh thần để gúp tín đồ họ đạo cải thiện những yếu tố lạc hậu, mê tín đang cản trở sự phát triển bền vững trong mỗi gia đình ở ĐBSCL. Đồng thời với tinh thần hội nhập văn hóa trong truyền đạo, Cao Đài đã và đang góp sức trong việc gìn giữ và bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của vùng ĐBSCL. Tôn trọng và phát huy những đóng góp của Cao Đài chính là thúc đẩy Cao Đài đồng hành cùng dân tộc, bởi chính Cao Đài đã mang trong mình các giá trị luân lý, đạo đức, văn hóa phù hợp với xây dựng xã hội mới của Việt Nam nói chung, đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Đảng ta đã xác định: tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Để phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long rất cần chú trọng tới đóng góp của Cao Đài trong cả lĩnh vực tinh thần và vật chất cho xã hội ở khu vực này. Đây chính là một trong những nguồn lực tại chỗ của ĐBSCL. Vì vậy, trong hoạch định chủ trương chính sách cần tính đến yếu tố tôn giáo để Cao Đài tham gia vào quá trình giảm đói nghèo, thu hẹp khoảng cách phát triển, nâng cao đời sống văn hóa và bảo vệ môi trường mang tính bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.2.3. Xây dựng chính sách tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long gắn với chính sách dân tộc và an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội

Mối quan hệ giữa Cao Đài và dân tộc rất chặt chẽ không chỉ trên phương diện niềm tin tôn giáo mà còn thể hiện ở đời sống xã hội và an ninh chính trị. Do vậy, khi xây dựng chính sách về tôn giáo cần gắn với chính sách dân tộc và an ninh quốc gia để đạt được mục đích ổn định và đoàn kết dân tộc. Cần có những chính sách phù hợp để tạo môi trường hòa bình, đoàn kết, ổn định, tránh mầm mống xung đột văn hóa, tộc người, tôn giáo. Khi người dân thấy những giá trị đích thực của Cao Đài và tin

theo một cách tự nguyện chính là đang xây dựng mối quan hệ giữa Cao Đài và dân tộc trong một thiết chế chính đáng, đồng nghĩa với việc ngăn chặn và hạn chế tác động xấu từ bên ngoài, ngăn chặn việc truyền đạo vì mục đích lợi dụng.

Vấn đề dân tộc, tôn giáo và an ninh quốc gia là những vấn đề nhạy cảm luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, nên trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách cần chú ý đến mối quan hệ cũng như sự tác động cơ hữu của các vấn đề này. Quán triệt quan điểm Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện; Nhà nước quản lý thống nhất; Nhân Dân làm chủ; lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội ở ĐBSCL. Xây dựng thế trận lòng dân, trong đó có các tôn giáo, đấu tranh làm thất bại âm mưu của các phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo cản trở sự phát triển đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện tốt bình đẳng giữa các tôn giáo, không để nảy sinh thêm những mâu thuẫn giữa người theo và không theo Cao Đài, giữa tín đồ người Kinh và tín đồ người dân tộc khác, giữa các tôn giáo, giữa các tổ chức tôn giáo và chính quyền. Đây chính là cơ sở để đảm bảo ổn định xã hội bền vững từ bên trong.

Giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc phải trên cơ sở thực hiện đúng chủ trương chính sách, pháp luật. Quá trình giải quyết cần xem xét nhu cầu tôn giáo chính đáng của tổ chức, cá nhân và các yếu tố liên quan như đặc điểm của từng vùng dân tộc, địa bàn hoạt động,… Khi giải quyết các vụ việc cụ thể phức tạp, cần quán triệt quan điểm, giải quyết từ gốc vấn đề có thể làm hạn chế nảy sinh mất an ninh trật tự trong vùng, hạn chế kéo dài các vụ việc, các điểm nóng. Thu nhỏ các vụ việc phức tạp không để lây lan, không để các tổ chức chống đối trong và ngoài nước có cớ chống Việt Nam.

Mặt khác, phải vừa đấu tranh vừa vận động, phân hóa đối tượng cực đoan với tín đồ, không để các đối tượng trên kêu gọi chức sắc, chức việc, tín đồ ở các địa bàn khác ủng hộ. Niềm tin tôn giáo luôn mang tính liên kết, nếu để các đối tượng cực đoan nắm tín đồ, chức sắc ở các địa bàn khác ủng hộ sẽ tạo sức mạnh quần chúng, dẫn đến khó giải quyết và để lại hậu quả nặng nề. Công tác đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tôn giáo phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của cấp

ủy Đảng, sự điều hành của Nhà nước và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt chú ý phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc và sự đồng thuận ủng hộ của đồng bào các dân tộc, các tôn giáo ở nơi đây.

Đồng bằng sông Cửu Long, là địa bàn chiến lược của Việt Nam, các thế lực xấu không bao giờ từ bỏ chống phá ĐBSCL vì mục đích chính trị phản động. Do vậy, chính sách, pháp luật về tôn giáo cần kết hợp với chính sách an ninh chính trị quốc gia, đó là giải quyết đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, từ đó nâng cao trách nhiệm của tín đồ, đồng bào dân tộc theo đạo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu giảm thiểu những nguy cơ bất ổn trên địa bàn, củng cố và nâng cao thế trận lòng dân, ổn định từ bên trong là điều kiện rất cần thiết hiện nay.

4.3. Giải pháp cơ bản và một số khuyến nghị phù hợp để đạo Cao Đài đóng góp trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

4.3.1. Giải pháp cơ bản nhằm phát huy tốt các giá trị của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

4.3.1.1. Nâng cao nhận thức trong cấp ủy, chính quyền các cấp và người dân về pháp luật liên quan đến tôn giáo và các giá trị của đạo Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

***Một là,** nâng cao nhận thức về ý thức thực hiện pháp luật liên quan đến tôn giáo trong cấp ủy, chính quyền và người dân*

Trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mọi người trong xã hội đều phải sống và làm việc theo pháp luật, trong đó có pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ làm công tác tôn giáo nếu không nắm vững pháp luật thì không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, khó có thể thực hiện và vận dụng pháp luật trong quá trình giải quyết công việc liên quan đến quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo tôn giáo nói chung và theo Cao Đài nói riêng. Do vậy, cán bộ, đảng viên phải nhận thức về việc cần thiết trang bị kiến thức pháp luật liên quan đến tôn giáo, đồng nghĩa với việc hiểu đúng, đủ chủ trương, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo và liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta thì mới thực hiện và hướng dẫn

chức sắc, chức việc, tín đồ và người dân hoạt động tôn giáo đúng pháp luật. Hạn chế tình trạng ỷ vào cấp trên, trông chờ văn bản hướng dẫn, không dám tham mưu đề xuất những vấn đề liên quan đến tôn giáo nói chung, Cao Đài nói riêng.

Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và người dân về pháp luật, đòi hỏi cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến tôn giáo nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức về tôn giáo và công tác tôn giáo cho cán bộ, đảng viên, công chức trong các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội. Đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền để phù hợp với từng đối tượng. Tăng cường các diễn đàn trao đổi, hỏi đáp pháp luật để cán bộ, đảng viên và người dân thực sự muốn tìm hiểu và nâng cao trình độ về pháp luật.

Muốn công tác quản lý nhà nước đối với Cao Đài thuận lợi, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện nghiêm túc, thì khi cán bộ, đảng viên, chức sắc, chức việc, tín đồ và nhân dân hiểu biết và có ý thức chấp hành đầy đủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực tế địa phương nào mà chức sắc, chức việc, tín đồ và người dân hiểu biết pháp luật, thì họ sẽ tích cực tham gia các sự kiện pháp lý đang diễn ra dựa trên các chuẩn mực pháp luật, họ sẽ chủ động trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo đúng quy định. Khi chức sắc, chức việc, tín đồ có một trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật ở một mức độ nhất định sẽ thúc đẩy đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành làm công tác thực thi, bảo vệ pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phải nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật. Nghĩa là cán bộ cần có ý thức pháp luật cao hơn, để đưa chính sách, pháp luật vào cuộc sống của người dân, thúc đẩy phương châm sống và làm việc theo pháp luật của tín đồ, chức sắc Cao Đài trong xã hội.

Ngược lại nếu tín đồ, chức sắc tôn giáo thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết về pháp luật thì sẽ dẫn đến việc thực hiện pháp luật một cách thụ động, ý thức chấp hành kém và dễ bị lôi kéo vào các hoạt động vi phạm pháp luật theo phản ứng dây chuyền, cảm tính, tâm lý đám đông, dẫn đến các hành vi sai lệch, phạm pháp, phạm tội. Do đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phải được duy trì thường xuyên, liên tục và đồng bộ. Để làm tốt công tác này, việc nắm thực trạng, trình độ nhận thức,

nhu cầu tìm hiểu pháp luật của từng đối tượng là rất quan trọng, từ đó lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến cho phù hợp. Tranh thủ người đứng đầu các cơ sở tôn giáo, chức sắc trong việc tuyên truyền để họ đưa nội dung thực hiện pháp luật vào trong các buổi giảng đạo cho tín đồ biết tìm hiểu và thực hiện đúng trong sinh hoạt tôn giáo.

Việc biên soạn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ theo dạng vấn đáp, dịch ra ngôn ngữ các dân tộc làm cho chủ trương, chính sách đi vào đời sống người dân. Nội dung tuyên truyền, giáo dục tập trung vào từng loại đối tượng sao cho phù hợp và đạt hiệu quả cao nhất.

Hình thức tuyên truyền cần linh hoạt, áp dụng nhiều phương pháp: mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, các lớp tập huấn và bố trí lượng thời gian phù hợp để giải đáp các thắc mắc của người nghe, tránh việc tuyên truyền một chiều. Lồng ghép trong các cuộc họp ở các khu phố, tổ dân cư, xóm ấp hoặc phát hành tờ rơi, sách, báo, tạp chí, lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các diễn đàn,... có nội dung pháp luật về tôn giáo đến các gia đình tín đồ. Tận dụng các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng trong phổ biến, tuyên truyền pháp luật, sẽ giúp cán bộ, công chức cũng như tín đồ, chức sắc và người dân cập nhật thông tin, kiến thức pháp luật một cách nhanh chóng, dễ tiếp nhận, phù hợp với nhiều đối tượng.

Hai là, *nâng cao nhận thức trong cấp ủy, chính quyền và người dân về những đóng góp của Cao Đài để tận dụng nguồn lực của họ cho trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long*

Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị về quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đối với tôn giáo và công tác tôn giáo. Quan điểm của Đảng ta đã thể hiện rõ: tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Để phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội cần phải chú trọng tới nguồn lực tinh thần và vật chất của Cao Đài đã, đang và sẽ tiếp tục đóng góp cho xã hội ĐBSCL. Đây chính là nguồn lực tại chỗ, làm cơ sở góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững ở nơi đây. Vì vậy, trong

hoạch định và thực thi chủ trương chính sách, các cấp ủy, chính quyền cần phải tính đến yếu tố này để Công giáo tham gia vào quá trình làm giảm tình trạng đói nghèo, hạn chế khoảng cách phân tầng xã hội, tiến bộ về công bằng xã hội và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

Cao Đài có cả hệ thống các giá trị đạo đức rất sâu sắc được thể hiện ở các điều răn, giới cấm, trong đó có nhiều điều nói về đạo đức làm người cần trân trọng và phát huy để trong xây dựng xã hội Việt Nam hiện nay, góp phần điều chỉnh hành vi ứng xử của mọi người. Trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, cần nghiên cứu và đưa những giá trị, đạo đức văn hóa tiến bộ của Cao Đài làm phong phú giá trị đạo đức văn hóa các dân tộc, góp phần loại bỏ một số hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh. Làm tốt công tác tuyên truyền để người dân ĐBSCL, trong đó có tín đồ Cao Đài thấy được những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp để họ có ý thức gìn giữ và phát huy hơn nữa.

Các cấp ủy ở ĐBSCL cần chủ động hơn trong công tác chính trị, tư tưởng. Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và phương pháp ứng xử với tôn giáo, để cán bộ, đảng viên nâng cao ý thức trong việc khích lệ những đóng góp tích cực của chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài, đồng thời kiên quyết đấu tranh loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.3.1.2. Xây dựng chính sách phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của đạo Cao Đài trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước luôn quan tâm và động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Thực hiện luận điểm trên, trong thời kỳ đổi mới đất nước, các cấp, các ngành và địa phương đã có những quan tâm nhất định tới công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo nhằm phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo trong đó có đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài là tôn giáo ra đời tại Việt Nam nên mang đậm bản sắc dân tộc. Đạo Cao Đài lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc như: trang phục, ngôn ngữ, đạo đức, lối sống, lễ hội, nhạc lễ, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc,... Trong

đó, tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước của đạo Cao Đài là giá trị tích cực tác động đến tư tưởng, tinh thần của chức sắc, tín đồ tham gia đóng góp với đất nước trong thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đạo Cao Đài có tư tưởng nhập thể tham gia vào việc đời, vào các mặt hoạt động của xã hội. Đạo Cao Đài thực hiện mục tiêu phục vụ con người, phụng sự xã hội, dân tộc, đất nước.

Nhìn nhận tôn giáo có vai trò tích cực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, Đảng, Nhà nước có cái nhìn mới về tôn giáo: *một là,* xác định tôn giáo là một thành tố của văn hóa; *hai là*, nhìn nhận đầy đủ hơn về bản chất của tôn giáo; *ba là,* tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, tôn trọng và phát huy những giá trị văn hóa của tôn giáo; *bốn là,* nhấn mạnh những giá trị văn hóa nhân bản, phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới; *năm là*, ghi nhận các tôn giáo đã có sự hội nhập với văn hóa của dân tộc.

4.3.1.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong các tổ chức hệ phái đạo Cao Đài

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục về pháp luật Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo đối với các Hội thánh, Thánh thất, Họ đạo Cao Đài. Vận động chức sắc, tín đồ các Hội thánh, thánh thất Cao Đài tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Hướng dẫn giúp đỡ các Hội thánh, Thánh thất Cao Đài có quá trình hoạt động gắn bó với dân tộc tổ chức kỷ niệm ngày lễ, hội nghị thông qua đó giáo dục truyền thống tốt đẹp của các Hội thánh Cao Đài trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc.

Xây dựng phòng truyền thống tại các Hội thánh, Thánh thất Họ đạo Cao Đài bằng các tư liệu lịch sử, tranh ảnh, sách báo có liên quan đến truyền thống lịch sử, truyền thống cách mạng hoặc hoạt động yêu nước của các Hội thánh Cao Đài. Chính quyền các cấp cần phân loại lực lượng chức sắc, chức việc trong từng tổ chức Cao Đài để có phương pháp công tác hợp lý. Tranh thủ lực lượng tiến bộ, kiên quyết đấu tranh với các phần tử xấu, cực đoan trong các Hội thánh. Tăng cường công tác vận động quần chúng, đặc biệt là chức sắc đứng đầu các Hội thánh và tín đồ đạo Cao Đài tham gia các hoạt động tôn giáo "tốt đời, đẹp đạo".

Tăng cường công tác tiếp xúc, đối thoại với các tổ chức, cá nhân đạo Cao Đài nhằm tuyên truyền thực hiện các chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của tổ chức, cá nhân trong đạo Cao Đài để tham mưu với cấp ủy, chính quyền giải quyết nhằm ổn định tình hình tôn giáo nói chung và đạo Cao Đài nói riêng.

4.3.1.4. Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở ở đồng bằng sông Cửu Long

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở trong việc quản lý và phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL thì việc kiện toàn bộ máy và củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo là vấn đề then chốt trong việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, cụ thể thực hiện là:

Củng cố bộ máy làm công tác tôn giáo đủ mạnh, tính ổn định cao, giao đủ quyền để làm tốt công tác quản lý các hoạt động tôn giáo ở ĐBSCL. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Vì vậy, xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh là một trong những yếu tố quyết định đến việc phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Bộ máy và đội ngũ cán bộ phải tương xứng thì mới phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở, đồng thời đổi mới quản lý, đối thoại và phát huy một cách hiệu quả nguồn lực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 16/5/2024 ban hành K hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 18/4/2023 của Ban Bí thư v tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới. Các cơ quan chức năng ở Trung ương hướng dẫn các địa phương thực hiện các và bản quy định pháp luật về tôn giáo nói chung và đạo Cao Đài nói riêng.

Xây dựng kế hoạch, tạo nguồn tuyển dụng, ưu tiên tuyển dụng cán bộ, công chức cho ngành quản lý nhà nước về tôn giáo các cấp từ đội ngũ được đào tạo đúng và gần với ngành tôn giáo học; từ cán bộ, công chức đã công tác lâu năm trong các cơ quan dân vận, mặt trận. Tăng cường bồi dưỡng cho cán bộ, công chức làm công tác quản

lý nhà nước về tôn giáo về lý luận Mác - Lênin, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động tôn giáo.

Hoàn thiện chiến lược tổng thể phát triển ngành quản lý nhà nước về tôn giáo trong cơ cấu tổ chức đa ngành, đa lĩnh vực. Đổi mới chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ đặc thù đối với cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo. Trước mắt, khẩn trương xây dựng, bổ sung chức danh và tiêu chuẩn công chức ngành quản lý nhà nước về tôn giáo để thực hiện phụ cấp ưu đãi theo ngành hoặc theo vị trí việc làm. Chú trọng tới giá trị nghề nghiệp, khuyến khích cán bộ, công chức của ngành trở thành chuyên gia trong lĩnh vực công tác. Tăng cường kinh phí, điều kiện làm việc (trụ sở, phương tiện đi lại,...) đặc biệt là ở vùng đồng bào tôn giáo, vùng sâu, vùng xa.

Bổ sung chức danh công chức làm công tác tôn giáo thuộc cấp xã đối với xã có từ 30% tín đồ tôn giáo trở lên. Vì hoạt động tôn giáo chủ yếu diễn ra ở cơ sở, nhưng hiện tại cấp xã không có công chức chuyên trách tham mưu giúp ủy ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này, dẫn đến khó khăn, hạn chế trong công tác nắm bắt, phát hiện, hướng dẫn và xử lý hoạt động tôn giáo của chính quyền cơ sở.

Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tôn giáo, nghiệp vụ công tác, cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị làm công tác dân tộc, tôn giáo, nhất là hệ thống chính trị cơ sở nhằm xây dựng một đội ngũ cán bộ có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, và có lập trường tư tưởng vững vàng. Nắm vững kiến thức về tôn giáo nói chung, Cao Đài nói riêng, có kỹ năng trong nghiệp vụ công tác tôn giáo để đáp ứng yêu cầu tuyên truyền, hướng dẫn giải thích pháp luật cho chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài và người dân ở khu vực ĐBSCL. Có kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng vận động quần chúng với thái độ hợp tác, tinh thần đối thoại tạo được lòng tin của chức sắc, chức việc và tín đồ Cao Đài thì mới làm tốt công tác tôn giáo. Trong thực hiện nhiệm vụ, có lập trường tư tưởng vững vàng, hiểu biết giải thích, tuyên truyền về chính sách, pháp luật; không né tránh trách nhiệm pháp lý của cá nhân, ỷ lại vào cấp trên, đổ lỗi cho khoảng trống của pháp luật; giải quyết công việc sai nguyên tắc, thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm với công việc. Cán bộ làm công tác

dân tộc, tôn giáo chính là cầu nối giữa cá nhân, tổ chức Cao Đài với Đảng và Nhà nước trong phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Tăng cường cán bộ chủ chốt cho những nơi trọng yếu, nơi có tình hình an ninh chính trị phức tạp. Quan tâm phát triển đảng viên, hội viên, đoàn viên trong vùng đồng bào họ đạo Cao Đài. Bên cạnh đó cần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể cơ sở. Đảm bảo công tác phát triển đoàn viên, hội viên ổn định, có chất lượng, xây dựng lực lượng chính trị nòng cốt trong vùng có nhiều tín đồ Cao Đài một cách thực chất, thúc đẩy việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, hiệu quả. Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, thu hút, tập hợp chức sắc, tín đồ Cao Đài tham gia sinh hoạt các tổ chức hội, xây dựng tấm gương hội viên điển hình là người Cao Đài làm nòng cốt vận động quần chúng trong các phong trào thi đua yêu nước trong vùng đồng bào tôn giáo.

Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo là những người góp phần quan trọng trong việc đưa chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước vào đời sống tôn giáo, làm chuyển biến nhận thức của chức sắc, tín đồ về trách nhiệm người theo đạo tốt cũng là người công dân tốt. Do vậy, cần có chính sách đặc thù để thu hút cán bộ có năng lực và để họ yên tâm công tác, tránh tình trạng nghỉ việc tìm công việc có thu nhập cao hơn, hoặc tìm cách luân chuyển lên tuyến trên, làm thiếu ổn định cán bộ, công chức cơ sở, làm giảm sức chiến đấu của hệ thống chính trị cơ sở.

4.3.1.5. Xây dựng lực lượng chức sắc có uy tín trong đạo Cao Đài, mặt khác cần tranh thủ vận động chức sắc, và tín đồ đạo Cao Đài đồng thuận hội góp phần phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

Xây dựng lực lượng chức sắc có uy tín ở vùng đồng bào có tôn giáo. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng hiệu quả nhân tố tích cực trong chức sắc, tín đồ tôn giáo để tham gia vào bộ máy quản lý. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Quan tâm xây dựng các thiết chế nhằm không ngừng phát huy vai trò của quần chúng tín đồ vào sự nghiệp chung, xây dựng lực lượng chức sắc có uy tín trong các Hội thánh Cao Đài phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước ổn định, phát triển bền vững.

Cơ quan ở Trung ương phối hợp với chính quyền địa phương nơi có Toà thánh, Tổ đình cùng rà soát, nắm lại nhân sự lãnh đạo các Hội thánh Cao Đài có quả trình tham gia cách mạng hoặc gia đình có truyền thống yêu nước hoặc tham gia các tổ chức chính trị - xã hội. Triển khai kế hoạch cụ thể xây dựng lực lượng chức sắc, tín đồ nòng cốt trong các Hội thánh Cao Đài để có chính sách cụ thể với chức sắc, tín đồ và Hội thánh, Họ đạo. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố nắm lực lượng chức sắc, tín đồ có uy tín ở các Ban Đại diện, Họ đạo. Những địa phương có tổ chức Hội thánh cần phối hợp với cơ quan chức năng ở Trung ương để xây dựng lực lượng cốt cán trong các Hội thánh Cao Đài.

Chức sắc, chức việc Cao Đài là người có vai trò quan trọng trong cuộc sống của tín đồ, luôn được tín đồ kính trọng. Do vậy, tranh thủ, vận động được chức sắc, chức việc là nhiệm vụ cần thiết, cần thực hiện thường xuyên với phương châm "vận động một người được nhiều người", tạo đồng thuận trong thực hiện chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội và tôn giáo ở địa phương. Để công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc mang lại hiệu quả cao cần thực hiện một số nội dung sau:

Các cấp chính quyền địa phương ở đồng bằng sông Cửu Long cần thường xuyên gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với chức sắc Cao Đài vừa để tranh thủ, vận động, vừa nắm tâm tư của họ để phối hợp trong thực hiện chính sách, pháp luật và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong Cao Đài. Nâng cao uy tín và đóng góp của chức sắc, chức việc trước tín đồ để khích lệ họ trong việc thực hiện các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương. Trong công tác tôn giáo, cần chú trọng nhân sự của Cao Đài ở các cấp để chủ động giúp đỡ, định hướng cho chức sắc hoạt động tôn giáo gắn bó đồng hành cùng dân tộc, hạn chế lệ thuộc, trông chờ từ bên ngoài. Nắm hoạt động và diễn biến tư tưởng của đội ngũ chức sắc, chức việc để tìm cách giúp đỡ, quản lý không để các thế lực xấu lôi kéo chia rẽ, tạo mâu thuẫn nội bộ, tạo xu hướng ly khai thực hiện mục đích chính trị tạo dựng ngọn cờ lôi kéo quần chúng gây bất ổn chính trị.

Cách thức thực hiện là định kỳ tổ chức các buổi gặp mặt, thăm hỏi thường xuyên không chỉ các ngày lễ, tết. Qua việc tiếp xúc để trao đổi, động viên họ hoạt động tôn giáo chấp hành pháp luật; mời họ tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng

nông thôn mới, phát triển kinh tế; phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, nâng cao cảnh giác không nghe theo lời xui giục, kích động của các thế lực xấu. Thông qua công tác vận động, gặp gỡ để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của chức sắc, chức việc qua đó chủ động và kịp thời đáp ứng nhu cầu tôn giáo chính đáng.

Thông qua vai trò của họ vận động tín đồ nhận thức đầy đủ hơn về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp đối với hoạt động tôn giáo và chăm lo đời sống người dân; vận động tín đồ gắn hoạt động tôn giáo với nhiệm vụ chung ở địa phương, làm cho hoạt động tôn giáo ổn định góp phần đảm bảo an ninh xã hội. Tạo mối quan hệ gần gũi và tạo niềm tin của chức sắc, chức việc và tín đồ đối với Đảng, Nhà nước, gắn bó với chính quyền địa phương, tạo sự đồng thuận và tự giác chấp hành tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc góp phần tạo niềm tin trong quan hệ giữa chính quyền và hội thánh, xóa bỏ các định kiến, động viên chức sắc, chức việc yên tâm đóng góp vào quá trình phát triển bền vững ở địa phương.

Trong phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa ở ĐBSCL, chính quyền địa phương nên phối hợp, tận dụng, tranh thủ vai trò của chức sắc, chức việc Cao Đài để trong các sinh hoạt tôn giáo họ tuyên truyền, khuyên bảo tín đồ chấp hành chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, biết cách sử dụng nguồn vốn hợp lý, áp dụng khoa học kỹ thuật đúng mang lại hiệu quả cao. Phát triển kinh tế gắn với đạo đức xã hội, bảo vệ môi trường tạo ra những sản phẩm sạch, chất lượng, gắn với thương hiệu vùng. Chức sắc Cao Đài có mối quan hệ khá rộng, việc tìm đầu ra cho sản phẩm, hay hỗ trợ kỹ thuật, vốn là những việc mà thiết nghĩ chính quyền địa phương ở ĐBSCL nên tận dụng, tranh thủ cho phát triển kinh tế.

Tranh thủ chức sắc, chức việc để khai thác nguồn lực của Cao Đài phục vụ công tác an sinh xã hội, bằng việc tạo ra cơ chế, chính sách để các tổ chức Cao Đài được tham gia, phối hợp hoặc chủ thể trong hoạt động giáo dục, y tế và từ thiện nhân đạo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Đi cùng với cơ chế, chính sách là việc kiểm tra, giám sát các hoạt động theo quy định của pháp luật:

Khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức trực thuộc Cao Đài trên địa bàn tổ chức và thực hiện mô hình trường, lớp; cơ sở nội trú để hỗ trợ, tạo điều kiện cho học sinh nghèo có điều kiện theo học. Từng bước xã hội hóa công tác dạy nghề, ưu tiên đầu tư cho các cơ sở dạy nghề công lập để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tạo cơ chế, chính sách và các thủ tục hành chính để Cao Đài có thể mở rộng và tổ chức tốt các hoạt động bảo trợ xã hội, nuôi dưỡng những người bệnh, người tàn tật, người không nơi nương tựa, góp phần giảm tải gánh nặng ngân sách địa phương. Phát huy vai trò của chức sắc, chức việc Cao Đài là những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng Cao Đài tham gia xây dựng xóm, làng tạo sự đoàn kết dân tộc, tôn giáo.

Tranh thủ chức sắc Cao Đài để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tôn giáo. Quán triệt phương châm: thu nhỏ vụ việc, không để lây lan, kéo dài, giải quyết từ cơ sở, tránh đối đầu với chức sắc, chức việc lấy tôn giáo để giải quyết vấn đề của tôn giáo. Làm được như vậy khi xảy ra tình hình phức tạp, có chức sắc, người có uy tín trong Hội thánh hợp tác với chính quyền giải quyết vụ việc sẽ hạn chế hoạt động biểu tình cực đoan.

4.3.1.6. Giải quyết có hiệu quả những vụ việc phức tạp liên quan đến đạo Cao Đài và kiên quyết đấu tranh với các thế lực cực đoan, phản động lợi dụng đạo Cao Đài cản trở sự phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong các vụ việc phức tạp liên quan đến Cao Đài ở ĐBSCL, thường tập trung vào vấn đề truyền đạo ngoài cơ sở thờ tự, xây dựng sửa chữa cơ sở trái pháp luật; một bộ phận Cao Đài bị lợi dụng vào hoạt động cực đoan. Để phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài nhằm đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội cần giải quyết kịp thời, và hiệu quả những bất ổn trong các lĩnh vực trên, củng cố niềm tin của chức sắc, chức việc, tín đồ với chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; vừa làm mất cơ sở lợi dụng của các phần tử chống đối cực đoan, cụ thể là:

- Xem xét, giải quyết thấu đáo các nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy của người dân trên địa bàn, phân biệt sinh hoạt tôn giáo thuần túy và việc lợi dụng tôn giáo trong giải quyết các vụ việc phức tạp để loại bỏ yếu tố chính trị cực đoan ra khỏi hoạt động tôn giáo. Phát huy vai trò của hệ thống chính trị cơ sở, các đoàn thể quần

chúng trong vận động chức sắc, chức việc, tín đồ thực hiện đúng pháp luật và tham gia phong trào xây dựng và bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

- Giải quyết có hiệu quả vấn đề sinh hoạt tôn giáo của Cao Đài. Khiếu kiện trong các cơ sở tôn giáo là nguyên nhân để các phần tử cực đoan trong và ngoài đạo lợi dụng, tạo điểm nóng, biểu tình chống phá nhà nước.

- Khi giải quyết các vấn đề có liên quan đến dân tộc, tôn giáo phải quán triệt phương châm kiên nhẫn, thận trọng kết hợp đấu tranh với khoan hồng và giáo dục cảm hóa đối tượng. Phối hợp với các chức sắc có uy tín trong họ đạo nâng cao nhận thức của tín đồ về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực xấu kích động chia rẽ Hội thánh, chia rẽ dân tộc, làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tôn giáo của tín đồ.

Công khai cho đồng bào và tín đồ Cao Đài hiểu rõ về âm mưu ý đồ của các thế lực xấu, để đồng bào nâng cao đề kháng, không nghe, không tin và không theo sự lôi kéo của các thế lực xấu. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở hỗ trợ giúp đỡ nhau giữa đồng bào theo Cao Đài và không theo Cao Đài. Củng cố và nâng cao hiệu quả phong trào kết nghĩa giữa các đơn vị vũ trang và các xóm, ấp. Giải quyết những vấn đề thuộc về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và tín ngưỡng, tôn giáo cho đồng bào, để củng cố và nâng cao chất lượng "thế trận lòng dân", nâng cao ý thức trách nhiệm của đồng bào tín đồ đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ ĐBSCL.

Nâng cao vai trò quản lý Nhà nước đối với hoạt động Cao Đài là phương tiện hữu hiệu để giảm những phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ giữa Nhà nước và Hội thánh, là cơ sở cho việc giải quyết vấn đề phức tạp nảy sinh trong Cao Đài. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về Cao Đài chính là hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu về tôn giáo chính đáng của tín đồ. Hạn chế để các thế lực cực đoan lợi dụng niềm tin, sự thiếu hiểu biết của chức sắc, chức việc, tín đồ để lôi kéo, kích động họ hoạt động vi phạm pháp luật, biểu tình chống đối. Trong thực hiện nhiệm vụ các cơ quan chức năng cần làm tốt công tác thu thập thông tin, nắm tình hình Cao Đài, kịp thời tham mưu cho các cấp có thẩm quyền đề ra kế hoạch, giải pháp thực hiện đúng chính sách, pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế ở cơ sở. Chú trọng

công tác vận động, giáo dục thuyết phục kết hợp với xử lý hành chính. Quá trình giải quyết các vụ việc các ngành, các cấp cần phối hợp đồng bộ, giải quyết kịp thời, dứt điểm không để kéo dài, lan rộng, tạo được sự đồng thuận của chức sắc, tín đồ.

Công tác tôn giáo là của cả hệ thống chính trị, mỗi ngành, mỗi cấp đều có chức năng, nhiệm vụ riêng. Để làm tốt công tác tôn giáo phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL cần củng cố, tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan: dân vận, quản lý nhà nước, văn hóa, lực lượng an ninh, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành viên đảm bảo thực hiện công tác tôn giáo linh hoạt, đồng bộ đúng pháp luật. Xây dựng cơ chế phối hợp có sự phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phải đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan nhằm nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong giải quyết các vụ việc phức tạp liên quan đến Cao Đài. Từ đó áp dụng những biện pháp xử lý, khắc phục những thiếu sót, đồng thời nâng cao tính chủ động và nghiêm túc trong việc thực hiện pháp luật của cán bộ, công chức và tín đồ, chức sắc các tôn giáo. Hạn chế sự tùy tiện trong tổ chức và thực thi pháp luật. Góp phần quan trọng trong việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước ở đồng bằng sông Cửu Long.

4.3.1.7. Hoàn thiện và cụ thể hóa các quy định pháp luật về tính ngưỡng tôn giáo, trong đó có đạo Cao Đài để tạo cơ sở pháp lý, phát huy tính tích cực trong phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

Nhận thức trong việc xây dựng thể chế hóa chủ trương của Đảng Cộng Sản Việt Nam về công tác tôn giáo chưa theo kịp chuyển biến của thực tiễn, nhất là những tư tưởng đổi mới công tác tôn giáo. Pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành còn bộc lộ nhiều vấn đề cần sửa đổi, bổ sung; nhiều vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nhưng chưa được nhìn nhận như: đánh giá vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, tôn giáo là một thực tại xã hội; vấn đề tín ngưỡng, pháp nhân tôn giáo, vấn đề cụ thể hóa các hoạt động xã hội của tôn giáo thiếu cụ thể, khó áp dụng.

Trong hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo việc hướng dẫn thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo và việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là cần thiết. Cơ quan chức năng sớm xây dựng Nghị định xử

phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Ban Bí thư đã ban hành Kết luật số 51-KI/TW ngày 18/4/2023 về tiếp tục thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới.

Tổng hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, trên cơ sở đó đánh giá tính phù hợp, còn giá trị của các văn bản và tính lỗi thời không còn phù hợp, chồng chéo để đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tôn giáo cần thể chế hóa đầy đủ các quan điểm của Đảng về tín ngưỡng, tôn giáo cụ thể: Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác tôn giáo và Chỉ thị số 18 năm 2018 của Bộ Chính trị. Triển khai và thực hiện đồng bộ, thống nhất giữa các địa phương, các tổ chức tôn giáo về Luật tín ngưỡng, tôn giáo, các Nghị định hướng dẫn. Luật pháp càng đồng bộ thì việc thực hiện chính sách, pháp luật mới thống nhất và khả thi. Đảm bảo bình đẳng giữa trách nhiệm, quyền lợi của các tổ chức tôn giáo, giữa tổ chức tôn giáo và các tổ chức xã hội khác.

Trong quá trình thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo cần tính đến việc sửa đổi, bổ sung một số luật chuyên ngành có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là những nội dung còn vướng, còn thiếu hoặc bất cập, vênh nhau giữa các luật nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong quan điểm, chủ trương, như:

Quy định rõ và bổ sung việc tổ chức tôn giáo được thực hiện chủ trương xã hội hóa về y tế, giáo dục, từ thiện nhân đạo ở mức độ và lĩnh vực nào theo quy định của pháp luật, nhất là trong giai đoạn hiện nay Luật tín ngưỡng, tôn giáo đã quy định pháp nhân đối với các tổ chức tôn giáo và tổ chức tôn giáo trực thuộc. Các tổ chức tôn giáo hiện nay, chưa được phép mở các trường giáo dục phổ thông các cấp và đại học. Về y tế, tôn giáo chỉ được phép mở các phòng khám, trong khi họ có nguồn nhân lực chuyên nghiệp và kêu gọi được nguồn vốn phục vụ cho các hoạt động y tế chuyên biệt; được phép mở các cơ sở bảo trợ xã hội để chăm sóc, nuôi dưỡng những người không nơi nương tựa, bệnh nhân tâm thần, HIV, nhưng lại không có quỹ đất, mở tại các cơ sở tôn giáo thì trái luật.

Luật Đất đai cần quy định rõ hơn việc sử dụng và quản lý đất đai liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo để giải quyết dứt điểm hiện tượng mua bán, hiến nhượng, tặng, lấn chiếm khiếu kiện kéo dài,...; đồng thời đáp ứng nhu cầu chính đáng về cơ sở thờ tự của tín đồ và tổ chức hội thánh. Theo đó chính quyền địa phương các tỉnh ở ĐBSCL trong quá trình lập quy hoạch cần tính toán quy hoạch quỹ đất tôn giáo, để chủ động trong việc giao đất, tránh tình trạng Cao Đài tạo lập quỹ đất trái quy định và chính quyền không quản lý được. Để giải quyết tốt vấn đề này cần khảo sát, đánh giá lại toàn bộ đất đai, cơ sở thờ tự của tôn giáo trên địa bàn để phân loại và đề xuất chủ trương giải quyết đất đai liên quan đến tôn giáo. Căn cứ Luật Đất đai năm 2024 [77, tr.1], và Chỉ thị số 1940/CTTTg ngày 31/12/2008 [100, tr. 2] của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo và xét nhu cầu chính đáng về nhà, đất để phục vụ cho hoạt động tôn giáo và quy hoạch, quỹ đất tại địa phương để xem xét tham mưu bổ sung hoàn thiện chính sách pháp luật theo hướng đồng bộ và khả thi.

Có thể nói, ĐBSCL là địa bàn có nhiều vấn đề phức tạp về dân tộc, tôn giáo; trình độ văn hóa, xã hội của người dân còn thấp, kinh tế khó khăn lại bị ràng buộc bởi các lĩnh vực tín ngưỡng, phong tục truyền thống và luôn bị các phần tử xấu lợi dụng. Do đó, để phát triển bền vững ở ĐBSCL cần thực hiện đồng bộ, thống nhất các giải pháp để người dân hiểu rõ chính sách của Đảng, Nhà nước là hướng đến mục tiêu chăm lo đời sống cho nhân dân và phát triển ĐBSCL một cách bền vững.

4.3.1.8. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân, trong đó có tin đồ đạo Cao Đài

Mặc dù đời sống người dân ở ĐBSCL trong những năm qua đã được nâng lên đáng kể, số hộ nghèo giảm nhưng phát triển kinh tế còn thiếu bền vững. Ở vùng sâu, vùng xa giao thông còn nhiều khó khăn, việc cung cấp hàng hóa không kịp thời nên đời sống người dân còn thiếu thốn. Chương trình xóa đói, giảm nghèo bền vững chậm đi vào cuộc sống. Khi mục tiêu bảo đảm cho đồng bào có cơm ăn, áo mặc vẫn phải phấn đấu thì sẽ khó đạt được mục tiêu cho phát triển bền vững. Sự tăng trưởng kinh tế không đồng đều cũng tạo ra phân hóa giàu nghèo một cách sâu sắc. Cùng với thiếu thốn về vật chất là các dịch bệnh xã hội xảy ra thường xuyên. Tình trạng này không

chỉ phản ánh sự chênh lệch về mức sống, mà còn với trình độ nhận thức thấp. Do vậy, nâng cao đời sống kinh tế và trình độ học vấn để người dân, trong đó có tín đồ Cao Đài nhận thức đúng mục tiêu của phát triển bền vững là rất cần thiết. Khi người dân hiểu đúng thì sẽ thực hiện đúng và nỗ lực để thực hiện, khơi dậy khả năng đóng góp từ chính nội lực của họ. Để nâng cao đời sống kinh tế và trình độ của người dân, cấp ủy, chính quyền các tỉnh ĐBSCL cần thực hiện một số việc:

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp về phát triển kinh tế trên cơ sở chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội của vùng. Khai thác thế mạnh trong nông nghiệp, thủy sản đúng cách và hợp lý, chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp để đảm bảo cả về năng suất, kỹ thuật, cả về sử dụng nguồn tài nguyên nước, tài nguyên đất phù hợp và đầu ra cho sản phẩm mang tính lâu dài. Đảm bảo phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào đặc biệt khó khăn. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, giữa người theo đạo và không theo đạo, là cơ sở để người dân nói chung và tín đồ Cao Đài nói riêng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy tiềm lực nâng cao chất lượng cuộc sống, đóng góp vào phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long.

Các sở, các ngành ở địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra giám sát người dân sử dụng vốn, đưa khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, phát triển kinh tế. Phát huy tinh thần nỗ lực phấn đấu tại chỗ, không để kéo dài tình trạng trông chờ ỷ lại của người dân vào chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội. Vận động người dân thay đổi nếp nghĩ, thói quen từng bước xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu. Với phương châm hộ gia đình quyết tâm vượt nghèo, phấn đấu đủ ăn, tiến tới làm giàu, nêu gương người sản xuất giỏi, giúp người dân mở rộng mối quan hệ, truyền đạt kinh nghiệm giúp nhau cùng phát triển, nâng cao trách nhiệm cá nhân, gia đình đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về phát triển giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tiếp tục cải thiện cơ bản về sức khỏe người dân. Đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030 hệ thống giáo dục, y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân

dân đồng bộ, chất lượng cao theo hướng xã hội hóa, 100% cụm, xã có nhà trẻ, phòng khám. Xây dựng và củng cố mạng lưới trường lớp, đội ngũ giáo viên và đội ngũ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhu cầu học tập của người dân. Nâng cao chất lượng dạy và học để tăng số học sinh khá giỏi, phục hồi các di sản văn hóa, để từ đó phát triển bền vững từ gốc.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động tín đồ Cao Đài thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, nâng cao nhận thức cho tín đồ về việc đông con, khó có khả năng lo cho con ăn học, kinh tế gia đình khó khăn. Tranh thủ vai trò của chức sắc, chức việc Cao Đài khuyên bảo tín đồ sinh đẻ có trách nhiệm, để nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo hạnh phúc gia đình và phát triển cộng đồng bền vững.

- Cấp ủy, chính quyền các tỉnh ĐBSCL quan tâm thực hiện việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc, để vừa khơi dậy sức sống tộc người, vừa giáo dục lớp trẻ niềm tự hào truyền thống văn hóa. Khôi phục và tổ chức các lễ hội truyền thống trong chính cộng đồng các dân tộc vừa để giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp, vừa vận động người dân xóa bỏ các hủ tục lạc hậu ảnh hưởng đến đời sống đồng bào và cản trở việc xây dựng đời sống văn hóa mới ở ĐBSCL. Chủ động phối hợp và đầu tư để các tổ chức Hội thánh Cao Đài ở ĐBSCL nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi các di sản văn hóa và chữ viết của các dân tộc, tận dụng nguồn lực của Cao Đài trong bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, nhất là văn hóa Nam bộ ở đồng bằng sông Cửu Long. Phát huy tinh thần cộng đồng, dân chủ, bình đẳng và giúp đỡ nhau phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

Ghi nhận những đóng góp và phát huy vai trò của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn, trong đó có Cao Đài trong việc nâng cao nhận thức và hành vi cho tín đồ Cao Đài trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, còn vinh danh và nhân rộng những tấm gương tiêu biểu là chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài có nhiều đóng góp trong bảo vệ môi trường, giữa gìn an ninh trật tự ở địa phương, trở thành một phong trào thi đua. Thông qua đó, để động viên người tín đồ Cao Đài cùng với chính quyền và người dân nâng cao trách nhiệm xây dựng phát triển bền vững ở khu vực.

4.3.2. Một số khuyến nghị trong tình hình hiện nay

4.3.2.1. Đối với hệ thống chính trị

- Sớm ban hành Nghị định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2026 và văn bản hướng dẫn theo hướng minh bạch, nhất quán, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Tại ĐBSCL, cần hướng dẫn dễ hiểu cho cán bộ cơ sở, chức sắc, chức việc về đăng ký sinh hoạt, tổ chức lễ hội, sửa chữa cơ sở thờ tự và quản lý nguồn đóng góp; công khai trách nhiệm, hồ sơ, thời hạn và đầu mối giải quyết.

Bên cạnh xử lý vi phạm, cần ưu tiên tư vấn, đối thoại và cảnh báo sớm; phân biệt sai sót do chưa nắm quy định với hành vi cố ý, bảo đảm xử lý có căn cứ, tương xứng và quyền giải trình. Hiệu quả nên được đánh giá qua khả năng tiếp cận pháp luật, thời gian giải quyết thủ tục, số vụ việc được tháo gỡ qua đối thoại và mức độ hài lòng của tổ chức tôn giáo.

- Chỉ đạo các bộ, ngành nghiên cứu, điều chỉnh Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Khám bệnh, chữa bệnh và Luật Giáo dục để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Tại ĐBSCL, cơ sở tôn giáo vừa là nơi hành lễ, vừa phục vụ sinh hoạt cộng đồng, giáo lý và thiện nguyện; vì vậy cần hướng dẫn thống nhất về sử dụng đất, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm và điều kiện chuyên môn, tránh tình trạng thủ tục đã được chấp thuận nhưng lại vướng mắc ở lĩnh vực khác.

Trong y tế và giáo dục, cần phân định hoạt động thiện nguyện với hoạt động chuyên môn. Có thể khuyến khích phát quà, hỗ trợ người bệnh, trao học bổng, hiến máu; còn khám chữa bệnh và giáo dục chính quy phải đáp ứng tiêu chuẩn chuyên ngành. Với đất đai, xây dựng, cần công khai quy trình, hỗ trợ bảo tồn cơ sở có giá trị lịch sử, văn hóa và bảo đảm an toàn trước ngập lụt, sạt lở, thời tiết cực đoan. Khi sửa đổi quy định, nên tham vấn Hội thánh, chuyên gia, chính quyền cơ sở và cộng đồng.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác tôn giáo theo chức năng, nhiệm vụ mới; đồng thời nâng cao năng lực thực tiễn và phối hợp liên ngành. Do ĐBSCL có địa bàn rộng, nhiều vùng nông thôn, ven sông, ven biển và biên giới, cán bộ cần được

bồi dưỡng pháp luật, kỹ năng đối thoại, xử lý tình huống và kiến thức cơ bản về lịch sử, tổ chức, nghi lễ Cao Đài để phân biệt khác biệt nội bộ với hành vi vi phạm.

Ở cơ sở, cần xác định đầu mối liên hệ giữa chính quyền và tổ chức tôn giáo, duy trì gặp gỡ định kỳ, tiếp nhận kiến nghị và quy trình xử lý rõ ràng. Ứng dụng hồ sơ điện tử, công khai thủ tục trực tuyến sẽ giảm chi phí đi lại, nhưng vẫn cần hỗ trợ trực tiếp cho người cao tuổi và người ít sử dụng công nghệ. Đánh giá bộ máy qua tiến độ, tính rõ ràng, hiệu quả phối hợp và khả năng giải quyết vấn đề từ sớm.

- Chỉ đạo cơ quan chức năng và chính quyền các tỉnh ĐBSCL phối hợp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là tại khu vực biên giới; đồng thời củng cố quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức Hội thánh. Các vấn đề về sinh hoạt tôn giáo, tài sản, từ thiện, thông tin trên mạng hoặc khác biệt giữa nhóm tín đồ cần được xác minh khách quan, xử lý đúng thẩm quyền. Đối thoại sớm với chức sắc, chức việc giúp hạn chế tin đồn và ngăn vụ việc nhỏ trở nên phức tạp; không quy kết trách nhiệm cho cả cộng đồng khi chưa có căn cứ.

Tại vùng biên giới và khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu, các Hội thánh, họ đạo có thể hỗ trợ truyền thông, cứu trợ thiên tai và vận động người dân tiếp cận thông tin chính thống. Cơ chế phối hợp cần quy định rõ đầu mối, chia sẻ thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phản hồi kiến nghị; quan hệ hợp tác phải dựa trên pháp luật, công khai và bình đẳng.

- Chính quyền địa phương cần rà soát các chương trình, dự án nông, lâm, ngư nghiệp để bảo đảm an ninh kinh tế, an sinh xã hội và an ninh nông thôn, đồng thời quan tâm sinh kế của tín đồ Cao Đài và cư dân địa phương. Trước các thách thức như hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, biến động nguồn nước, chi phí sản xuất và đầu ra thiếu ổn định, cần đánh giá tác động đến đất sản xuất, việc làm, hộ nghèo và dịch vụ thiết yếu; tham vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ hộ ít vốn.

Cần kết nối cơ quan chuyên môn, hợp tác xã, doanh nghiệp, đoàn thể và họ đạo để phổ biến sản xuất an toàn, tiết kiệm nước, giảm chất thải và thích ứng khí hậu. Tổ chức tôn giáo có thể hỗ trợ truyền thông, kết nối người cần giúp đỡ với chương trình phù hợp nhưng không thay thế chức năng quản lý, chuyên môn của Nhà nước. Nên

theo dõi kết quả qua số hộ được tập huấn, mức giảm thất thoát nước, số người được hỗ trợ sinh kế và khả năng duy trì thu nhập.

- Củng cố hệ thống chính trị cơ sở và các đoàn thể, đa dạng hoạt động để thu hút hội viên là tín đồ Cao Đài; đồng thời phục hồi, phát huy văn hóa Cao Đài gắn với ĐBSCL. Các chương trình khuyến học, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ môi trường, phòng chống bạo lực gia đình, hỗ trợ người khuyết tật và nâng cao kỹ năng số cần xuất phát từ nhu cầu địa phương, tôn trọng tính tự nguyện và tạo điều kiện để tín đồ tham gia với tư cách công dân.

Việc bảo tồn văn hóa có thể thực hiện qua sưu tầm tư liệu họ đạo, ghi lại ký ức của chức sắc và tín đồ cao tuổi, bảo tồn kiến trúc, hiện vật, âm nhạc và nghi lễ phù hợp. Cần phối hợp với cơ quan văn hóa, nhà nghiên cứu và cộng đồng để bảo đảm chính xác, tôn trọng khác biệt giữa các tổ chức Cao Đài, tránh thương mại hóa. Bảo tồn đúng cách góp phần tăng hiểu biết tôn giáo và phát triển văn hóa bền vững.

4.3.2.2. Đối với các tổ chức đạo Cao Đài

- Chức sắc lãnh đạo các Hội thánh Cao Đài cần định hướng chức việc, tín đồ nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân trong phát triển bền vững ở ĐBSCL. Có thể lồng ghép nội dung tuân thủ pháp luật, lao động trung thực, tiết kiệm, tôn trọng người khác, bảo vệ môi trường và giúp đỡ người yếu thế vào sinh hoạt phù hợp với giáo lý và quy định của tổ chức. Nội dung vận động nên gắn với thực tế địa phương như tiết kiệm nước, không xả rác xuống kênh rạch, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng tránh thiên tai và hỗ trợ hộ gặp khó khăn.

Các Hội thánh nên khuyến khích mỗi họ đạo lập kế hoạch cộng đồng hằng năm với mục tiêu vừa sức và công khai kết quả, như vệ sinh khu vực thờ tự, hỗ trợ học sinh khó khăn, thăm người già neo đơn hoặc tuyên truyền an toàn giao thông. Hoạt động phải tự nguyện, minh bạch trong tiếp nhận và sử dụng đóng góp, không gây áp lực tài chính; qua đó tăng gắn kết xã hội nhưng vẫn bảo đảm tính tự chủ của tôn giáo.

- Chủ động phối hợp với chính quyền thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế, xã hội, môi trường và an ninh, trật tự; phát huy thế mạnh từ thiện, y tế, giáo dục. Các họ đạo có thể xây dựng môi trường không tệ nạn, chấp hành luật giao thông và

bảo vệ môi trường. Hoạt động hỗ trợ cần dựa trên nhu cầu, tiêu chí công khai, ưu tiên người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi neo đơn, trẻ em có nguy cơ bỏ học và hộ chịu ảnh hưởng thiên tai.

Trong y tế, có thể phối hợp tuyên truyền phòng bệnh, hiến máu, thăm hỏi bệnh nhân, hỗ trợ chi phí đi lại và kết nối người dân với cơ sở y tế; việc khám chữa bệnh phải do người, cơ sở đủ điều kiện thực hiện. Trong giáo dục, có thể phát triển tủ sách, lớp hỗ trợ học tập, hướng nghiệp, dạy kỹ năng phòng chống và ứng phó thiên tai. Các hoạt động này góp phần nâng cao năng lực cộng đồng và giảm bất bình đẳng cơ hội.

Xây dựng họ đạo không tệ nạn, chấp hành luật giao thông và bảo vệ môi trường cần dựa vào phòng ngừa, giáo dục, nêu gương. Trong dịp lễ, cần phối hợp phân luồng, bố trí nơi để xe, giữ lối đi thông thoáng, bảo đảm vệ sinh và hạn chế nhựa dùng một lần. Tại khu dân cư, tín đồ có thể tham gia làm sạch đường phố, phân loại rác, thu gom chất thải đúng nơi và trồng cây phù hợp. Với thanh thiếu niên, chú trọng kỹ năng sống, sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm và chấp hành pháp luật;

- Tích cực sưu tầm, lưu giữ và phát huy văn hóa Cao Đài qua nghi lễ, hội họa, kiến trúc, âm nhạc và tư liệu, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển bền vững ở ĐBSCL. Cần lập danh mục kinh sách, hình ảnh, bản nhạc, kiến trúc; số hóa tư liệu dễ hư hỏng, ghi rõ nguồn gốc và sự đồng thuận của người cung cấp. Việc lưu trữ cần có quy trình bảo quản, phân quyền tiếp cận. Khi nghiên cứu, trưng bày, cần tham khảo người có thẩm quyền và tôn trọng khác biệt giữa các Hội thánh.

Văn hóa Cao Đài có thể được giới thiệu trong mối liên hệ với lịch sử khai phá ĐBSCL, đời sống sông nước, tinh thần tương trợ và giao lưu văn hóa địa phương. Giáo dục di sản và giao lưu văn hóa giúp thế hệ trẻ hiểu đóng góp của các thế hệ trước, thúc đẩy đối thoại và tôn trọng đa dạng tín ngưỡng. Nếu gắn với du lịch, cần tôn trọng không gian thiêng, không biến nghi lễ thành màn trình diễn trái ý nghĩa tôn giáo. Hiệu quả bảo tồn nên đánh giá qua tư liệu được lưu giữ, sự tham gia của người trẻ, chất lượng truyền dạy và đồng thuận cộng đồng.

Tiểu kết chương 4

Phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long là tất yếu, khách quan và cần thiết để thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu đó phải xuất phát từ cả hai phía: Đảng, Nhà nước, chính quyền các tỉnh ĐBSCL và chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài.

Để phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, cần quán triệt quan điểm của Đảng, Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo, đảm bảo ổn định chính trị, xã hội; cần tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp: về nhận thức, về chính sách và thực thi chính sách, về giải quyết những bất cập liên quan đến tôn giáo và đấu tranh với âm mưu, hành vi của các thế lực xấu lợi dụng Cao Đài gây bất ổn đồng bằng sông Cửu Long; đồng thời cần thực hiện việc tuyên truyền và phổ biến Luật Tín ngưỡng tôn giáo đến cán bộ chính quyền và chức sắc, tín đồ Cao Đài, giúp họ nâng cao tính tự giác trong chấp hành pháp luật và để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống.

Các giải pháp trên không chỉ đảm bảo cuộc sống người dân mà còn thu hút nguồn lực của Cao Đài, làm cho tín đồ, chức sắc thấy được trách nhiệm và quyền lợi của họ đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long, không tạo cớ để các thế lực phản động lợi dụng niềm tin tôn giáo gây bất ổn ở khu vực này. Phát huy tích cực của Cao Đài còn nhằm tạo đồng thuận xã hội, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc - tôn giáo tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng đồng bằng sông Cửu Long bền vững từ chính nội lực của người dân nơi đây.

KẾT LUẬN

Nhìn từ yêu cầu phát triển bền vững, vấn đề đặt ra không chỉ là duy trì tăng trưởng hay giải quyết từng khó khăn riêng lẻ, mà còn là bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội, gìn giữ các giá trị văn hóa và ổn định lâu dài của cộng đồng. Vì vậy, việc xác định trách nhiệm của các chủ thể cần gắn với điều kiện thực tế của ĐBSCL và khả năng phối hợp giữa Nhà nước, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và người dân. Trong mối quan hệ đó, đạo Cao Đài cần được xem xét như một chủ thể xã hội có khả năng tham gia đóng góp, nhưng mức độ và hiệu quả đóng góp phải được nhận diện thông qua hoạt động thực tiễn, không chỉ từ vị thế hay quy mô tổ chức. Cách đặt vấn đề này giúp làm rõ hơn yêu cầu phát triển bền vững theo hướng lấy con người và chất lượng đời sống làm trọng tâm.

Phát triển bền vững ở ĐBSCL là một đòi hỏi tất yếu trong xu thế phát triển và hội nhập của đất nước, được thực hiện trên các tiêu chí căn bản mà cộng đồng quốc tế cũng như Việt Nam đã thống nhất. Phát triển bền vững phải kiên định các nguyên tắc: đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, chủ quyền lãnh thổ, hướng tới đảm bảo và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương, các cá nhân và tổ chức xã hội, trong đó có Cao Đài ở ĐBSCL.

Những thách thức nêu trên có mối liên hệ với nhau, do đó không thể giải quyết hiệu quả bằng các biện pháp đơn lẻ hoặc chỉ dựa vào một chủ thể. Chênh lệch về điều kiện sống, hạn chế trong bảo đảm an sinh, nguy cơ mai một bản sắc văn hóa và những bất cập trong quản lý cơ sở có thể tác động qua lại, làm giảm khả năng tham gia và đồng thuận của cộng đồng. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là nhận diện đúng nguyên nhân và đặc điểm của từng địa bàn, đồng thời tăng cường đối thoại, phối hợp và thực thi chính sách một cách nhất quán. Đối với lĩnh vực tôn giáo, cách tiếp cận cần bảo đảm tính khách quan, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, phân biệt giữa những giá trị và hoạt động tích cực với các hạn chế cụ thể nếu có căn cứ, tránh quy kết hoặc đánh giá toàn bộ cộng đồng từ những hiện tượng riêng lẻ.

Tuy nhiên hiện nay tình hình phát triển bền vững ở ĐBSCL đang đối diện với những thách thức đó là: tỷ lệ hộ nghèo, khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc còn cao; an sinh xã hội chưa được đảm bảo; vấn đề dân tộc - tôn giáo gắn với an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định. Một số phong tục, tập quán lạc hậu có xu hướng phục hồi và phát triển; bản sắc văn hóa các dân tộc đang bị mai một. Hệ thống chính trị cơ sở còn yếu, bộc lộ bất cập trong nhận thức và quản lý. Do vậy, để phát triển bền vững ở ĐBSCL cần sự đồng thuận giữa Đảng, Nhà nước, chính quyền địa phương với các tổ chức và cá nhân, trong đó có Cao Đài, cũng như sự đóng góp từ các thành phần xã hội để khắc phục những thách thức trên.

Từ góc độ nghiên cứu, cần phân biệt giữa giá trị được thể hiện trong giáo lý và khả năng chuyển hóa những giá trị ấy thành hành vi, hoạt động có ý nghĩa đối với đời sống xã hội. Đạo đức hướng thiện, tinh thần tu dưỡng và việc đề cao con người có thể tạo nền tảng thuận lợi cho sự gắn kết cộng đồng và trách nhiệm xã hội; tuy nhiên, tác động cụ thể còn phụ thuộc vào cách thực hành, điều kiện của từng tổ chức và địa phương, cũng như mối quan hệ phối hợp với các chủ thể khác. Vì vậy, việc đánh giá vai trò của Cao Đài cần đồng thời xem xét tiềm năng giá trị, hoạt động thực tế và kết quả có thể nhận diện, qua đó tránh tuyệt đối hóa vai trò của tôn giáo hoặc xem nhẹ những đóng góp có cơ sở. Đây cũng là điểm quan trọng để bảo đảm tính khách quan và chiều sâu khoa học của luận án.

Cao Đài với lịch sử hình thành và phát triển trong suốt gần 100 năm qua, đã thể hiện là một tôn giáo nội sinh lớn ở Việt Nam, có hệ thống tổ chức chặt chẽ và ảnh hưởng rộng. Ngoài niềm tin tôn giáo, giá trị đạo đức hướng thiện được thể hiện trong hệ thống giáo lý, thì Cao Đài còn có cả học thuyết chứa đựng nhiều yếu tố của phát triển bền vững có giá trị tương đồng với thế giới và Việt Nam. Lấy yếu tố con người làm trung tâm của mọi sự phát triển, gắn với đề cao luân lý đạo đức chính là điểm tương đồng lớn nhất trong quan điểm phát triển bền vững của Hội thánh và Nhà nước.

Về định hướng vận dụng, phát huy các giá trị phù hợp của Cao Đài cần được triển khai trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về đặc điểm tổ chức, sinh hoạt và nhu cầu thực

tế của cộng đồng tín đồ ở từng địa bàn. Chính sách và hoạt động phối hợp cần hướng đến những mục tiêu cụ thể, xác định rõ trách nhiệm của các bên, đồng thời có cách thức theo dõi và đánh giá kết quả phù hợp. Song song với việc khuyến khích những đóng góp tích cực, cần kịp thời nhận diện và xử lý các vấn đề phát sinh theo quy định pháp luật, trên tinh thần đối thoại, minh bạch và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Như vậy, phát huy nguồn lực Cao Đài không phải là tách hoạt động tôn giáo khỏi khuôn khổ quản lý chung, mà là tạo điều kiện để sự tham gia tự nguyện, có trách nhiệm của cộng đồng tôn giáo đóng góp thiết thực hơn vào mục tiêu phát triển bền vững của ĐBSCL.

Để phát huy tích cực, hạn chế tiêu cực của Cao Đài cần đứng trên lập trường phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo với quan điểm cơ bản là khai thác những điểm tương đồng, giá trị, đạo đức, nguồn lực của Cao Đài, đồng thời hạn chế những khác biệt, cản trở. Cần cách tiếp cận mới, yêu cầu nhận diện ảnh hưởng của Cao Đài trong phát triển bền vững ở ĐBSCL phải khách quan, toàn diện, thấy rõ cả những tích cực, giá trị của Cao Đài để phát huy; mặt khác nhận diện rõ những tiêu cực của Cao Đài để có những biện pháp phòng ngừa, khắc phục, từ đó có cách nhìn nhận, ứng xử phù hợp để thúc đẩy Cao Đài tham gia đóng góp vào phát triển bền vững ở ĐBSCL. Bên cạnh đó, việc ban hành và thực thi có hiệu quả chính sách, pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc, tôn giáo, môi trường và an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, nhằm nâng cao trình độ nhận thức, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần tạo đồng thuận giữa chính quyền với Cao Đài và người dân ở ĐBSCL là yếu tố quan trọng để khai thác nguồn lực của Cao Đài cho phát triển ở khu vực này ngày một hiệu quả và bền vững hơn nữa.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Tran Minh Nhat (2024), "The role of CaoDai religion in socio-economic development in southern Viet Nam today", *International scientific conference proceeding: New trends on contemporary religious studies,* University of education publisher, pp. 193-209.
2. Tran Minh Nhat, Nguyen Huu Thu (2024), "Resurses of CaoDaism in socio – economic development in the southern VietNam", *Издательство "Проблемы науки", научно-методический журнал "Вестник науки и образования"* № 7 (150) 4.2. 2024, pp. 31 – 39.
3. Tran Minh Nhat (2025), "Gender concept through doctrine and organization of CaoDaism in VietNam today", *International scientific conference proceeding: Gender in philosophy and culture: Comparative studies*, Hanoi National University Publishing House, pp. 498-509.
4. Tran Minh Nhat, Nguyen Huu Thu, Nguyen Thi Lai (2025), "Ensuring livelihoods in climate change adaptation: CaoDaism and endogenous religions in VietNam's Southwestern region", *International scientific conference proceeding: The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities*, Hanoi National University Publishing House, pp. 310 – 318.
5. Trần Minh Nhật (2025), "Công tác quản lý và phát huy nguồn lực tôn giáo đối với Đạo Cao Đài trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ", *Tạp chí Quản lý nhà nước,* bản điện tử. https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/07/01/cong-tac-quan-ly-va-phat-huy-nguon-luc-ton-giao-doi-voi-dao-cao-dai-trong-phat-trien-ben-vung-vung-nam-bo/

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1990), *Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về vấn đề tín ngưỡng tôn giáo ban hành ngày 16 tháng 10 năm 1990 với những điều chỉnh với Nghị quyết số 40*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25 về công tác tôn giáo*, Hà Nội.
4. Ban Dân vận Tỉnh ủy Bình Phước (2020), *Báo cáo về giáo lý, luật lệ, lễ nghi của đạo Cao Đài*, Bình Phước.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2014),"Văn hóa truyền thống của Đạo Cao Đài", *Đặc san Công tác tôn giáo* (3), tr. 8-14.
6. Ban Tôn giáo Chính phủ (2022), *Cao Đài – gương sáng trong bảo vệ môi trường*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
7. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Giới thiệu đạo Cao Đài ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
8. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
9. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Hoạt động tôn giáo của Cao Đài ở Việt Nam hiện nay*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
10. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Sách trắng Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
11. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Văn kiện Hội nghị Liên giao các Hội thánh và các tổ chức Cao Đài*, Hà Nội.
12. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Tìm hiểu về đạo Cao Đài ở Việt Nam*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

13. Bộ Chính trị (1990), *Nghị quyết số 24-NQ/TW về Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới,* Hà Nội.
14. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,* Hà Nội.
15. Bộ Chính trị (2022), *Hướng dẫn về việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, ngày 16/8/2022, Hà Nội.
16. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Báo cáo về Hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển bền vững đồng bằng Cửu Long,* Hà Nội.
17. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), *Báo cáo về Một số đặc điểm văn hóa của đạo Cao Đài,* Hà Nội.
18. Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại Đạo (2008), *Lịch sử Đạo Cao Đài*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
19. Cơ quan Phổ thông Giáo lý Đại Đạo (2009), *Tìm hiểu tôn giáo Cao Đài*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
20. Nguyễn Bích Châu (2024), "Ba Tri (Bến Tre): Hiệu quả từ mô hình điểm về bảo vệ môi trường trong chức sắc, tín đồ đạo Cao Đài Ban Chỉnh"*, Tạp chí Tài nguyên và Môi trường* (1), tr. 4-9.
21. Chính phủ (1999), *Nghị định số 26/1999/NĐ-CP về các hoạt động tôn giáo*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2005), *Nghị định số 22/2005/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2012), *Nghị định số 92/2012/NĐ-CP về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.
24. Chính phủ (2017), *Nghị định số 162/2017/NĐ-CP về quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.
25. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu,* Hà Nội.

26. Chính phủ (2022), *Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 – 2030,* ngày 21/06/2022, Hà Nội.
27. Chính phủ (2023), *Báo cáo Liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long,* ngày 19/8/2023, Hà Nội.
28. Lê Viết Chương (2023), "Các tôn giáo nội sinh ở đồng bằng sông Cửu Long trong phát triển đất nước"*, Tạp chí Cộng sản* (3), tr. 15-22.
29. Quách Dũng (2020), "Hội Thánh Cao Đài khuyến khích các hoạt động từ thiện, bảo vệ môi trường Xanh – Sạch – Đẹp"*, Tạp chí Môi trường* (1), tr.8-17.
30. Lý Quang Duyệt (2024), "Để phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long"*, Báo Nhân dân* (1), tr. 2-7.
31. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1996), *Tân Luật*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
32. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (1996), *Thánh ngôn hiệp tuyển*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
33. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (2012), *Tân Luật*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Elijah Brown (2017), "Tự do tôn giáo thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội", *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Đối thoại niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội*, Hà Nội.
37. Ngốc Giang (2023), "Chuyện học tập Bác ở họ đạo Cao Đài Chợ Mới"*, Báo An Giang* (2), tr. 9-14.
38. Chu Xuân Giao (2016), "Nữ thần xứ Bắc gia nhập vào tôn giáo mới ở vùng đất Nam Bộ trường hợp Liễu Ngũ Nương trong thần điện Cao Đài", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (6), tr. 35-42.
39. Trần Văn Giàu (1975), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

40. Nguyễn Trung Hậu (1930), *Đại đạo căn nguyên*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
41. Đỗ Lan Hiền (2022), *Bàn về việc phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
42. Đỗ Lan Hiền (2022), "Vai trò tôn giáo trong phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay"*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (2), tr. 19-28.
43. Đỗ Lan Hiền (2024), *Nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam, Lý luận và Thực tiễn*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.
44. Trần Văn Hiếu (2023), "Ấn tượng về đồng bằng sông Cửu Long"*, Tạp chí Tri thức và cuộc sống* (2), tr. 41-49.
45. Phan Văn Hoàng (2001), *Cao Triều Phát – Nghĩa khí Nam Bộ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
46. Hội đồng Bộ trưởng (1991), *Nghị định số 69/HĐBT, Quy định về các hoạt động tôn giáo*, Hà Nội.
47. Nguyễn Văn Hồng (2004), *Bước đầu học đạo (dành cho tân tín đồ Cao Đài)*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
48. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam bộ và một số tôn giáo bản địa*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
49. Lê Ngọc Hùng (2001), *Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
50. Đỗ Quang Hưng (2010), "Tôn giáo cũng là một nguồn lực trí tuệ", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 12-19.
51. Nguyễn Thị Hương (2021), "Cao Đài với công tác chăm sóc người bệnh"*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Tôn giáo với công tác chăm sóc người bệnh*, Hà Nội.
52. Nguyễn Thị Lan Hương (2019), "Các tôn giáo Tây Nam bộ, trong bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu"*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 66-74.
53. Nguyễn Thị Quế Hương (2021), *Tôn giáo với hoạt động từ thiện xã hội ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

54. Nguyễn Thị Quế Hương (2024), *Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

55. Nguyễn Thị Quế Hương, Hoàng Thị Thu Hương, Mai Thùy Anh (2023), "Biến đổi của đạo Cao Đài trong phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay"*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (11), tr. 44-55.

56. Huệ Khải (2011), *Một góc nhìn văn hóa Cao Đài*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.

57. Hồng Liên (2023), "Hội thánh Cao đài Ban Chỉnh đạo tích cực làm từ thiện, nỗ lực hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng cơ chỉnh đạo của Đức Chí Tôn"*, Báo Đại đoàn kết* (3), tr. 6-9.

58. Lê Thị Liên (2017), *Ảnh hưởng của Công giáo trong phát triển bền vững ở Tây Nguyên hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

59. Song Linh (2022), "Hội thánh Cao Đài Mình Chơn Đạo đẩy mạnh các hoạt động Cứu khổ Nhân sanh, Phụng sự Tổ quốc", *Đặc san Công tác Tôn giáo* (2), tr. 29-37.

60. C.Mác và Ăngghen (2002), *Toàn tập,* Tập 19, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

61. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2019), "Đạo Cao Đài: Hòa bình thương yêu muôn loài trong thiên nhiên để đảm bảo cân bằng sinh thái"*, Báo Đại đoàn kết* (5), tr. 21-26.

62. Huệ Minh (1991), *Tìm hiểu đạo Cao Đài qua tám nhận định*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.

63. Phạm Quang Minh (2021), "Đồng bằng sông Cửu Long trong xu thế hội nhập và phát triển"*, Báo Cần Thơ* (6), tr. 11-15.

64. Phạm Văn Nam (2022), *Quản lý Nhà nước đối với hoạt động của đạo Cao Đài ở Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

65. Nguyễn Phúc Nguyên (2022), "Cao Đài nêu cao tinh thần đoàn kết chức sắc, tín đồ đồng hành cùng dân tộc"*, Tạp chí Tổ chức nhà nước* (3), tr. 28-35.

66. Nguyễn Phúc Nguyên (2023), "Thực trạng hoạt động an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo của đạo Cao Đài – những vấn đề đặt ra và đề xuất chủ trương, giải pháp quản lý", *Kỷ yếu hội thảo khoa học*: *Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay: Hiện trạng, biến đổi và gợi ý chính sách,* Hà Nội.

67. Đào Trinh Nhất (1929), "Cái án Cao Đài", *Báo Công Luận* (3), tr. 66-73.

68. Nguyễn Minh Nhân (2022), "Văn hóa của đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế xã hội", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 31-39.

69. Lê Phúc Nhân (2023), "Phát huy giá trị văn hóa Cao Đài trong phát triển bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long", *Đặc san Công tác Tôn giáo* (3), tr. 28-34.

70. Thu Oanh (2022), "Ra mắt mô hình câu lạc bộ tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường", *Báo Kiên Giang* (2), tr. 16-27.

71. Đinh Hồng Phúc (2011), "Giáo lý Cao Đài trong phát triển xã hội", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 44-57.

72. Đinh Hồng Phúc (2019), "Đạo Cao Đài trong phát triển kinh tế - góc nhìn từ giáo lý", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (1), tr. 23-31.

73. Diễm Phương, Hoàng Nam (2023), "Người nguyện góp sức mình làm công quả ở Phước Y viện đến cuối đời", *Báo Sức khỏe và Đời sống* (3), tr. 12-18.

74. Ngọc Phượng (2021), "Tín đồ Cao Đài tại đồng bằng sông Cửu Long chung tay xây dựng quê hương (Bài cuối): Phát huy vai trò của kinh tế hợp tác", *Báo Liên minh hợp tác xã Việt Nam* (3), tr. 17-22.

75. Ngọc Phượng (2021), "Tín đồ Cao Đài tại đồng bằng sông Cửu Long chung tay xây dựng quê hương (Bài 3): Đánh thức tiềm năng du lịch tôn giáo", *Báo Liên minh hợp tác xã Việt Nam* (3), tr.15-21.

76. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật Tín ngưỡng tôn giáo*, Hà Nội.

77. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024), *Luật Đất đai sửa đổi*, Hà Nội.

78. Thượng Thanh Quyền (2019), "Đạo Cao Đài với công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu", *Tạp chí Liên giao Cao Đài* (3), tr. 14-26.

79. Số liệu Khối Liên giao (2020), *Báo cáo của Khối Liên giao Cao Đài từ năm 2009 – 2020*, Bến Tre.
80. Đinh Quang Tiến (2017), "Văn hóa Cao Đài trong đời sống cư dân Nam Bộ", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 31-39.
81. Đinh Quang Tiến (2021), *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
82. Đinh Quang Tiến (2017), *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
83. Nguyễn Mạnh Tiến (2015), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ tổ chức đời sống cộng đồng và những đặc trưng văn hóa*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
84. Nguyễn Mạnh Tiến (2020), "Vấn đề giới trong đạo Cao Đài", *Tạp chí Khoa học Đại học Sài gòn* (3), tr. 22-28.
85. Tòa thánh Tây Ninh (2006), *Pháp Chánh Truyền*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
86. Tòa thánh Tây Ninh (2009), *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
87. Chu Văn Tuấn (2023), "Nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 48-56.
88. Chu Văn Tuấn (2022), "Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng", *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam* (10), tr. 32-40.
89. Băng Thanh (1930), *Cải án Cao Đài*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
90. Nguyễn Long Thành (1996), *Đời sống của người tín đồ Cao Đài*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
91. Phạm Thành (2022), "Quy hoạch, định hướng phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long", *Báo Nhân dân* (3), tr. 14-20.
92. Huỳnh Ngọc Thu (2009), *Đời sống tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài trong bối cảnh văn hóa Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

93. Huỳnh Ngọc Thu (2010), "Tín đồ đạo Cao Đài: Một nguồn lực trong phát triển kinh tế - xã hội Nam Bộ", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (5), tr. 12-19.
94. Huỳnh Ngọc Thu (2017), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ,* Tập 1, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
95. Huỳnh Ngọc Thu (2017), *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ,* Tập 2, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
96. Huỳnh Ngọc Thu (2020), "Giá trị tôn giáo của tín đồ đạo Cao Đài ở Nam Bộ", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (2), tr. 45-54.
97. Huỳnh Ngọc Thu (2022), "Hoạt động từ thiện – Giá trị tôn giáo trong cộng đồng của tín đồ Cao Đài ở đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (6), tr. 28-35.
98. Huỳnh Thị Minh Thu (2022), "Biến động tín ngưỡng tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình phát triển đất nước", *Tạp chí Cộng sản* (3), tr. 26-32.
99. Lệ Thu (2017), "Họ đạo Cao Đài phường 4 Thị xã Gò Công tổ chức Đại hội Nhơn sanh cấp cơ sở năm Đinh Dậu 2017", *Báo Tiền Giang* (3), tr. 17-29.
100. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Chỉ thị số 1940/CT-TTg ngày 31/12/2008 về nhà, đất liên quan đến tôn giáo,* Hà Nội.
101. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 622/QĐ-TTg về Kế hoạch quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự đến năm 2030 vì sự phát triển bền vững bao gồm: về kinh tế - xã hội - tài nguyên và môi trường*, Hà Nội.
102. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Quyết định số 721/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia vì sự phát triển bền vững*, Hà Nội.
103. Huỳnh Thị Phương Trang (2008), *Đạo Cao Đài hiện nay và ảnh hưởng của nó đến đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt ở Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
104. Trương Văn Tràng (1970), *Đại đạo giáo lý*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.

105. Nguyễn Công Trí (2019), "Đạo Cao Đài trong xã hội Việt Nam hiện đại – Giá trị văn hóa và thách thức", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (6), tr. 22-32.
106. Tiến Trình (2013), "Chuyên đề: Phòng khám 5 tôn giáo", *Báo Thanh Niên* (5), tr. 8-17.
107. Lê Văn Trung (1964), *Phương châm hành đạo*, NXB Tòa thánh Tây Ninh, Tây Ninh.
108. Nguyễn Văn Trung (2015), *Hồ sơ về Lục châu học - Tìm hiểu con người ở vùng đất mới*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
109. Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (2020), *Báo cáo Hiệu quả mô hình - Xóm đạo tự quản trong họ đạo Cao Đài thị trấn Đại Ngãi,* Sóc Trăng.
110. Uỷ ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*, Hà Nội.
111. Đặng Nghiêm Vạn (1995), *Bước đầu tìm hiểu về đạo Cao Đài*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
112. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2022), *Tài liệu Tôn giáo với các hoạt động y tế và giáo dục ở Việt Nam*, Hà Nội.
113. Đoàn Việt (2023), "Đại hội Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh Đạo lần thứ VI (nhiệm kỳ 2022-2027)", *Báo Bến Tre* (3), tr. 18-24.
114. Nguyễn Thanh Xuân (2004), *Quá trình ra đời phát triển của đạo Cao Đài từ năm 1926 đến năm 1975*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
115. Nguyễn Thanh Xuân (2011), *Biến đổi Cao Đài trong văn hóa Nam Bộ hiện nay*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
116. Nguyễn Thanh Xuân (2011), "Giá trị Văn hóa Đạo Cao Đài", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr. 33-43.
117. Nguyễn Thanh Xuân (2013), "Tìm hiểu kinh sách, báo chí của đạo Cao Đài", *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (2), tr. 12-24.
118. Nguyễn Thanh Xuân (2015), "*Đạo Cao Đài hai khía cạnh: Lịch sử và Tôn giáo*", NXB Tôn giáo, Hà Nội.

Tiếng Anh

119. Georges Coulet (1929), *Cultes et religions de l'Indochine annamite*, Imprimerie Commerciale C. Ardin, Saigon.
120. Germanwatch (2009), *Global Climate Risk Index 2010*, Germanwatch, Bonn.
121. Gohron (1950), *Histoire du Caodaime*, Gia Long 112, Saigon.
122. Thien Ninh Huong (2011), "God Needs a Passport: The Struggle of Vietnamese Caodaists in Cambodia for Religious and Ethnic Recognition Across National Borders"*, Encounters*, Vol 21 (4), pp. 66-78.
123. International Union for Conservation of Nature and Natural Resources (1986), *Report on Ethical Issues in Development,* Côlombô, Sri Lanka.
124. Jeffrey Haynes (2007), *Religion and Development: Conflict or Cooperation?,* Palgrave Macmillan, London.
125. Jeremy Jammes (2014), "Caodaism and its global networks: An Ethnological Analysis of a Vietnamese Religious Movement in Vietnam and abroad"*, Moussons*, Vol 18 (2), pp. 13-14.
126. Libereria Editrice Vaticana (2011), *Compendium of the Social Doctrine of the Church*, Catholic Church, Vatican.
127. Munro David (1995), *Sustainability Must Be the Primary Standard for Assessing Development,* Royal Scottish Geographical Society, United Kingdom.
128. Ralph Bernard Smith (1970), "An introduction to Caodaism"*, Bulletin of the School of Oriental and African studies*, Vol 33 (2), pp. 335-349.
129. Rita Sherma and Purushottama Bilimoria (2022), "Religion and Sustainability: Interreligious Resource: Interdisciplinary Responses"*, Springer Nature,* Vol 19 (2), pp. 71-83.
130. Rogall (2009), *Sustainability means maintaining a balanced and harmonious combination across the three pillars of development: economic, social, and environmental,* Berlin School of Economics and Law, Berlin.

131. Sang Teak Lee (1996), *Religion and Social Formation in Korea: Minjung and Millenarianism*, Mouton de Gruyter, Berlin.
132. Sergei Blagov (1991), *The Caodai: A new religious movement*, PhD dissertation at the Institute of Ethnography, Academy of Sciences of the USSR, USSR.
133. Sergei Blagov (2001), *Caodaism: Vietnamese traditionalism and its leap into modernity*, Nova Science Publishers, New York.
134. Smith (1997), *Discussion on climate and the impact of climate change on human development,* International Conference on Climate Change, Tokyo, Japan.
135. United Nations (1992), *Report of the United Nations Conference on Environment and Development (Rio de Janeiro, 3-14 June 1992)*, Rio de Janeiro, Braxin.
136. United Nations (1993), *Approaches to resolving three major global issues for sustainable development*, Copenhagen, Denmark.
137. United Nations (2002), *Report of the World Summit on Sustainable Development (Johannesburg, South Africa, 26 August-4 September 2002),* Johannesburg, Republic of South Africa.
138. Vilmont, Lalaurette (1933), *Le Caodaisme*, Report by Vilmont, Provincial Administrator of Tây Ninh, and Lalaurette, Political and Administrative Inspector of Cochinchina, Tay Ninh.
139. Werner Jayne Susan (1981), *The Caodai: The politics of a Vietnamese syncretic religious movement*, PhD dissertation at Yale University, New Haven.
140. World Bank (2006), *The Concept of Sustainable Development,* World Bank Publications, Washington, D.C.
141. World Commission on Environment and Development (1987), *Our common future*, Oxford University Press, Oxford.
142. World Commission on Environment and Development (1989), *Report on Sustainable Development,* Oxford University Press, Oxford.

Website:

143. Hội thánh truyền giáo Cao Đài (2023), "Lập trường của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài", https://hoithanhtruyengiaocaodai.com/lap-truong-cua-hoi-thanh-truyen-giao-cao-dai/, truy cập 10/04/2023.
144. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2022), "Phát huy nguồn lực của các tôn giáo tham gia các hoạt động an sinh, xã hội", https://m.mattran.org.vn/hoat-dong/phat-huy-nguon-luc-cua-cac-ton-giao-tham-gia-cac-hoat-dong-an-sinh-xa-hoi-46598.html, truy cập 16/09/2022.
145. Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh (2017), "Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh: Đại hội nhiệm kỳ 2017-2022", https://mattrantoquoc.tayninh.gov.vn/vi/news/tin-noi-bat/h-i-th-nh-cao--i-t-a-th-nh-t-y-ninh--i-h-i-nhi-m-k-2017-2022-8574.html, truy cập 13/12/2017.
146. Tạp chí Liên giao Cao Đài (2014), "Tinh thần phụng sự cộng đồng của đạo Cao Đài", http://www.tapchiliengiaocaodai.org.vn/bai-viet/tham-luan-nghien-cuu/tinh-than-phung-su-cong-dong, truy cập 08/10/2014.
147. Tạp chí Liên giao Cao Đài (2018), "Những đặc điểm của đại đạo Tam Kỳ Phổ Độ phần 2", http://www.tapchiliengiaocaodai.org.vn/bai-viet/tham-luan-nghien-cuu/bai-nhung-dac-diem-cua-dai-dao-tkpd-phan-2, truy cập 12/11/2018

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Đánh giá về sự chỉ bảo của chức sắc, chức việc đối với tín đồ

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất		
		Có	***Không***	***Không trả lời***
1	Cần cù lao động, phát triển kinh tế	272 (95,43%)	8 (2,80%)	5 (1,75%)
2	Bảo vệ môi trường, tôn tạo cảnh quan	264 (92,63%)	13 (4,56%)	8 (2,80%)
3	Tham gia các hoạt động ở địa phương do chính quyền tổ chức như thể thao, văn hóa	261 (91,57%)	14 (4,91%)	10 (3,50%)
4	Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, và pháp luật của Nhà nước	278 (97,54%)	2 (0,70%)	5 (1,75%)
5	Có tinh thần gúp đỡ cộng đồng, thôn xóm	265 (92,98%)	15 (5,26%)	5 (1,75%)
6	Không bị xúi giục của kẻ xấu để hoạt động vi phạm pháp luật	266 (93,33%)	13 (4,56%)	6 (2,10%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.2. Mức độ về sự giúp đỡ của chức sắc, chức việc đối với tín đồ

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất			
		Thường xuyên	***Thỉnh thoảng***	***Không được***	***Không trả lời***
1	Giúp đỡ nguồn vốn sản xuất	30 (10,52%)	70 (24,56%)	125 (43,85%)	60 (21,05%)
2	Giúp đỡ tìm đầu ra cho sản phẩm gia đình làm ra	25 (8,77%)	86 (30,17%)	131 (45,96%)	43 (15,08%)
3	Hỗ trợ kỹ thuật, giống cây trồng và vật nuôi	33 (11,57%)	83 (29,12%)	129 (45,26%)	40 (14,03%)
4	Hỗ trợ kinh phí học tập cho các con của các tín đồ	34 (11,92%)	106 (37,19%)	115 (40,35%)	30 (10,52%)
5	Giúp đỡ thuốc men, tiền chữa bệnh	31 (10,87%)	91 (31,92%)	127 (44,56%)	36 (12,63%)
6	Giúp đào tạo dạy nghề	29 (10,17%)	88 (30,87%)	104 (36,49%)	64 (22,45%)
7	Gúp tạo việc làm ổn định	30 (10,52%)	72 (25,26%)	129 (45,26%)	54 (18,94%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.3. Lý do theo đạo của tín đồ

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Các vấn đề	Thứ tự (1,2,3...)				
		1	**2**	**3**	**4**	**5**
1	Niềm tin vào đấng thiêng liêng	165	40	42	15	23
2	Vì cuộc sống còn nhiều khó khăn, bế tắc	20	75	88	52	50
3	Vì được giúp đỡ, chia sẻ từ các chức sắc và các tín đồ Cao Đài	42	38	103	62	40
4	Vì được tham gia sinh hoạt tôn giáo	19	27	25	80	134
5	Vì truyền thống gia đình theo đạo	120	65	23	37	40
6	Lý do khác:.....					

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.4. Hoạt động kinh tế, xã hội của tín đồ ở địa phương

(trên 98 phiếu thu về giành cho cán bộ)

TT	Nội dung	Tần suất			
		Tốt	***Chưa tốt***	***Không biết***	***Không trả lời***
1	Cần cù lao động, phát triển kinh tế	80 (81,63%)	12 (12,24%)	4 (4,08%)	2 (2,04%)
2	Tham gia bảo vệ môi trường	52 (53,06%)	29 (29,59%)	10 (10,20%)	7 (7,14%)
3	Quan tâm, chia sẽ với cộng đồng	65 (66,32%)	23 (23,46%)	5 (5,10%)	5 (5,10%)
4	Chấp hành chính sách, pháp luật	69 (70,40%)	22 (22,44%)	5 (5,10%)	2 (2,04%)
5	Giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội	78 (79,59%)	13 (13,26%)	2 (2,04%)	5 (5,10%)
6	Đoàn kết với cộng đồng sinh sống và các tôn giáo khác	71 (72,44%)	24 (24,48%)	2 (2,06%)	1 (1,02%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.5. Mức độ đời sống của tín đồ ở địa phương

(trên 94 phiếu thu về giành cho chức sắc, chức việc)

TT	Nội dung	Tần suất		
		Tốt hơn	***Kém hơn***	***Không thay đổi***
1	Về kinh tế	71 (75,53%)	8 (8,52%)	15 (15,95%)
2	Trình độ văn hóa	74 (78,72%)	6 (6,38%)	14 (14,89%)
3	Sức khỏe	52 (55,31%)	17 (18,08%)	25 (26,59%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.6. Đánh giá về phương tiện tiếp cận các chủ trương, chính sách, pháp luật trong vấn đề tôn giáo của tín đồ ở địa phương

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất
1	Báo chí, Sách, Internet	188 (65,96%)
2	Các hội nghị tuyên truyền, phổ biến của chính quyền địa phương	195 (68,42%)
3	Truyền hình, đài phát thanh	235 (82,45%)
4	Tự tìm hiểu	97 (34,03%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.7. Đánh giá tín đồ tham gia các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất
1	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	12 (4,21%)
2	Hội đồng nhân dân các cấp	5 (1,75%)
3	Hội người cao tuổi	30 (10,52%)
4	Hội phụ nữ	25 (8,77%)
5	Hội chữ thập đỏ	44 (14,43%)
6	Đoàn thanh niên	28 (9,82%)
7	Hội nông dân	38 (13,33%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.8. Tín đồ tham gia các hoạt động ở địa phương

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất			
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện	Không trả lời
1	Bảo vệ môi trường, cảnh quan	70 (24,56%)	135 (47,36%)	35 (12,28%)	45 (15,78%)
2	Chia sẽ, giúp đỡ mọi người	117 (41,05%)	121 (42,45%)	19 (6,66%)	28 (9,82%)
3	Chấp hành chính sách, pháp luật nhà nước	215 (75,43%)	22 (7,71%)	33 (11,57%)	15 (5,26%)
4	Hổ trợ người bệnh, người có hoàn cảnh khó khăn	112 (39,29%)	118 (41,40%)	22 (7,71%)	33 (11,57%)
5	Giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội	127 (44,56%)	109 (38,24%)	29 (10,17%)	20 (7,01%)
6	Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao	68 (23,85%)	125 (43,85%)	43 (15,08%)	49 (17,19%)
7	Tham dự lễ hội, sự kiện của các tôn giáo khác	45 (15,78%)	106 (37,19%)	110 (38,59%)	24 (8,42%)
8	Hòa giải những bất đồng trong các gia đình, cộng đồng	71 (24,91%)	158 (55,43%)	40 (14,03)	16 (5,61%)

Bảng 3.9. Đánh giá tín đồ Cao Đài tham gia hoạt động do chính quyền tổ chức

(trên 98 phiếu thu về giành cho cán bộ)

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không tham gia	Không trả lời
1	Tham gia sinh hoạt của các tổ chức Đoàn, Hội quần chúng	43 (43,87%)	45 (45,91%)	6 (6,12%)	4 (4,08%)
2	Tham gia văn hóa, thể thao	42 (42,85%)	50 (51,02%)	3 (3,06%)	3 (3,06%)
3	Tham dự buổi họp làng, xóm	66 (67,34%)	21 (21,42%)	5 (5,10%)	6 (6,12%)
4	Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo	57 (58,16%)	33 (33,67%)	6 (6,12%)	2 (2,04%)
5	Tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh làng, xã	61 (62,24%)	33 (33,67%)	3 (3,06%)	1 (1,02%)

Bảng 3.10. Mức độ tham gia các sinh hoạt tôn giáo của tín đồ Cao Đài hiện nay

(trên 285 phiếu thu về giành cho tín đồ)

TT	Nội dung	Tần suất			
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không tham gia	Không trả lời
1	Tham dự khóa lễ hàng ngày	107 (37,54%)	133 (46,66%)	27 (9,47%)	18 (6,31%)
2	Tham dự khóa lễ mỗi tháng	208 (72,98%)	54 (18,94%)	15 (5,26%)	8 (2,80%)
3	Sinh hoạt trong các họ đạo, Ban trị sự, Ban Cai quản	88 (30,87%)	115 (40,35)	48 (16,84%)	34 (11,92%)
4	Đọc Kinh tại gia	89 (31,22%)	135 (47,36%)	40 (14,03%)	21 (7,36%)

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

Bảng 3.11. Nguyên nhân cản trở tín đồ Cao Đài phát triển kinh tế, xã hội

TT	Nguyên nhân	Thứ tự ưu tiên (1,2,3...)								
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**
1	Hệ thống luật pháp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo thiếu và chưa đồng bộ	66	31	27	29	35	27	25	27	18
2	Công tác tuyên truyền chủ trương chính sách, pháp luật cho chức sắc, tín đồ chưa hiệu quả	29	20	41	38	30	44	28	32	23
3	Nhận thức của một số cán bộ về Cao Đài còn chưa đúng, chưa xem Cao Đài là nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội	45	52	30	54	21	40	19	13	11
4	Công tác vận động chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài còn nhiều bất cập	22	60	52	20	49	28	21	18	15
5	Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo yếu, thiếu và không ổn định	48	30	33	22	39	33	29	27	24
6	Nhận thức, trình độ của tín đồ Cao Đài còn thấp	53	19	24	30	40	27	69	8	15
7	Tư tưởng ỷ lại, trông chờ giúp đỡ của chính quyền và hội thánh.	20	13	40	62	11	65	25	31	18
8	Dành nhiều thời gian cho các hoạt động sinh hoạt tôn giáo	65	35	10	31	40	35	20	33	16
9	Chức sắc, chức việc Cao Đài không ủng hộ	30	25	15	29	39	25	30	40	52

Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát năm 2025

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU KHẢO SÁT

Đánh giá Cao Đài đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

(Dành cho cán bộ làm công tác tôn giáo)

Để có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của Cao Đài đối với phát triển bền vững ở ĐBSCL, trân trọng đề nghị đ/c trả lời một số câu hỏi sau *(đánh dấu **X** vào ô vuông đồng ý)*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Dân tộc: Kinh ☐ Dân tộc ít người ☐

3. Độ tuổi: Dưới 30 ☐ Từ 30 - 45 ☐ Từ 45 - 60 ☐

4. Trình độ học vấn:

PTTH ☐ Trung cấp ☐

Cao đẳng ☐ Đại học ☐

Thạc sĩ ☐ Tiến sĩ ☐

5. Đồng chí đang công tác ở ngành nào dưới đây:

TT	Tên ngành công tác	
1	Tôn giáo	
3	Dân vận	
4	Công an	
5	Mặt trận Tổ quốc	
6	Tổ chức CT-XH	
7	Dân tộc	

II. NỘI DUNG

1. Theo Đồng chí tín đồ Cao Đài thực hiện các hoạt động dưới đây ở địa phương như thế nào ?

TT	Nội dung	Tốt	Chưa tốt	Không biết
1	Cần cù lao động, phát triển kinh tế			
2	Tham gia bảo vệ môi trường			
3	Quan tâm, chia sẽ với cộng đồng			
4	Chấp hành chính sách, pháp luật			
5	Giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội			
6	Đoàn kết với cộng đồng sinh sống			

2. Đồng chí nhận thấy tín đồ Cao Đài ở địa phương tham gia các hoạt động do chính quyền tổ chức dưới đây thế nào ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không tham gia
1	Tham gia sinh hoạt của các tổ chức Đoàn, Hội quần chúng			
3	Tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao			
4	Tham dự các buổi họp làng, xã hoặc tổ dân phố			
5	Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo			
6	Tham gia các hoạt động: bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống mới			

3. Theo đồng chí chức sắc, chức việc Cao Đài quan tâm giúp đỡ tín đồ thế nào trong các hoạt động sau?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không giúp
1	Giúp đỡ vốn sản xuất			
3	Giúp tìm đầu ra cho sản phẩm do gia đình làm ra			
4	Hỗ trợ kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi			
5	Hỗ trợ kinh phí học tập cho các con của tín đồ			
6	Giúp đỡ thuốc men, tiền chữa bệnh			
7	Giúp đào tạo nghề			
8	Tạo việc làm ổn định			
9	Hoạt động khác:			

4. Đồng chí cho biết:

- Công tác phát triển Đảng viên là tín đồ Cao Đài ở địa phương thế nào ?

  Khó ☐ Bình thường ☐ Không biết ☐

- Chất lượng sinh hoạt Đảng của tín đồ Cao Đài thế nào ?

  Tốt ☐ Bình thường ☐ Chưa tốt ☐

5. Theo đồng chí nguyên nhân nào cản trở tín đồ Cao Đài trong phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương *(xin xếp theo thứ tự ưu tiên: số 01 ưu tiên nhất, tiếp theo là 2, 3…)*

TT	Nguyên nhân	Thứ tự (1,2,3...)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hệ thống luật pháp liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo thiếu và chưa đồng bộ									
2	Công tác tuyên truyền chủ trương chính sách, pháp luật cho chức sắc, tín đồ Cao Đài chưa hiệu quả									
3	Nhận thức của một số cán bộ về Cao Đài còn chưa đúng, chưa xem Cao Đài là nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội									
4	Công tác vận động chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài còn nhiều bất cập									
5	Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo yếu, thiếu và không ổn định									
6	Nhận thức và trình độ của tín đồ còn thấp									
7	Tư tưởng ỷ lại, trông chờ giúp đỡ của chính quyền và hội thánh									
8	Dành nhiều thời gian cho các hoạt động sinh hoạt tôn giáo									
9	Chức sắc Cao Đài không ủng hộ									
10	Nguyên nhân khác:									

6. Theo đồng chí cần làm những gì để phát huy vai trò của tín đồ Cao Đài trong phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương *(xin xếp theo thứ tự ưu tiên: số 01 ưu tiên nhất, tiếp theo là 2, 3…) ?*

TT	Những vấn đề quan tâm	Thứ tự (1,2,3...)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Phát triển kinh tế, văn hóa cho tín đồ									
2	Các quy định pháp luật về tôn giáo cần đồng bộ và thiết thực									
3	Tham gia tốt các chính sách liên quan đến tôn giáo									
4	Thực hiện tốt sinh hoạt tôn giáo cho tín đồ, chức sắc Cao Đài									
5	Xem Cao Đài là một nguồn lực phát triển đất nước									
6	Thực hiện tốt công tác dân vận trong tín đồ Cao Đài để phát triển bền vững									
7	Quy định xử phạt những hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật									
8	Nâng cao trình độ và chất lượng cán bộ làm công tác tôn giáo									
9	Loại bỏ các hoạt động lợi dụng tôn giáo									
10	Vấn đề khác:									

Xin cảm ơn Đồng chí !

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT

Đánh giá của Cao Đài đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

(Dành cho tín đồ Cao Đài)

Để có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của Cao Đài đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long, trân trọng đề nghị Ông, Bà vui lòng trả lời một số câu hỏi sau *(đánh dấu **X** vào ô vuông đồng ý)*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Dân tộc: Kinh ☐ Thiểu số ☐

3. Tuổi:

Dưới 30 ☐ Từ 30 - 45 ☐

Từ 45 - 60 ☐ Trên 60 ☐

4. Trình độ học vấn:

Không biết chữ ☐ Phổ thông tiểu học ☐

Trung học cơ sở ☐ Phổ thông trung học ☐

Trung cấp ☐ Cao đẳng ☐

Đại học ☐ Sau Đại học ☐

II. NỘI DUNG

1. Ông, Bà theo đạo Cao Đài vì lý do nào sau đây *(xếp thứ tự ưu tiên: Số 1 là ưu tiên nhất, tiếp đến là 2, 3...)*

TT	Các vấn đề quan tâm	Thứ tự (1,2,3...)				
		1	2	3	4	5
1	Niềm tin vào đấng thiêng liêng					
2	Vì cuộc sống còn nhiều khó khăn, bế tắt					
3	Vì được sự giúp đỡ từ chức sắc, chức việc và tín đồ trong đạo Cao Đài					
4	Vì được tham gia sinh hoạt tôn giáo					
5	Vì truyền thống theo đạo của gia đình					
6	Lý do khác:					

Ông, Bà tham gia các sinh hoạt tôn giáo dưới đây thế nào ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không tham gia
1	Tham dự khóa lễ hàng ngày			
2	Tham dự khóa lễ hàng tháng			
3	Sinh hoạt trong các họ đạo, Ban trị sự, Ban cai quản			
4	Đọc Kinh tại gia đình			

2. Khi gặp khó khăn, bế tắc trong cuộc sống, Ông, Bà tìm đến những ai dưới đây để nhờ giúp đỡ hay khuyên bảo ?

- Các chức sắc, chức việc ☐
- Người thân, bạn bè ☐
- Cán bộ, chính quyền ☐
- Tín đồ họ đạo ☐

4. Ông, Bà nhận được sự trợ giúp từ các chức sắc, chức việc trong các hoạt động sau thế nào ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không được
1	Giúp đỡ vốn sản xuất			
3	Giúp tìm đầu ra cho sản phẩm do gia đình làm ra			
4	Hỗ trợ kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi			
5	Hỗ trợ kinh phí học tập cho con của các Ông, Bà			
6	Giúp đỡ thuốc men, tiền chữa bệnh			
7	Giúp đào tạo nghề			
8	Tạo việc làm ổn định			

5. Ông, Bà đã thực hiện các hoạt động sau ở địa phương thế nào ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh sống			
3	Xây dựng thôn , xóm văn minh			
4	Chấp hành pháp luật			
5	Giúp đỡ người nghèo, người bệnh			
6	Giữ gìn an ninh trật tự địa phương			
7	Tham gia các hoạt động ở địa phương do chính quyền tổ chức			
8	Tham dự lễ hội của các tôn giáo khác			
9	Hòa giải những bất đồng			

6. Ông, Bà có được các chức sắc, chức việc khuyên bảo các hoạt động sau ?

TT	Nội dung	Có	Không
1	Cần cù lao động, phát triển kinh tế		
2	Bảo vệ môi trường, tôn tạo cảnh quan		
3	Tham gia hoạt động ở địa phương do chính quyền tổ chức		
4	Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước		
5	Xây dựng thôn xóm văn minh		
6	Không bị xúi giục của kẻ xấu		

Xin cảm ơn Ông, Bà !

Phụ lục 3

PHIẾU KHẢO SÁT

Đánh giá Cao Đài đối với phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

(Dành cho chức sắc, chức việc Cao Đài)

Để có cơ sở đánh giá ảnh hưởng của Cao Đài đối với quá trình phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long, trân trọng đề nghị Quý vị trả lời một số câu hỏi sau *(đánh dấu **X** vào ô vuông đồng ý)*

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

2. Dân tộc: Kinh ☐ Thiểu số ☐

3. Tuổi:

Dưới 30 ☐ Từ 30 - 45 ☐

Từ 45 - 60 ☐ Trên 60 ☐

4. Trình độ học vấn:

Phổ thông trung học ☐ Trung cấp ☐

Cao đẳng ☐ Đại học ☐

Sau Đại học ☐

5. Nơi đào tạo:

Trong nước ☐ Nước ngoài ☐

II. NỘI DUNG

1. Quý vị nhận thấy đời sống của tín đồ Cao Đài ở địa phương hiện nay thế nào ?

TT	Nội dung	Tốt hơn	Kém hơn	Không thay đổi
1	Đời sống kinh tế			
2	Trình độ văn hóa			
3	Sức khỏe			

2.Quý vị đánh giá thế nào về mức độ tham gia các sinh hoạt tôn giáo dưới đây của tín đồ Cao Đài hiện nay ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không thực hiện
1	Tham dự khóa lễ hàng ngày			
2	Thực hiện các sinh hoạt tôn giáo			
3	Sinh hoạt trong các Ban trị sự, Ban cai quản			
4	Đọc Kinh tại gia đình			
5	Thực hiện lời khuyên dạy của chức sắc chức việc			

3. Quý vị quan tâm khuyên bảo tín đồ thực hiện các hoạt động sau ở địa phương thế nào *(xếp thứ tự ưu tiên: Số 1 là ưu tiên nhất, tiếp đến là 2, 3...) ?*

TT	Các nội dung quan tâm	Thứ tự (1,2,3...)						
		1	2	3	4	5	6	7
1	Tích cực bảo vệ môi trường							
2	Xây dựng thôn xóm văn minh							
3	Chấp hành pháp luật							
4	Giúp đỡ người nghèo							
5	Giữ gìn an ninh trật tự							
6	Tham gia sinh hoạt tôn giáo khác							
7	Hưởng ứng hoạt động văn hóa, thể thao ở địa phương							
8	Nội dung khác:.....							

4. Quý vị hỗ trợ tín đồ trong các hoạt động sau như thế nào ?

TT	Nội dung	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không hỗ trợ
1	Giúp đỡ vốn sản xuất			
3	Tìm đầu ra cho sản phẩm			
4	Hỗ trợ kỹ thuật			
5	Giúp đỡ học sinh khó khăn			
6	Thăm, khám bệnh đối với người nghèo			
7	Hỗ trợ đào tạo nghề			
8	Giúp đỡ tìm kiếm việc làm cho tín đồ			
9	Hòa giải mưu thuẫn			

5.Để phát huy ảnh hưởng của Hội thánh Cao Đài trong phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long, Hội thánh cần phải làm gì *(xếp thứ tự ưu tiên)*

TT	Các nội dung quan tâm	Thứ tự (1,2,3...)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tham gia phát triển Hội thánh đồng thuận với xã hội								
2	Bảo tồn văn hóa dân tộc								
3	Chấp hành tốt chính sách phát luật								
4	Nâng cao trình độ trong phát triển kinh tế, văn hóa								
5	Tham gia bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức								
6	Đối thoại với chính quyền để giải quyết vấn đề phát sinh								
7	Thực hiện từ thiện xã hội								

Xin cảm ơn Quý vị

Phụ lục 4

MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN

1. Tòa Thánh Tây Ninh - Công trình kiến trúc tôn giáo tiêu biểu Cao Đài



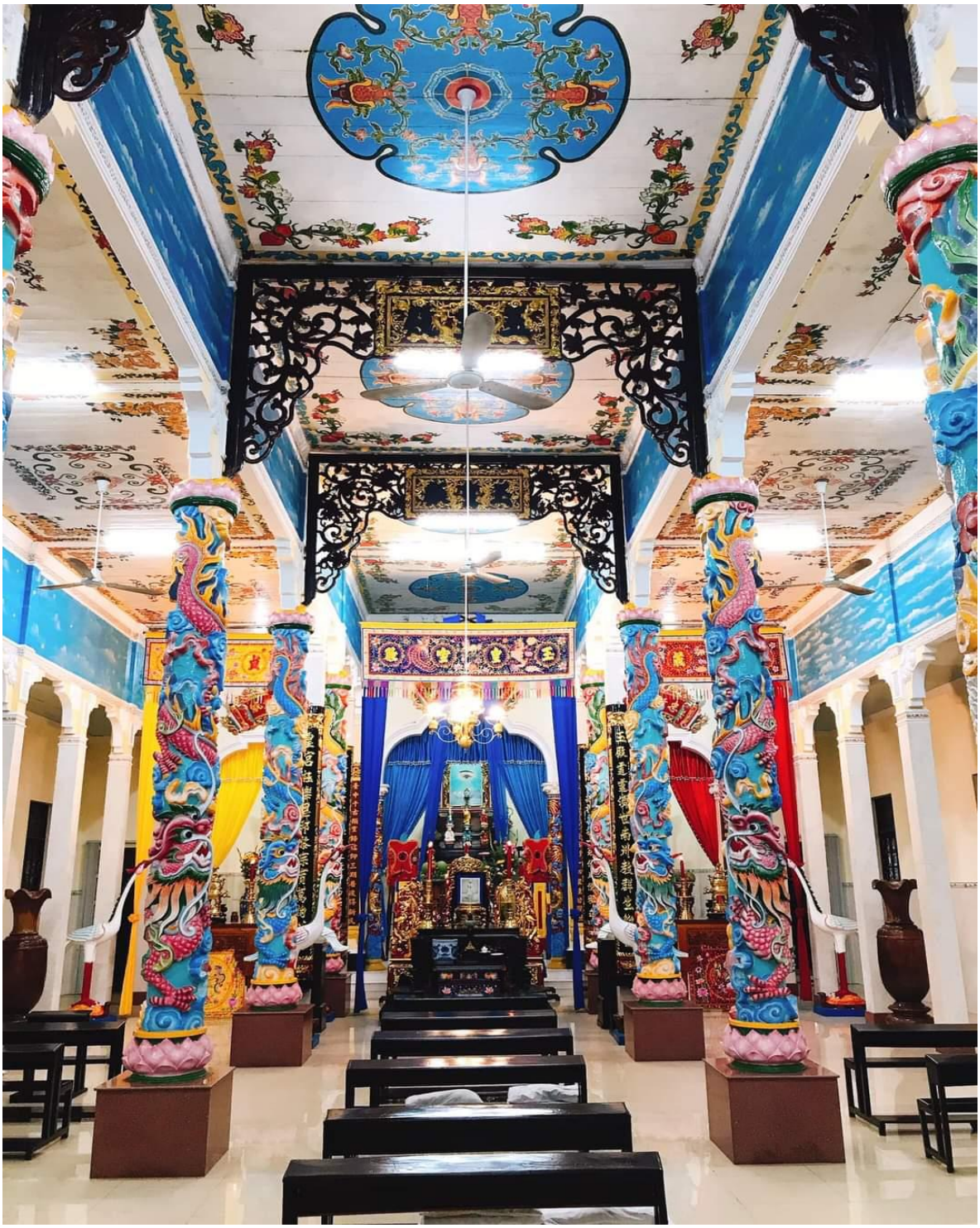
[Nguồn: Trần Minh Nhật chụp tại tòa thánh Tây Ninh 18/10/2024]

2. Quang cảnh sinh hoạt tôn giáo tại Tòa Thánh Tây Ninh



[Nguồn: Trần Minh Nhật chụp tại tòa thánh Tây Ninh 18/10/2024]

3. Chánh điện Tòa Thánh Bến Tre - Cao Đài Ban Chỉnh Đạo



[Nguồn: Trần Minh Nhật chụp tại tòa thánh Bến Tre 14/08/2024]

4. Bàn thờ các đấng thiêng liêng trong Cao Đài



[Nguồn: Trần Minh Nhật chụp tại tòa thánh Bến Tre 14/08/2024]

5. *Các hợp tác xã, tổ hợp tác có thành viên là tín đồ Cao Đài tích cực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao*



[Nguồn: Tác giả tổng hợp - tín đồ họ đạo Cao Đài Tiên Thiên phát triển sản xuất kinh tế trồng hoa kiểng tại Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp 16/08/2024]



[Nguồn: Tác giả tổng hợp - tín đồ họ đạo Cao Đài Minh Chơn Đạo thu hoạch lúa trên cánh đồng mẫu lớn tại Phước Long, tỉnh Cà Mau 12/04/2024]

6. *Các tổ chức Hội thánh và tín đồ Cao Đài tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, nhân đạo xã hội*



[Nguồn: Trần Minh Nhật - Chức sắc và tín đồ Cao Đài Ban Chỉnh Đạo phát quà từ thiện cho người dân tại Giồng Trôm, tỉnh Vĩnh Long 15/08/2024]



[Nguồn: Trần Minh Nhật- Họ đạo Cao Đài Bạch y thăm khám sức khỏe cho người dân tại Hòn Đất, tỉnh An Giang 25/05/2024]

7. *Cao Đài chung tay bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu*



[Nguồn: Trần Minh Nhật - Chức sắc và tín đồ Cao Đài Minh Chơn Đạo tham gia làm vệ sinh, phát quang cây cối tại Thới Bình, tỉnh Cà Mau 17/05/2024]



[Nguồn: Tác giả tổng hợp - Họ đạo Cao Đài Tiên Thiên xây dựng nhiều bể trữ nước ngọt dự phòng khi hạn, mặn tại Ba Tri, tỉnh Vĩnh Long 26/07/2024]

8. Cao Đài tích cực bảo vệ an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội



[Nguồn: Tác giả tổng hợp - Ban Dân Vận tỉnh ủy Bến Tre khảo sát mô hình "Họ đạo Cao Đài liên giao tự quản về an ninh, trật tự xã hội" tại Bình Đại, tỉnh Vĩnh Long 13/11/2024]



[Nguồn: Tác giả tổng hợp - Tổng bí thư Tô Lâm gặp mặt chức sắc tôn giáo các hệ phái Cao Đài tại Phủ Chủ tịch, Hà Nội ngày 13/6/2024]